

庚子

Asia Art
++
AP
75
v6
T877
1953



XUÂN CANH TÝ

Tự Do

NHÀ UỐN TÓC



MỸ LẠC CUNG

261 B
Hai Bà Trưng
SAIGON

Xin trân trọng cảm tạ tất cả Quý Bà Quý Cô đã tới uốn tóc và làm đầu tại hiệu chúng tôi.

Nhân dịp Đầu Xuân chúng tôi toàn thể chủ và thợ gửi lời kính chúc Quý Bà và Quý Cô một năm đầy Hạnh Phúc và vui tươi.

Nhân dịp này tôi xin Quý Bà và Quý Cô cũng lưu ý cho chúng tôi mấy lời dưới đây : Tôi tên là YEN - OU - TSOI Chủ phòng uốn tóc lấy hiệu « MỸ LẠC CUNG » luôn luôn ở chỗ cũ, và chỉ có một phòng uốn tóc MỸ LẠC CUNG tại địa chỉ trên đây mà thôi, chớ không có mở chi nhánh nơi nào khác cả.

Và chúng tôi đang nhờ Trạng Sư truy tố trước pháp đình kẻ đã ngoan cố lạm dụng bản hiệu MỸ LẠC CUNG.

KÍNH CHÚC — MỸ-LẠC-CUNG
Nhà uốn tóc danh tiếng SAIGON

MỘT ĐỀ NGHỊ VỀ VIỆC THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC:

TỔ CHỨC « KHU PHI CHIẾN BẾN HAI » THÀNH MỘT « THỊ XÃ TỰ DO »

Nhật Báo TỰ DO

TRÂN TRỌNG CHÚC QUÍ VỊ ĐỘC GIẢ
THÂN MẾN MỘT NĂM MỚI HẠNH
PHÚC VÀ THẮNG LỢI.



VIỆT NAM là một nước thống nhất.

Đó là một sự thực hiển nhiên đã được lịch sử nước nhà thử thách. Đó là một tín điều văn ghi, tác trọng tâm khảm toàn dân ta, những người ở bên này hay ở bên kia sông Bến Hai cũng như những người vì lý do này hoặc lý do khác đang sống ở ngoại quốc, ngoại trừ một thiểu số muốn duy trì tình trạng hiện thời vì quyền lợi bề phái. Đó cũng là một điều cần bản đã từng được ghi chép rõ ràng nơi khoản một trong Hiến Pháp 1956: « Việt Nam là một nước Cộng hòa, độc lập, thống nhất, lãnh thổ bất khả phân ».

Cho nên, mặc dù hiện trạng phân chia thực tế, tạm thời và giả tạo do hiệp định Genève 1954, dân tộc Việt Nam không bao giờ coi đó là một chuyện đã rồi và luôn luôn tâm niệm công cuộc chấm dứt hiện trạng đau thương ấy như văn đề số một. Hơn nữa, sớm hoặc muộn, sức sống tình cảm và đời sống thực tế của nhân dân Việt Nam sẽ xóa nhòa làn ranh Bến Hai: đồng bào Cửu Long bị tập kết đem ra Bắc thương vợ con, nhớ trái sầu riêng; đồng bào Nhị Hà di cư tự nguyện vào Nam cũng luyến tiếc mô mà tổ tiên, ruộng tượng, tới mưa phùn gió bắc; nếu lúa Đồng Nai có mơ xe lửa suốt chạy đến ga Hà Nội thì than Hòn Gai chắc hẳn cũng mong con tàu đưa vào tận bến Sài Gòn. Công cuộc thống nhất mơ ước ấy nhất định sẽ thành tựu, dù gặp những điều kiện quốc tế thuận lợi nhiều hay ít, bất chấp thiểu số kẻ lười biếng muốn trì hoãn hoặc bề phái ngoan cố chỉ tìm cách phá hoại mà thôi.

Đứng trước trọng trách thống nhất vô cùng thiết yếu ấy, thế hệ chúng ta ngày nay phải làm gì để chuẩn bị hầu có thể thực hiện sớm chừng nào hay chừng này? Gợi sang một bên các giải pháp quân sự và vũ bị, chúng ta, theo lập trường dân tộc, có thể làm những gì để sửa soạn và xúc tiến công cuộc thống nhất bằng các phương pháp hòa bình và tự do?

Từ trước tới nay, có người coi vấn đề thống nhất chỉ là một khẩu hiệu tuyên truyền suông. Đảng cộng sản Việt Nam, tạm thời được Nga cộng và Trung cộng đẩy ra làm tên lính du kích ở mặt trận Đông Nam Á, luôn luôn rêu rao chiêu bài ấy. Họ đề nghị nay điều này, mai điều khác, nhưng tựu trung càng ngày họ càng làm thêm làm chuyện để đoạn tuyệt với dân tộc hầu trở thành hoàn toàn nô lệ cho, cộng sản quốc tế. Hơn nữa, bằng các chính sách kỳ quái, hết « cải cách ruộng đất » đến « hợp tác hóa mọi nghề », hết gây đấu tranh rối loạn giữa các tầng lớp dân chúng miền Bắc lại xúi giục đồng bào ở hai miền căm hờn thù ghét lẫn nhau. Những hành động ngoan cố của chính họ đánh tan các luận điệu tuyên truyền bịp bợm của họ. Chính phủ Cộng hòa Việt Nam tỏ vẻ khinh miệt lối khoa trương ấy, chỉ thỉnh thoảng đối phó với các mảnh lời tuyên truyền trên bằng một lời tuyên bố hoặc một bản tuyên cáo nhằm vào dân chúng ở hai miền hơn là trả lời cho cộng sản. Nhưng hình như chính phủ Cộng hòa Việt Nam vẫn âm thầm và kín đáo tính toán thống nhất đất nước một cách thực sự, khởi đầu bằng sự củng cố miền Nam và can thiệp ít nhiều vào đời sống hiện tại của các đồng bào ở miền Bắc.

Người ta thấy rằng: những người có điều kiện và trách nhiệm cần phải cố gắng hơn nữa trong công cuộc chuẩn bị cho việc thống nhất đất nước. Những người tha thiết với lập trường dân tộc cần phải tìm mọi cách để tăng cường sự

can thiệp vào các luật lệ, các chính sách, các công việc mà đảng cộng sản Việt Nam đang ban hành, đang áp dụng, đang thực hiện để cắt đứt đồng bào ta ở miền Bắc với cội nguồn dân tộc, với cội nguồn nhân loại, tức là làm cho các đồng bào ấy càng ngày càng xa cách chúng ta thêm. Đồng khác, cần phải theo dõi, nghiên cứu, trình bày các biến chuyển tại miền Bắc cho thực đầy đủ, cho thực rõ ràng để giúp đồng bào ở miền Nam hiện nay và ở hải ngoại được biết rõ tình thế hầu thông cảm và ít nhất là liên kết về mặt tinh thần với các đồng bào ta tại miền Bắc. Hơn nữa, cần phải tiếp tục cố gắng thực thi chính thể dân chủ tại miền Nam để chính nghĩa tự do không những sáng tỏ ở miền Nam mà còn tỏa giãi ra tới tận miền Bắc: ánh tự do vẫn hấp dẫn dân chúng miền Bắc; men dân chủ cũng sẽ dậy trong lòng một số phần tử cộng sản Việt Nam, khiến họ có thể quay trở về với nhân tính hoặc tiến lên cho kịp với chính thể dân chủ tự do.

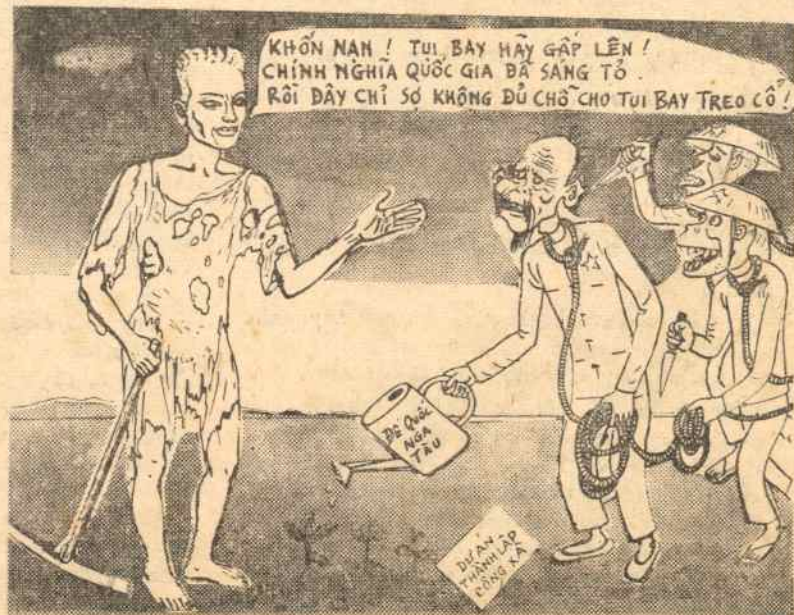
Ngoài chương trình chuẩn bị bao quát đó, đứng ở quan điểm dân chúng Việt Nam, người ta có thể đề nghị một cái gì mới hơn và cụ thể hơn: **Biến khu phi chiến Bến Hai thành một thị xã tự do, một thí điểm cho công cuộc thống nhất đất nước bằng các phương pháp hòa bình.**

Bến Hai là một dòng sông nhỏ bé, ranh giới thiên nhiên phân cách hai miền Nam Bắc hiện thời. Hai bên bờ sông nhỏ bé ấy là vùng phi quân sự mà từ trước đến nay hai miền vẫn tôn trọng. Nếu bây giờ Chính phủ Cộng hòa Việt Nam và các nhà đương cuộc Hà nội tổ chức xây dựng ở hai bên bờ sông để biến vùng phi quân sự đó thành một thị xã tự do đặt dưới quyền giám sát của Liên hiệp Quốc thì vùng đó có thể trở thành một thí điểm của công cuộc thống nhất Việt Nam bằng đường lối hòa bình. Dân chúng hai miền sẽ có thể làm ăn buôn bán ở thị xã tự do đó như dân chúng Tây và Đông Đức tại thành phố Bá linh hiện nay vậy.

Xét về mặt địa lý, Bến Hai là một dòng sông nhỏ, vùng Bến Hai rất hẹp, giáp biển một bên và, một bên, giáp rừng núi vương quốc Lào. Thị xã Bến Hai sẽ là thành phố đệm, một khi đã được xây dựng mở mang, sẽ trở nên một bảo đảm khiến hai miền bỏ hẳn ý định tấn công nhau bằng phương tiện vũ bị: hiện nay, vùng phi quân sự rất nghèo; người ta, nhất là cộng sản, lúc « bắc đống », có thể dễ dàng kéo quân sang để gây chiến. Như thế, xét về mặt quân sự, thị xã Bến Hai có thể có lợi. Xét về mặt kinh tế, các vùng bắc và nam dòng sông Bến Hai đều tương đối nghèo, việc mở mang thị xã Bến Hai sẽ làm cho các vùng ấy trở nên sung túc, đồng thời cũng sẽ giúp phần điều hòa tình trạng kinh tế ở cả hai miền. Về mặt văn hóa, thị xã Bến Hai mà được thành lập thì dân chúng ở hai miền Bắc Nam sẽ có nhiều cơ hội để gặp gỡ, khiến cho dân chúng miền Nam có dịp nhận định ít nhiều về đời sống thực ở miền Bắc, khiến cho dân chúng miền Bắc được hưởng chút ít không khí tự do và thoải mái tất cả nếp sống thực của con người, của dân tộc và của nhân loại. Xét về mặt chính trị, tất nhiên thị xã Bến Hai sẽ là nơi thí nghiệm của chính thể dân chủ tự do ở miền Nam với chế độ cộng sản ở miền Bắc hiện nay. Ấy là chưa nói đến chuyện thị xã Bến Hai, quan niệm như thế, có thể trở nên một thành phố quốc tế như Bá linh, một thí điểm sống chung giữa thế giới tự do với khối cộng sản.

Đề nghị trên đây chỉ là một ý kiến không hơn không kém. Đề nghị ấy, chúng tôi cho là cụ thể, có người cũng có thể coi là không tưởng, là táo bạo v.v.. Ý nghĩ này, kẻ viết bài đã thấy nảy ra trong óc khi thăm viếng thành phố Bá linh, hòn đảo của thế giới tự do nằm giữa miền cộng sản Đức. Ý nghĩ ấy, kẻ viết bài này đã ôm ấp trong lòng khi kinh qua các thành phố khác như Ba lê, Luân Đôn, Genève, La mã, Nha điền, nhất là Genève, trong chuyến đi Âu châu hồi tháng năm dương lịch vừa qua, để cho mỗi tối hôm nay mới bày tỏ ra, gọi là món quà năm mới mà chúng tôi thành kính gửi đến quý vị độc giả ở trong nước và hải ngoại nhân dịp đầu xuân Canh Tý này.

PHẠM-VIỆT-TUYÊN



Hoài tưởng đến tinh thần chịu đựng của đồng bào miền Bắc



HÀM thoát thế là đã hết một năm!
Năm ngoái, xuất Kỳ Hội, Hiếu
Chân tôi đã phiếm luận về loài
Lợn trong bài tựa là "Cỏ vụng
ngon chi": bài đó có chứa đựng một
vọng ngôn "thật ra tôi đã làm

"hào chú" ra "hào thì" may được ông Giản
Chi củ chính dùm. Năm nay là năm Tý, năm con
Chuột nên không biết nói gì hơn là nói bông lông
về loài chuột. Cỏ nhân đặt ra âm lịch cứ mười
hai năm là một giáp, mỗi năm được tượng trưng
bằng một con vật, như thế kể cũng tiện cho bạn nhà
văn hàng năm cứ phải viết số Xuân: không tìm
được đề tài thì cứ việc đem con vật tượng trưng cho
năm đó ra mà tán rỗng. Dễ tán nhất có lẽ là những
năm con Dê, con Chó, con Khỉ, con Lợn nhưng
câu chuyện về loài Chuột cũng không đến nỗi nghèo
nàn lắm, Năm Tý đứng hàng đầu trong mười hai
chi. Sách Nhị Nhã, thiên Thích Thiên có nói:
"Thái tuế tại Tý viết khốn đốn". Lý Tuần giải
thích rằng: câu này ý nói khi đương khi còn hôn
tạp chưa phân thì vạn vật mới như nằm cho nên gọi
là "khốn đốn". Khốn đốn có nghĩa là hỗn độn như
vừa thoát khỏi cõi âm mà lên vậy. Chính vì thế mà
năm Tý được biểu dương bằng con Chuột vì giống
chuột, tuy cũng là một động vật nhưng rất sợ ánh
sáng chỉ ở hang hốc, cống rãnh, do đó ta có câu tục
ngữ "len lét như chuột ngày" hoặc "cháy nhà ra
mật chuột". Giống chuột nhất là chuột cống, chuột
vật khác là chuột nhắt. Và tuy có câu "chuột gặm
chân mèo" nhưng quả tình chúng ta chưa hề trông
thấy con chuột nào to gan đến như thế. Bởi vậy
trong Hán văn có danh từ "thử tử" tạm dịch là
"chuột nhắt" để chê bai, chế riếu những kẻ không
làm nên trò trống gì vì không có tài năng,
dám lượng.

Sách Tam Quốc Chí, kể chuyện Đồng Trác
khi chỉ dẫn sách Cửu Châu Xuân Thu có đoạn
nói: "Hỗ văn Tái và Dương Chính Tu là hai kẻ
cố ở đất Lương Châu; từ đó Vương Doãn vốn
không ưa. Kịp khi Lý Thôi bị bại Vương Doãn
muốn gọi hai người đến, sai sứ sang Quan Đông
để dụ, dận sứ không nên ra mặt cầu cạnh và nói:
"Lũ chuột nhắt ở Quan Đông ấy định dở trò gì
được? Nhưng hãy cứ đến gọi thử chúng nó xem
sao!" (1) Tuy vậy không phải là giống chuột
nào cũng hiền nhất và tài đâu! Đã đành có những
chú chuột một bữa nào đó sa vào chính gò mà
được no nê nhưng đó là một sự tình cờ, cho nên
bình dân ta thường dùng câu "chuột sa chính gạo" để
chỉ những kẻ kém cỏi, vô tài mà may mắn được có
cơm áo, có địa vị nhờ ở người khác.

(1) Nguyên văn: "Quan Đông thử tử dục hà si da.
Liêu vãng hó chi".

NÓI HAY ĐỪNG

PHIÊM LUẬN VỀ LOÀI CHUỘT

Câu này thường dùng cho những anh chàng
"văn dốt vũ nhất" mà được ở về nhà giàu. Nhưng
như thế e bất công vì, nếu có những anh đàn ông
sống bám vào vợ thì đôi lúc cũng có những chị đàn
bà bám vào chồng mà khua chuông gõ mõ: đó là
những à làm... quan tít!

Bây giờ chúng ta hãy tạm gạt ra ngoài những
loại "chuột sa chính gạo" cả đực lẫn cái để quay
về loài chuột chính cống. Cũng thuộc loài chuột,
có giống gọi là thạc thủ, một giống thú như con
chuột nhưng lớn hơn, đuôi to mà dài, làm hang ở
trong núi hay dưới gốc cây, hay ăn hoa quả, còn gọi là
thạc thủ hoặc tróc thủ. Nó lại có tên là ngũ kỹ thủ
nghĩa là giống chuột có năm cái tai nhưng đều là những
cái tai không đến nơi đến chốn: biết bay nhưng không
qua được tường để vào nhà, biết leo nhưng không
suốt được cây, biết lội nhưng không qua được khe
nước, biết đào ồ nhưng không đủ sâu để ăn thân,
biết chạy nhưng không nhanh hơn người. Trong
thiên Khuyến Học, Tuân Tử gọi nó là ngũ thủ
nghĩa là chuột cây ngũ đồng. Kể ra có năm tài nhưng đến
nơi đến chốn! Tuy vậy nghĩ cho kỹ, Hiếu Chân
tôi cho rằng dư luận đã quá khe khắt đối với loài
chuột: không phải là nó không có tài. Cũng có
giống chuột có tài: đó là tài ăn cắp. Hồi trẻ tôi
thường được nghe ông dân miền tôi kể chuyện
chuột đồng ăn cắp trứng gà. Trứng là thứ chuột
không dùng mồm mà tha đi được cho nên nó lập
mẹo: một con ôm quả trứng vào bụng năm ngửa
ra còn một con khác ngậm đuôi nó mà kéo về đến
tận ổ. Kể ra ăn cắp kiểu ấy cũng vất vả, nguy
hiểm nhưng cái giống chuột gặm nhấm và ăn lên
như thế không thể làm hơn được.

Bởi vậy nhìn bức tranh bìa của số Tự Do
Xuân năm nay, Hiếu Chân tôi rất khâm phục óc
nhận xét tinh vi của họa sĩ: một nông phẩm
ngon lành đẹp đẻ như quả dưa bở mà đã để
cho đàn chuột nó nhúng mồm vào được thì
chẳng mấy chốc chỉ còn lại mấy mảnh vỏ. Ghé thay
là giống chuột!

Bức tranh năm con chuột lại còn làm cho kẻ
viết mấy giòng này nhớ lại một kỷ niệm hồi thơ
ấu. Năm lên bảy mới đi học tôi rất khổ về môn tính,
nhất là tính nhẩm. Thấy tôi kém quá về môn đó

một anh bạn học lớp trên dạy tôi cách làm tính
nhẩm để luyện cho tôi óc tính toán: đó là cách đếm
chuột. Anh ta bắt tôi đếm:

Một con chuột là một cái đuôi
Bốn chân, hai mắt, hai tai một đầu
Hai con chuột là hai cái đuôi
Tám chân, bốn mắt, bốn tai hai đầu
Ba con chuột

Cứ thế vừa hát vừa tính trong óc sao cho khỏi
nhầm, khỏi vấp cho đến mười con, mười tám con
và hai mươi con. Thực ra thì cái trò này mệt lắm
nhưng nó có lợi là luyện cho trẻ con óc suy tính kỹ
trước khi nói ra lời.

Bởi vậy nhân dịp nguyên đán năm Chuột, xin
mời các ông các bà nào có con em kém óc tính
toán hãy cứ thử luyện cho chúng bằng phương pháp
đó xem sao! Tính được thông đuôi chuột, chân chuột
tai mắt chuột và đầu chuột có lẽ sau này chúng sẽ tính
được cả tiền vốn, tiền lãi, tiền lương bổng phụ cấp
theo chỉ số và cả tiền "quý đen" một cách rất đúng
và mau lẹ. Tính thì tính nhưng nhớ là đừng cho
trẻ chơi chuột bởi vì mọi giống chuột đều hôi lắm,
kể cả chuột bạch nuôi trong nhà. Hôi nhất là giống
chuột chù, một giống rất nhỏ, mồm dài hay kêu.
Giống chuột chù có lẽ không biết chúng là hôi vì
ca dao ta có câu:

Chuột chù chửi khỉ rằng hôi

Khi mới trả lời: "cả họ mày thối!"

Câu này đồng nghĩa với câu: "chó chê mèo
lầm lũng" hoặc "lươn ngán mà chê trạch dài,
thờn bơn méo miệng chê trai lệch mõm", tất cả đều
để chỉ những kẻ không tự tri, không biết đến những
khuyết điểm của chính mình mà lại đi chê vạch, rêu
rao những khuyết điểm của kẻ khác.

Chuột chù hay ở bếp. Tính nó nhất là, hề
thấy động là kêu rít lên nhưng hề khi không thấy
tiếng động, chúng kéo ra gặm bất cứ thức gì mà
chúng gặp. Bởi vậy ca dao ta có câu:

Đi cùng bốn bề chín chu

Trở về xó bếp chuột chù gặm chân.

Nghe nói câu ca dao này được truyền tụng vào
cuối thời vua Lê chúa Trịnh ở ngoài Bắc và ám
chỉ Công Chính lui về Nghệ An sau khi theo Bắc
Bình Vương Nguyễn Huệ ra Thăng Long lần thứ
nhất. Bị anh em Nguyễn Nhạc nghi ngờ và lại bị
vua tôi nhà Lê cùng nhân dân Bắc Hà ghét bỏ,
Chính bèn lui về định cố thổ Nghệ An là nơi chôn
rau cắt rốn. Không ngờ chính ở nơi ấy, dân chúng
nhiều người cũng ghét Chính nên định chống lại,
mưa bất nộ cho triều đình. Chính đã khôn khéo
được phong trào đó cho nên trong dân gian
phát sinh ra câu hát như trên, ý nói Nguyễn hữu
Chính đã vào Nam ra Bắc, tung hoành bốn bề mà
nay về chốn quê nhà lại bị một nhóm người kém
tài kém gan định hại.

Nói tóm lại, giống chuột không được thiện cảm
của loài người; tuy vậy, trong các câu hát bình dân
của ta, cũng có một vài nơi hình ảnh con chuột
được nhắc tới một cách châm biếm khiến trẻ con có
thể cười được, tí như câu:

Con Mèo mảy trèo cây cau,

Hỏi thăm Chú Chuột đi đâu vắng nhà.

Chú Chuột đi chợ đường xa,

Mua mồm mua mũi, giỏ cho Chú Mèo.

Như thế kể cũng là một hình ảnh tương trưng
cho sự "chung sống hòa bình" lắm vậy. Nhưng
con chuột còn có một hình ảnh đẹp hơn nữa: tiếng
kêu của nó không những không làm cho người ta
khó chịu, mà còn giúp cho tình yêu của trai gái:
điều đó được mô tả trong một câu hò miền Trung
mà Hiếu Chân tôi được nghe phát ra từ miệng
của một ca nữ trên sông Hương:

Chuột kêu, chuột kêu rục rịch... rục rịch... rục rịch...
trong rừng
Anh đi... là đi cho khéo... đừng giỡn kéo mẹ em
là.

Thật là đi dôm, thật là duyên dáng, thật là
tài tình: tất cả một hoạt cảnh yêu đương tình tứ
đã được mô tả rất đầy đủ trong có một câu hát
gồm 16 chữ.

Đề kết luận, trong năm Canh Tý — năm con
Chuột — Hiếu Chân tôi chúc sao cho khắp nơi sẽ
phát ra những tiếng "chuột rúc trong rừng" để
gây hỷ cho những cuộc tình duyên hợp nhàn đạo.

Chứ đừng diễn ra cái cảnh "chuột khoét"
tai hại cho mọi người như trong bức tranh bìa của
Tự Do Xuân năm nay.

HIẾU CHÂN

MƯỜI NĂM HẢI NGOẠI QUA MƯỜI BÀI THƠ

VÕ THÀNH MINH

Lời tòa soạn.— Tác giả của những hàng thư
và thơ sau đây không phải ai xa lạ: đó là ông Võ
song Thiết tức Võ thành Minh, người đã từng mong
gửi vào tiếng sáo bên hồ Leman, cái tâm sự của người
đán một nước bị qua phân trong hòa hội Genève năm
1954. Tiếng địch ai oán của họ Võ tuy không mang
lại hiệu quả như tiếng địch Trương Lương trên bến
Ô Giang nhưng tâm sự của ông đã khiến nhiều người
chú ý. Năm nay ông có gửi về cho Tự Do bức thư
sau đây kèm theo mười bài thơ tứ tuyệt bằng Hán văn
do chính ông dịch ra Việt văn mười bài thơ gói gém
tâm sự của ông trong mười năm qua lận đận bốn trời
Âu Mỹ, chúng tôi đăng dưới đây để công hiến bạn
độc.

TỰ DO

Genève, cuối Đông K.H.

H.Đ. thân mến,

Bật tin tức của anh từ đầu Thu đến nay, chắc
các em không khỏi tự hỏi anh đang làm gì hay đã đi
đâu và vì sao không viết thư cho các em nữa...

Như các em đã biết, mấy tháng sau đây, tình
hình chính trị quốc tế biến chuyển về cái hướng chúng
ta đang mong ước. Vì thế mà anh đang soạn sửa một
cuộc chu du liệt quốc trên đường Đông qui... Soạn
sửa một cuộc du hành như thế, chỉ nói về phương
diện giấy tờ quá quan, cũng đã là việc phiền phức,
khó khăn rồi, chưa nói đến việc đi bằng cách nào,
sống bằng cách nào đối với người hiện không có đồng
xu nhỏ dính tới như anh!

Cho nên lâu nay tất cả thì giờ và tâm trí của
anh phải bỏ hết vào việc thực hành cái mộng hồi

hương, để nếu không giúp ích gì được cho nước cho
nhà, thì ít ra cũng được thấy lại người thân, thấy
lại đồng quê... sau mười năm xa nhớ.

Sự chuyển hướng chính trị, quốc tế hiện nay có
về đột ngột trước mắt những ai đã quen nhìn việc
dời thứ kính màu của đảng phái của họ. Nhưng
xét kỹ ra thì đó chỉ là việc tất nhiên khi mà
các chính khách của hai khối đối lập thấy rằng: dưới
thời đại nguyên tử lực này, họ chỉ có thể chọn một
trong hai đường, hoặc dàn xếp để sống chung với hang
hoặc đánh nhau bằng khí giới không khiêu khích để giết hết
loài người trong đó có bản thân họ và gia nhân họ
nữa. Thế là ông Krushchev đã sang Mỹ làm cho dư
luận nhóm phân cộng sôi nổi; và ông Eisenhower
cũng sắp qua Nga, không khỏi làm cho dư luận phe
chống Mỹ phẫn vờn; những ai xưa nay bị đầu độc
vì tuyên truyền, báo chí một chiều, phải lấy làm
ngạc nhiên trước sự bất tay giữa những người mà
họ tưởng là "bất cộng đái thiên" ấy. Nhưng các
em chớ tưởng rằng hề các ông Trùm chính trị ấy
gặp nhau, bắt tay nhau niềm nở, ăn uống, nói cười
với nhau hã hề... hoặc tay đôi như mấy tháng trước
đây, hoặc tay ba, tay tư... như trong cuộc gặp
gỡ mùa Xuân tới đây, là thiên hạ sẽ lập tức thái
bình đầu! Từ việc đối ác ý ra thiện ý, rồi đối
thiện ý ra thiện hành... những kẻ hừ trách
về thời cuộc ấy phải luôn luôn đối phó với
những phản ứng có khi rất mạnh liệt của hoàn cảnh
trực tiếp hay gián tiếp do họ đã nhiều ít tạo ra.
Đầu sào, lòng khát vọng hòa bình của quần chúng
đau khổ, lời cảnh cáo hữu lý của hàng tri thức giác
(Xem tiếp trang 49)

ĐƯỜNG NHƯ biết rằng Đờ nhàn rồi, con ruồi nhào đi nhào lại trước mặt anh ba bốn vòng. Nghĩ rằng không nên phụ lòng thân thiện của nó, Đờ chống ngón tay út lên. Quả

hiện con ruồi đậu ngay xuống đầu ngón tay đang dựng đứng như một cây thập. Té ra không phải chỉ có một con ruồi mà là một con công một con nữa ở trên lưng. Trời đã sinh ra như thế thì dù nó là giống gì đi nữa, anh cũng không nên làm phiền chúng nó. Bởi vậy anh ngừng rung đùi, cố giữ cho bàn tay, nhất là ngón tay út khỏi chuyển động. Anh lại thở ra hít vào thật nhẹ, e rằng hai con vật phải nhọc lòng đem nhau đi tìm hạnh phúc trên một vật vô tri vô giác. Con ruồi ở từng dưới nghiêng đầu nhìn Đờ như muốn ngỏ lời chào rồi xoa hai chân trước vào với nhau một cách thật lịch thiệp. Anh khẽ gật đầu chào lại và lập tức vợ chồng chúng nó bay đi. Đờ vội vã ngừng lên nhìn theo. Hai con ruồi đã mất hút và mắt anh đọng ngay phải ánh mắt của bà Thím đang ngồi sau quầy nhìn vào. Tưởng rằng anh muốn chia sẻ nỗi buồn của mình, bà chép miệng nói:

— Hàng với chả họ, chán mớ đời! Anh xem bộ tôi mấy giờ rồi?

— Thưa thím sáu giờ kém năm phút.

Đáp rồi, Đờ mới nhích tay áo xem đồng hồ. Quả nhiên anh đoán thời khắc không sai một phút, miễn là thời khắc theo chiếc đồng hồ khổ hiệu Nickles mười một tuổi của anh. Chả là khi, chuyển xe điện ở phía dưới lên, anh xem đồng hồ thì lúc ấy là sáu giờ kém mười lăm. Bây giờ nếu có một chuyển khác đi xuống thì nhất định phải là sáu giờ đúng, nếu không thì tất là có tai nạn.

Bà Thím bước ra khỏi quầy, đôi guốc lê lép kẹp. Vừa đi ra phía ngoài cửa trông ra đường bà vừa nói:

— Chả còn khách khứa gì đâu. Anh đóng cửa hàng lại đi cho tôi còn quét tước dọn dẹp kéo rồi Thanh tra Lao động người ta lại bảo là tôi bóc lột sức lao động của anh.

— Thưa Thím, vâng.

Miệng đáp vậy nhưng Đờ còn ngần ngại chưa đứng dậy. Cửa hàng mở từ sáng đến chiều mà mới chỉ có một người khách đặt chân vào cửa hàng. Người khách đó lại không phải là khách mua hàng mà là một nhân viên sở Thương vụ đến nhìn tấm bảng kê khai số lượng hàng hóa có trong cửa hàng ngày hôm nay để so sánh với bảng kê khai ngày hôm qua. Bà Thím lại lép kẹp đôi guốc đi vào, hai tay chấp sau lưng Đờ, thờ dãi và thăm nhắc lời niệm chú của bà Thím mỗi buổi chiều trước khi đóng cửa hàng:

— Buồn bán mãi như thế này thì biết bao giờ Nhà Nước mới đem người đến tịch ký cho hồ Trời! Xếp mấy cuốn sổ ngay ngắn ở giữa bàn, Đờ ngừng mặt lên nhìn bà Thím đang đi tới. Nhưng hôm nay bà hạ giọng nói:

— Ngày mai anh sửa soạn làm tờ khai thuế đi nhé. Liệu mà khai báo bớt đi thì mới còn cái bát mà ăn, cái áo mà mặc đấy. Anh phác qua rồi bàn với Chú Thím.

Đờ mím môi suy nghĩ. Liệu thì anh biết đăng nào mà liệu? Anh háp tấp hỏi:

— Thưa Thím muốn bớt độ bao nhiêu cơ ạ?

— Anh cứ khai thế nào để Thím bớt được cái phần của anh là được rồi, Thím cũng chả mong gì hơn. Như thế anh khỏi phải nhắc đến ơn huệ của Chú Thím đối với anh mà Chú Thím cũng bớt lo.

Xe điện ở phía trên đang tiến xuống, chuông rập leng-keng. Đờ đứng phắt dậy, miệng nói:

— Vâng, Thím để cháu liệu.

Vừa đóng những tấm cửa bức bàn vào đường lùa, Đờ vừa tính nhẩm xem cần phải khai gian bao nhiêu tiền thuế cho bà Thím đỡ được phần tiền trả công cho anh. Cơm nuôi, lương tháng một trăm hai mươi đồng vị chi là một nghìn bốn trăm bốn chục đồng một năm. Đờ băn khoăn không biết làm cách nào để che mắt cơ quan thuế vụ mà nuốt cho trôi được số tiền ấy. Có lẽ lại phải làm như năm ngoái, khấu bớt phần của Nhà Nước thêm chút nữa để thông cảm với các nhân viên phụ trách nhận tờ khai và nhân viên kiểm soát thì mới xong. Đờ tặc lưỡi lùa nốt tấm cửa cuối cùng rồi tra gió vào và kết luận rằng sự thông cảm kỳ quái đó giữa tư nhân và chức việc Nhà Nước chẳng qua là một thông lệ đã được mọi người đồng ý đến cái mực độ không có không xong chứ không phải là sáng kiến của anh.

Đờ nhìn xuống hai bàn tay. Những cánh cửa bức bàn xếp ngoài lề đường hứng nhiều bụi quá: Nước sơn nâu không chịu nổi mưa nắng suốt ba năm liền nên bột sơn mỗi ngày lại trôi sang tay một ít. Anh nói với bà Thím:

— Cháu vào rửa tay, Thím quét nhà xong, Thím gọi cháu ra gài cửa lại.

Anh đang cúi hai bàn tay ướt lên mái tóc thì bà Thím gọi vọng vào:

MẬT BẢO VIÊN

— Này, có cậu Văn đem xe đạp đến trả đấy. Đờ thủng thủng bước ra. Bà Thím đang hỏi thăm người bạn anh về công việc làm ăn của anh ta. Văn đáp:

— Cháu cảm ơn bác. Cháu xin thưa để bác mừng cho. Cháu vừa mới xin được việc làm ở đồn điền cao-su mới mở trên miền Thượng. Sáng mai xin phép bác cháu theo xe đi sớm. Bây giờ cháu đến nhờ anh Đờ đi làm chứng để cháu bán cái đồng hồ lấy tiền ăn đường.

Bà Thím cầm cái chổi lùa vun bụi cát vào góc nhà rồi ngừng lên hỏi:

— Thế anh có về ăn cơm không? Nếu không để tôi bớt gạo lại.

Văn đáp lại:

— Xin phép bác để cháu bán được cái đồng hồ xong hai anh em ra hàng cơm lao động ăn với nhau chia tay luôn thể. Lần này cháu đi làm xa nếu Trời cho chịu được nước độc thì cũng còn lâu lắm mới về. Cháu xin chào bác ở lại nhà.

— Phải, cậu đi bình yên. Anh Đờ nhớ về sớm sớm, kẻo sớm mai Ban liên bảo họ lại hỏi đi đâu?

— Vâng, cháu sẽ về sớm.

Ra đến đường, Đờ hỏi bạn:

— Cậu định bán cái đồng hồ cho ai đấy? Được bao nhiêu?

— Bán rồi mà. Nói thế để có cớ rủ cậu đi ăn cơm với tớ một bữa. Chắc là còn lâu lắm chúng mình mới gặp nhau. Tớ bán cho thằng Trường bạn xã hội được tám chục. Vừa bán vừa dấm mồm nó ấy mà. Nó vừa xếp công ăn việc làm cho mình, thời thì cũng coi như là mất cắp mấy chục bạc. Với lại tớ lên miền Thượng mà đeo đồng hồ chúng nó lại dòm nom cho rằng tớ là dân xếp thì thêm rắc rối.

Đờ thấy buồn khi phải xa bạn. Anh nói bằng giọng:

— Trên ấy chắc là mùa này đang rét.

— Ừ, chắc là rét lắm. Có lẽ tớ nên đi mua một cái áo dạ cũ.

— Hay là thế này...

— Sao?

Đờ dừng bước nhìn bạn:

— Tớ lại anh chàng Lương xin cho cậu một cái áo dạ. Tớ biết anh ta có hai cái. Mà anh ta tốt với anh em dạo đây.

— Lương nào? Có phải Lương có vợ bán thịt lợn ở Chợ ấy phải không?

— Đúng.

Văn ngần ngại:

— Nhưng tớ chỉ quen sơ anh ta thôi, xin sao tiện.

Đờ quả quyết:

— Tớ xin được. Ngày trước anh ta cùng bị giam với tớ ở trên Thái Nguyên rồi Pháp nhẩy dù xuống bắt được, hai anh em phải đi kiêng dạn với nhau mãi. Tớ nói là xin áo cho một người bạn thân đi nhận việc ở miền Thượng thì thế nào anh ta cũng đưa.

— Đừng, lỡ ra anh ta từ chối thì cậu bế mặt lại mất một người anh em.

Đờ khoắc chặt cánh tay bạn kéo đi:

— Được mà! Anh ta với tớ cùng thân nhau gần bằng cậu với tớ, chỉ khác một điều là anh ta hơn tớ đến chục tuổi, như thế lại càng không ngại. Đi!

Đến góc đường, Đờ dặn bạn đứng đợi dưới cột đèn để một mình anh vào nhà Lương. Cửa nhà bạn khép hờ, ánh sáng từ trong phòng lọt ra in trên hè. Giơ tay định gõ cửa chợt anh nghĩ thấy mùi khói thuốc lá thơm bên tay lại nghĩ rằng Lương đang có khách. Hai người ngồi xôm sát lẽ đường quay lại nhìn anh một cách tò mò. Đờ lại giơ tay lên và lần này anh gõ thật.

— Cứ vào! Cửa ngõ đấy.

Nghe giọng nói ngọt mũi, anh đồ chừng bạn mắc dịch cúm. Anh mới khẽ đẩy, cánh cửa đã mở ngay đường như bên trong có người mở ra. Đờ bước vào. Quả nhiên sau cánh cửa có người đứng. Người ấy anh không quen mặt. Hẳn đóng cửa lại và nhìn anh trân trân. Anh có cảm giác vào lầm nhà và ngược ngạo ngập lên tiếng hỏi:

— Ông cho tôi hỏi ông Lương.

— Phải. Đây là nhà ông Lương. Bà ấy kia!

Đờ quay lại. Vợ Lương ngồi xếp bằng trên ghế ngựa ôm đứa con nhỏ trong lòng. Anh vội vã nói:

— Chào chị. Xin chị tha lỗi cho, chị ngồi đây mà tôi vô ý quá, Thưa chị anh có nhà không ạ?

Vợ Lương như đang có chuyện gì bối rối. Đờ thấy mắt chị hèm hèm như mới khóc. Chị lúng búng nói trong miệng:

Truyện ngắn của **LÝ THẮNG**

Viết tắt L. Q. H. và B. S. T.

— Vâng... chào anh Đờ... Mời anh ngồi chơi... Cũng có mấy ông đây đang... đợi nhà tôi.

Đờ lại quay một nửa vòng. Bên chiếc bàn vừa dùng làm bàn ăn vừa dùng làm chỗ tiếp khách có ba người đàn ông đang nhìn anh chòng chọc. Người mở cửa cho anh trở vào hỏi:

— Ông là bạn anh Lương hả!

— Vâng.

— Thế thì mời ông vào trong này.

Lúc ấy Đờ mới mang máng nhận ra rằng trong lời nói cũng như trên nét mặt của hắn có một vẻ bất lương. Đã định bước đi, anh lại rút chân lại. Hắn tiến lên dùng vai đẩy anh vào phòng trong và nhếch mép nói:

— Ông tên là Đờ phải không? Anh Lương tôi đang cần gặp ông có nhiều việc cần lắm.

Đờ miễn cưỡng bước đi và anh nhận thấy thái độ của hắn thật kỳ dị. Một người nữa đứng dậy đi sát bên anh vào phòng trong. Rồi cả hai cùng rút súng lục ra một lượt. Một người chỉ cái ghế đặt giữa phòng và nói:

— Ngồi xuống!

Đờ còn đang ngơ ngác không hiểu ra sao thì người vào sau đánh cho anh một tát trái vào ngang mặt. Hai mắt đờ hào quang, anh giật lùi lại một bước và đưa tay ôm mặt. Một bàn tay mạnh mẽ giật tay anh xuống. Một giọng rít lên:

— Đồng bào biết điều thì ngồi ngay xuống.

Kêu hay cứ đồng thì chúng em đánh bỏ mẹ đồng bào. Đờ sợ hãi ngồi xuống ghế. Lập tức một người bế quặt hai tay ra sau lưng ghế và dùng khóa sắt còng tay anh lại.

— Khám kỹ trong mình nó.

Giọng nói lơ lơ người vừa đánh anh vẫn chìa súng vào ngực anh trong khi người kia sờ nắn kỹ từ hai bên bả vai xuống nách, cạnh sườn, mông đít, bẹn và hai bắp chân. Đoạn hắn đứng dậy ra lệnh:

— Há miệng coi!

Anh chưa kịp làm theo lời thì hắn giơ nắm đấm định đánh xuống. Anh vội vã há miệng thật to như muốn đón lấy sự sống. Nhưng không có sự sống nào chui vào miệng anh cả mà chỉ có một lưỡi dao găm kê đứng trên răng cửa hàm dưới của anh, mũi nhọn chọc sát vào lưỡi.

Người khám xét anh cười hề hề giải thích:

— Em đã biết các đồng bào khó chơi lắm. Các đồng bào đã rí tai nhau giấu thuốc độc lưỡi dao vào trong miệng để phòng gặp chúng em là đồng bào yên chí lớn bảo toàn bí mật công tác. Yêu cầu đồng bào đừng cần tay em kéo em phải ngoáy con «boa nha» này vào tận cổ họng đồng bào.

Nói đoạn tay phải nắm chuôi dao, hắn lùa ngón tay trái vào móc những khe giữa má và răng hàm của Đờ. Buồn ọc nhưng lưỡi cứ phải rứt vào và để sát xuống hàm dưới cho khỏi bị lưỡi dao găm cửa đứt, rồi rút Đờ túa ra chảy qua hai bên mép lòng thòng xuống cằm. Móc kỹ cả hai bên trên dưới rồi, hắn rút ngón tay ra chùi rí rít trên tóc anh rồi lại chùi kỹ vào vai áo anh rồi rút ra một cái đèn bấm soi trong miệng anh một lần nữa. Cuối cùng, hắn rút con dao ra và quay lại hỏi người cầm súng:

— Thưa, đem đi được chưa?

— Kêu thằng Bầy vô đây rồi ra kêu xe tới.

— Dạ!

Người khám Đờ vừa chạy ra thì một người khác vào thay chân. Người cầm súng hỏi:

— Coi chừng ông lớn đấy.

Người có tên Bầy rút súng ra chìa vào ngực Đờ trong khi người nói giọng lơ lơ tra súng vào bao và hỏi:

— Tớ nay các đồng bào mấy người hẹn nhau đến đây? Nói thật khỏi bị chúng nó cho đi hỏa tiễn!

Đờ ngơ ra chưa hiểu «đi hỏa tiễn» là thế nào thì người kia dậm chân. Anh giật mình đáp vội:

— Thưa tôi không biết. Tôi oan.

— Thôi được! Về cơ quan rồi ta nói chuyện dài.

★

Đờ đang nằm dài nửa tỉnh nửa mê thì có tiếng lách cách mở khóa xà-lim. Anh không còn sức để mà thờ dãi khi biết rằng mình sắp phải qua một cuộc «điều tra» mới nữa. Năm lần, sáu lần «điều tra» anh không nhớ rõ là bao nhiêu lần nữa. Nếu căn cứ vào năm giác quan để định sự sống chết thì có thể

(Xem tiếp trang 6)

MẬT BẢO VIÊN

(Tiếp theo trang 5)

nói rằng thế xác anh đã chết hết bốn phần rưỡi. Anh chỉ còn hai tai nghe thấy tiếng động và một bên mắt không rập để nhìn ánh sáng. Hai nhân viên bước vào dựng anh ngồi dậy, đỡ anh đứng xuống rồi đưa anh đi. Lên đến phòng điều tra, họ cũng lại cho ngồi trên chiếc ghế đầu, khóa hai chân vào chân ghế và khóa quặt tay về sau lưng. Đầu ngã về một bên, anh dần mất một cách tuyệt vọng vào bộ máy quay điện đặt trên mặt bàn bằng gỗ dày, coi đó như một nguồn giải thoát. Anh nhớ mang máng rằng cái món đồ, họ chỉ cho anh ăn tí một mà là ăn sau cùng. Tuy vậy, nếu họ nài giặc, họ quay cho một hồi liền là anh được ngắt thẳng đi và như vậy phiên điều tra tạm kết liễu. Nhưng trước đây thế nào họ cũng dùng các thứ khí cụ không điện khí hóa kèm theo những câu chữ rất lễ phép, những thứ ấy nó chỉ đưa anh tới một tình trạng nửa sống nửa chết mà anh rất không thích. Nhưng làm sao mà anh có quyền chọn lựa được!

Một người đang ngồi hát nghêu ngao bỗng đứng dậy khặt khướng đến trước mặt anh. Hắn nói:

— Bây giờ chúng mình xử hòa. Tôi cũng chẳng muốn mưu gan đồng bào nữa. Mỗi tháng chúng mình đi một con đường, qua bảy keo điều tra lý kỳ rừng rợn và vô cùng hấp dẫn tôi cũng biết đồng bào là phần tử xuất phẩm tô mẫu rồi. Tốt hơn hết là bữa nay chúng mình nói chuyện ôn tồn với nhau. Đồng bào chịu không, để tôi mở khóa tay cho đồng bào?

Đoán rằng hẳn lại sắp giờ trò, anh đáp lí nhí:

— Dạ!

— Đồng bào cứ trả lời đồng ý là được rồi. Thời buổi bây giờ là dân chủ mới, có phải là thời thực dân phong kiến nữa đâu mà đồng bào vâng dạ khiến cho chúng tôi rất lấy làm một sự xấu hổ.

Rồi hẳn ra sau lưng anh tháo khóa tay lấy ra đặt trên mặt bàn. Kéo một cái ghế ngồi trước mặt anh cách chừng một thước, hẳn nói giọng tâm sự:

— Từ khi tôi bước chân vào công tác ở cơ quan này, đến nay là năm năm tôi mới được gặp một phần tử trung kiên đến như đồng bào. Năm ngoái có một đồng bào khác chịu được đến nửa chừng keo thứ bảy là tịch. Bây giờ đến đồng bào phá kỷ lục đấy. Dù không theo cùng một chí hướng với đồng bào, tôi cũng xin bái phục đồng bào làm đàn anh.

Dứt lời hẳn chấp tay xá anh. Tưởng rằng cũng như mọi lần, sau những câu nói ngọt như mía lùi ấy hẳn sẽ tổng cả hai tay vào ngực anh và phun ra một tràng những câu chữ tục nữa, anh nhắm mắt chờ đợi. Nhưng không, lần này xá xong, hẳn ngừng lên ngồi ngay ngắn như thường. Đoạn hẳn quay ra gọi:

— Ut đầu! Chạy mau lấy nước uống với diêm thuốc đem ra đây ăn mừng kỷ lục điều tra mới của cơ quan nào.

Như đã có xếp đặt trước, bốn năm người lớn nhỏ từ phòng bên đi sang. Có tiếng giao hẹn:

— Đến lượt tao đi, nghe! Con trót tao tiến ba nước nữa thì mày hết đường.

Một người bưng một cái khay trên có mấy cốc nước trà cùng một gói thuốc lá thơm hiệu Nguyễn Hương và một cái bật lửa kiểu đề bàn to bằng cái lon sữa bò. Người ngồi trước mặt anh nhắc hai cốc nước đưa cho anh một, còn một đưa lên miệng uống một hơi hết một nửa. Phần Đồ vì lâu lắm không được uống trà, vừa nhấp vài ngụm anh thấy đầu đỡ nặng hẳn đi.

Hẳn lại với bao thuốc rốc ra đưa mời anh rồi rút một điếu đưa lên môi. Tay cầm cốc nước, tay vờ vẽ điếu thuốc, Đồ hy vọng rằng bữa nay anh sẽ không bị họ khiêng xuống vút vào xà lim. Hẳn đứng dậy đặt cốc nước lên mặt bàn rồi cầm cái bật lửa lớn đưa cho anh:

— Lửa đây, mời đồng bào lấy trước đi.

Đồ cố gắng kẹp cốc nước vào đùi rồi đưa hai tay đón lấy cái bật lửa ngoại khổ nặng chình chịch. Khác với thứ thường, kiểu bật lửa này có nắp đậy trên như nắp hộp một bên có bản lề để nắp bật lên và một bên có một cái nút. Đồ đưa điếu thuốc lá lên môi, hai tay nâng bật lửa và bấm nút. Một cột lửa phun vào giữa mặt anh, xuyên qua mắt vào đến tận óc. Những tiếng cười phá lên cùng lúc người anh cùng với các ghế đồ vật xuống sàn. Đồ không còn sức để kêu lên nữa, anh rên rỉ hai tay bưng lấy mặt. Anh nghe đây đó có tiếng thét điên cuồng:

— Vệ tinh Lu-Ních của Liên Xô quý mến tôi trướng chị Hằng rồi anh em ơi!

Sau lần điều tra thứ tám không lấy khẩu cung ấy, hình như người ta bỏ quên Đồ. Người coi dây xà lim dần dần cũng trở nên thân thiện với anh hơn. Khi thấy anh ngồi dậy được hẳn hẳn cho anh một củ

nghe cùng một củ rượu bóp và dặn anh phải dấu kín. Khẩu phần của anh cũng hầu hĩ hơn trước và hẳn còn hỏi anh có muốn ăn trứng gà hay thịt bò hẳn sẽ mua hộ cho. Thấy nói tiền của anh bị giữ cả cùng với giấy tờ trên văn phòng, hẳn lại rộng rãi cho anh chịu tiền để ngày được ra anh sẽ trả lại hẳn sau.

Chưa biết ngày đó là ngày nào nhưng hẳn có người bao thầu thì anh cũng cứ nhắm mắt ăn liều. Một tuần sau nữa các vết thương trên người anh đã đóng vảy, râu tóc và lông mày anh đã mọc lại như cũ. Nhưng chân tay anh cử động còn thấy nặng nề và hơi xưng như bị phù sưng. Anh lo ngại khi thở vẫn còn thấy tức ngực và anh húng hắng ho. Một bữa có hai ba người mở cửa xà lim đứng xem anh rồi gật gù đi ra. Sáng hôm sau nữa người ta cho anh ra sân hít tó. Một người khác sờ nắm khắp người anh rồi anh được đưa lên văn phòng. Người nói tiếng trợ trợ hôm đầu giờ tay mời anh ngồi ghế kê bên bàn giấy của ông ta. Một tập hồ sơ để bên cạnh, ông ta hỏi, mắt không buồn nhìn lên:

— Anh thấy trong người thế nào? Tỉnh táo chưa?

— Thưa, tỉnh.

— Anh muốn đi chỉnh huấn hay muốn được trả lại tự do?

— Thưa, xin cho về.

Ông ta ngừng lên nhìn anh một cách nghiêm trang. Không hiểu vì một lẽ gì, hai bàn tay anh chấp lại. Ông ta gật đầu nói:

— Muốn về làm ăn cũng được, nhưng phải có điều kiện. Anh chịu không?

Đồ đáp liều:

— Dạ, chịu.

— Anh biết điều kiện thế nào mà đã dám chịu? Không lùi được nữa, anh nói:

— Thưa chưa biết, nhưng thế nào cũng xin chịu.

Ông ta ngửa mặt cười ha hả:

— Nói vậy chứ dễ lắm. Cho anh về nhưng cấm ngặt anh không được nói cho ai biết rằng anh đã được mời về sở Công An. Nghe rõ chưa? Chịu không?

— Thưa nghe rõ rồi. Chịu lắm ạ.

— Nhắc lại coi!

— Thưa cấm không được nói rằng bị Công an bắt.

Quăng gói thuốc lá thơm và bao diêm về phía anh, ông ta buông lỏng:

— Thuốc đây, hút đi.

Anh thu hai tay kỹ hơn đề kẹp vào đùi. Ông trợ trợ nhận thấy bên trong mắt hẳn hăm:

— Bảo hút đi! Tự nhiên mà. Anh được tha rồi.

Đồ đánh bạo cầm gói thuốc rút một điếu nhưng chưa dám đốt. Ông ta hí hoáy viết một hàng chữ và hình như ông ta ký bên dưới rồi hỏi:

— Anh ở đây bao nhiêu ngày, có biết không?

Đồ ngờ ngác đưa mắt nhìn tấm lịch treo trên tường, nhưng con số chẳng cho anh một ý niệm rõ rệt nào về thời gian. Ông trợ trợ trả lời hộ anh:

— Hai mươi một ngày! Nhớ rõ chưa? Ba

bảy hai mươi một ngày. Hôm anh đến nhà bạn chơi rồi bị bệnh thương hàn không về được người ta đưa anh đi nhà thương làm phước, hôm nay khỏi, nhà thương cho anh về. Hiểu chưa!

— Dạ hiểu.

Ông đặt bút xuống giờ ngón tay móc móc không khí.

Thấy anh không hiểu, ông nói:

— Đưa gói thuốc lá đây!

Anh vội vã đưa hai tay cầm gói thuốc đặt tới tầm tay ông. Đánh diêm châm thuốc hút rồi ông bấm một nút chuông điện gần ở cạnh bàn. Lập tức một nhân viên bước vào.

— Lấy quần áo và các thứ trả lại người này. Số mười, một trăm bảy mươi ba!

— Dạ, mười, một trăm bảy mươi ba.

Thuộc viên ra rồi, ông trợ trợ lại hỏi:

— Anh có biết tại sao anh bị bắt không?

— Dạ không.

Ông nhìn mắt hỏi lại:

— Hôm ấy anh đến chơi nhà ai, có nhớ không?

— Dạ, đến chơi nhà anh... à nhà tên Lương.

— Phải! Nó là một tên đầu xỏ phản động.

Từ nay muốn yên thân không được lại vắng đến nhà nó nữa. Nghe chưa!

— Dạ, nghe.

— Anh có tin là có số không?

Đồ nghe chưa rõ hẳn hỏi lại:

— Thưa có gì cơ ạ?

— Có số! Con người ta có số, anh có tin vậy không?

— Dạ tin! Tin lắm ạ.

Sự tin tưởng này Đồ mới khám phá được vài ngày nay thôi. Chẳng gì lần này anh bị bắt cũng là lần thứ ba, mà lần nào cũng bị đánh thừa sống thiếu chết. Nhưng anh cũng lấy làm may rằng số của anh chỉ hay bị bắt thôi chứ chưa đến nỗi bị đánh chết. Thuộc viên ôm một gói lớn bọc giấy vào đặt trên ghế trước mặt Đồ.

Ông trợ trợ hất hàm:

— Kiểm lại xem của anh có đủ không? Rồi đứng vào góc kia cởi bộ quần áo của Nhà Nước ra mặc quần áo của anh vào.

Đồ hấp tấp cởi dây buộc giờ gói giấy ra. Ngay trên cùng có một mảnh giấy kẻ khai các thứ có trong gói.

— Đưa đây coi!

Đón lấy mảnh giấy ông đọc từng thứ trong khi Đồ kiểm soát qua loa:

— Một nhẫn vàng ta ước hai đồng cân. Một đồng hồ đeo tay hiệu Nickles. Một ví da cũ đựng giấy tờ chứng minh thư. Hai mươi bảy đồng năm hào năm xu. Một áo sơ mi ngắn tay. Một quần cụt mặc lót. Một quần tây dài. Một thắt lưng da. Một đôi dép cao su. Một khăn tay. Ba cái thìa khóa. Một mẫu bút chì. Đủ các thứ của anh chưa.

Chẳng còn nhớ tới hôm ấy trong người còn có những thứ gì nữa, nhưng Đồ cũng đáp rồi rít:

— Dạ đủ! Dạ đủ!

Rồi anh vội vã ôm bọc quần áo đem ra một góc quay mặt vào tường và trút bộ quần áo màu xám của Nhà Nước. Ông trợ trợ nói, giọng khoe khoang:

— Đây anh xem, Nhà Nước dân chủ bây giờ làm việc rất mực công bình liêm chính không hề tơ hào đến của bất cứ ai một xu nhỏ, khác hẳn với thời thực dân phong kiến thống trị.

Anh thấy rõ chưa?

— Dạ thấy.

Cài thắt lưng xong, anh rũ bộ quần áo Nhà nước cuộn lại đặt trả vào gói giấy rồi quay lại đếm tiền đặt lên bàn ông trợ trợ. Ông hỏi:

— Cái gì đây? Anh muốn ở tù thật hay sao mà định hối lộ tôi?

— Dạ, dạ, thưa đó là tiền trả ông gác xà-lim ạ. Ông ấy mua hộ... thức ăn ạ.

— Anh cũng xòng phàng lắm. Anh là một công dân tốt. Anh nợ người ta bao nhiêu tất cả?

— Thưa cả trứng gà, phở, tất cả hết bốn đồng tám hào rưỡi ạ.

— Được đề đấy. Thôi, cho anh về. Nếu anh không muốn trở lại đây thì hãy nhớ kỹ những điều tôi dặn đấy.

Bước thấp bước cao ra khỏi sở Công an, Đồ bàng hoàng không biết phải đi ngã nào để về nhà. Đang quay đi quay lại, chợt trông thấy cái biển cơ quan ngang công giữa, anh cảm cô bước như kẻ bị ma làm. Ra đến tận đầu đường, anh nhận ra kẻ bên kia có một cửa hàng bán thuốc. Đi thẳng sang, anh hỏi mua một túi thuốc cao nóng. Trả năm hào rồi, anh xé ngay giấy gói lấy ra năm lá dán khắp trước ngực, còn lại hai bên anh nhờ người bán hàng dán nốt cả vào hai bên bả vai và sau lưng. Nắn nắn nắn đùi, nắn bắp chân, thấy chỗ nào cũng còn đau, anh lại mua thêm hai gói nữa. Người bán hàng cũng trạc tuổi anh thấy thế bèn mỉm cười hỏi:

— Đòn có đau lắm không?

Anh tái mặt chối biến:

— Không, tôi bị sốt thương hàn mới ở nhà thương ra đây chứ.

— Ủ, nhà thương con cá. Phức to bằng cái đình đấy. Về ăn mừng đi.

Không dám nhìn lại, Đồ bước thẳng ra cửa, vừa đi vừa nghĩ rằng có lẽ phúc nhà anh to thật. Đồng hồ của anh chưa lên giây lấy giờ cho chạy lại nhưng nhìn vị trí mặt trời anh đoán chừng lúc đó vào khoảng chín mươi giờ. Qua hai ba ngã tư đường, anh mới nhận ra lối về nhà. Bà Thím đang ngồi nhặt sạn trong rá gạo đặt trên mặt quầy ngưỡng lên trông thấy anh bèn chu lên:

— Ối trời ôi là trời ôi! Ối ông Đồ ôi! Ông làm hại cả nhà nhà con, ông còn vác cái mặt chó của ông về nhà con làm gì nữa hờ ông. Xin ông bước ra khỏi nhà con ngay lập tức nếu không con gọi Công An đến ngay bây giờ. Bước ngay, bước ngay ra, không được đặt chân vào nhà.

Đồ giật lùi ra đứng ngoài hè, miệng há hốc vừa ngạc nhiên vừa sợ hãi. Bà Thím tụt cả guốc chạy vào phía trong cửa hàng xách cái va-li cũ của Đồ ném ra trước cửa. Lại lạch bạch chạy vào bà lấy cái xe đạp của anh ra, nhưng vì không biết dắt, chiếc xe đổ nghiêng làm bà gần ngã theo. Đồ tiến vào định đỡ Thím thì bà lại quát gắt:

— Xéo! Xéo! Xéo! Bà không cho quân giết người, quân phản động vào nhà. Cứ bước vào bà đánh cho vỡ mặt.

(Xem tiếp trang 45)



HỒI thường, trong những lúc nhàn rỗi, tôi thích nhất là đọc truyện Tàu. Cũng không rõ tại sao, chỉ biết mình thích đọc nó thôi. Nếu xét kỹ thì có lẽ tại mình có một đầu óc lạc hậu cũ kỹ của Á đông. Tiểu thuyết Tàu hấp dẫn tôi rất lạ: một khi lật nó ra là bỏ cả cơm nước cùng giấc ngủ, và đọc cho kỳ hết mới chịu thôi.

★

Nói đến tiểu thuyết Tàu, tôi thấy hiện liền trong đầu óc tôi ba tác phẩm: Thủy Hử, Tam Quốc và Hồng lâu Mộng. Bao giờ tư tưởng tôi cũng bị thu hút vào 3 tác phẩm ấy. Tại sao? Như trên tôi đã nói, là vì chỗ thích riêng, nhưng tựu trung có khi cũng vì một lẽ gì khác, vì nghệ thuật rất đơn giản bình dân trong khi kể chuyện nhưng không kém phần sâu sắc. Những giờ phút mình cần tĩnh dưỡng tâm hồn trí não thì truyện Tàu với cái vẻ chất phác thực thà của nó, rất hấp với tâm trạng của mình hơn.

Bên Trung hoa, thời xưa, tiểu thuyết không được liệt vào hàng văn học. Văn học là của riêng của các nhà bác học, thông thái, có những quy tắc nghiêm khắc, chặt chẽ. Tiểu thuyết gia, với đầu óc lãng mạn phóng túng của họ, không thể nào "lọt" vào đó cho được. Ngay như trong bộ Tứ khố toàn thư (1772) cũng không thấy kể đến bộ tiểu thuyết nào.

Tiểu thuyết là một thứ văn chương ngoài lề văn học của người Tàu. Đó đầu phải là một cái nhệch nhả, một cái rui rọ cho giới tiểu thuyết Tàu đầu, mà trái lại, là một cái vinh dự, một sự may mắn lạ thường của nó. Là vì, không bị sự kềm chế của những quy tắc phiến phức, giả tạo, nghiêm khắc, khô khan tiểu thuyết gia được tự do hoạt động ngoài vòng tất cả mọi lý thuyết hạn định nghệ thuật của họ. Nghệ thuật cao nhất của con người là làm nghệ thuật mà không biết mình làm nghệ thuật, và cũng không cần đến nghệ thuật nữa. Tiểu thuyết Trung hoa nhờ thế mà được tự do phát triển đến cùng độ những sở năng của nó. Nó như cành hoa rừng tha hồ sống theo cái sống tự nhiên của mình, theo những quy tắc tự nhiên của bản tánh, lại được quần chúng tán thành, nâng đỡ, nuôi nấng... Bọn văn phiệt không bao giờ lung lạc nổi. Hơn nữa, nhà vua cùng các phi tần, họ sống buồn trong cung cấm, cũng đâm ra đọc tiểu thuyết ấy nữa, cho nên bọn văn phiệt đâm ra lo ngại, tìm đủ mọi phương tiện để đim nó mà cũng không làm gì ngăn nổi.

Tiểu thuyết Tàu, thực ra, là những tâm hồn dân chúng biểu lộ ra. Những ưa ghét, lo nghĩ, phản uất, băn khoăn đều được biểu diễn một cách rõ ràng. Nó là *tiềm thức chung* (inconscient collectif) của cả một dân tộc. Đối với các nhà sử học, nó là một kho tàng sử liệu vô giá. Tiểu thuyết Tàu sở dĩ được cái giá như thế cũng nhờ nó là đứa bỏ rơi của Văn học Tàu.

Truyện Tàu viết cho dân chúng nên dùng đến văn bạch thoại, thứ văn viết ra theo tiếng nói thông thường của dân chúng. Phần nhiều là đề thuật lại

BÀN VỀ TRUYỆN THỦY-HỮ' và TÂM SỰ CỦA TỔNG-GIANG

hay đọc lại cho một nhóm đông người nghe. Một lang trên vài ba trăm dân, nhiều lắm mới tìm ra được một người biết đọc. Khi mãn công việc làm trong ngày, hoặc những ngày lễ, họ tụ lại đề thuật cho kẻ khác nghe một vài câu chuyện hay mà họ đã đọc được trong sách. Đó là khởi điểm của loại văn tiểu thuyết Tàu.

Ban đầu như thế, về sau có nhiều người biết đọc, vừa làm công việc, vừa thỉnh thoảng thuật lại những chuyện hay tích lạ cho dân chúng nghe. Người nghe bèn quyền chút ít tiền để mua trà bánh tạ cái ơn kẻ chuyện, có lẽ là để bù cái thời giờ đã bỏ dở trong khi làm việc. Về sau, khi người ấy có chút ít vốn liếng, bèn sang qua nghề kể chuyện mướn. Kể chuyện, bấy giờ, lại thành ra một nghề nghiệp. Trong khi kể chuyện, hoặc tưng tưng, hoặc vì sự đòi hỏi của dân chúng, họ lại « đặt trống bưng », thêm thâu những chi tiết khúc mắc lý kỳ, trí tưởng tượng của họ, hòa lẫn với trí tưởng tượng và lòng khao khát của dân chúng, sản xuất thêm những câu chuyện thần kỳ quái đản lý thú. Xã hội tâm lý học cũng nhận thấy rằng thần thoại là cái tiềm thức của riêng mỗi dân tộc, thật rất đúng. Bởi vậy, muốn tìm lấy tên thực của tác giả một bộ truyện Tàu nào là một điều rất khó, không phải như các tiểu thuyết Âu Châu mà bảo quyền này của Flaubert, quyền kia của Balzac, hay của Dickens được.

Lấy ngay bộ Thủy Hử, ta cũng đã thấy rắc rối không biết chừng nào. Một người viết ra hay là của nhiều người hợp tác? Những tác giả của nó đã chết mất cả rồi, sau khi họ đã thuật lại một cách khách quan những điều họ nghe thấy trong thời buổi. Trong bài tựa Hồng lâu Mộng có nói: « Không cần phải biết đến truyện Đường, truyện Hán... Hãy nói đến cái thời buổi của ta đây ». Những quyền tiểu thuyết đầu tiên, thì đây đây những việc thần kỳ quái, bởi lúc bấy giờ, đầu óc dân chúng không sao thoát khỏi thần thoại được. Như trong quyền tiểu thuyết Bạch Xà, một pho truyện thần kỳ ở đời Đường mà lúc ban đầu Bạch Xà là một con độc xà trắng; qua kỳ in thứ hai, là con bạch-xà ấy lại biến thành một người đàn bà tinh-quái; Qua kỳ in thứ ba, thì con bạch-xà ấy lại biến thành một người vợ chung thủy, có đủ đức tánh của một người đàn bà hiền mẫu trong gia đình. Từ một con độc xà đến một người đàn bà hiền đức, từ một truyện thần quái đến một câu chuyện hết sức nhân tính, dù thấy cái cốt tủy của truyện Tàu là ở nơi sự tiến bộ của tâm hồn dân chúng từ trạng thái thần kỳ đến trạng thái hoàn toàn nhân bản.

Qua đời Tống (960-1127) tiểu thuyết Tàu đi đến cái độ cao nhất của nó. Tiểu thuyết các đời khác không có quyền nào sánh kịp, về sau cũng vậy, và có lẽ chỉ một quyền Hồng lâu Mộng ở đời Thanh là có thể theo kịp thôi.

Gốc rễ của tiểu thuyết Tàu ăn sâu vào tâm hồn của đại chúng rất lâu đời, qua đến đời Minh thì đem bông kết quả. Là cũng nhờ lúc bấy giờ bọn thiếu niên đứng tướng Mông cổ, họ thúc dục đòi hỏi những món ăn tinh thần của nước Trung hoa mà họ đã chinh phục bằng vũ lực. Cái học cổ của Trung Hoa không thể thỏa mãn họ được, họ xoay ra thích đọc tưởng, truyện. Nhà Vua cũng thích xem nó, trước là tiêu khiển, sau luôn tiện để lấy dân tình. Nhờ thế nó được bành trướng mãnh liệt; cuối đời Nguyên, qua đời Minh thì con đường tiến bộ của nó đến cực điểm: văn tiểu thuyết đã gần đến mức tận thiện. Trong khoảng ấy mọc ra ba pho truyện có thể gọi là xuất phẩm về tiểu thuyết lâu: Thủy Hử, Tam Quốc và Hồng lâu Mộng.

Không có một người Tàu nào không biết đến nó. Họ đọc nó, họ lấy nó làm đề thơ, tuồng hát. Những nhân vật của Thủy Hử và Tam Quốc là câu chuyện đầu lưỡi của muôn người. Giáo dục dân gian mà đến mức ấy cũng đáng ghê sợ thật.

Các nhà văn phiệt Tàu, rồi cũng phải buột lòng đề ý đến nó. Qua cuối đời Minh, *Kim thánh Tân* đem những pano truyện ấy mà phê bình, tán thưởng và ghép nó vào hàng văn từ. Từ đó về sau, người ta bắt đầu ca tụng nó.

Văn học Trung Hoa bấy giờ quý nó như một đứa con cưng.

★

Bấy nhiêu điều nói trên, có đông dài thật, nhưng thiết nghĩ rất cần thiết để dọn đường qua vấn đề tôi muốn bàn đến hôm nay.

Bài của Thu Giang NGUYỄN DUY CẦN

Thủy Hử là một pho tiểu thuyết mà lai lịch nó rất khó tìm. Có người cho nó là của Thi Nại-Am, nhưng được La-Quán-Trung bổ túc. Kể khác lại bảo:

Thi Nại Am, chỉ là người có công sưu tập và biên soạn lại truyện Thủy Hử vốn đã có sẵn là quyền « Trung Nghĩa Thủy Hử truyện » mà văn chương rất non nớt. Thật sự là như thế nào? Ta không thể biết rõ được. Có điều ta nên biết là, dù thực của một người viết ra, lâu ngày cũng bị sự thêm thắt sửa đổi. Nhưng dù sao, quyền truyện đã được trình bày mạch lạc, văn chương tuyệt bút mà Thánh Thán đã phê: « văn như nhạc trời chuông ngân », hùng hồn, dồn dập, khúc chiết, tỉ mỉ, nhất là tả tâm lý rất sành, không thể do tạp nhạp mà thành được.

Cốt chuyện nôm về Tống mạt, thế nước suy vong: những tay giàu có thì giàu thêm, còn nghèo khổ thì nghèo thêm, hết sức là cơ cực. Và đó là nguyên nhân của bất cứ cuộc tao loạn hay cách mạng nào — Tình trạng bần khổ của nhân dân càng ngày càng tăng. Vì vậy, cũng khắp trong nước không biết bao nhiêu là cuộc âm mưu biến loạn mà cuộc của bọn Tống Giang đây là một. Lợi dụng những câu chuyện lật vạt của cuộc phản loạn ở miền Kinh đông Giang bắc này, Thi Nại-Am tạo ra một tác phẩm không tiền khoáng hậu: Thủy Hử.

Trước hết, cũng nên nói qua về các bản Thủy Hử sau này. Từ trước đến giờ có nhiều bản: bản 100 hồi, bản 121 hồi, bản 141 hồi, những bản mà hiện thời lưu truyền trong dân gian và được đa số dân chúng tán tụng là bản 70 hồi. Hiện thời ở Cholon phần nhiều các bản bằng chữ Hán toàn là bản 70 hồi, nghĩa là đến câu chuyện chiếm bao của Lưu tảo Nghĩa thì dứt. Về sau người ta thấy không thể cấm cản dân chúng đọc nó, các văn sĩ ăn lộc vua bầy vẽ thêm, đặt nối thêm, đem bọn Trần hi Chơn và Lê Khanh để kết cuộc giết hết bọn Tống Giang một cách hết sức nhục nhã để mưu cuộc phản tuyên truyền thể lực cách mạng do quyền Thủy Hử gây nên trong dân gian.

Đó là nguyên nhân khiến Du văn Xuân, đời Đại Quang viết thêm đoạn sau, đặt tên là *Tục Thủy Hử* (tức là *Đàng Khẩu Chí*) 71 hồi, đem nhập vào bộ trước là 70 hồi làm thành bộ Thủy Hử 141 hồi. Nhưng bản này người Trung hoa ít ai đọc, mà người ngoại quốc cũng không ai chịu dịch ra. Bản dịch ra chữ Anh của bà Pearl Buck, tựa là *All Men Are Brothers* cũng là dịch theo bản 70 hồi, trừ ra các ông Nguyễn an Khương và Võ minh Trí của ta lại đem bản 141 hồi ra mà dịch.

★

Thủy Hử là một quyền tiểu thuyết văn chương rất lưu loát khi thì nhẹ nhàng, bay bổng, khi thì dồn dập, hùng hồn, khi thì tỉnh vi ti mỉ... Tuy viết bằng bạch thoại mà chứng chặc như văn ngôn, mạch lạc khít khao như là tả chân tuyệt diệu.

Cái hay của Thủy Hử ở chỗ không phải là một bộ truyện của một thời đại nào, mà là một bộ truyện của bất cứ một thời đại nào cũng được, hồi đó cũng như bây giờ hoặc sau này...

Trong xã hội hồi bấy giờ, dân chúng Trung Hoa sống luôn luôn gặp gỡ với bọn quan liêu hách dịch, những tay nha dịch hống dịch những bọn ca lâu đàng điếm, những tay phú thương ô trọc, những bác nhà nho gàn bướng... xấu tốt đủ hạng. Thi ở vào thời buổi nào cũng thế. Bất cứ là cuộc biến loạn nào cũng không ngoài những nguyên nhân mà Thi Nại Am đã miêu tả trong Tống giang Thủy Hử.

Cái đặc sắc của Thủy Hử là tác giả hết sức khách quan, tả rất tỉ mỉ những tâm lý và hành vi các nhà cách mạng Lương-sơn-Bạc. Một trăm lẻ tám người anh hùng Lương-sơn-Bạc là một trăm lẻ tám nỗi lòng, mà mỗi một người của chúng ta nhìn vào có thể nhận thấy được tâm sự của mình. Tác giả miêu tả mỗi người có một đặc tính mà không thể nào ta có thể lẫn lộn với nhau được. Tài tình là chỗ đó. Ta có thể gọi đây là một quyền tâm lý Cách mạng thực nghiệm — chu đáo nhất mà chưa có bộ sách nào trong văn học Tàu có thể sánh kịp.

★

Tâm sự của Tống Giang, từ lúc còn là một tên tiểu lại, một chức áp ti cho đến khi trong tay điều (Xem tiếp trang 8)

BÀN VỀ TRUYỆN THỦY-HỮ và TÂM SỰ CỦA TỔNG-GIANG

(Tiếp theo trang 7)

khuyến bọn Lương sơn Bạc chống lại chế độ đương thời, làm những việc khuấy nước chọc trời, kinh thiên động địa... là tâm sự của một người dân lương thiện, bầm tánh ôn hòa, thủ cựu nhưng vì hoàn cảnh, chế độ bất buộc mà phải đi vào con đường cách mạng triệt để. Ta sẽ thấy đây cũng là tâm sự của phần đông các nhà cách mạng "bất đắc dĩ" từ xưa đến nay vậy.

Thực vậy, nếu không có sự giết Diêm bà Tích và nhiều việc khác bất ngờ xảy ra ngoài ý muốn bất buộc Tổng Giang phải chui vào ổ Lương sơn bạc thì có lẽ Tổng Giang chỉ là một người tối trung-thành với triều đình, ngoan ngoãn cũng như bao nhiều người khác thích sống trong cảnh êm đềm dài dãi.

Lúc anh trốn về thăm cha, bị lính vây nhà, anh tỏ ra là một người không thích cách mạng: "Phụ thân chớ lo rầu. Thà rằng con ra mặt phứt đi cho rồi, còn hơn là trốn chui trốn nhủi nơi chốn giang hồ như vậy mãi. Chẳng may rồi con lại ngã lòng mà theo bọn anh em, làm nghề sát nhơn phóng hỏa thì lại còn xấu cho phụ thân hơn nữa, còn như bây giờ con ra mặt, thì bất quá bị án phát phối qua châu khác, quận khác, rồi cũng sẽ có ngày về hôm sớm với cha". Ta thấy tâm sự ấy cũng là tâm sự của phần đông chúng ta. Nhiều nhà cách mạng hiện thời, sợ dĩ trối nổi giang hồ phần nhiều cũng vì tình thế bất buộc, không thể không làm như vậy choặng. Những dây ràng buộc của gia đình khiến cho lòng người bao giờ cũng không đủ can đảm đi vào con đường gió bụi. Chỉ khi nào lỡ mang tội với pháp luật, hoặc vì cái ở êm ái của gia đình tiêu tan đi thì người ta mới nghĩ đến đời sống giang hồ. Những kẻ tự mình khi sanh ra đã mang sẵn cái tánh ưa thích giang hồ thì không nói, chỉ nói đây là nói về phần đông những kẻ sanh ra có một tâm hồn như mọi người: ưa sống êm đềm trong cảnh an cư lạc nghiệp.

Lúc Tổng Giang bị bắt, phát phối qua Giang châu, gặp bọn Lưu Đường chặn cướp về Lương sơn Bạc, Tổng Giang không bằng lòng, nhất là khi Lưu Đường tính giết hai người công sai thì Tổng Giang phản nản phản đối: "Nếu các em làm như vậy, đó là các em muốn làm cho ta sa vào đấm người bất trung bất hiếu, chớ nào phải các em thương ta đâu. Nếu ép ta, thì ta phải liều mình". Khi gặp Huê Vinh, Tổng Giang còn mang gông. Huê Vinh bảo tã hữu mở ra, Tổng Giang bảo: "Làm vậy sao phải. Và chẳng, cây gông này là pháp độ của triều đình, lẽ nào ai dám mở".

Tuy vậy, khi đến Giang Châu, lúc uống rượu ở bên lầu Tầm dương, lại khâu khí làm bài Tây Giang nguyệt từ:

*Từ lúc bé trau dồi kinh sử,
Lớn lên cũng có mưu mô.
Khắc nào cộp mạnh dựa nổng gò,
Giấu nhem vát nanh mà chịu nhọc.
Rút lột mặt mày thích tự,
Ra thân phát phối Giang Châu.
Mai sau nếu trả oán thù,
Dòng nước Tầm Giang máu đỏ.*

Cái tiềm thức của anh ta, nhờ cơn say mà phát lộ. Ta thấy nơi lòng anh trù chứa một mâu thuẫn tâm lý: một bên là khí phách anh hùng cách mạng thường có tánh tế khổn phò nguy, một bên là cái tâm hồn rụt rè an phận của một tên dân lương thiện bao giờ cũng ưa thích được an cư lạc nghiệp. Hai tâm trạng ấy cứ tranh chấp và dày vò mãi lòng anh. Đến lúc que sông đào nạn, gặp Đà Công chực giết, thì lại than: "Tội tôi bất kính thiên địa, bất hiếu phụ mẫu, nên nay phải chết một cách khổn nạn như vậy". Anh lại an với số mạng và cho đó là công lý.

Như thế, ta thấy cái hồn luân lý cũ, cái luân lý "quan sử thần tử, thần bất tử bất trung" nó như một vị linh thần hiện mãi nơi đầu óc anh, nó ám ảnh mãi tâm hồn anh, một khi anh muốn phản lại nó. Nhà phân tâm học gọi nó là cái "mặc cảm phạm tội" (complexe de culpabilité), nghĩa là cái "siêu ngã xã hội" (surmoi social), cái mà trong Thánh kinh gọi là "con mắt của Cain" mà ta thường gọi là "lương tâm" (conscience). Cain giết em là Abel, bị cái hồn luân lý kêu án, trách móc, cắn rứt. Anh thấy như có một con mắt mà anh

tưởng là con mắt của Chúa dòm mãi anh. Anh nghe mãi cái tiếng Chúa gọi anh mà trách cứ, nguyên rủa. Anh tránh đầu cũng không khỏi. Có phải đó là tiếng gọi của Chúa thật không? Không! chính đó là cái tiếng gọi của cái hồn luân lý mà hằng ngày anh tụng niệm, và sống theo, cái hồn luân lý ấy nó chỉ phối cả đời sống tinh thần anh mà anh không hề. Nay anh xúc phạm đến nó, nó theo mãi bên anh mà quở trách, Tổng Giang làm cách mạng phản triều đình, nhưng bao giờ cũng mong mỏi được chiếu an, anh sợ mang cái danh hiệu "tội loạn con giặc".

Sự thắc mắc ấy nơi Tổng Giang còn ít nặng nề hơn nơi anh Lưu tuần Nghĩa, một anh viên ngoại đang sống một cuộc đời êm đềm trường giả. Bị cưỡng bách đủ mọi cách, mắc lầm mưu mô của bọn anh em Tổng Giang mà phải buộc lòng theo Lương sơn Bạc, "con mắt Cain" của anh lại càng nghiêm khắc đối với anh là thế nào. Cái chỗ tình tế nhất của Thủy Hử là chỗ mà tác giả bày ra cảnh chiêm bao của Lưu tuần Nghĩa ở tự nghĩa đường. Dù cho Friend cũng không thể không nhìn nhận là kiệt tác.

Khi Tổng Giang bày ra cuộc làm chay lớn để cầu siêu cho những kẻ hoành vong, ác tử, thủy nịch, hỏa thiêu và những kẻ vô cố bị hại... thì lại xảy ra vụ mộ bia, trong đó có khắc sẵn họ tên của những đảng viên Lương sơn Bạc. Trong tám bia 2 mặt có chạm tên các vị đầu lĩnh, còn 2 bên bia thì một bên chạm 4 chữ "Thế thiên hành đạo", 1 bên thì chạm 4 chữ "Trung nghĩa song toàn" Tổng Giang bèn sai người làm một cây cờ lớn màu vàng thêu 4 chữ "Thế thiên hành đạo", hai cây cờ, một cây thì thêu 5 chữ "sơn đông Hồ báo Nghĩa", một cây thì thêu "Hà Bắc Ngọc kỳ Lân".

Khi mãn tiệc Tổng Giang nói với các vị đầu lĩnh: "Chúng ta cũng là thiên tính địa diếu, tụ hội tại đây, trời đã định sẵn rõ ràng. Ấy vậy, chúng ta phải đặt bàn giữa trời mà thề nguyện với nhau, hoạn nạn tương phò, sanh tử tương cứu, đồng tâm hiệp ý, chẳng khắt đời đời".

Chuyện tám bia rõ ràng là chỗ dụng tâm của Tổng Giang để trấn tĩnh nhân tâm các đồng chí, để cho lương tâm đừng thắc mắc và xoa dịu cái "mặc cảm tội lỗi" của mình đối với cái hồn luân lý qui mô của Khổng Mạnh mà mình đã vi phạm.

Trước một việc làm mà phong tục, luân lý, giáo dục hay tôn giáo của thời đại không thừa nhận, ta thấy như mình đã làm một cái gì tội lỗi. Và muốn an ủi lấy mình, phải tìm một cái gì để ta có thể "đổ thừa" và trút cả "tội lỗi" của mình vào đó. Người Pháp gọi là "bouc émissaire". Tích xưa, cứ đến ngày lễ chuộc tội, người Do Thái dùng một con dê đực, để cho thầy tế chuyện cả tội lỗi của người ta vào nó, rồi đánh đuổi nó ra đồng. Con dê ấy là vật hy sinh để người ta đổ trút cả tội lỗi hay nỗi thắc mắc của lòng mình dạng trốn tránh cái tiếng gọi thống trách của "lương tâm".

"Con dê chuộc tội" ấy, đối với nhà cách mạng là học thuyết của họ, là Thánh kinh của họ, là những danh nghĩa to tát như Tự do, Bình đẳng, Bác ái v.v... Ở đây đối với bọn Tổng Giang thì câu "Thế thiên hành đạo" là con dê chuộc tội đó. Nếu vì tư thù, vì lợi lộc của cá nhân mà giết hại người thì "lương tâm" mình không hề mình yên. Trái lại, nếu mình giết người vì danh nghĩa vì Công lý, vì Nhân đạo, vì Tự do, vì Dân, vì Nước hay thay trời mà sửa lại giềng mối cho xã tắc thì phải có khác. Cho nên, giết một mạng người là sát nhơn, là tội ác mà giết muốn người là anh hùng, là vĩ nhơn. Thờ thường, giết một con chó, lòng mình cũng không nở, nhưng khi ra trận chém giết hàng vạn sanh linh, lương tâm mình cảm thấy như không có gì thắc mắc cả. Là vì mình đã yên trí rằng việc làm của mình có lý do chánh đáng và cao cả. Bởi vậy, những kẻ gây tạo chiến tranh hay đi chinh phục cướp bóc nước người đều bày ra một danh nghĩa gì cho công trình tàn ác của mình. Bất cứ là người nào trong 108 người đồng chí trên Lương sơn Bạc trước khi giết người đều tin tưởng rằng mình đã thay Trời mà lập lại Công lý, "thế thiên hành đạo" cả Chính cũng là chỗ mà Bà de Rolland, khi lên đoạn đầu đài đã kêu to: "Ôi! Tự do! người ta đã nhân danh mi mà làm không biết bao nhiêu là tội ác!". Thật vậy, nếu không nhân danh những danh từ cao siêu đạo đức thì ai còn dám làm những tội ác tày trời với

một tâm hồn thần nhiên choặng! Trang tử ngày trước đã có nói: "Thiết câu giả tru, thiết quốc giả hầu".

Trộm một cái lưới câu thì bị giết, nhưng trộm cả nước thì lại được phong hầu, vì không gọi là trộm được nữa mà là vì tổ quốc, vì dân tộc, cho nên cũng thời trộm cướp mà được cái danh là anh hùng dân tộc, cả nước tôn thờ. Tổng Giang bày ra câu chuyện tám bia là để củng cố cái đức tin ấy, cái đức tin rằng họ là kẻ "thế thiên hành đạo", họ không phải là đầu trộm đuôi cướp mà là những bậc anh hùng nghĩa hiệp, luôn nữa họ là những bậc tiên thánh trên thượng giới giáng phàm.

Ta nên nhớ, người Tàu lúc bấy giờ tin tưởng rằng bậc anh hùng vĩ nhân đều là những vị tinh tú trên thượng giới xuống trần, cho nên cái kế hoạch ấy của Tổng Giang được người người tin tưởng. Nếu ở ngày nay, có lẽ cái kế ấy sẽ thành vụng về, nhưng nếu là nhà "cách mạng" lãnh nghề, họ sẽ tùy cơ ứng biến đem những "mê tín" của thời buổi mà áp dụng, dùng những danh nghĩa kêu to như Khoa học, Tiến bộ, giải phóng v.v... để ru ngủ lòng thắc mắc của con người.

Phải tự mình "bịt mắt" lại mới dám nhảy xuống vực sâu, phải tự tạo một danh nghĩa gì cao siêu mới có thể dám phản lại với những tư tưởng, phong tục, tín ngưỡng của thời đại, nghĩa là làm cách mạng, bất cứ là cách mạng gì.

Tuy vậy, đối với Lưu tuần Nghĩa, một người có nhiều suy nghĩ trầm tĩnh, thật thà lương thiện hơn mọi anh em trên Lương sơn Bạc thì những câu "Thế Thiên hành đạo", "Trung Nghĩa song toàn" không đủ dứt khoát được lòng anh khỏi những niềm thắc mắc. Sự ngai ngại của lương tâm bị dồn ép lâu ngày, biến thành ra một niềm chiêm bao mà Thị Nai Am đã tả với một ngôn bút khút chiết tài tình như một nhà bác học tân thời kiểu Friend vậy.

Đêm ấy, Lưu tuần Nghĩa về ngủ trong trường, nằm chiêm bao thấy có một người cao lớn, tay cầm một cây cung, xưng mình là Khê Khương nói lờ rạng: "Nay ta đến đây là có ý muốn bắt cường đạo giúp cho Đại Tống Hoàng Đế. Ấy vậy, các người đều phải trói mình chịu tội, để cho khỏi nhọc sức ta". Lưu tuần Nghĩa nghe nói nổi giận rút đao rượt theo chém người đó, nhưng đao lại gãy ra làm hai khúc. Lưu tuần Nghĩa lật đật chạy lại giá đao, thấy nội giá đao ấy, đao, thương, kiếm, kích rất nhiều, nhưng cái nào cũng mẻ, gãy không còn dùng được nữa. Người ấy trở lại rượt theo Lưu tuần Nghĩa, Lưu tuần Nghĩa cả kinh nhảy tới đánh quyền. Người ấy cầm cung đánh nhằm tay Lưu tuần Nghĩa, Lưu tuần Nghĩa té xuống, bị người ấy trói lại. Bỗng thấy thiên hạ áp tới rất đông, khóc kẻ vang trời dậy đất... Lưu tuần Nghĩa ngơ ngác, thì ra là bọn Tổng Giang cả thầy đây đủ 107 người.

Người ấy vỗ ghề mắng rằng: "Loài cường tặc, tội chúng bầy chất bằng non... Nếu ta tha chúng mi, thì làm sao ta sửa trị được thiên hạ...". Nói xong, thì thấy 216 đao phủ thủ áp ra, hai người bắt lấy 1 người dẫn hết ra ngoài đồng cỏ mà xử trảm. Lưu tuần Nghĩa kinh hồn lạc phách, giựt mình mở mắt thì còn thấy rõ ràng trước mặt một tấm bảng, bảng ấy có chạm 4 chữ "Thiên Hạ Thái Bình".

Truyện Thủy Hử đến đây chấm dứt.

★

Ta nhận thấy, suốt pho truyện đều đi một chiều tả tâm lý của nhà cách mạng như Tổng Giang hay Lưu tuần Nghĩa để kết cuộc chấm dứt bằng một câu chuyện chiêm bao ác mộng rất đầy đủ ý nghĩa: sự an ninh xã hội và cuộc phản loạn của bọn Tổng Giang không thể đi chung được nơi lòng của anh Lưu tuần Nghĩa. Lòng thắc mắc của anh là lòng thắc mắc của những nhà cách mạng bất đắc dĩ. Những khẩu hiệu to lớn như "Thế Thiên Hành đạo", "tế khổ phò nguy", không đủ sức để át hẳn cái hồn luân lý mà anh đã hấp thụ từ thuở nhỏ đến giờ trước những tội ác tày trời của phe cách mạng bạo động của anh đã gây ra trong dân chúng. Những nhà cách mạng bạo động ngày nay cũng không hơn gì, họ phải tạo

(Xem tiếp trang 44)





Ờ đã là cái Tết thứ 2 của Kháng-Chiến Nam Bộ. Cái Tết thứ nhất, bộ đội An Điền dừng chân oanh-liệt ở một làng ngay gần Gò Vấp. Rồi qua một năm đầy biến cố giờ đây bộ đội lặng lẽ dừng chân tại

một cánh rừng ở miệt Biên Hòa, để ăn Tết. Vốn-vẹn chỉ còn có hơn ba chục người, với mấy chục cây súng, nhưng các vệ mặt đều trở nên danh thép, gần như là nguội lạnh. Quần áo họ đã rách nhiều, nhưng những cây súng luôn luôn lau chùi bóng nhoáng, và túi đạn bao giờ cũng đầy bì. Mấy em nhỏ theo bộ đội, mới có một năm mà như lớn phồng lên, mặt cũng xạm đen như những anh lớn, và cũng có cây súng dài đeo nặng trên vai. Anh Bảy, tay ăn trộm chuyên môn tại Thủ Đức, vẫn còn kiên gan theo bộ đội. Anh Phong, anh Bính, anh Năm, vẫn còn nguyên và không một chút sút mẻ. Ai nấy vẫn một lòng sắt đá. Nhưng sao hôm nay, vào buổi chiều 30 Tết, lòng họ như cùng se lại khi nghĩ đến tương lai. Không ai dám nói ra một lời thất vọng, mặc dầu họ cùng nghĩ đến một ngày đen tối mà bộ đội sẽ bị tan rã hết. Đặt ba lô xuống mặt đất, cần thận dựng đứng khẩu súng ở ngay cạnh mình, họ lấy nốp ra và trải xuống ngồi nghỉ. Bữa nay ăn Tết với mấy đòn bánh tét, nhưng bữa mai thì không biết làm sao. Nhưng hãy biết bữa nay đã. Chập sau, bánh tét đã được bóc và bày ra, cùng với một đồng khoai mì. Ai nấy ăn ngon lành. Mặt trời chưa khuất hẳn, nhưng cảnh vật trong rừng đã tối mờ mờ.

Mấy anh đã ngã mình trên nốp.

Bỗng anh chỉ huy vui vẻ cất tiếng :

— Tết chỉ mà buồn quá vậy ? Anh Năm đâu, hát mấy bài nghe chơi nào. Anh Long nữa, có chuyện nào vui thì số nốt ra, người ta đương chờ đây nè.

Năm không đợi nói hết câu, đã đứng ngay dậy và lên tiếng hát vang vang, như muốn với xua đuổi những ý nghĩ đen tối đương xâm lăng trí óc. Anh em bộ đội, như cũng đồng một tâm tư, cũng với cất tiếng vang vang để xua đuổi những mối buồn. Một ra đi, là không trở về... Rừng vang lên những tiếng ca hùng dũng. Rồi rừng lại dội lên những tiếng cười ròn, khi anh Long kể dứt một câu chuyện. Nhưng vui đùa chán, lại đến lúc hết vui và cái buồn lại xâm nhập tâm hồn. Đêm đã đầy đặc trong cánh rừng. Lạnh thấm vào xương thịt. Nhưng không một ai dám nêu ra ý kiến đốt lửa để qua đêm này. Họ cùng biết đốt lửa lên thì cái chết có thể đến bất ngờ với họ. Mọi người ngồi sát vào nhau. Rồi

những câu chuyện hàn huyên, những câu thốt tự đáy lòng, được nói ra. Có ai sống được những phút lạ lùng như thế này mới thật hiểu thế nào là thông cảm với nhau.

Anh chỉ huy đã xoay ngang câu chuyện, đi thẳng vào vấn đề.

— Tự mình tính sao ngày mai đây, bà con ?

Phong đáp gọn :

— Cứ việc xuống làng, chứ còn cách nào nữa.

Một tiếng khác trong đám đông :

— Không ăn thua đâu !

Ai nấy hồi tưởng lại bữa nào, lúc sát cánh với quân của chỉ đội Mười Trí ở Ấp Tám gần Bà Quẹo. Lúc ấy anh em đã say sưa bàn cả mấy giờ đồng hồ rồi, cầm cự đứng mãnh ở một thửa ruộng.

Bỗng có những kẻ ở phía sau kéo áo các chiến sĩ. Ngó lại thì thấy có những bà già, những phụ nữ, đeo những ổ bánh tét dày mình, đã bỏ ra tận mặt trận để phân phát cho những kẻ chiến đấu quên ăn. Hồi ấy, anh em đi đâu cũng no đủ. Đồng bào nghe nức tiếng đồn những chiến sĩ trong bộ đội An Điền đã từng tiêu diệt cả bộ Tư Lệnh miếu Đông của Pháp đóng ở Thủ Đức làm cho hàng chục sỹ quan Pháp bị chết... Hàng chục cái quan tài phủ vải đen, đưa vào Nhà Thờ Lớn Saigon trong buổi lễ an táng, ai cũng biết. Đồng bào ca ngợi những chiến công đó, nên giúp tặng bộ đội rất nhiều. Và rồi cũng

TẾT TRONG BỤNG

TÔI xin nói ngay rằng tôi là... một thằng hèn. Trong khi người ta rầm rập đi kháng chiến, thì cái thằng tôi bỏ camp ở Saigon, ban đêm nghe súng nổ, ngày đi coi đánh nhau như coi hát xiếc, hoặc vác cái xe máy rông sang Chợ Lớn mua mớ rau về luộc ăn. Đã hèn lại còn gàn nữa : Vì không kháng chiến, lại cũng không đi làm lại với Pháp, cứ ôm cái bụng đói cả mấy tháng trường, rồi lâu lâu lại đi ra bụng chơi với những anh em kháng chiến... Và cũng vì vậy nên mới viết được câu chuyện vặt này...

nhờ những chiến thắng liên tiếp mà bộ đội cứ tăng thêm người mãi lên, từ hơn chục người tăng lên trăm người, rồi hai trăm... Vậy mà nay chỉ còn có mấy chục người... nói cho đúng con số là năm chục người.

Còn hạn nào bằng !

Anh chỉ huy tính toán :

— Xuống làng thì Nguyễn Bình nó không cho ta lãnh gạo đâu, nhưng không xuống thì không lẽ ngồi đây để chết đói. Vậy cứ xuống !

Một anh chép miệng sau một tiếng chửi đồng :

— Kháng chiến mà cũng phân biệt hạng nhất, hạng nhì. Chỉ đội trưởng Huỳnh tấn Chùa thì được đầy đủ, mặc áo kaki súng đẹp ngày ngày có thịt bò, thì theo, dĩa nào cũng mập thiệt là mập. Mà chúng nó lại không phải chiến đấu khổ cực.

Hồi ký của **TRẦN VIỆT SƠN**

6-3 cho quân Pháp quyền chiếm đóng Bắc Việt. Nguyễn Bình được Việt Minh phái vào Nam Bộ, đã buộc tôi phải trao lại bộ đội cho cán bộ Cộng sản chỉ huy. Anh em bộ đội hồi đó không chịu, nên Bình tìm mọi cách để tiêu chúng ta. Các bạn đều biết Nguyễn Bình hại ta những gì...

Tất cả những việc cũ hiện ra trong trí óc các người chiến sĩ, rõ mồn một. Chiến sĩ số 1 ở Nam Bộ là Vũ Đức, được gọi ra Bắc... thắng thường, nhưng bị giết chết ở dọc đường. Chỉ đội hải ngoại ở Thái Lan về, lập tức bị phân ra năm, mười mảnh. Chỉ đội 11 của anh em Tổng Công Đoàn, bị Nguyễn Bình lừa vào vòng vây của Pháp ở rừng Đức Hòa, và bị tiêu diệt gần hết. Nguyễn Bình thuê tiền mướn trụ Bình Xuyên để đi ám sát anh Phiệt, một lãnh tụ

kháng chiến và là một đảng viên Quốc Dân Đảng. không ngờ mấy trụ Bình Xuyên lại đến nói cho anh hay và trao tiền cho anh em bộ đội làm một bữa cà-phê ngon lành. Chính bộ đội An Điền đương đóng ở cánh rừng đây, và đương đói khát, đã bị Nguyễn Bình quyết tâm tiêu diệt nhiều phen.

Trong hơn tháng trời, bộ đội luôn luôn bị Tây theo đánh, mặc dầu bộ đội đã luôn luôn lưu động. Chuyện chỉ mà kỳ lạ ! Sao bộ đội đã lưu động luôn luôn mà Tây còn biết mà theo đánh ? Chính Phong và anh chỉ huy đã thân đi điều tra sự bí mật đó. Sau khám phá được, một cô điểm cứ đi theo rồi bộ đội rồi báo cho Tây. Cô điểm bị bộ đội bắt, đã khai rằng mình nhận lệnh của Nguyễn Bình, theo rồi các bộ đội Quốc gia để báo cho Tây đến đánh. Chao ôi là buồn ! Một lần khác, giữa khi bộ đội An Điền đánh nhau với Pháp, thì toán quân của

Nguyễn Bình kéo tới. Anh em mừng rơn ! Phen này bọn Pháp tất chết ! Nhưng súng của Nguyễn Bình bỗng nhắm vào anh em An Điền mà nổ rầm rầm. Bao nhiêu lần Nguyễn Bình đã làm như vậy đối với các bộ đội khác rồi.

Anh chỉ huy lại chậm rãi :

— Bọn Pháp đương bồi nhợ kháng chiến Việt Nam, là Cộng sản. Chúng đương tạo ra cả một phong trào báo chí thân Cộng ở giữ Saigon, để rồi chúng đem trình cho Mỹ rằng kháng chiến là Cộng sản đấy. Chúng làm vậy là để được công nhận ở lại V.N và được giúp đại bác, xe tăng. Cho nên chúng cố diệt kháng chiến quốc gia trước hết. Bởi vậy mà chúng ta phải cố gắng đề nêu cao chánh nghĩa Quốc gia trong cuộc đề kháng chống mấy mặt trận này.

Mọi người đương say sưa nghe, bỗng được kéo về thật tại :

— Mai sớm, chúng ta cứ xuống dưới làng. Nguyễn Bình đã hạ lệnh cho Ủy Ban làng chỉ được tiếp tế cho các bộ đội Cộng sản thôi, nhưng chúng ta sẽ vừa xin, vừa dọa bọn Ủy ban, chắc sẽ có được ít lương thực.

Không ai đáp lời. Trong đêm tối đầy đặc, người ta tưởng như trông thấy được những vệ mặt hoài nghi...



Sáng sớm, bộ đội rầm rộ kéo vào làng. Dân chúng thân mật đón chào. Có những em nhỏ chạy (Xem tiếp trang 10)

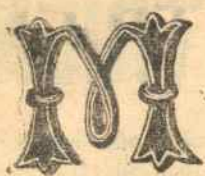


Long cướp lời liền :

— Hừ ! Cái đó không ham. Đã kháng chiến phải có khổ cực. Ít nhất chúng ta cũng tự hào là những người dám chiến đấu không như những kẻ ăn uống nhiều mà không dám lộ mặt đánh Tây. Bính là người rõ câu chuyện hơn ai hết kể :

— Tôi đã được dự một trận đánh của Huỳnh tấn Chùa. Thấy dân chúng xam xì quá nên họ phải đi tấn công đồn. Họ chọn đêm không trăng cho binh núp cần thận quanh đồn, rồi nổ súng. Trong đồn Tây bắn ra liên miên... Nhưng đám người của Huỳnh tấn Chùa không bao giờ xung phong hết. Gần sáng, họ lui binh về, rồi đem trưng bày mấy cây súng họ đã đem sẵn từ trước. Họ bảo cướp được súng ở đồn Tây đây — và họ kể ra những chuyện trời biển. Đến đây, anh chỉ huy mới chậm rãi nói (một cách thân mật) :

— Đã từ lâu, các bạn vốn hiểu con đường kháng chiến mà chúng ta noi theo, nó không có một chút phân biệt nào hết. Hàng ngũ ta chấp nhận mọi hạng người, và chúng ta chỉ biết có Quốc gia, Dân tộc chứ không muốn một chủ nghĩa nào chế ngự chúng ta. Cùng với bao nhiêu đoàn khác, chúng ta đã kháng chiến lừng lẫy kể từ ngày Trần văn Giàu cùng chân tay ôm kết bạc chạy ra Bắc, để lại Nam Bộ cho Pháp dày xéo. Nếu không có anh em kháng chiến thì cả Nam Bộ này đã lọt hết vào tay Pháp rồi con chi. Chúng ta khổ cực bao lâu, rồi Việt Minh mới lại lộ đầu được vào Nam Bộ, sau khi ký sơ ước



ICHEL đặt mạnh ly rượu xuống bàn, nhìn tôi ngạc nhiên :
— Thế ra anh không biết tìm chỗ nào "dung thân" trong dịp lễ Giáng Sinh này ?
Tôi lắc đầu cười :

— Quả thật là chưa ! Ở Pháp bốn năm nay rồi cũng chán. Tôi muốn đi chơi xa, thăm một nước láng giềng nào đó cho biết đó biết đây. Có lẽ sang Ý, thăm Naples và ở lý đó cho tới hết mùa đông hoặc lâu hơn nữa chưa biết chừng.

Michel vội đáp :

— Không được ! Khí hậu miền bề không hợp cho bộ phổi của anh, nhất là lại thêm gió nồng địa trung hải. Hay là anh sang Áo đại lợi chơi, tôi có một bà dì, ruột ở miền Tyrol, sát ngay biên thủy Thụy sĩ. Ở đó núi cao, cảnh rộng chắc vừa ý anh mà vừa hợp cho sức khỏe của anh nữa. Bằng lòng chứ ?

Tôi chưa kịp trả lời thì Michel đã vội vã nói tiếp như sợ tôi từ chối :

— Tôi sang Bá Linh, qua Munich rồi tạt xuống Tyrol thăm dì. Khi về sẽ có anh làm bạn đồng hành hẳn phải vui hơn. Mai lấy thông hành đi, rồi lại tôi, ta sẽ nói chuyện nhiều.

Michel và tôi quen nhau đã năm năm có lẻ, từ

khí còn mãi chung đứng quân ở ban Trung học. Hồi đó, ngày nào tôi cũng tới nhà họ Ham-bourg để cùng sửa soạn thi phần triết lý. Nhiều khi học tới tận khuya, chúng tôi rủ nhau đi ăn khoai rán ở tận chợ, giữa Ba Lê rồi chia tay để hôm sau lại gặp nhau sớm. Thân thích đến nỗi điếu thuốc ngất làm đôi trước tách cà phê sẽ nữa, tôi không muốn để Michel nài ép, nhận nhời ngay :

— Anh chắc không sợ phiền bà dì anh chứ ? Nếu vậy cuối tuần [tôi sẽ lên đường để gặp anh ở Tyrol. Lúc đó ta lại đồng đến khuya tâm sự.

Thế là lễ Giáng Sinh năm đó, không một mây may dự tính trước, tôi lên đường sang Áo đại lợi với chiếc va-li nhỏ đã bạc màu vì gió muôn phương.

Đoàn tàu tốc hành Paris - Vienne rúc một hồi còi giải như chút gánh nặng đường xa rồi từ từ ngừng bánh. Tôi xóc ngược cổ áo ngự hàn, thất lại dài lưng bước xuống sân ga thánh Johann.

Lần đầu tiên đặt chân trên đất Áo, giữa một đêm đông tuyết lạnh tôi cảm thấy long buồn man mác, nỗi buồn của kẻ tha hương đi lập nghiệp trời xa. Gió heo hút lạnh rít lưng tôi như tiếng thở dài ai oán. Mảnh trăng lưỡi liềm chênh chếch ngang trời làm tăng vẻ ảo huyền của đêm khuya. Chung quanh tôi, rừng núi An phiến trắng xóa, chập chùng giải vô tận. Mấy ngọn đèn đêm thừa thớt rung rinh trông như những bóng ma chơi chập chờn nhạo người dương thế.

Ga thánh Johann sau một thời bom đạn, nay chỉ còn dăm căn nhà gỗ lều tèo. Ngày xưa, nơi đây hẳn đã từng lừng bóng ngựa xe mà bây giờ chỉ còn đôi ngọn đèn xanh, đỏ đón kẻ đến, đưa người đi, mà bây giờ chẳng còn một chút gì gọi là di tích của một thời xưa oanh liệt.

Còn đang hoang mang với những cảm giác đầu tiên ấy, chợt một lão mã phu ngập ngừng tiến lại phía tôi, nghiêng mình lễ phép hỏi :

— Thưa ông từ Ba lê tới ?

Rồi như nhận ra vẻ mặt của khách ngoại dương, lão già kính cẩn tiếp :

— Tôi là gia nhân trên gia đình họ Gruska. Bà chủ tôi mệt nên sai tôi ra đón. Thưa ông, ông có nhiều hành lý ? tôi xin xách hầu.

Tôi mừng rỡ trả lời :

— Phải, chính tôi đang muốn tìm nhà; thật chu đáo quá.

Lão già lặng lẽ cúi xuống xách chiếc va li, tôi bước theo ra cỗ xe song mã. Chiếc xe trượt tuyết do đôi ngựa vạm vỡ kéo lê trên con đường tuyết mịn khô. Tôi run lên vì rét. Chiếc áo lông vũ

CẢNH HOA MÙA TUYẾT

NGUYỄN GIA KHÁNH

của tôi không còn đủ ấm với cái rét ghê người vùng cao nguyên này. Nhìn tôi co ro, lão mã phu đưa cho một cốc rượu mạnh :

— Ông chịu rét chưa quen, nên sơ chút rượu cho ấm dạ. Năm này rét sớm ông ạ, chắc lại được mùa tuyết thôi. Nếu ông không quen lạnh thì càng nên thận trọng.

Tôi đỡ cốc rượu nhưng rút thuốc lá hút. Tuy nhiên hai hàm răng vẫn đánh vào nhau thành tiếng. Để quên cái lạnh thấu xương, tôi bắt đầu gạ chuyện :

— Nhà còn xa không cụ ?

Lão già chỉ rằng núi trước mặt :

— Thưa cũng không còn xa lắm. Nhưng đường dốc, và lại sáng nay tuyết nhiều nên cũng phải non một tiếng nữa mới tới nơi.

Tôi bắt đầu hối hận là bỏ một thị thành ấm cúng để về đây chịu cái rét mười độ dưới mực thủy ngân, chợt lão già quơ tay chỉ rằng núi trước mặt điểm ánh lửa xa xa :

— Ông có trông thấy ba ngọn đèn liên nhau kia



không ? Nhà ở chỗ đó. Chắc bà chủ cho rong đèn để đợi ông.

Nghẹn cổ lên nhìn tôi chỉ thấy xa lắc xa lơ và ánh đèn thừa thớt. Chán nản tôi ừ ào cho song chuyện. Lão già lại ra rồi đục ngựa, thỉnh thoảng lão lại quát mắng lũ vật bằng một thứ thô âm khó hiểu.

Tiếng nhạc ngựa đều đều trong khuya vắng làm phong cảnh đã dịu dịu thêm tịch tịch buồn. Một vài bóng tuyết đọng trên cành cây bị gió lay bay, là là trong khuya lạnh. Nhờ ánh trăng đêm tôi còn trông rõ cả những bông tuyết nặng rơi trên thềm xe rồi vỡ tan tành.

Cả gia đình và gia nhân thức giấc chờ tôi đến. Họ đón tôi như đón một quý khách mong đợi từ lâu. Nghe ngựa hí tự công, bà Gruska ra tận hiên ngoài đứng đợi. Vừa xuống xe chưa kịp tự giới thiệu, bà chủ nhà đã nắm chặt lấy hai tay tôi, lay đi lay lại :

— Thật là quý hóa quá. Tôi bị cảm không ra tận ga đón ông mong ông thứ lỗi. Michel có biên thư báo tin ông ở chơi với chúng tôi ít lâu, thật là vạn hạnh. Chúng tôi xa nơi đô hội, không biết khách sáo, vậy mong ông thân tình mà xử.

Tôi cảm động trả lời :

— Thưa bà, tôi với Michel là chỗ bạn thân, nếu được coi như người nhà thì thật là may mắn.

Sau mấy câu nhạo nhẽ theo lễ thường, và lại ai nấy cũng đều ân cần vỗ vạ nên từ e thẹn tới thân tình chỉ là một bước ngắn. Đến tận bấy giờ tôi mới nhìn kỹ bà kỹ bà Gruska. Bà thuộc hạng không già không trẻ, nước da còn mịn vì không biết nắng mưa, tay bà nhỏ nhỏ, những bàn tay trâm

anh ấy chắc chưa hề biết mùi khó nhọc. Bà kéo tôi ra ngồi cạnh lò sưởi để hong giầy. Nâng ly rượu mạnh mời tôi uống, bà gọi con ra giới thiệu :

— Đây là Dany, con gái độc nhất của tôi. Nhà tôi mất từ ngày em còn chưa biết đi, ấy thế mà năm nay đã được vào Âm nhạc viện rồi.

Quay lại phía con, bà âu yếm bảo :

— Chào ông đi con.

Tôi giờ tay ra bắt, tự giới thiệu :

— Tôi là Đạt vị, bạn của Michel. Tôi từ Ba Lê tới, muốn thăm nước Áo. Ao ước cô sẽ chỉ tôi trượt tuyết và tôi — tôi mỉm cười nói tiếp — tôi sẽ bảo cô cách ăn cơm bằng đũa của người Á đông chúng tôi.

Dany giờ tay bắt rồi e thẹn nói :

— Ông dạy tôi thật nhé, vì tôi không thể nào hình dung nổi cách ăn súp bằng đũa của các ông được.

Cả nhà phá lên cười.

Bà Gruska e tôi suốt ngày hành trình nhọc mệt nên khuyên tôi đi ngủ sớm. Và bà thân hành dẫn tôi lên tận cửa phòng, chúc tôi ngon giấc.

Phòng tôi ở dành riêng để tiếp khách phương xa. Bài trí rất đơn sơ : một chiếc giường xinh xinh, một tấm bàn nhỏ nhỏ ; tường sơn màu xanh nhạt trên treo mấy bức ảnh cỡ. Ở góc phòng, một cây thập tự bằng gỗ, một bình hoa đại đặt trên lò sưởi bên cạnh có quyền thánh kinh bỏ mở. Cửa sổ trông ra rằng núi An Phiến trùng trùng điệp điệp mà tuyết đầu mùa đã lấp lánh dưới ánh sao khuya. Nhìn qua khung cửa, trắng thượng tuần xanh vắng vặc, lạnh hắt hiu; tôi thấy như mình sống giữa một thời liêu trai chỉ dè nào xa xôi mà cuộc đời được toàn vẹn mĩ. Ấy là chưa kể tiếng thông reo vì vút ngoài hiên ai oán tựa tiếng ca của oan hồn đang giải bày tâm sự. Thỉnh thoảng một giọt mái gianh rơi đếm phút giờ trôi chảy.

Phải về những miền quê, nơi đô hội, sống giữa núi trời, có tuyết trắng, có thông xanh, trước núi cao bên cảnh rộng mới để thấy tâm hồn mình cảm thông với vũ trụ bao la. Tôi nằm im trong giường, nhắm mắt lại, để tận hưởng những cảm giác dịu dàng đó.

★

Dany gọn gàng trong bộ đồ trượt tuyết. Đứng trên đỉnh non cao, nàng dơ tay gọi tôi riu rít. Tôi ý ghạch khuôn đôi ski nặng trên vai, miệng hờn hờn thở. Mỗi lần cất bước là một phen bị xa lẫn trong tuyết. Thấy vậy Dany lại càng trêu tôi hơn. Đợi tôi đến vừa tầm tay, nàng nắm tuyết thành từng viên đập tôi túi bụi. Tôi quay lưng lùi lại phía nàng và thân mật đẩy nàng ngã ngồi trong tuyết. Dany cười dòn tan, tiếng trong như giọt pha lê, hồn nhiên như những tiếng cười của người hãy còn nằm mộng mơ dịu dàng với phủ phàng thực tế.

Tôi pha trò :

— Đi tuyết khô hơn "đi cống", biết vậy ở nhà ngủ có phải sướng hơn không. Nhưng có có biết thế nào là đi cống không, để tôi kể cho nghe.

Không thấy Dany trả lời tôi quay lại, đã thấy nàng băng mình trên làn tuyết mịn. Tôi muốn bắt chước, song chưa được ba thước đã ngã lăn trên sườn dốc.

Buổi trượt tuyết đầu tiên ấy không đem lại cho tôi một chút kỷ niệm nào, nếu không phải là tôi đã khám phá ra Dany đẹp, đẹp như cánh hoa Edelweiss chỉ mọc những vùng cao nguyên tuyết phủ. Nhưng tôi muốn cảm hẳn lòng mình vì linh tính báo trước cho tôi hay một chuyện không lành sẽ xảy ra mà chúng tôi chỉ là những kẻ đáng thương mà không đáng trách. Nhưng lòng trai đang độ nở hoa, tình trai đang thiếu thời và, ở đời, một cơn giông mãnh liệt đầu đủ đe dọa một cánh chim non đang thêm khát trời yêu mới lạ. Tôi trầm ngâm thả hồn theo giông tư tưởng. Bao nhiêu ý nghĩ êm đẹp hiện ra trong óc tôi rồi vụt tắt hẳn như những cánh sao băng chỉ hiện ra khoảnh khắc.

Nhìn tôi lặng thinh Dany hỏi :

— Anh nghĩ gì mà lâu thế. Nếu muốn tìm thì hướng nên về nhà ngồi cạnh lò sưởi thì hơn ; các văn sĩ Áo đại lợi thường vừa giúp vợ làm bếp vừa làm văn đấy.

Tôi đáp :

— Còn ở nước tôi thì các văn hào vừa ra ao kỹ lưỡng cho các con vừa làm cả văn xuôi lẫn văn vần.

Cả hai chúng tôi cùng phá lên cười. Nhưng tiếng cười của tôi không hồn nhiên như tiếng cười của Dany vì nàng và tôi chênh lệch vừa tròn mười lăm tuổi.

(Xem tiếp trang 14)

TRANG 11

M

ÔNG MỘT tháng mười hai dương lịch. Chiều. Tìm một đề tài viết cho báo Tự Do số Xuân. Nghĩ mãi không ra. Một anh bạn đến lôi tôi đi :
— Đi xem triển lãm Hội

Họa Mới của Đức đi !

Như thoát nạn, tôi đi. Phòng Triển lãm ở đường Tự Do. Tôi trả cho cô giữ cửa mười đồng để lấy một cuốn chỉ dẫn. Vào cửa là Sáu giờ bốn mươi lăm, ra cửa là bảy giờ kém mười. Đi một vòng. Ngó một trăm lẻ một bức Vẽ Mới của ba mươi tám nhà Họa Sĩ Mới. Năm phút. Anh bạn tôi cau có :

— Uống hai chục bạc tắc xi. Thực là Tai Họa chứ không phải Hội Họa.

Anh kéo tôi ra cửa. Chúng tôi lên xe về. Anh cầu nhàu cả một đoạn đường dài. Riêng tôi, tâm trạng có lẽ cũng chẳng hơn gì anh bạn. Tôi thấy mình là một con người tặc, tặc hoàn toàn ở giữa cái thế giới SIÊU PHẨM của các ông nhà HỌA SĨ MỚI. Tuy vậy mà tôi cứ sướng : tìm được một đề tài cho bài báo đang gặp gỡ.

Trước hết, tôi xin thú thực là chẳng hiểu tí gì về các môn "VẪ VỚI". Có lẽ tôi chỉ muốn có một vài THÁI ĐỘ về những THÁI ĐỘ của các nhà VĂN NGHỆ trước CUỘC SỐNG, nếu hiểu TÁC PHẨM văn nghệ là những thái độ trước cuộc sống và PHÊ BÌNH là một thái độ đối với những thái độ sống ấy.

Mấy chục năm cuối thế kỷ XIX, do đà tiến và những phát minh khoa học, người ta có thể phân tích được ánh sáng, tách rời nó ra thành từng yếu tố riêng rẽ, tụ hội nó lại, cố kết nó với nhau. Lịch sử văn nghệ thế giới, vì thế, mà rẽ một khúc quặt quan trọng. Với Corot, với Courbet, nhất là với Claude Monet, màu sắc như được thổi phồng lên, sôi lên sùng sục. Trong lãnh vực hội họa, phái Ấn Tượng ra đời, lợi dụng và áp dụng những khám phá mới về màu sắc của ánh sáng vào việc thể hiện sự vật.

Trước kia, sự vật được nhìn như là một tổng hợp, một CÁI GÌ một, thuần nhất, mịn mẫn, nhẫn nại... Từ đây, nhà nghệ sĩ nhìn sự vật qua những YẾU TỐ đang tách rời, hay có thể tách rời. CÁI GÌ trong con mắt của nhà nghệ sĩ không còn là CÁI GÌ nằm ở trong một chỗ không gian, hạn định ở trong một biên giới thời gian nữa. CÁI GÌ cũng không phải là sự vật trừu tượng, bất biến, phổ thông theo quan niệm cổ điển. CÁI GÌ — tức sự vật — chỉ được nhận ra

NHÂN ĐI THĂM PHÒNG TRIỂN

do những biến động có thể kiểm điểm được của ý thức. Rút cục, CÁI GÌ tức sự vật chỉ còn là những ẤN TƯỢNG của MỘT cá nhân, trong MỘT nơi MỘT lúc nào đó, hay nói cách khác là những THÁI ĐỘ, những PHẢN ỨNG của MỘT người ở MỘT nơi, MỘT lúc.

Lập trường khách quan nhường cho chủ quan, tả thực đòi sang ấn tượng. Vẽ, đối với nhà họa sĩ, không phải là chụp lại, cốp lại cái tự nhiên bất động, nằm lì ra đấy, mà là ghi nhận, mà là cố kết... những phản ứng, những Ấn tượng, những thái độ của dương sự đứng trước MỘT sự vật, MỘT nơi, MỘT lúc.

Nhất là từ bốn năm chục năm trở lại đây, nghĩa là từ thế chiến thứ nhất, và đặc biệt là trong suốt thế chiến thứ hai... loài người lúc nào cũng như ĐANG TRẢI QUA những cơn ÁC MỘNG. Thế chiến thứ nhất giết chết hàng nửa triệu người và làm điêu tàn hàng bao nhiêu dân tộc, cái vết thương ấy chưa hẳn gần được thì loài người lại đã bị xô đẩy vào thế chiến 1939-1945, giết hại hàng triệu người ngoài trận địa, tiêu diệt hàng trăm triệu người một cách tàn bạo mỗi trong các trại tập trung, các trường sửa sai, các nông trường...

Mà đâu đã hết ! Mùi sát khí càng từ đây mỗi ngày một bốc thêm, bao phủ tất cả vũ trụ loài người.

Con người (viết chữ nhỏ) càng thấy không hiểu gì CON NGƯỜI (viết chữ lớn). Khoa học tiến bằng những bước khổng lồ. Người ta khám phá được nhiều bí mật của trái đất và đang khởi hành công cuộc khám phá vũ trụ. Nhiều bức màn bí mật bao phủ không gian đang bị gạt xuống.

Nhưng khoa học về CON NGƯỜI hình như đang đi lùi lại. Con người sờ sờ ra đấy mà lại HIỆN RA như một MÀU NHIỆM. Nó đang chạy trốn trước con mắt soi mói của chính nó : nó đi như tên bắn, vút biến và ; đằng sau nó, là RỒNG KHÔNG, XÓA NHÒA... Người có thể chụp được trái đất và tinh sao trên trời từ xa ngàn vạn dặm nhưng chưa làm sao CHỤP được CON NGƯỜI.

Hình ảnh CON NGƯỜI chấp chớn, biến hóa. Chiều nay, nhân đi xem cuộc triển lãm HỘI

HỌA MỚI của Đức, Hội họa mà người bạn của tôi gọi là TAI HỌA chứ không phải HỘI HỌA, tôi đột ngột có một hình ảnh về CON NGƯỜI, một hình ảnh phác bằng một vài nét nhột nhật, mập mờ, chấp chớn, chưa thành hình, có lúc như đang tan mất đi. CHỨNG NHẬN của những hình ảnh huyền ảo ấy là các nhà VĂN NGHỆ SĨ hiện tại.

Thực vậy, trước đây, người ta có một quan niệm về nghệ thuật khác xa ngày nay :

— Hội họa hay điêu khắc là để cho chúng ta những bức ảnh lộng lẫy hay thủy mị, nhưng bao giờ cũng điều hòa, cân đối, mịn mẫn... như những bức họa của Michel-Ange hay các bức tranh Tàu...

— Thơ là để cho ta những vần trong mát, chảy triển miên, nhịp nhàng, tiết tấu, mê ly...

— Truyện là để trình diễn những tình tiết ly kỳ, khúc mắc thể hiện những tình trạng tâm lý muôn thủa hay những thực cảnh xã hội phổ quát...

Ngần ấy thứ ngày nay không còn nữa. Hội họa và điêu khắc toàn tạo ra những hình kỳ cục, méo mó; thi ca đi đến chỗ đập vỡ mọi hình thức với những câu và vần dài ngắn thất thường, khắp khênh; truyện với những truyện không có truyện. Tất cả đều có vẻ kỳ cục, méo mó, gờ gờ, lòng thòng, chưa xong. Nếu hiểu văn nghệ, hơn những ngành khác, là thể hiện cuộc sống loài người thì văn nghệ hiện đại đương ném tung tóe ra dưới mắt chúng ta những mảnh vỡ còn vấy máu của cuộc sống ấy, cho ta thấy con người là hiện thân của một sự LY KHAI, CHIA LIA, XÉ RÁCH, TAN TÀN...

TAN TÀN ở ngay bên TRONG con người và TAN TÀN ở chung quanh con người.

★

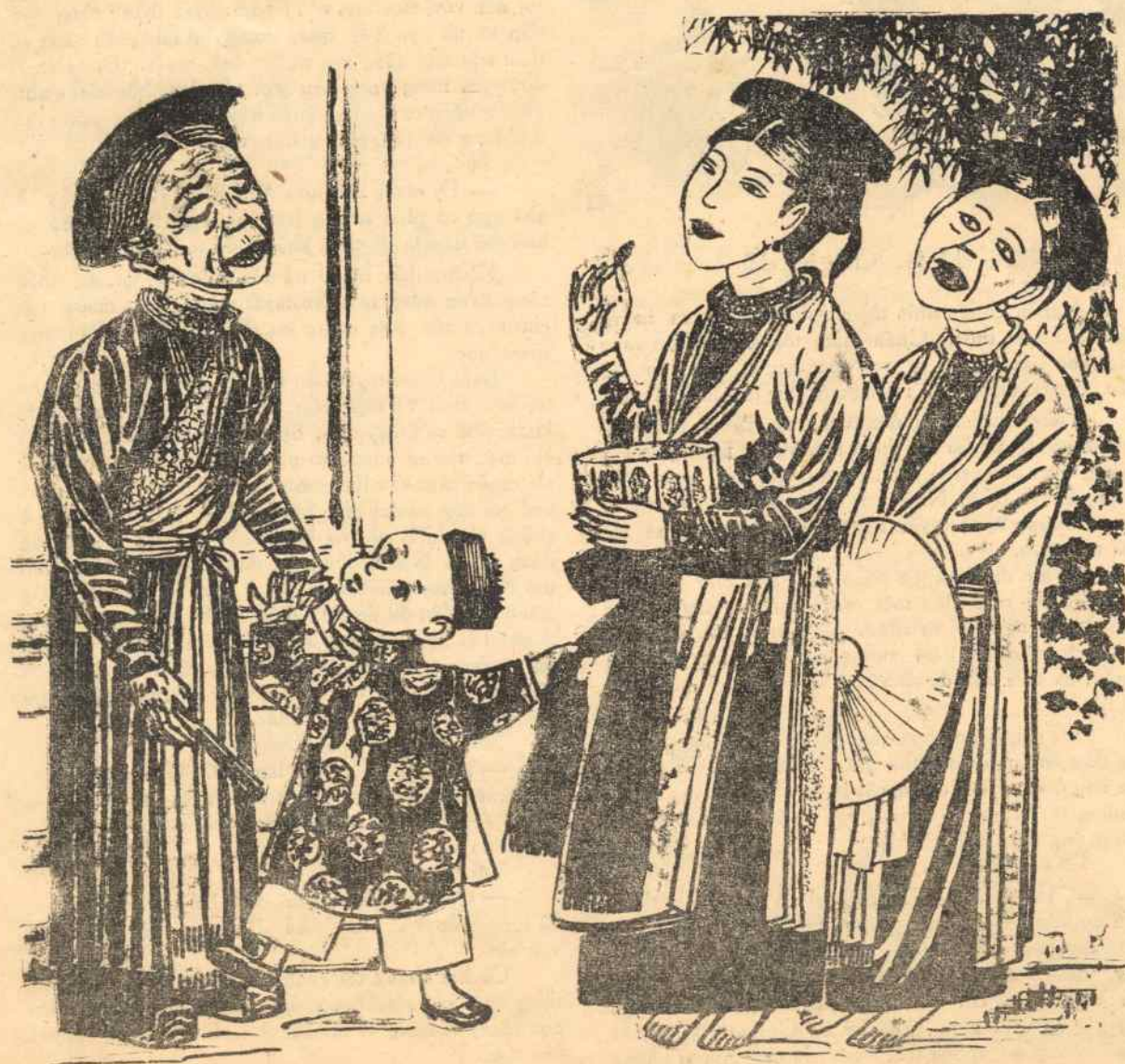
TAN TÀN TRONG con người.

Nhìn vào con người, nhà nghệ sĩ thấy đó là một thân phận BỊ ĐÁT bởi vì nó luôn luôn ở trong cái trạng thái bị XÉ RÁCH, bị PHÓNG RA, nhưng đồng thời lại khao khát sự HỢP NHẤT, sự TRỞ VỀ. Chính cái trạng thái mâu thuẫn ấy gây nên sự căng thẳng, làm cho con người lúc nào cũng như bị giằng co, cọ xát rạn nứt TRIỂN MIÊN. Thay vì cảm thấy có MỘT, thì, ngược lại, ta cảm thấy có HAI vật ở bên trong, đi ngược chiều, xung khắc nhau, chối nhau, loại trừ nhau, xâu xé nhau. Hình ảnh bị đất của con người là nó cứ phải ở MÃI trong cái thế chiến TRIỂN MIÊN, QUẢN QUYẾT... ấy. Càng thăng. Lão đạo. Ngã nghiêng. Nghệt thở. Hấp hối. Hình ảnh đau đớn ấy đang biểu lộ ra ở trong hội họa, điêu khắc. Ngày xưa, nhà nghệ sĩ ưa vẽ cái đẹp điều hòa, mịn mẫn : một cảnh thu phải có cúc tùng ; một cảnh non nước với núi cao, sông lặng ; một cảnh xuân với cỏ non xanh rợn chân trời ; một người đẹp phải "hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh". Nhà họa sĩ ngày nay muốn ly khai với tất cả các thứ truyền thống đó : họ không muốn vẽ con người trống không, con người trừu tượng mà MỘT người lúc này, chỗ này, nghĩa là MỘT người cụ thể... Hơn thế, nhà họa sĩ còn đi xa hơn để chỉ nhìn CÁI NGƯỜI ẤY dưới MỘT trạng thái, tưởng như y CHỈ là MỘT trạng thái ĐÓ : Vì thế có bức tượng CHỈ là MỘT ngốc đại ; có bức tượng CHỈ là MỘT đau đớn, có bức tượng CHỈ là MỘT tuyệt vọng, có bức tượng CHỈ là MỘT cánh tay gãy lìa vấy đầy máu, có bức tượng CHỈ là MỘT cái đầu vĩ đại, lác lư, cằm lệch lạc trên một cái cổ vẹo vọ : có khi là MỘT cái mũi trống rỗng, không lỗ trên bộ mặt nhô xú ; có khi chỉ là những đường gãy chổng chắt lên nhau, những mảnh sứ méo tan tành. Họa sĩ muốn nói lên sự LY KHAI, CHIA LIA, XÉ RÁCH, MẤT THĂNG BẰNG, LỆCH LẠC, TAN TÀN trong con người. Như nhiều bức họa của Picasso (thiếu nữ bên bờ biển (số 12), khỏa thân (số 13), ba thiếu nữ bên bờ biển (số 16), thiếu phụ (số 21), nhiều bức họa của Karl Hartung (hai người số 31), của Hap. Grieshaber (thiếu thân số 25), của Franz Cestnik... nghĩa là của cả phái ấn tượng, lập thể...

★

Cái con người sứt mẻ, tan tành ấy còn để lộ thể diện không kém rõ ràng ở trong văn học. Thực vậy, điêu khắc và hội họa đã xâm nhập một cách ồ - ạt vào địa hạt văn học. Nhưng kỹ thuật của các trường Ấn tượng, Lập thể trong hội họa bắt đầu cảm dỗ các nhà thơ, nhà kịch, nhà truyện khiến cho văn pháp cổ điển bị đảo lộn. Viết văn, nghĩa là diễn tả MỘT Thái độ, MỘT Phản ứng của

NHỚ VỀ QUÊ TỎ



LÂM HỘI HOA MỚI CỦA ĐỨC

THAHH LĂNG

MỘT người. Mà những thái độ, những phản ứng nhà văn lựa chọn để hình dung MỘT người thường là những thái độ, những phản ứng ngược ngạo, khù khờ, ngớ ngẩn, lạc lõng, khiến y có cảm tưởng y sinh lầm thế kỷ, không thích ứng được với hoàn cảnh, không hòa hợp được với khung đời. Y là khách lạ giữa xã hội: y lạ đời và đời lạ y. Cái tâm trạng ấy làm cho y cảm thấy mình sống giữa những cái THỪA, những cái PHI LÝ, những cái VÔ NGHĨA. Hơn thế y nhận thấy chính mình cũng thừa, cũng phi lý, cũng vô nghĩa. Chính hiện tượng ấy tạo nên tình trạng BI ĐÁT của con người, làm cho nó chán nản, buồn nôn, tuyệt vọng...

Hình ảnh con người qua vai truyện của Julien Green chẳng hạn không còn là một hình hài có "phong tư tài mạo tốt vời, vào trong phong nhã, ra ngoài hào hoa" mà là một quái vật ghê tởm. Green nói về vai truyện của ông: "Từ bé, y NHẬN RA ở trong người y sự HIỆN DIỆN của MỘT VẬT gì không tả được, nó ở ngoài tầm vươn tới của y". Như vậy, hình ảnh con người là hình ảnh một phần nửa con người bị PHỎNG RA ngoài, chơi vơi, đối lập lại con người, biến thành một mẫu nhiệm đối với con người. Hình ảnh con người không còn là hình ảnh những kẻ sĩ, những anh hùng "muốn xé núi, lấp sông làm nên tiếng anh hùng đầu đầy tổ" nữa.

Văn chương cổ điển là một thứ văn chương trình bày, giảng giải, kết thúc... Văn chương hiện tại, ngược lại, chỉ là một sự suy tưởng: vai truyện của Gide, của Malraux, của Sartre... lúc nào cũng như đang vờ đầu, ôm trán, nhăn nhó... suy tưởng về thân phận của mình được nhìn thấy như là một dấu hỏi tuyệt vọng.

Truyện xưa bao giờ cũng cho ta một khung cảnh như là "Tà tà bóng ngả về tây, hay nao nao dòng nước uốn quanh"; giới thiệu cho ta những vai truyện như là "Một giai con thứ rất lòng, vương quan là chữ, nối dòng nho gia, đầu lòng hai ả tố nga, Thúy Kiều là chị, em là Thúy Vân"; mô tả những mối tình: "Người quốc sắc, kẻ thiên tài, tình trong như đã, mặt ngoài còn e".

Ngày nay, ngược lại Malraux chẳng hạn đã mở đầu cuốn *La Condition humaine* của ông bằng cách gọi lên Tchen cách đột ngột với hai câu hỏi cho vờ. Thế thôi. Không một khung cảnh. Không một động tác. Ai là Tchen? Ta không biết. Ta chỉ tên hân với nỗi xao xuyến bao trùm lên hẳn. Truyện bao giờ cũng có vẻ đột ngột, lăm lăm khi ngược ngạo, bí mật, như là ném bừa ra, bỏ dở, chưa xong... Văn chương hiện đại không mô tả con người như một vật mịn màng, thuần nhất với vẻ đẹp quyến rũ, không ví nó với trăng, mây, nước mà là bắt nó xuất hiện với một mảnh thân bị xé rách, bị rách nát. Con người như vừa qua một cơn ác mộng, những run rẩy, co quắp còn để lộ trên da thịt y.

★

TAN TÀNH quanh con người.

Con người, nếu đã cảm thấy mình chia HAI mình là khách lạ, vô quê hương ở trong chính NỘI TÂM, thì, đối với NGOẠI CẢNH, con người càng là bơ vơ, cô độc, khách lạ hơn nữa. Khách lạ đối với vũ trụ, vì quanh mình, chẳng có gì là sẵn sàng cả, chẳng có gì là đã xong mà trái lại nhất thiết cái gì cũng đều phải bắt đầu, phải làm lại...

Khách lạ đối với NGƯỜI KHÁC, vì không ai là người mình đã gặp, không ai là người mình đã đi vào đời họ hay họ đi vào đời mình; những đường nứt sâu thành vực thăm đang nằm y ra giữa các con người. Gabriel Marcel đã ví xã hội với một sa bao la, triền miên, một vũ trụ vắng tanh, lạnh lẽo. Camus trong *Le Mythe de Sisyphe* nhận thấy rằng trước những ham muốn của con người, thế giới đã chỉ biết đem lại tuyệt vọng, trước tâm lòng khao khát hợp nhất, vũ trụ bày ra bộ mặt rạn vỡ, mâu thuẫn... Gabriel Marcel cũng cùng một nghĩ ấy khi ông viết: "Một đôi khi bạn chẳng cảm thấy đang phải sống, nếu có thể gọi được là sống, trong một thế giới rạn vỡ sao? Phải, rạn vỡ như một chiếc đồng hồ cũ. Lò xo không chạy nữa. Bề ngoài không có gì thay đổi. Mọi máy móc đều yên vị trí. Nhưng nếu ta cầm lên tai mà nghe, thì không thấy gì hết". Clauds Mann, nhà văn hào Đức cũng thú nhận như vậy: "Cuộc sống ta bắt đầu vào một thời bấp bênh, xao xuyến: tất cả đều rạn nứt, nghiêng ngả ở quanh ta. Chúng ta chẳng còn biết dựa vào đâu. Hướng theo chiều nào. Nền văn minh chúng ta đang mất thăng bằng, không mục đích, không ý chí sống mà sẵn sàng đi đến tiêu diệt".

Nếu nhìn vào cái cái vũ trụ bất động, con người

chẳng thấy nó mịn màng thì khi phải lạc vào thế giới người với người, nó còn bơ vơ, ngược ngạo biết bao nhiêu. Trước mắt tôi, những người KHÁC là những mảnh sứ mẻ, hỗn độn, không ăn khớp vào đâu.

Trong phim *La Strada*, vai thằng điên đã chỉ nhìn thấy trong người đồng nghiệp của y một con chó như trăm ngàn con chó. Và cái anh chàng bị coi là chó này đã chỉ nhìn thấy trong vợ y một con vật chuyên chở đồ lễ gánh hát của y. Cái hình thù người đang đứng trước mặt tôi không gọi cho tôi một ý tưởng gì nếu không phải cái ý tưởng lợi hay không lợi. Một khi quan niệm NGƯỜI KHÁC là một PHƯƠNG TIỆN sinh lợi, thì tương quan giữa người với người không còn vấn đề đạo đức luân lý nữa. Nếu mọi người đều coi nhau là phương tiện, là đồ dùng, đều nhất thiết muốn dùng nhau hết cả thì thế tất phải đi đến va chạm. Giết chóc và chiến tranh giết chóc bộc phát từ đây. Hình ảnh con người dưới con mắt các nhà văn hiện đại, là hình ảnh những con vật đang xâu xé nhau, không nghe tiếng lòng mình rên xiết, tiếng tha nhân quàn quai, tiếng vũ trụ van lơn. Con người không tin gì hết kể cả cái hiện hữu của chính mình. Tuy vậy người ta cũng hãy còn gặp nhau ở một điểm, một điểm thôi, đó là nhận rằng thân phận con người là BI ĐÁT, nhưng khát khao trốn bỏ bi đát. Cá nhân cũng như đoàn thể đang bị xé rách, chia lìa mà không thể tự mình vá lành, hợp nhất được. Loài người đang bơ vơ trên đường tìm một thế lực thứ ba để chấm dứt tình trạng xé rách chia lìa. Một luồng sáng hy vọng đang chấp chờn ẩn hiện ở một chân trời nào đó. Từ trong sự nhận thức cái phi lý của mọi sự, từ trong tình cảm chân nhận có những giới hạn trong con người, tận đáy lòng mỗi người vẫn âm ỉ một khát vọng, khát vọng Vô Biên một ước ao hòa mình vào Vô Biên. Rồi từ sự khát vọng xa xôi, mơ hồ ấy đối với Vô Biên loài người dịch gần đến với Thượng Đế. Thái độ chấp nhận Thượng Đế của một số văn nghệ sĩ lúc ban đầu chỉ là một thái độ miễn cưỡng, bất đắc dĩ. Ivan trong truyện anh em Karamazov của Dostoevsky, đại biểu cho một phần nhân loại, đã phải tự thú: "Mỗi người là một thằng quỉ. Mà vì có quỉ cho nên phải có thượng đế. Nếu không có Thượng đế người ta không thể sống được".

Rồi từ chỗ chấp nhận miễn cưỡng, dần dần con người đi đến chỗ chấp nhận thoải mái, vui lòng, rằng có Thượng đế, rằng con người là một phần của Thượng đế phóng ra, cần được hút trở lại với Thượng đế.

Cái bi đát thực sự của con người chính là vì nhận thấy mình bị phóng ra ngoài Thượng đế mà không tìm ra được đường trở về nguồn là trở về với Thượng đế cho nên cứ phải ở mãi trong tình trạng phóng ra triền miên. Thái độ của nhiều nhà văn hiện đại là ao ước Vô Biên, tìm về Vô Biên, Hòa mình vào Vô Biên. Với Saint Exupéry, nhất là với F. Mauriac, với Claudel, với Gabriel Marcel, hình ảnh con người hiện tại là hình ảnh của một kẻ đang đi tìm, tìm sự giải thoát, tìm sự kết hợp, tìm yêu, đương... Một chút ít ánh sáng yếu đuối đang hiện ra trên trán con người. Hình ảnh con người, nhất là từ mấy năm gần đây, kể cả các nhà văn bên kia các bức màn sắt, là hình ảnh của một kẻ đang ngẩng nhìn trời, đang khao khát cái gì ở trên cuộc đời đang qua, đang bước đi trong lo sợ, nhưng tin tưởng. Hình ảnh con người hiện đại là hình ảnh của một kẻ triết nhân, thích suy ngẫm, đã từng vượt qua mọi hình thức tù ngục và đang thực hiện sự giải thoát cho mình và cho tha nhân.

Đây là những THÁI ĐỘ của các nhà văn nghệ sĩ TRƯỚC cuộc đời. Hiểu được những THÁI ĐỘ ấy, chúng ta mới hiểu được SỰ NGHIỆP của họ, một SỰ NGHIỆP đang hiện ra dưới một trạng thái kỳ cục, gờ gờ, méo mó, lệch lạc bởi vì dưới con mắt của nhà văn nghệ sĩ, trong thái độ của nhà văn nghệ sĩ, tất cả sự vật nội giới và ngoại giới đều kỳ cục, đều gờ gờ, đều méo mó, đều lệch lạc...

Hay đây là THÁI ĐỘ của TÔI trước những THÁI ĐỘ của VĂN NGHỆ - SĨ về CUỘC - ĐỜI? Tôi đã nói: nhà văn hay tác phẩm là một thái độ trước cuộc sống, còn phê bình là một thái độ đối với cái thái độ trước cuộc sống kia. Nếu vậy, bài này là MỘT thái độ về văn nghệ HIỆN ĐẠI, MỘT hình ảnh mà nhà văn nghệ sĩ GHÉP cho CON NGƯỜI hiện đại.



BỐN MƯƠI

Chớp mắt vào trông sắp bốn mươi.
Biết hoa nào đẹp, nắng nào tươi?
Bao nhiêu mộng cũ thời niên-thiếu,
Trên gối canh tàn những hồ người.

Ta vẫn là ta có phải chăng?
Tóc bù quán lẻ, bạn dăm thằng.
Men thơ cũng hã theo men rượu,
Lại đã xuân về, khôn nói năng!

Biết nói gì đây? hỏi cố-nhân!
Tuổi mình trăm tuổi vẫn thanh xuân
Ta-Nay cùng với Ta-Ngày-Trước
Không khác mà sao lệ dầm khăn.

Tuổi vẫn là Ta hoá chẳng Ta!
Hôm xưa cô gái khít bên nhà,
Gặp nhau khép nép chào: « Thừa
bác! »

Ta sững sờ trông em bước qua.

Em bước qua là xuân bước qua.
Ồi xuân! Xuân cũng có khi già?
Hôm nay mới thấy mùa xuân đẹp,
Mới thấy mùa xuân có bướm hoa.

HOÀNG - TRINH

TRANG 13

CẢNH HOA MÙA TUYẾT

(Tiếp theo trang 11)

Gió nổi phiêu phiêu thổi mạnh lùa trong mái tóc bông bồng, tung bay cả khăn quàng cổ. Bóng Dany in thắm trên nền trời lá mạ, thân hình nàng đều đặn như pho tượng thần Hy Lạp ngàn xưa. Còn tôi, tôi chỉ là một tín đồ sùng bái trước vẻ đẹp trang nghiêm.

Trên đường về, Dany đi sát bên tôi chậm bước trên dốc quanh co. Thỉnh thoảng một bông tuyết trên cành rụng xuống, bay tung theo chiều gió thổi.

Dany ngửa tay ra hứng những cánh tuyết đưa tôi :

— Tuyết đẹp thế này nhưng sẽ tan trong tay và chỉ là những giọt nước tầm thường.

Tôi trả lời :

— Chỉ vì bàn tay loài người thô tục, nhớp nhơ không đáng được nâng niu những báu vật thiên nhiên.

Rồi tôi tự nhủ thầm : những bông tuyết đẹp thế này như nếu ta đem về thì cũng chỉ là những giọt nước mưa như trăm ngàn giọt nước khác. Chúng tôi lặng bước bên nhau vì mỗi người theo đuổi ý nghĩ riêng của chính mình.

Bà Gruska đứng đón chúng tôi ở trước hiên, nhìn thấy chúng tôi tự dưng xa, cất tiếng gọi to :

— Ông Đạt Vĩ, mau về có thư.

Bức thư đó của Michel từ Bá Linh gửi về. Trong thư bạn tôi viết :

“Anh Vĩ,

“Tôi Bá Linh được ba hôm rồi, tin rằng anh cũng hành trình yên ổn. Ở đây phong cảnh đẹp, nhiều đền đài tôi phải đi coi cho hết nên không thể xuống Tyrol đón anh như chúng mình đã định trước. Mong anh đừng giận. Ao ước sẽ gặp anh với vẻ hồng hào ở giữa giảng đường trong đầu năm tới.”

“Cho tôi thăm đi, cô em nhỏ bé. Chắc bây giờ cô ta chẳng còn nhỏ bé như xưa nhưng tôi vẫn quen miệng gọi là “nai con”.

Thân yêu,

Tôi đưa thư Michel cho Dany đọc. Lòng tôi mừng vui như một cậu trẻ nhỏ vừa thoát không phải đọc bài. Không hiểu Michel sẽ nghĩ sao khi thấy tôi siêng năng trước sắc đẹp của “nai con”. Bất giác tôi mỉm cười.

— Anh thích trí gì mà cười luôn miệng ? Dany hỏi.

Biết là mình không đủ can đảm giảng cho Dany hiểu nổi vui riêng, tôi tìm cách chống chế :

— Anh cười nhìn má Dany hồng hồng như những trái đào mới chín chắc phải vừa ngon, vừa ngọt, vừa giòn tan.

Dany trả lời rất nũng nịu :

— Không nên ăn ngay bây giờ anh ạ, để sau bữa cơm tráng miệng thì hơn. Nhưng ai lại ăn má em bao giờ, anh ác lắm.

Nói xong nàng giả vờ giận dữ, chớp mắt nhìn tôi.

Vừa lúc đó bà Gruska gọi chúng tôi ra phòng ăn. Dany nói đùa với mẹ :

— Chắc anh Vĩ no rồi vì anh ấy vừa ăn xong hai trái đào mới chín. Bà Gruska ngạc nhiên hỏi :

— Sao ? Cô này chẳng biết gì cả, làm sao có đào mùa này mà ăn !

Không hiểu là phải, vì chỉ có ai đang ở tuổi hai mươi mới quen với những câu nói ngụ hàm những ý tưởng yêu đương.

II

Bao hai hôm liền nên tất cả cảnh vật làng Johann này hầu như biến mất dưới nếp tuyết dày. Phong cảnh miền núi trắng xóa một màu tinh bạch những cô gái thơ đi chịu lễ thánh lần đầu. Vết chân người hỗn loạn trên mặt đất hôm trước, nay được lớp tuyết mới che phủ về nhộp nhộp. Cảnh thông trước cửa la đà nặng những mảnh tuyết đêm qua.

Mấy đứa trẻ, con cái gia nhân, chỉ lạy trời mưa thật nhiều tuyết để chúng được tự do nân thăng người trước sân. Tuy nhiên chúng vẫn e nếu tuyết xuống nhiều quá che kín mất ống khói lò sưởi thì cha Noel không còn lối đem quà lại cho chúng đêm Giáng thế.

Có ở miền núi mới hiểu dân sơn cước sùng bái. Họ coi đêm Giáng sinh quan trọng hơn ngày quốc lễ. Từ hàng nửa tháng trước thiên hạ rủ nhau đi sắm sanh đồ đạc. Cả một năm trời lăn lộn với cuộc sống khó khăn, hôm nay đây chính là lúc nghỉ ngơi. Nhất là những hôm bão tuyết, không một ai lộ đầu ra khỏi cửa ; tính mệnh con người quá nhỏ nhen trước những trận cuồng phong.

Tôi ngồi cạnh lò sưởi đỏ rực, ngâm tầu thuốc, nhìn Dany rạo rực cầm. Ánh lửa chập chờn nhay

múa in trên tường những hình bóng rung rinh. Tiếng than hồng tí tách nổ rộn ràng như phụ họa theo tiếng đàn độc tấu. Tôi nhả khói thuốc xanh lơ để hồn lửng lơ trôi theo tiếng nhạc. Gió hiên ngoài dật dìu qua những cành thông nặng tuyết như lòng tôi nặng trĩu yêu đương. Sầu mênh mang nên cả tâm hồn lưu lạc mà phong sương chưa làm bạc nửa mái đầu.

Tiến sát lại bên đàn tôi nhìn Dany đang say mê với những phiếm ngà. Tóc nàng vàng, vàng như thể tơ ươm ; mắt nàng xanh, xanh như cầm thạch ; môi nàng thắm, thắm như cánh hồng mới hái. Tim tôi đập mạnh, lòng tôi xao xuyến. Run sợ, tôi thành kính tiến sát bên nàng khẽ gọi :

— Dany.

Dany ngước mắt nhìn tôi mỉm cười nhưng những ngón tay vẫn rập riu trên những phiếm đàn. Rồi như trong một cơn mê, như cậu trẻ nhỏ đọc bài :

— Dany ! Anh không thể nào dối trá lòng anh lâu hơn được nữa. Anh yêu em, em có biết vậy không.

Và diễn đại, tôi ghi chặt đôi vai nhỏ nhỏ trong tay, đặt trên cặp môi non ấy một chiếc hôn đầu. Dany không kháng cự, chỉ khẽ rùng mình. Tóc nàng sòa trên má tôi, hơi nàng thổi ấm cả lòng kẻ viễn du và tim nàng đập rung chuyển cả một tâm hồn bạt gió. Tôi khẽ gỡ tóc nàng, đắm chiều tìm hình ảnh mình trong cặp mắt xanh trong. Phút giờ như ngừng



lại ; cả hai chúng tôi cùng run lên vì hạnh phúc.

— Có thật không anh ?

Tiếng nàng nói nhẹ như văng tự phương xa. Tôi nhắm mắt gật đầu.

Lửa trong lò vẫn bập bùng cháy, tiếng than hồng vẫn lách tách nổ ran duy chỉ có tiếng đàn cầm là ngừng hẳn. Có ai biết ở giữa thế gian khổ ải này có hai kẻ lòng đang tung bồng khúc nhạc mùa Xuân.

Tôi đặt Dany ra bên cửa sổ. Ngoài trời ánh chiều dương đang thoi thóp trên mây giải núi xa xôi nhưng lòng tôi còn dư vang khúc nhạc và quay cuồng theo nhịp chậm nhanh của điệu đàn do lòng mình tưởng tượng. Nắm chặt đôi tay dịu mềm của người yêu trong bàn tay thô kệch, tôi run sợ như kẻ nghèo hèn đang nâng niu một bảo vật hiếm hoi.

Nghe tiếng gọi, Dany gỡ mái tóc, nàng chạy vào nhà trong để tôi một mình với những cảm giác thần tiên.

Chưa bao giờ tôi thấy cảnh trời chiều êm đẹp như hôm nay, chưa bao giờ lòng tôi thanh thản và

trực rỡ bằng. Nếu người ta thường nói run lên vì lo sợ thì chính lòng tôi, lúc này, cũng đang run lên vì sung sướng. Điều thuốc lá cuối cùng của chiều hôm đó thơm hơn, ngon hơn, ngọt hơn những điều thuốc trước nhiều.

Tất cả gió mùa Đông này liệu làm lạnh nổi lòng trai ?

Tôi trở về phòng lấy giấy viết thư cho Michel. Viết xong đọc lại tôi thấy dối trá với bạn nhiều quá. Tại sao không kể chuyện lòng cho bạn nghe ? Xé đi viết lại đôi lần nhưng không một lần dám ngó tâm tình. Đối với người bạn thân nhất thì lại e dè... Nhưng người đời ích kỷ mà người trai đang độ thanh xuân lại còn ích kỷ hơn nhiều...

Dany rủ tôi xuống làng sắm đồ Tết. Cổ xe trượt tuyết chỉ chở được hai người nên nàng không đem theo người hầu gái.

Chúng tôi ngồi bên nhau trên chiếc xe song mã. Tiếng vó ngựa đập nhịp nhàng, tiếng nhạc ngựa đều đặn, cảnh núi trời bao la làm tôi quên cả ưu tư. Dany trao cương ngựa cho tôi, kéo chiếc chần dạ che chân rồi ngã đầu trên vai tôi nhắm mắt. Tôi thả lỏng giây cương ghì sát Dany vào lòng. Tóc vàng óng ả trộn lẫn với mái tóc tôi bởi, cả hai chúng tôi sung sướng. Đôi ngựa không người thúc chạy khoan thai chậm bước như muốn kéo dài phút giờ êm đẹp.

Dany kìm ngựa, nhảy xuống xe, hái một bông Edelweiss bên đường, đưa cho tôi :

— Em tặng anh đóa hoa này, hoa vạn niên thanh, em ao ước tình ta cũng chỉ giản dị như đóa hoa này.

Tôi thành kính đặt hoa trên môi rồi trân trọng cất trong túi áo. Muốn tượng trưng hình ảnh của vĩnh viễn, của bất diệt dân Tyrol thường dùng Edelweiss làm biểu hiệu. Tôi vuốt tóc Dany nói như một lời hứa :

— Chỉ bao giờ cánh hoa tàn thì họa may tình ta mới biết màu vàng ủa. Đỡ Dany lên xe, tôi ra roi cho ngựa chạy thẳng xuống 1 làng.

Lũ trẻ quây quần ngồi chung quanh Dany học hát. Tôi tưởng tượng một nàng tiên ngồi giữa các thiên thần dạy bài ca Giáng Thế. Bầy tiên ấy hiện xuống trần gian để xua đuổi hết ưu tư của loài người và đem lại cho cuộc đời ít nhiều hy vọng ở tương lai. Đêm Giáng thế, kẻ ngoại đạo cũng như các tín đồ tạm xua đuổi những hiểm khích nhỏ nhen cùng mừng vui mở hội. Đêm giáng thế lòng người thanh cao hơn, trong sạch hơn và loài người tạm quên cả sầu tư mà chờ ngày mai tươi đẹp.

(Xem tiếp trang 41)

...RỒI chiều tàn lại lướt qua đồng ruộng. Trong mấy hàng cây xanh đen đã thấy leo lét ánh đèn đầu. Đồng sông êm đềm trôi qua như sự sống của một xã hội không đảng phái. Cánh chim chiều trẻ nãi cũng bay thẳng và hút dạng trong chân trời như khói phải ghé trạm nào...

Lão Hai Bành cấp chai rượu để lưng lưng qua cầu. Vừa trông thấy tôi, ông đánh « bách » vào đùi mà nói :

— Ủ ! Vậy chớ ! Trường ông không về. Thôi về nhà tôi ăn cơm.

Tôi chưa đáp lời gì thì ông than thân mật :
— Khô quá ! khô quá ! Có ông về nói chuyện chơi cho vui chớ ở nhà tôi buồn quá.

Phần con cháu nó mới cạo đầu tọc lóc rồi nữa.

— Sao lại cạo đầu ? Phụ nữ mà cạo đầu ?

Chỉ ấy muốn đi tu à ?

— Không ! Tu tiết gì đâu. Nó...luật gia đình mà.

Ông lão nói câu khó hiểu. Tôi không biết đáp thế nào, ông lại tiếp :

— Nó luật gia đình, nó cạo đầu tọc lóc. Cần nó không được.

— Bác nói cháu không hiểu ra làm sao hết.

— Dài lắm ! Dài lắm ! Vô nhà đi.

Vào đến nhà thì một phụ nữ trắng trẻo mặt xương xương, đội chiếc khăn bàn nhỏ như lão tu sĩ miệt vườn đi năng, ngồi ngó xuống đất, đôi mắt đỏ hoe. Lão Hai Bành nói liền.

— Không có rầu rĩ gì hết trời. Tao tưởng bây nói lấy. Đề đầu cạo thiệt ! Cạo làm tể mỗ tổ gì.

Luật nào thì luật, chớ vậy rồi chết sao ?

Người phụ nữ tựa cằm lên đầu gối rầu rầu ngó xuống đất đáp :

— Tôi có sợ ở tù đâu. Lo mấy đứa con. Nếu nhà nước không nhìn nhận rồi làm sao ? Bốn năm đứa, ít ỏi gì. Vậy mà nói với anh lo khai sanh ảnh cứ lúc lắc hoài.

— Thì bây coi. Con vợ lớn nó ba đứa, có đứa nào có khai sanh đâu. Bây lo nuôi con cho nó đi học, cho nó mạnh giỏi, lại không lo, lo khai sanh làm khi gì ? (?)

— Ai người ta cũng lo cho con có khai sanh hết. Cậu cứ...

— Cứ gì ? Chớ đây không thấy nó lo nuôi mấy đứa nhỏ muốn « trần thân » sao ? Mẹ con bây thiếu cái gì đâu. Có phải nó gánh của bây về cho vợ lớn nó đâu ?

Bây ở với nó là bốn năm mặt con rồi mà không hiểu hoàn cảnh hay sao ? Cũng tại bây thấy sự cảm tình với nhau, thấy nó lo cho bây, bây mới ở. Ở thì phải biết... vậy chớ.

— Thì tôi có nói gì đâu. Cậu cứ rầy cả vòng cả vòng (khỏi) không hề. Người ta nói bây giờ không có cho vợ bé vợ mọn mà. Con vợ bé không có khai sanh được mà. Nhà nước không co nhận nữa mà. Sự sống, sự sống, hoài hề. Cậu bị ba chai rượu đó mà quên sự chánh phủ hết ráo.

— Sự chánh phủ là sự gì đâu ? Lo như bây vậy há. Cạo đầu tọc lóc là lo sự chánh phủ há. Rống cái họng vậy hề !

Hừ ! Cả chục năm rồi bây không có hôn thú rồi bây thúng à ? Tại nó không có khai sanh rồi nó chết à ?

— Nhưng tôi kỳ thì nó không thì được. Tiền lương của anh tôi không lãnh được.

Lão Hai Bành ngó ra, hừ một cái quay vào nói tiếp :

— Tiền lương chắc có gấn vàng ở trong, còn tiền không lương chắc xài không được.

Hồi đó tới giờ nó có đưa lương cho bây đâu. Thứ lạng á mà ! Làm ăn có tiền thì sống. Lương, lương, lương gì ?

— Rồi mấy đứa nhỏ không thì được đây nè. Cậu làm sao ?

— Thì há ! Thì dụ nó thì đậu rồi bây lấy bằng cấp nấu ăn hay là làm sao ? Tao kể cho nó thì một cái một thì giới hơn ông sư Nho đi. Bây thấy không ? Giáo sư Nho bây giờ làm cái gì ? Dạy cho con quận trưởng Tam Bình, trả tiền lương còn thua Dân Vệ nữa. Báo đảng Tú Tài thất nghiệp như trâu nhà máy trời sông. Cái thứ « ăn học » đời này mà ra cái quái gì.

Nói đến đây ông lão quay qua tôi :

— Xin lỗi nghe, ông Vũ Bình. Có thiệt vậy à ông.

Tôi không muốn làm đứt đoạn câu chuyện nên đáp :

— Có như vậy. Ông nói chuyện với chị ấy đi.

— Ôi ! Con đó mà, tự này giờ ông có nghe không ? Nói vậy không hề.

Nói vậy cũng có lý về phần chị ấy chớ.

Chị cháu gái như có đồng minh là tôi, nói thêm.

— Ông cứ tưởng để không ông ời.

Ông Hai Bành bắt trớn :

— Chớ khó à ! Bây cứ treo treo ba cái hôn thú, khai sanh để làm gì ?

Tao đã nói ăn học rồi cũng ăn trét. Đếm đi ! Đếm đi bây ! Bây đếm coi ở đây có Thiếu úy L.

NHỮNG MẢNH... GIA ĐÌNH LẠC LÔNG

Phóng sự vui của **VŨ BÌNH**

L.T.S.— Luật gia đình đã được ban hành một năm tròn. Một đạo luật quan trọng như vậy khi được ban ra không khỏi làm xao xuyến một thiểu số gia đình ở trong tình trạng « bất hợp pháp ». Dĩ nhiên là một đạo luật không thể hoàn tất cả một xã hội trong một hay hai năm nhưng dù sao đạo luật đó cũng đã cấm một cái mốc cho giai đoạn lịch sử. Vì vậy trong dịp đầu năm chúng tôi xin cống hiến bạn đọc thiên phóng sự vui dưới đây của Vũ Bình để gởi lại năm đầu tiên ban hành « luật gia đình ».

T.D.

nè. Trung úy M. nè. Đại H. nè. Và ối thôi là nhiều mà bây không biết đâu. Mấy ông này bây biết đó, coi mấy ông có bằng cấp gì ? Người ta cũng là làm đến một... sự quan quyền, vinh hiển lắm chớ bộ... « ầy » à.

Chị cháu ngó lên như tức, hỏi :

— Nói như cậu thì ai không có khai sanh không bằng cấp thì làm quan hết chắc.

— Coi ! Coi ! Ngu không. Tao nói vậy nghĩa là bây thôi đi, đừng có cà kê cà nạo ba cái hôn thú « hôn thê » đó khai sanh có cũng tốt, mà không cũng không sao. Con có cha trong giấy mà không có cha ở ngoài thì mới chết, chớ còn không cha trong giấy mà ở ngoài có cha nó lo cho nó thì không có ngộp, không có chết đâu. Còn vụ tiền lương « tiền lẹ » đó thì thuộc về mấy ông quan lớn bà lớn. Người ta có cả chục ngàn này, qua chục triệu kia người ta cần giấy tờ đăng mà chia mà giữ. Chớ còn bây đó mà có môn lo tốn tiền tòa rồi cạp giấy mà ăn. Đời bây giờ hề giàu thì nó « xẹt ngang » nó giàu chớ không phải nhờ ăn học dốt-lom, « dốt lẹp » gì đâu.

Thằng Lương đó, bây giờ bây tới vay của nó mấy chục ngàn lại không có. Mà thằng đó thì làm gì đâu. Luật gia đình đâu ? Vợ nào ở thì nó nuôi, vợ nào đi thì thôi. Con hai bên thì đầu ra đó. Sứa đồ, có đủ, quần áo thuốc men đồ, có đủ, tiền bạc đồ, có đủ. Mà nó thì làm cái gì ? Chụp hình ! Nội có cái chụp hình đó thôi. Xẹt ngang một cái nhờ ông Tỉnh Trưởng ra lệnh dán hình vô « lát xê » (có lẽ lão muốn nói căn cước) thì người ta dùng dùng kéo tới chụp.

Mỗi « bô » mười chín đồng thôi. Chụp một ngày 400 bô. Chụp hơn một tháng mua ra đồ, « quết ba » mấy đèn, máy chụp, máy rọi, cho vay, đủ thứ. Chiều chiều bận đồ bị ra ma lùa trắng nằm ghé xích đu đọc tiểu thuyết đồ chơi vậy há.

— Nhưng người ta đã hợp pháp hóa rồi.

— Thì hợp gì ! Hóa gì ! Hóa cũng con, cũng vợ, hợp cũng vợ cũng con. Bây ngày nay không có giấy tờ gì hết thì người ta nói bây là vợ của thằng



— Thôi hãy gác những chuyện thơ mộng ấy lại — Liệu em đi làm anh ở nhà làm cơm được chớ ?

H. hay là má của nó ? Rồi nó với bây kêu mấy đứa nhỏ bằng con hay bằng cha ?

— Nhưng không có giấy tờ thì người ta muốn bỏ chừng nào họ cũng bỏ được. Cậu biết chưa ?

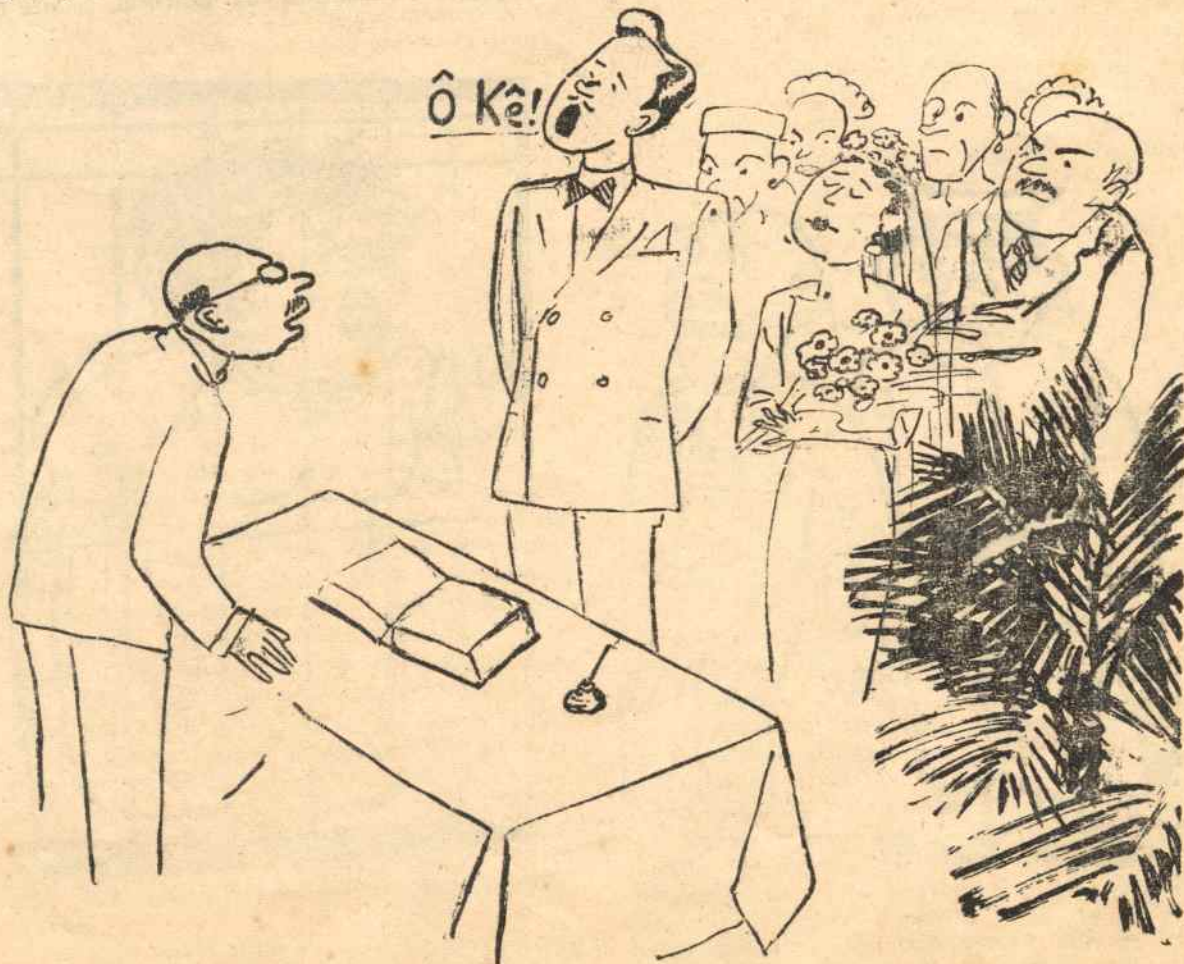
— Biết chớ ! Còn có giấy tờ thì dù không ra tòa mà không bỏ được há ! A há ! Tiền mà bây.

— Hừ ! Cậu nói như giỡn ! Bây giờ có hôn thú thì có môn trời mà phá chớ tòa nào mà phá !

Lão Hai Bành cười mĩa mai, mắng :

— Dòng đồ ngu. Thí dụ bây giờ có hôn thú, không ai được phá mà cha sắp nhỏ này nó bỏ bây,

Ô Kê!



Chú rằng thiệt là « keng »

NHỮNG MẢNH GIA ĐÌNH LẠC LỔNG - NHỮNG MẢNH GIA ĐÌNH LẠC LỔNG

bỏ con, không thèm nuôi, bây lấy hôn thú đem đốt uống thay cơm được không?

— Uả! Bộ giận à cậu! Tôi kiện phải cung cấp cho tôi chứ.

— Ở cấp cho bây! Cấp hể! Lương một tháng một ngàn ba trăm đồng. Tao cho chia đều hai vợ, tám con, là mười, nó nữa là mười một. Chia như vậy thì bây được mỗi tháng độ sáu trăm. Nhà bây ở nó bán chưa bây phân nửa. Sáu trăm đó cho quần áo thuốc men cơm nước học hành hết trời nghĩa là bây làm ơn cho nó mỗi tháng nó bớt lo bốn trăm đồng và quần áo sách vở cho con nữa. Đó đa! Thử làm đi cho tao coi cái nào.

Chỉ cháu ấy rót nước mắt, và như giận giữ nói quạo:

— Nếu nó táng tận lương tâm như vậy thì thôi đi chứ ở làm gì? Làm con người thì lấy lòng dạ ở với nhau chứ.

— Thì tao nói 'lòng' bây không chịu, bây nói 'luật'. Ở đời mà đâu có ai muốn lép. Hồi bây ưng nó là bây thấy nó bảo vệ bây được. Nó thương bây. Vậy nên có con có cái. Bây giờ luật lệ vậy, có trẻ nãi thì cũng thôi đi. Sự sống là sự sống, thương nhau là sống. Luật là luật — giết nhau thì chết. Vậy mà cao đầu trụi lủi. Bây thiệt.

Chỉ ấy nhìn thình như không có lỗi ra. Tôi không có nghiên cứu luật gia đình cho kỹ, không nhớ hết cũng nhìn thình, như không có lỗi ra. Lão Hai Bành có lẽ không đọc gì hết. Cười khà khà như có lỗi ra.

Trên đường sang Phong Dinh, tôi gặp một người quen thân. Nhân có dịp tôi nhắc lại câu chuyện của cậu cháu lão Hai Bành. Anh Tạ bạn tôi cười hi hi mà rằng:

— Cao đầu chưa có sao. Có việc này mới là hay ho: Hai vợ chồng thằng đó ở với nhau năm sáu năm rồi. Làm ăn cũng xoàng xoàng vậy thôi. Thằng chồng thì ăn học cũng khá. Trước kia đi kháng chiến hết mấy năm rồi về thành làm ăn. Nó thì thợ may khéo, làm ăn dấp dỏi cũng được. Đợ! Rồi ai khiến không biết, nó mới 'dụng' con vợ nhỏ. Vợ nhỏ này thì có sở làm, lương bổng cũng khá. Hai đứa mới làm hôn thú hẳn hoi. Câu chuyện đó 'xi' ra lần lần lọt vào tai con vợ lớn.

Nỗi 'tam bành, lục tặc' lên, con vợ lớn dắt hai đứa con lại nhà vợ nhỏ mà gây sự. Con vợ nhỏ khóa cửa lại không cho chày ra, mà nói vậy:

— Thừa chị! Chị ơi là vợ lớn của chồng tôi nhưng chị có hôn thú không. Chị đưa cho tôi xem thì tôi đuổi anh về liền. Phụ nữ với nhau mà, lại còn có luật pháp. Giết chồng người ta, ở tù rục xương chứ. Đầu chị làm ơn cho cái hôn thú đi. Nếu không có tôi kêu lính bắt chị vì chị xông vào nhà tôi lục kiếm mà 'không có phép của Biện Lý (1)'. Nếu không vậy đi nữa thì có lẽ tôi cũng tặng cho chị cây chổi ở sau đường mường kia.

Úi cha cha! Con vợ lớn mới bật ngửa. Nhưng

cũng còn ngon lắm, y cái:

— Vợ chồng tôi ăn ở năm sáu năm ai cũng biết hết chứ bộ tôi ở trong rừng sao?

Con vợ bé ngon hơn, quát lại một câu:

— Ở đâu cũng được nhưng tôi sẽ nhờ tòa án hỏi chị và tòa sẽ trả lời cho tôi biết chị có phải là vợ của anh không. Bây giờ thì xin lỗi chị. Tôi thả chị ra đây nếu không đi thì phải ở lâu à chị. Đi không nói cái một đi?

Con vợ lớn tưng lý nên quay ra đi liền còn nói với một câu:

— Thử đồ giết chồng của người ta mà còn làm bộ 'chảnh'.. (bảnh và lạnh).

Con vợ bé sôi gan, chạy vô xách chổi ra hăm:

— Nè! Còn làm nhảm tao cho chổi đường mường ăn cái đầu mày. Tao từ từ rồi mà!

Con vợ lớn 'ngậm ngọc' đi về. Thằng chồng chưa biết át giáp gì, đi mua đồ về nhà bị chộp nghe cái phịch lên ngực, hồi một hơi. Thằng đó trả lời:

— Bị nó có sở làm phải có hôn thú chứ. Còn em thì cần gì? Đừng làm um xùm mình bị nó lật hết bấy giờ.

Con vợ lớn hăm hừ nhưng bị nhỏ con quá, tính đánh khó ăn chồng nên bỏ nhà bỏ con đi mất hết vài bữa.

Tới chừng trở về thì thằng này bị lính bao nhà trốn mất. Lính xét hình nghe nói có tài liệu gì đó cho nên thằng nó trốn tiêu luôn. Theo người ta xầm xì thì con vợ lớn quát thằng chồng nó vì chồng nó không chịu làm hôn thú với nó.

Nhưng làm sao mà làm. Hết thời hạn rồi Luật gia đình đâu có cho cưới vợ 'bé' nữa.

Làm lại xui mà số bìa đen ghi thêm một thằng Việt Cộng. Mà Cộng này thuộc về Cộng hôn thú.

Cái con vợ bé hợp pháp cả không đó chứ có lấy chồng nào được nữa. Bây giờ cho ly thân chứ ly hôn đâu có được. Mà cái điệu này thì vợ chồng nó dăm ấm trong hồ sơ bộ đời chứ còn ở ngoài thì vậy đó. Thằng đó nó ly thân gần mấy năm rồi, khỏi cần có phép. Còn con nó thì không có ly hôn nhưng hôn lũng tung.

— Có con thì tiêu chứ bộ.

— Bộ gì anh! Thì thằng chồng có về thấy chảnh anh vậy thì bắt quá cũng ly thân như bây giờ vậy chứ gì. Hề hề... Theo anh thì anh thấy sao?

— Tôi hết biết thấy sao rồi! Đề về hỏi tòa soạn có người nghiên cứu, chứ tôi thì dở cái vụ 'hôn' này lắm.

Uống hết một tách trà anh Tạ lại bật lên cười khành khạch nói thật lớn:

— Này! Anh ký giả của tờ báo hay đáp luật gia đình tôi cho anh nghe luôn một chuyện này, rồi về anh thảo luận lại với mấy cha chuyên môn đề cho ý kiến nhé:

Có thằng đó, nó cũng bạn tôi. Vợ chồng có hôn thú dằng hoàng. Mà đều có con vợ thiệt ngon. Ngon đúng vậy chứ không phải vừa. Đau hoài, mà đều đau

gan đau thần kinh, đau tim không hề. Kỳ nào đau phải díchovai: tuần lễ. Mà đi ngon à ghen. Son phấn, áo thêu, giày dăm, bốp dăm. Đi 'Cáp' đi Đalat với bạn trai không hề. Tới khi hết du lịch thì hết đau. Hết hết đau thì dễ. Thằng chồng làm việc 'thấy mẹ'. Lương hơn tám ngàn một tháng, nợ đều đều ba chục ngàn đồng. Hồi đó hể khi nào làm quá thằng chồng đi nhà khác ăn cơm hăm bỏ thì bớt. Còn bây giờ thì hể hăm nó, nó nói:

— Ủ! Ly thân! Chia lương! Anh ngon thì đóng tiền đơn vô tòa mà kiện. Tôi 'thương' anh hoài đó! kiện đi! Làm heo ăn à. Đợ à! Đợ ông tòa nào xé được hôn thú tôi à. 'Thương hoài' mà xé sao được chứ!

Phát lên cười khành khạch anh Tạ hỏi tôi:

— Bây giờ anh làm chồng đi! Nói đi! Trả lời sao bây giờ đây. Nó nói nó 'thương hoài' nhưng nó 'đau' hoài, đi hoài, và dễ hoài. Riết rồi thằng chồng nó hết muốn ngó mấy 'me xừ' dễ sau này. Có giống được cái lai nào mà thương. Bắt thì không bắt được. Gây lộn thì nó chửi con, chửi người ở. Người ở đi thì nó đau tim, nó mệt rồi bỏ con cho ai đây? Đồng tới nó thì nó khích ra tòa để chia lương. Ly thân là làm ơn cho nó.

Tôi đáp:

— Nhưng ly thân thì y làm sao dám dễ?

— Trời ơi! Nó nói với thằng chồng nó rõ ràng mà. Nó nói: 'Muốn dễ thì dễ chơi. Không muốn dễ thì khó dễ. Đời vẫn minh mà, lên trời còn được, thử đồ không thêm dễ này mà ăn thua gì'. Anh coi nó nói trước vậy mà. Bây giờ thằng nó thành cây rồi. Nó ngó con như ngó cột giây thép vậy. Vợ nó thì ngủ riêng, và đi du lịch y như cũ. Ngực đồ cũng nở nang như thường nhưng không dễ. Còn nó thì 'bê' theo mấy cô khác. Bây giờ nghe đâu nó cặp với một nàng.

Tôi hỏi nó: Rồi khi có con tính sao? Nó biểu tôi đi thăm chừng khi nào hết 'cao su' thì lo cho nó, và vợ nó. Còn thì thầy kệ tui nó. Đừng có nói tới. Nó biết luật mà, khỏi có lo.

Bảng đi một lúc, tôi không nghe sự tình về gia đình, nhưng hôm nay nhớ lại mấy câu chuyện trước, nên nhân lúc thành Châu Đốc chưa tỏ tâm sự gì thì tôi hỏi ông Tư Ty về tình trạng gia đình quen thuộc của ông ở Châu Đốc đối với luật gia đình có gì hay không. Ông đáp:

— Đợ đó mà! 'Ngân trùng vạn điệp' à ông ơi. Nhưng họ dăm lý rồi. Nè ghen! Tôi nói ông nghe chuyện này, để ông xem thằng này có tình thần gì trọng luật không? Nó có hai vợ rồi. Nói nào cho ngay nó làm ăn giỏi lắm. Hai con vợ ở hai nơi nhưng cũng làm lụng siêng năng, nuôi con vẹn toàn lắm. Bây giờ luật ra rồi mà nó có thêm một vợ nữa.

— Sao mà kỳ vậy. Bộ người này không biết anh ấy có vợ à!

— Biết! Chớ! Nhưng con này thì hình như có chồng đi tập kết là phải. Và có lẽ vì vậy nên bị người ta theo dõi nói nó là gia đình Việt cộng, nếu mà không có chồng khác là còn tư tưởng Việt cộng. Cho nên nó quỳnh nó kiếm chồng lung tung. Thằng này có quen và từ từ đối với nhà nó lắm. Vì vậy khi nhả lên nhờ giúp đỡ thì tui nó nhập với nhau. Con nó có một đứa con riêng, ở với thằng này có hai đứa nữa. Tôi hỏi nó không sợ luật hay sao? Nó nói nó không làm hôn thú mà luật gì. Tôi hỏi con nó không làm khai sanh sao. Nó nói: nó 'khai', vợ nó 'sanh' rồi. Ai cũng biết như vậy. Khai chỉ nữa cho mắt công làng xã. Hồi nó làm sao cho đi học. Nó nói 'làm chúng chỉ tạm cho học tới lớp ba. Học tư tôi lớp nhứt. Học riêng tới tú tài, rồi thi ở nhà cho biết chữ nghĩa tính toán làm ăn thôi. Đời bây giờ còn giặc nữa chớ chưa hết. Nó sẽ cho con nó đi lính rồi chánh phủ làm khai sanh giúp cho lính bằng cách tòa án dựng khai sanh là con ngoại hôn. Con nó đánh giặc hay thì làm quan, đánh dờ thì chết. Tới chừng chết có khai sanh cũng chết. Mà vợ chồng nó có hôn thú rồi cũng không cứu sống được'. Tôi nói nếu có người tố cáo nó thì làm sao? Nó nói 'Nó sẽ tố cáo hết tình này qua tình khác. Ở tù thì ở hết, ít lắm cũng còn nhiều gia đình'. Vậy đó rồi làm sao?

— Ông tìm cách lấy địa chỉ và số kiểm tra anh ấy cho tôi. Tôi tố cáo.

— Nhưng sợ vợ con nó dăm ông. Vì mất nó thì ba nhà đều khổ cả.

— Đăm thì dăm! Tôi quyết bảo vệ luật lệ cho vững. Ai dăm tôi thì họ ở tù.

— Nhưng dăm chết, rồi vẫn còn nạn đó thì làm sao?

— Thì người khác thay tôi tiếp tục chết cho luật. Minh quyết trừ nạn đa thê mà.

— Ủ! Dễ coi!

V.B.



— Anh tưởng vào đây rồi mà thoát à?
Mãn hạn về nhà tôi còn sửa cho anh



AI - NAM quốc âm tự vị Huỳnh tịnh
Của giải thích :
*Thia thia là thứ cá đất bưng, nhỏ
*con mà có nhiều sắc, đến khi nó
*đá nhau thì giương vì sẽ đuối, coi
sinh lắm.

(Đ.N.Q.Ấ.T.V, quyển II, in năm 1896, trang 391).

Bạn thân tôi, ông Lê ngọc Tru có nói với tôi rằng : "có thứ cá chữ gọi là Thu thi". Và nhà học giả khiêm tốn họ Lê phân vân chẳng biết danh từ "thia thia" có phải do hai chữ "Thu thi" đọc trại chăng?

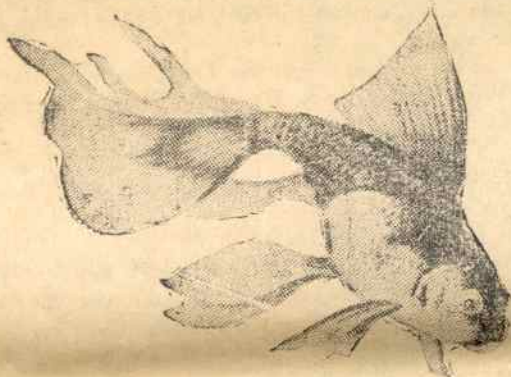
Chuyện đầu còn đó nay xin góp chút hiểu biết riêng về vài giống cá thia thia miền Nam.

Đá cá thia thia vừa là một thú vui của trẻ thơ, mà cũng vừa của người lớn có máu me cờ bạc : bạn nhỏ đá cá chơi, không ăn tiền, cốt tranh nhau : con cá tao hay, con cá mày dở*.

— nhóm già nghĩ khác, thường lấy đó làm nghề sanh nhai, chạy gạo, kiếm tiền nhậu nhẹt, hút sách, chơi bời...

Hồi còn mài đống quần ở trường tỉnh Sóc-trăng, một trang lứa nay còn sống sót trên đất Sài đẫm không hơn mười lăm người, — lúc ấy chúng tôi không gì thích bằng ngày nghỉ hay chủ nhật, sau khi bài vở đầu em vào đó :

Rô-lem (problème) làm rồi, con-bồ-tế-sông-răng-ke (composition française) xong rồi ; chia quết-bỏ (verbe) ; anh-đi-xúc-tếp-về-rang (indicatif présent) được rồi, luôn cả bài học năm lòng cũng đã thuộc lâu xuôi rồi, tóm lại thấy thấy đường hoàng, bèn rủ nhau, mỗi đứa cụ bị một rô con hay một mùng tệt,



kèm thêm một chai nhỏ, cỡ chai dầu thơm "Cỏ Ba" nước sạch và chứa sẵn nửa phần nước trong — đồ nghề đại khái hai mền ấy sẵn sàng thì hè nhau kéo ra đồng ruộng chia tay hót cá.

Không phải bất cứ đồng nào cũng có cá hay. Phải rành đời chút mới chắc ăn.

Chung quanh chợ Sóc-Trăng, năm ấy (lời 1914-1915) tôi biết có :

1) Đồng lợ nghệ, ở phía sau trại lính ma tà. Ruộng này có nhà thợ rèn ở nhiều, than bụi tro lò đồ xuống nước lâu ngày nước đen ngòm, thia thia đồng này có màu đen dĩa chắc da chắc thịt như con châu tượng Uất Trì Cung, vậy da như trui, thét trong lò nấu trong lò nấu đồng thời sắt, nên định ninh cá đồng này "mình đồng gác sắt", răng cứng như thép giữa hàm chắc như họng kềm, cá đồng này không chạy mất cá nào. Thăm nổi đồng ở gần trại lính ma tà, mà con châu ma tà quá dữ, chúng nó gặp bọn tôi hót lên cá đồng chúng thì đánh chạy bỏ là bỏ càng.

2) Đồng hàng trăm, gọi cá chùa Phật, vì nơi đây có chùa thờ đức Di-Đà, nhờ lá trầm tích đọng lâu năm, nhuộm nước đỏ au, lá trầm và chẳng là vị thuốc đón gió trừ phong, nên cá vùng này mình như tấm thuốc, bắt được con nào bỏ vào chai, ít giờ sau quen nước quen cái, cá phồng mang sậm màu, vậy xanh ửng hồng, đuôi đỏ chớp sao, chấm hàm như các tổ sư Bồ Đề hoặc như thầy bùa, thầy ngãi biết gồng hay có học "xăng tà" (thần đà).

3) Một đồng khác là đồng Linh kìa, tức đồng Long từ, ở phía chùa Phật sau nhà máy Quách Xên. Tuy mang danh "xóm Rồng Con" nhưng cá đồng này chẳng hùng anh chút nào, vì ở xóm chệt rầy, ăn phân dơ nên búng dữ.

4) Một đồng khá xa xăm là đồng Bạc-tà-ky, ruộng phụ ấm ở ông Trần, nguyên con quan đảng cựu, xưa làm chúa ở xứ Thổ Ba-Thắc (Sóc trăng). Cá vùng này nổi danh một thuở và rất bền gan ; nhưng khó kiếm lắm ; vì chủ ruộng là nhà đá cá lớn không cho ai hót đâu. Đặc sắc vùng này có thứ cá kỳ son, tức kỳ trên lưng có một điểm son ; đây là giống cá xiêm lai biệt dạng, nên giới tài cán quau, bền gan. Ông Trần O. xưa có một con gọi "Triệu Từ Long", ăn trọn mùa không thua độ nào.

5) Gệ nhưt là cá đồng thầy Tám, trên đường đi Cần thơ. Thầy Tám là pháp sư, chuyên chữa bệnh bằng phép chú. Bệnh chết chôn sau am, cá sanh vùng này lệt dẹt không khác những người đau ma do thầy

CÁ THIA - THIA

VƯƠNG HỒNG SẼN

Tám trị chưa đá chưa cần ai đồn nào, đã xếp đuôi chạy cuồn cù. Nguyên ruộng Thầy Tám là đất gò, nước ít, thảo nào cá không nước không nơi dụng vô, đã ngán hơi thêm nhất gan là rất phải. Tôi nói nước ít nên cá nhất gan vì kinh nghiệm dạy rằng cá ở nước sâu đã quen nín hơi, lâu lâu mới lên đớp bóng một lần, nhờ vậy mà chịu đựng giỏi hơn cá nước cạn.

b) Đồng lác, đồng nần phía sau nhà thương tỉnh, dọc theo đường đi xuống Bang Long (giếng nước) thì cá bờ, dờ hơi, vì vốn xanh trong lác, trong nần nên không có chi đặc sắc (thuở ấy chưa có anh hùng Rừng sắc). Tuy vậy chớ sớm chế mà làm, vì may thời Tở dài, hót được cá kinh niên, thứ cá ở lâu năm gần nhà xác, như có oan hồn uổng tử vẫn vương hoặc nửa hót được những cá lẻ loi sống chung lộn nhiều năm trong bọng trong hang rắn dữ, ngày ngày từng hợp nước có nọc của con độc xà phun ra, cá quen hơi rắn nên không hay hăng, đến khi dụng độ với cá lạ đồng thì khác nào con xà niền ngai ngái đối chọi với phạm nhơn, có thể nói trăm trận trăm thắng. Tôi nói phải là tở dài mới bắt được thứ cá dữ này, nhưng đừng nghe nói vậy mà ham muốn, kiếm nó e có ngày mang hại.

Tôi đã từng ngộ trận, một phen tởn tới già, nay nhắc lại nghe chơi mà còn rợn ốc. Bữa ấy trời mưa rì rả, tại đồng Hàng Trùm, mặt trời vừa xế bóng, tôi đặt rô xuống nước, vừa lấy chơn giậm giậm xung quanh rồi rút rô lên nghe như được vật gì nặng nặng. Rô lên khỏi mặt nước, mẹ cha ôi ! một con rắn hổ đen mun nằm khoanh tròn đầy lòng rô. Khỏi nói, tôi vừa thấy rắn, là lẹ như chớp tôi vừa buông rô vừa té ngựa ra sau, không kè áo quần ướt vậy, mặt cắt không còn chút máu.

Rắn ta cũng hoảng hồn hoảng vía (nếu thật rắn có hồn vía như người) rần rần mình xuống nước lủi bụi trốn mất tự thuở nào.

Các anh em bạn đi với tôi đều chạy té dùn cục trong ruộng nước, báo hại cá thia thia thân đầu chẳng thấy, chỉ một phen vỡ mặt hú hồn.

Một lần khác cũng tại đồng này, tôi lại bị trâu rượt, chạy bỏ càng, ve thúng quăng mất, may sao còn giữ được hồn. Tởn đi một dạo rồi nghề nào nghiệp này cũng mon mè ra đồng xúc cá, vì thuở ấy chúng tôi tiền bạc không dư giả một đồng một chữ cũng chẳng có dính thân, cho nên chỉ biết những thú vui không tốn tiền, mà theo tôi, còn vai nào bằng chủ nhật đi hót cá thia thia được nhâm nhi củ kiệu ngâm dấm nhai nghe giòn rụm !

Độ xưa, một nhà chơi cá ở Sóc Trăng có một con cá kỳ quặc, ông lượm ngoài đồng nó ở sẵn trong một bình với sành nhè miệng. Ông đem vậy về nuôi luôn trong đó, trừ khi nào xách ra trường cấp độ ông mới sớt cá ra dợt ra thố đường hoàng. Cá này linh lạ lắm, về sau ế độ không ai dám đem cá đối thủ. Về sau tôi đi học trường lớn cũng mất tích con cá này luôn.

Xúc, bắt, hót cá thia thia : Muốn có được cá thia thia để chơi, phải có chút ít kinh nghiệm. Kinh nghiệm này không trường nào dạy con ông thông, thầy ký, muốn có cá chơi, phải lên cha lên mẹ phải lo lót, xin thọ giáo với các tay rành nghề, mà không ai khác hơn là bọn trẻ mục đồng ở dợ, bọn chăn trâu giữ bò. Dạy không lấy tiền công, cao thượng vậy thay, nhưng phải chiều lòng dày công tăng hót họ mới truyền nghề. Trung lứa với tôi năm đó có con ông huyện K., con thầy thông T., toàn là tay có máu mặt đương thời. Trối kệ, phải xuống nước nhỏ bỏ chức cậu, tôn họ làm sư làm mô tở họ mới đoái hoài, và phải trốn học, theo họ ra đồng, họ cho leo lưng bò cỡi thử hoặc cho phép xuống ruộng bắt ốc hót thia thia. Trốn trường cũng vì muốn biết cỡi bò, hoang phế học hành cũng vì ba con cá nhỏ. Thầy dạy tôi hót cá là anh Tý Bò. Anh giữ bò chân bò từ lên sáu, cứ mỗi sáng, Tý ăn cơm nguội no nê, chủ đồng Tý đặt trên lưng bò đeo thêm chai nước uống và mớ cơm vắt.

Ra đồng, trọn ngày Tý ngồi trên lưng thú, nắng mưa trời kệ, chiều lùa bò về chuồng mới ăm xuống cho xả hơi và ngủ nghê, ngày ngày y một kiểu như thế cho đến tuổi Tý lên xuống lưng bò mình ền được. Cực thì có cực, nhưng khổ thì không khổ tránh khỏi chủ rầy la, một bầu trời nước bao la mặc tình nghèo ngao hồ hắt. Sấm da vì nắng, sấm thịt vì mưa, không hề đau ốm vì gió máy, lớn lên Tý vô ngục xưng chúa đồng Trường Đua, lấy hiệu Tý Bò từ thuở.

Không chuyện gì xảy ra ngoài đồng ruộng mà Tý Bò không thạo : gò nào có rùa ở, hể thấy dấu cỏ dàu dất ra làm sao là Tý biết có con vật núp ở dưới bụi để gốc lức vì vậy mà mỗi ngày Tý mỗi lục lạp

như học trò lớp nhứt tra cứu quyển tự vị. Con rắn làm hang như thế nào, thường thường có loại cỏ cho mọc trên miệng hang, và loại cỏ ấy, Tý quả quyết đó là môn thuốc thần trừ được nọc con rắn kia. Tý nói đêm nào trăng sáng là rắn ra giỡn trăng, chảy ngày lẫn lộn trứng dùa trên đám cỏ, làm gì cũng chạy dài rớt rơi nước miếng thấm cọng cây lá cỏ tầm già chất độc, chất này nhờ gọi sương chan nần mà diệu lãn, biến nên môn thuốc ngừa y như kiểu thuốc do viện Pasteur bào chế ; về sau người nào bị rắn cắn cứ nhớ tìm hang nó búc hay nhổ những cây cỏ mọc nơi miệng hang đem về nấu nước uống, hoặc nhai cấp kỳ tại chỗ nuốt nước và lấy xác đắp lên chỗ cắn là có cơ thoát khỏi nạn nghèo. (Tý Bò chúc ngôn).

Nói làm vậy thì hay làm vậy chớ tôi chưa dám đem phương này bày vẽ cho ai thí nghiệm bao giờ. Nay viết ra đây, cũng không có bảo kê hiệu quả. Tóm lại, chôn đèn, chuột đồng, kỳ đà, rùa cá, các con thú đồng ruộng ấy nhứt cử nhứt động là Tý Bò hay biết từ đường đi nước bước. Về sau, tuy tôi đỗ trung học lên mặt trở về làng, mà đối với môn vạn vật học và địa dư tỉnh nhà, tôi vẫn kém thua Tý Bò như thuở còn nhỏ bé. Miền Nam, từ cửa Vàm Tấn (Đại Ngãi) cho đến sông Ông Lớn (Cà - Mau) không một khúc quanh nào mà Tý Bò không biết tên, không một xẻo cỏ nào mà Tý Bò chưa từng đặt chơn đến. Giở nào nước lớn, nước ròng, nước đứng, Tý Bò thuộc nằm lòng. Con thú nào kêu la làm sao... chỗ nào nếu đào lên là bắt được rắn hổ, chỗ nào đốt cỏ già là có rùa bò ra, vv... địa lý, địa dư vùng đồng Ba Thắc (Sóc trăng) Tý Bò xem rẻ như thỏ tay vào túi lấy đồ.



Hôm nào chúng tôi được theo sau lưng Tý Bò ra đồng thì há hê bữa ấy : không chảo rùa cũng rắn xào, lươn um, hoặc cá lóc bỏ đất sét nướng trui bằng lửa rơm, vì vậy tôi và chúng bạn không mê Tý Bò không được. Không như tôi, học tôi cơm thuộc tên làng tên tổng nằm lòng, đọc như kéc mẹ, tên thảo mộc, chất khoáng hay ngũ kim, kè giòn hơn lặc rau rang bắp, thế mà nếu ai hỏi vặn lại làng ấy ở đâu, vật ấy ra sao, tôi ú ở như đũa cầm ăn ớt, học mà không hành, thua Tý Bò xa quá và ra đời chỉ làm hủ nhơ vô dụng.

Anh Tý Bò dạy tôi học phương pháp hót thia thia.

Anh dặn : "khi đi chơn bước xuống ruộng nước thì nên nhớ rằng không còn là con cưng của cha mẹ tại nhà nữa. Phải biết hòa mình với trời nước ; phải tập bước cho nhẹ chơn, như vậy cá không giật mình mà thoát thân ; phải lựa những gốc rạ gốc cỏ mọc giậm càng lên trên thì khỏi sợ sa lầy và lún chân xuống bùn non... Dấu đĩa trâu lớn bằng ngón chân cái đeo bắp vế, dấu đĩa hẹ đĩa mền mỏng như lá lúa bò lúc nhúc trên bắp chuối, thì trối kệ nó ; dấu cho vạt rừng cần máu ra ướt đỏ chân, thì cũng phải đề vậy mà chịu, phải xem đó là thường sự, muốn làm dân mọng thì phải tập cho quen : tập cần rắng nín khóc, rên la không ích gì chỉ làm bối rối người lớn và làm cho cá hoảng chui trốn mất mà lỡ cơ hội tốt. Tập lâu ngày thì hết sợ, thét rồi dạn lãn, miễn sao đừng để cho đĩa con, vạt nhỏ chui vào lỗ trốn, chỗ nhược là vô phương chạy chữa.

Tôi nhớ lại khi nào ở nhà những nhều với mẹ cha, mẹ vừa lấy roi phui ngoài quần chưa chỉ đã la vớ làng vớ phố. Bây giờ mải mê ba con cá thia thia xanh xanh đỏ đỏ, anh Tý Bò phán ra câu nào là dạ rúc rồi, tuân lệnh bằng lời không dám cãi nửa câu.

Tý Bò dạy tôi phải cho có gan thì tôi làm gan, Tý Bò dạy tôi bậm môi thì tôi cần môi, anh dạy tôi túm, vo ống quần cho sát vế, tôi làm coi, cũng gọn gàng, bây giờ ngồi nhớ lại việc cách trên bốn mươi năm, giá thử tôi cũng nghe huấn từ của cha mẹ được như nghe lời Tý Bò thì được đến !

(Xem tiếp trang 38)



GAY ấy xa rồi...

Khi còn nhỏ tôi thường được nuông chiều và để giữ cho tôi khỏi quấy mẹ và làm nhốn em, bà tôi đã cho tôi được ngủ với bà tôi.

Sáng hôm ấy tôi vừa bừng mắt trở dậy, tôi cảm thấy có một sự gì rất lạ, thay đổi hẳn khung cảnh thường ngày của gia đình.

Ban thờ tổ kê gần giường bà tôi, vì nhà tôi nhỏ hẹp lắm, nên không có buồng riêng để kê ban thờ, bỗng sáng trưng lên vì đèn nến, đồ đồng... hương trầm thơm ngào ngát.

Bà tôi đã khăn áo chỉnh tề ngồi trên giường trước ban thờ.

Tôi lười biếng chưa chịu dậy ngay, hé mắt nhìn xem bà tôi còn làm những gì.

Tên trầu xong, bà tôi xếp mứt vào những chiếc đĩa thủy tinh nhỏ. Trước khi xếp những quả hồng tàu, bà tôi rửa nó kỹ lưỡng bằng nước sôi, rồi mới quả cắt khía ở cạnh và nắn thành hình cánh quạt vòng tròn, nên tuy có nửa quả một mà trông tròn vành vạnh tựa như cả quả vậy.

Thấy tôi trở mình, bà tôi gọi tôi dậy, và trước khi tôi kịp mở mắt để hỏi han cho thỏa tò mò thì bà tôi đã giải và dặn dò:

— Hôm nay là mùng một Tết. Ngày bắt đầu của một năm mới. Thế là từ ngày hôm nay con đã lên bảy tuổi rồi đấy. Con phải cố ngoan ngoãn và chăm học để sau này con thành người khá. Có một điều dặn con, con cần phải nhớ là: "ngày hôm nay con phải hết sức giữ gìn, đừng làm bẩn quần áo, đừng đánh em, đừng nói tục, nếu không sẽ giêng đi cả năm..."

Tuy chưa hiểu hẳn nghĩa chữ giêng là gì, tôi cũng đoán chừng rằng nếu phạm vào những cấm điều bà tôi dặn thì có lẽ cả năm sẽ không tốt và có thể phải đòn rất nhiều...

Sau đó bà tôi dẫn tôi đi rửa mặt và mặc quần áo mới cho tôi.

Súng sấm trong bộ quần áo đẹp, tôi đứng lễ trước ban thờ và cũng bắt chước cha tôi khấn khứa lăm lăm. Có một điều là cha tôi thì khấn thật còn tôi chỉ lặp lặp cái môi cho ra vẻ khấn, chứ chẳng có lời nào để nói ra cả. Nhưng trước sự trang trọng của khói hương, của đèn nến, của ban thờ, của bà tôi, của cha tôi, tôi cũng thấy như tôi đã làm một việc rất tưng tưng, rất nghi lễ, và rất người lớn...

Sáng sớm, cửa trước nhà tôi còn đóng kín để chờ quý nhân đến xông nhà, nhưng sách ăn sang nhà bà đi tôi mà gia đình tôi thường gọi là Bà Hai, vẫn mở.

Đề khoe bộ áo mới bảnh chọe tôi sang nhà Bà Hai với tất cả giáng điệu đường bệ mà tôi vẫn ngắm thấy người lớn thường có.

Điều trước nhất tôi nhận thấy là cái khăn bàn và hai chiếc đệm chiếu đồ trái ghế trường kỷ của bà Hai chính là những vật của nhà tôi.

Tôi lớn tiếng hỏi:

— Thưa bà, những cái này của nhà cháu, bà mượn phải không?

Bà Hai rất đứng đắn và nghiêm chỉnh trả lời:

— Không, những thứ đó của bà đấy.

Tôi này lòng ngờ ngẫm nghĩ kỹ lưỡng từng dấu vết thì thấy đúng những thứ đó là của nhà tôi thật.

Tôi ngẩng lên định nhìn chính lần nữa, nhưng nhìn hai con mắt trừng trừng của bà Hai, tôi im lặng không nói nữa và chạy thẳng về nhà hỏi bà tôi.

Tôi đang cần chờ một sự xác nhận rằng óc quan sát của tôi là đúng thì bà tôi đã nhẹ nhàng:

— Đúng đây con ạ, những thứ ấy là của bà Hai.

Câu trả lời ấy đã khiến cho tôi âm ứ đến hết tháng giêng vì đến ngày đó bà tôi mới giải thích cho biết, quả những thứ ấy là của nhà tôi thật, nhưng phải nói như thế kéo giông cho bà Hai. Nếu không thì bà Hai sẽ đi mượn cả một năm giông...

Ngày nay, đã mấy chục năm rồi, hồi tưởng lại cái ngày ấy tôi vẫn khao khát được tái diễn, vẫn khao khát được sống lại dù trong một khoảng khắc trong cái không khí êm dịu và ấm cúng ấy...

Ngày nay, bà tôi cũng đã chết rồi, cha tôi cũng đã chết rồi, mẹ tôi cũng đã chết rồi, bà Hai cũng đã chết rồi, những khung cảnh đẹp ấy cũng đã qua rồi, tôi biết tìm những người thân mến của tôi ở đâu? Làm sao làm sống lại được những phút đầm ấm năm xưa?..

Và những mối tình đẹp khác

Đâu có phải chỉ một hình ảnh đẹp ấy, một mối tình huyết hệ ấy, còn nhiều mối tình đẹp khác, còn nhiều hình ảnh đẹp khác, còn nhiều người thân mến khác, gặp gỡ trong khoảng đường đời, trong vòng mười năm, đôi năm, vài năm gần đây...

Đâu có phải chỉ có những mối tình mà tôi biết, còn nhiều những mối tình đẹp khác, ở địa phương khác, ở đất nước khác, trong khoảng thời gian khác, của người khác nữa...

DU LỊCH NỘI GIỚI

TRỞ LẠI QUÊ TÒ

của TRẦN ĐÌNH KHẢI

Trong một đêm, người anh nghĩ rằng:

— Em mình chưa lập gia đình, có một thân một mình, nếu lửa gặt được, chia đôi như thế này, em mình một phần, mình một phần, thì thiệt thòi cho em mình quá! Mình sống đã có vợ, có con, cảnh gia đình đầm ấm sung sướng biết bao, em mình trở lại một thân, đã buồn, đã cô quạnh, lửa lại cũng chỉ được có như mình thì không công bằng...

Nghĩ rồi bèn ngồi nhòm dây, ra ôm một ôm lửa lớn chạy về sang phần cho em.

Trong đêm tối, người anh đã dựng phải đầu một người. Bất lửa, nhìn ra thì là người em đang khệ nệ bê một ôm lửa lớn của phần mình để ném sang phần cho người anh.

Người em lại nghĩ rằng:

— Anh mình đã có chị dâu lại có các cháu, đông miệng ăn như thế, mà phần lửa khi chia cũng chỉ được bằng mình như vậy thì bất công quá!

Với hai ý nghĩ của hai anh em nhà ấy mà ta lại được thấy một mối tình vô cùng đẹp đẽ... ta lại được thấy cái cảnh hai anh em ôm nhau, nước mắt chan hòa, chẳng phải vì đau thương mà vì cảm xúc, vì một mối tình đẹp!

Lại cũng trong một đêm, một trong hai người bạn bỗng nghe thấy có tiếng gõ cửa khẩn cấp.

Mở ra, thì là người bạn kia đến, cầm lăm lăm thanh kiếm trong tay.

Người này hét hoảng:

— Trời, đang đêm anh đến tôi có việc gì cần chẳng?

Đề tôi mặc áo cùng đi với anh?

Người kia xua tay.

— Hay là anh cần tiền, đề tôi lấy chìa khóa mở tủ?

Người kia lại xua tay.

— Vậy sao anh có vẻ hoảng hốt thế?

Lúc đó người kia mới thở dài như trút được gánh nặng:

— Tôi đang ngủ bỗng năm mê thấy có kẻ đến uy hiếp anh. Vì thế tôi hốt hoảng trở dậy và chạy lại đây.

Lại một lần nữa ta được chứng kiến những giọt nước mắt nóng hổi của hai người ôm siết lấy nhau trong một mối tình bạn vô cùng thiết tha... Ta kinh ngạc trước mối tình cao đẹp ấy và ta cũng đã tự thẹn vì có ý tưởng xấu khi chợt thấy người kia đến với thanh kiếm trong tay...

Đã hết đầu còn nhiều, con nhiều...

Những mối tình bằng hữu đẹp của Quân Trọng, Bảo Thúc Nha, của Lưu, Quan, Trương, của Lưu Bình, Dương Lễ, của những người đời trước, của những người đời này...

Thế rồi, còn những mối giao tình âu yếm nữa...

... Hẹn em từ muôn kiếp trước

Nhớ em đến thừa bạc đầu

Những âm ba của nhạc khúc véo von, như cơn trồn như vũ về trong lòng những ai đang nguyện trao cho ai tất cả một tấm chân tình nồng đượm...

Những Tiểu Nhiên, Mỹ Cơ, những Ngu Cơ, Hạng Vũ, những mối tình đẹp trong bóng tối, trong im lìm không kèn trống, không báo chương...

«... Anh muốn thành mây, nương nhờ làn gió Đưa em đến cõi mơ hồ nào đây

Muôn kiếp bên em...»

Thật là đẹp, thật là thiết tha, thật là chân tình...

Tất cả những tâm hồn đẹp ấy, những hành động đẹp ấy, những người đẹp ấy... ta biết tìm đâu?

Mây nước lững lờ trôi...

Mây nước vẫn lững lờ, thời gian vẫn lướt chảy, lách qua kẽ tay ta mà đi, nắm không được, giữ không được.

Những người thân rồi cũng đi hết,

Những hình ảnh rồi cũng trôi qua...

Bao nhiêu những cái đẹp ấy lần lần sẽ rơi vào dĩ vãng hết.

Vậy biết làm cách nào để gặp lại tất cả những cái tha thiết với tâm tình của mình ấy?

Hay là ta mượn cái máy vượt thời gian để đi, vào cái cõi xa tít tắp của dĩ vãng, để nhìn lại thấy mặt những người thân quyết, những anh em chí tình, những bè bạn thành thiết, những người ta đã yêu thương bằng cả một tấm tình nồng cháy?

Cái máy ấy, nếu có, vẫn chưa thỏa mãn sự xúc cảm về tâm tình của ta, vì nó là một công cụ để ta còn ý thức sự cách biệt của ta với người, còn ý thức sự chưa đồng hóa ý niệm thời gian hiện tại của ta vào dĩ vãng và như vậy sự đối đãi của người với ta vẫn còn cái màng che cách mà không thành thật như xưa...

Hay ta theo thuyết của Trang của Lão, đề cho tư tưởng phóng thoát, không câu chấp, quên cả xưa, quên cả nay, quên cả sau này nữa...

Cũng lại không được, ta là người nặng cảm tình, làm sao mà có thể sống một cách lửng lơ vô tình cho được...

Hay ta theo Phật?

Trời ôi! Phật có những quy luật nghiêm khắc quá, những kẻ chưa chan tình cảm, vui cũng có, buồn cũng có, nhớ cũng có, thương cũng có, làm sao mà có thể nhắm mắt lờ mờ để cho hoa trôi nước chảy chẳng chút bận lòng...

Không, ta cũng chưa thể theo Phật được, và ta cũng chưa thể theo một tôn giáo nào nếu tất cả những xôn xang, lưu luyến trong tâm khảm bị đè nén.

Vậy có cách nào bây giờ đây để ta lại có thể sống lại những phút đẹp đã qua rồi, gặp những mối tình đẹp mà ta tha thiết, những người đẹp mà ta mến yêu?

Gặp nhau trong mối tình đầu...

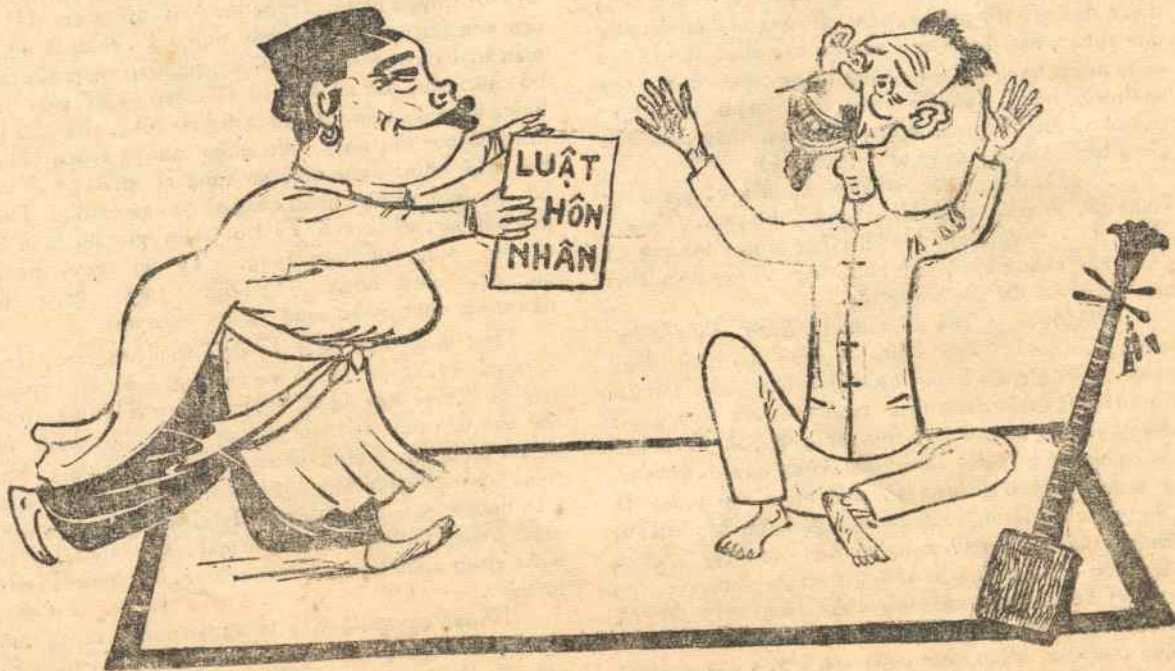
Bây một bữa tiệc thịnh soạn, treo đèn kết hoa rực rỡ âm nhạc trưng bày, nhưng nhìn quanh chẳng có ai để cùng hưởng, trở lại có riêng mình ngồi ở bàn tiệc, đến người ngoài cuộc chỉ đứng xem không cũng không có, cái cảnh hoa lệ để tìm vui ấy tuy không đến nỗi buồn, nhưng thật chưa vui.

Một mình ta vui mà những người chung quanh chưa vui ta cũng chưa vui.

Cái vui riêng, tưởng là vui, nhưng chưa thật là vui.

(Xem tiếp trang 38)

Xuân cộng



ĐÀO THẬP.— Có nhiên! Về khoa « Hôn » thì bác chả phải dạy em nữa?

TỰ DO XUÂN CANH TÝ 1960

ĐẾN KHI MA CHẾT

S UỐT ngày hôm đó trời nóng quá sức. Mọi người lúng túng loay hoay trong nhà, chạm vào đâu, xoay về phía nào cũng bị nhắc đến cái nóng. Dưa lưng vào vách thấy vách nóng ran. Đưa tay sờ một cánh cửa: ván cửa khô giòn như chực nứt toang ra. Tầm xong, quơ cái áo mặc vào người: áo như mới vừa ủi xong tức thì. Đặt dít ngồi xuống phần: phần gỗ như mới phơi ngoài nắng mang vào. Không thể nằm đầu gối đầu cho yên. Buổi trưa cũng không thể ngủ được một lát để quên nóng.

Đã lâu lắm ông Hải Thọ mới về nhà quê. Những cảm tưởng ngày nhỏ về cảnh quê ông đã quên hết. Còn cảm tưởng hiện tại là sợ hãi ngao ngán: đứng trước hiên nhìn ra ngoài cánh đồng mênh mông khói nắng hừng hực bốc lên chấp chới trên những đám ruộng tơ gốc rạ, ông vừa lo lắng vừa chán nản trước cảnh trống rỗng xơ xác khắc nghiệt đó. Gió từ trước đồng thổi vào như thổi hơi lửa vào mặt cho thêm khó thở. Ông Hải Thọ nghe trong hơi gió mùi của đất khô giòn, của cỏ cháy sém.

Bây giờ tối, ăn cơm xong, mọi người mệt nhọc nằm phơi ra ngủ. Không có ai trong nhà cả. Mấy đứa trẻ con cụ nghệ Hà ngả ngon ra giữa sân, trải chiếu lên nằm ngủ. Ông Hải Thọ nằm một mình trên chiếc phản trước hiên. Bà vợ ôm đứa con đưa đi đưa lại trên chiếc võng, về phía dưới chân ông. Trong khi ngủ lơ mơ thỉnh thoảng bà đưa chân đập vào cây cột để đưa võng.

Ông Hải Thọ có thói quen khi ngủ phải đắp một cái gì lên mình. Dù nóng bức, dù không có

muối ông cũng phải đắp một tấm « ra » mỏng và áp chiếc gối trước ngực. Thói quen đó đêm nay thành ra rất tai hại. Dù rất mỏng tấm « ra » cũng làm cho ông thấy nóng thêm, bức rứt thêm. Giấc ngủ cứ chấp chới. Chợp mắt ngủ được nửa giờ hay một giờ ông lại giật mình thức dậy. Ngực ông hồi hộp, tim đập mạnh, tâm thần như bị xúc động đến hoảng hốt, mà không có một nguyên cớ gì cả. Dưới lưng ông mồ hôi chảy ướt lầy nhầy trên mặt phản không trải chiếu. Mồ hôi rướm ướt bắp chân, bắp vế, ướt nhè nhai rất khó chịu. Và nhất là thứ mồ hôi chảy vòng quanh cổ, lạnh lạnh.

Giật mình thức giấc lần nào trong tình trạng ấy ông Hải Thọ cũng thấy hồi hộp một nhọc như là vừa tỉnh một giấc mơ dữ dội. Lần đầu ông thức dậy thì trăng vừa lên khỏi chân trời. Mặt trăng tròn đẹp. Ông Hải Thọ mở mắt nhìn một chút, thấy cay hai mắt lạ thường, ông lại nhắm mắt. Lần sau

tỉnh giấc, có lẽ trăng càng sáng đẹp, chiếu đầy sân, nhưng ông không mở được mắt. Khắp người ông ề mội, chân tay rã rời, mỗi lần trở mình qua bên này hay bên kia ông nghe chạy suốt châu thân một khoái cảm tê mê. Những khi thức mỗi rá rời, người ta thấm thía giá trị của từng cử động nhỏ.

Có lần ông trở mình, lần nằm đúng vào chỗ dưới đầu võng của bà đang đưa qua đưa lại, và bị sợi đuôi trâu quệt ngang qua mình. Như thế cũng gây một cảm giác khó chịu, nhưng có khi ông không kịp nhích mình tránh đi, cứ lơ lửng biếng nằm yên, nghe vài tiếng ho, tiếng trẻ con cựa mình lết set trên nong ngoài sân, rồi ông ngủ thiếp đi.

Quá khuya, trong giấc ngủ bỗng nghe có tiếng chuông leng keng vang lên sát bên tai. Ông hoảng hốt giật mình choàng dậy, nhìn ngơ ngác. Nhưng bốn bề im phăng phắc. Trăng sáng vàng vạc. Bóng những cây dừa trước sân đã thu ngắn lại quanh gốc. Các tàu lá cao nhất lắc lư rất nhẹ nhàng. Hàng tre ở chân trời trông hơi lơ mơ.

Ông Hải Thọ ngơ ngác nhìn xung quanh, thấy mọi người vẫn ngủ và ngáy đều đều. Hình như không có ai nghe qua một tiếng động nào. Quái? Có thể nào ông cụ nghệ đã già mà cũng ngủ mê đến thế?

Khi ông Hải Thọ lại lịm đi thì tai chợt mơ hồ nghe vẳng lại tiếng chuông leng keng, khoan thai và trong trẻo. Ông tỉnh dậy lần nữa. Lần này ông quyết chắc ít nhất là có ba tiếng chuông lanh lảnh dội vào hai tai đã hoàn toàn tỉnh táo của ông. Nhưng chỉ ba tiếng thôi, rồi ông kịp mở mắt ra thì lại im bật. Chung quanh im lặng một cách khó hiểu.

Ông Hải Thọ nghi hoặc, lo ngại, như một mình bị lạc vào một thế giới lạ. Đã lâu quá, ông xa lạc cái sinh hoạt của thôn quê, đến nỗi ông không biết những điều vừa nghe thấy, làm cho mình ngạc nhiên, là những chuyện thường hay là bất thường ở đây. Ông không biết xung quanh nhà cụ nghệ Hà có chỗ nào người còn thức đêm, làm công việc gì, và có dùng đến chuông chẳng.

Một lát rồi ông Hải Thọ lại ngủ. Độ nửa giờ đồng hồ, ông cảm thấy có cái gì chạm lên hông mình và cựa quậy. Trong lúc lơ mơ, ông cho đó là cái đuôi trâu của chiếc võng bà Hải Thọ quệt ngang trên mình. Ông nhích tránh ra một bên. Nhưng quái lạ vật gì đó vẫn còn cựa quậy trên người ông. Không mở mắt ra, ông Hải Thọ đưa tay phải một cái, đụng nhầm một vật gì mềm mềm...

VỖ - PHIẾN

Bất giác ông chụp năm lấy, giờ cao lên trước mặt, và mở mắt ra. Thật là kỳ dị: ông Hải Thọ đang nắm trong tay một thằng bé lớn bằng quả dưa gang, đỏ hồng như con búp bê trần truồng. Thằng bé cổ hết sức vùng vẫy giữa mấy ngón tay của ông Hải Thọ, miệng nó há ra như là hết dữ dội nhưng không



hề phát ra một tiếng kêu nào. Nó cứ dấy dựa chới với giữa lòng như thế trước sự kinh hoàng của ông Hải Thọ lúc đó không còn nghĩ kịp đến chuyện vứt nó đi.

Ông Hải Thọ mở trừng trừng hai mắt nhìn thẳng bé, và kinh hãi nhận thấy nó cứ nhỏ dần dần lại rất nhanh. Càng dấy dựa thẳng bé càng nhỏ đi, như một cục nước đá tan trong nước nóng. Ông Hải Thọ chưa kịp chớp mắt nó đã thu hình bằng trái bắp, rồi bằng cái nút chai, tứ chi vẫn dấy chới với. Khi thân hình nó còn bằng một đoạn bút chì ngắn thì cái miệng đỏ hồng và cặp mắt đen lầy của nó tuy hình như vẫn nhấp nháy cử động mà trông lơ mơ khó thấy. Ông Hải Thọ hoảng hốt cảm thấy như thẳng bé không phải dựa dựa để thoát khỏi bàn tay của ông, mà chính là để chống lại với sức tan biến sắp làm tiêu mất nó trong khoảnh khắc.

Ông tưởng chừng thẳng bé đang mấp máy cổ sức để nói gửi lại một lời gì trước khi mất vào hư vô. Ông chồm đầu dậy. Thằng bé còn bằng sợi bún. Ông đưa tay lại gần mắt một chút nữa. Nó chỉ còn bằng cái tăm, bằng một con lăng quăng nhỏ.

Thoảng một cái giữa hai ngón tay ông Hải Thọ chỉ còn một chút gợn chồn vờn, trông như là một giọt mật ong nhỏ vào bát nước đang loang ra, như là một hạt nước lạnh rót vào chén nước sôi loang vài nét gợn gần vô hình. Rồi thì hoàn toàn mất hẳn.

Ông Hải Thọ dụi mắt ngơ ngác. Hoàn toàn trước mắt ông không còn gì nữa. Trăng sáng vàng vạc. Trời cao thăm thẳm.

Ông Hải Thọ quay nhìn xuống võng, thấy người vợ nằm ngủ mê mệt, đầu ngẹo xuống vai, mặt nghiêng về phía ngoài sân, phơi ra ánh trăng. Tất cả xung quanh đều im lặng.

Ông Hải Thọ ngả đầu xuống gối. Mồ hôi tuôn ra khắp người. Ông quơ một chiếc « ra », kéo chùi mồ hôi lạnh nhờn quanh cổ. Ông gạt tấm « ra » sang một bên, lau mồ hôi trên chân, trên tay, dưới lưng... Hơi mát thấm vào da thịt khiến ông thấy khỏe khoắn, và bớt hồi hộp. Ông nằm kiêu diễm trong trí những điều lạ lùng vừa trông thấy, suy nghĩ. Ánh trăng sáng quá làm cho ông bắt đầu ngờ vực những việc vừa xảy ra. Có lẽ nào lại thế? Chắc là một ảo giác. Ông cố gọi lại các cảm giác của năm đầu ngón tay, và các chi tiết mà mắt đã chứng kiến. Nhưng những xúc giác và thị giác ấy vừa được chú ý đến liền trở nên mơ hồ vô định, và cũng tan biến đi rất nhanh. Ông Hải Thọ ngẩn ngơ, không còn biết vin vào đâu nữa. Ông nằm một lúc lâu, cho đến khi vừa thi thu sắp ngủ trở lại thì bỗng nghe một tiếng « choảng » chất chứa như tiếng một cái thanh la hay một chiếc thau lớn rơi xuống đất. Ông giật mình thàng thốt, trợn ngược đánh thỉnh thỉnh, mồ hôi và ra như tắm?

Lạ lùng nhất là một tiếng động kinh khủng như thế mà không làm thức giấc ai cả. Vẫn chỉ có mình ông Hải Thọ ngốc đầu dậy hoảng hồn ngơ ngác. Mọi

người đều vẫn ngủ, vẫn ngáy. Có thể nào ngủ say đến thế được? Có thể nào ông nghe lầm? Không còn hiểu ra nghĩa lý gì cả? Tất cả các giác quan của ông mới trong chớp lát đã thành bệnh hoạn, đã lừa ông cả sao? Ông dăm ra bối rối sợ hãi.

Vợ chồng và hai đứa con ông Hải Thọ nghỉ tại nhà cụ nghệ Hà đã hai ngày một đêm rồi. Tuy nói là ghé thăm cụ nghệ—vì trước kia thân sinh ra ông Hải Thọ có ở giúp việc nhà cụ nghệ—nhưng kỳ thực là vì lỡ đường họ kiếm chỗ tá túc vậy thôi. Vợ chồng ông Hải Thọ đi trên chiếc xe Peugeot gia đình, hai bên hông sơn và vẽ rất nhiều hình và rất nhiều chữ quảng cáo các loại thuốc bổ tim, bổ thận và bổ phổi của nhà thuốc Tái-sinh-dưỡng. Trên trần xe mắc cái loa nhỏ rất xinh, miệng loa hình chữ nhật chĩa về phía trước. Chiếc loa trên trần cũng có mục đích như các giồng chữ hai bên hông xe. Ngày đi đêm nghỉ ngay trên

xe, vợ chồng ông Hải Thọ thường chỉ cần dùng lại làm việc giữa các lều chợ họp đông đảo. Nhưng vừa rồi chiếc xe Peugeot ấy do ông Hải Thọ lái lại dăm vào một đầu cầu, gây ba-rô-sốc, bể đèn, bể kết nước, và hư một vài bộ phận điện. Ông Hải Thọ đã cho gọi thợ đến sửa chữa.

Trong khi chờ đợi, vợ chồng ông ghé thăm cụ nghệ. Hai ngày một đêm rồi ông không nghe ai nói qua đến chuyện ma quỷ gì ở đây. Và lại hồi còn nhỏ ông Hải Thọ cũng có sống ở Cù-lâm này, không từng nghe nói đến ma quỷ. Phải chăng những ngày gần đây gia thế cụ nghệ tiêu điều suy sụp mà ma mới xuất hiện, người nhà coi là điều gở, là chuyện bất hạnh, nên dẫu điếm không dám nhắc đến? Đêm nay thì tự nhiên lại có chuyện lạ lùng.

Nếu quả có ma ở đây thì lần này nó chỉ trừu tượng ông Hải Thọ. Tại sao vậy? Nếu là sự chọn lựa của phụ nữ thì ông Hải Thọ vẫn thường giải thích không khó khăn, nhưng ma quỷ thì chúng nó bí mật cả về lý do chọn lựa. Gớm thực, tại sao lại chọn riêng ông Hải Thọ mà trừu? ông Hải Thọ nhìn kỹ xung quanh ông, trong một vòng tròn mười thước không có cái thanh la, cái thau, hay cái mâm đồng nào, không vật gì bằng kim khí rơi xuống đất cả, ông quay nhìn về phía trong nhà: cửa không đóng, một thứ ánh sáng lơ mơ chiếu vào gian nhà xưa rất sâu. Mắt ông Hải Thọ nhìn thấy những hộp thần chú phủ vài đồ sập hàng đứng lù lù trong bàn thờ, phía sau những bình phong, tam sơn, đèn thau, lư hương v.v.. Ông hơi rung mình. Ông ngoảnh mặt ra phía ngoài. Có

(Xem tiếp, trang 20)

ĐẾN KHI MA CHẾT

(Tiếp theo trang 19)

tiếng lết sệt, một hình người vùng dậy giữa sân. Ông Hải Thọ giật mình, nhưng xem lại thì là Sơn, cậu con trai út của cụ nghệ, đứng dậy đi tiêu. Hắn đi xong, thất thểu trở vào giữa sân, vội vàng ngã lưng xuống tấm nong nằm ngủ, dáng bộ lờ mờ như mê mệt, không thèm nhìn ngó gì đến xung quanh. Một lát sau đã nghe tiếng hân ngáy lớn.

Ông Hải Thọ lần này thức và nghĩ tới nghĩ lui ngót một giờ đồng hồ. Thỉnh thoảng người vợ tỉnh giấc, trở mình, bả chân đánh bạch xuống đất hay đập vào cây cột dựa vào; phát một vài cử chỉ, rồi quơ một bàn tay lên phía đầu vớ cái các ngón tay vào những sợi dây võng, ngủ trở lại, không buồn mở mắt ra trông thấy chồng đang bán khoán đến chừng nào. Cũng có lúc, vài người khác tỉnh dậy, quạt phạch phạch, hay nói ú ớ mấy tiếng rồi lại ngủ.

Những hoạt động buồn tẻ đó làm cho ông Hải Thọ lần lần quên nghĩ đến nguyên do sự lo sợ của mình. Không biết từ lúc nào, ông đã quen tay kéo tấm ra phủ choàng lên người. Rồi ông thu thiu, lim dim sắp sửa ngủ. Bèn tại ông vẫn còn tiếng võng đưa cọt kẹt chậm chạp, biếng nhác, thứ tiếng võng sắp ngừng.

Tự nhiên từ chỗ lơ mơ trong giấc ngủ, ông Hải Thọ như dần dần hồi trở lại tình trạng tỉnh táo, hồi lại một cách nhẹ nhàng. Ông hồi hộp linh cảm có một cái gì bất thường chờ đợi mình. Thỉnh thoảng ông Hải Thọ mở bừng mắt ra. Trời đất ơi! Một bà lão già nhăn nhó, què, tướng đến hơn trăm tuổi, đang ngồi nhìn chòng chọc vào mặt ông Hải Thọ! Ông Hải Thọ chưa từng bị một cái nhìn nào ghê gớm đến thế. Bà lão ngồi trên mép phản chỉ cách ông một thước tây, già và gầy quá sức, da mặt dòn những nếp nhăn đến nỗi trông ghê gớm như là những nét vẽ rằn rịt bằng bút lông những mực tàu. Hai con mắt bà lão mở thao láo sau cặp kính trắng làm cho khuôn mặt càng thêm lớn và tròn, có vẻ dữ dội. Và làm cho cái nhìn thô lỗ quá. Một cái nhìn không thể nào của loài người, cái nhìn như chực thu hết hồn người ta: một cái nhìn hoàn toàn ma quái?

Vừa mở bừng mắt, chợt thấy mình đối diện với một hiện tượng kinh khủng như thế trong đêm khuya, ông Hải Thọ hoảng hồn dấy mạnh một cái, chụp cả hai tay xuống phản, vùng mình dậy, hét lên một tiếng lớn.

Vụt một cái, bà cụ già nhào ngửa người như bị tiếng hét của ông Hải Thọ thổi bật ra, nhào xuống đất nhẹ nhàng không có tiếng động, như một con mèo. Rồi bà ta chạy biến về phía đầu sân, thoát ra khỏi cổng, chạy thẳng ra đồng ruộng. Bước chân bà ta không động mảy may đến mặt đất. Nhẹ như một con thỏ loáng thoáng nhảy trốn dưới ánh trăng, bà lão hoảng hốt càng chạy xa càng nhanh. Khi vượt ra khỏi cổng thì thật là nhanh ghê gớm: tốc độ cử động của bà ta không còn có thể của một người nữa, càng không thể là một bà lão. Phải là tốc độ của quỷ của quái.

Bà già cứ lao mình chạy thoăn thoắt ra giữa đồng ruộng. Bóng bà mỗi lúc mỗi nhỏ. Bằng con thỏ trắng, rồi bằng con chuột bạch. Ông Hải Thọ ráng mở mắt thực lớn, chồm tới nhìn như bị cái hình người nhỏ bằng con chuột bạch ấy thu hút theo.

Nhưng vô ích, mắt ông không thể nào theo dõi nổi nữa. Trong khoảng ánh trăng sáng bao la chỉ còn một chút gì lơ mơ dựa dẫm với, một chút gì rất mờ hồ, như là một tia ánh sáng tự nhiên múa rối lên giữa những tia ánh sáng khác. Nhưng ông Hải Thọ định thần nhìn kỹ lại thì đã không còn gì nữa. Ở chân trời, ánh trăng với sương xuống mờ mờ trắng xóa.

Lúc bấy giờ ông Hải-Thọ mới kịp đề ý đến thái độ những người quanh mình. Ai nấy đều thức dậy và chăm chăm nhìn vào mặt ông Hải-Thọ. Mặt ông Hải Thọ là một khuôn mặt to lớn, hơi thô kệch, mí mắt dày, da mặt không được sáng sủa, tuy vậy trong ánh mắt cũng có một vẻ lạnh lợi, và nhất là vẻ quả quyết. Nhưng bấy nhiêu chi tiết chưa làm thành đặc điểm diện mạo ông Hải Thọ. Đặc điểm ấy trông cậy cả vào bốn chùm lông: hai hàng lông mày và hai vệt râu mép. Chân mày ông Hải Thọ thấp sát mí mắt, gồ lên, lông vừa rậm, vừa cứng, vừa dài. Có những sợi lông ở về phía đuôi chân mày dài ra và cong xuống gần chạm đến khoé mắt. Còn hai chòm râu mép thì cũng đen, cũng rậm, cũng cứng, tựa như hai râu rơm rất béo tốt phương phi nằm ngang dưới hai lỗ mũi, ông Hải Thọ hãy còn trẻ măng, ở tuổi ấy người nhà quê không bao giờ để râu. Bởi vậy người nhà cụ nghệ Hà và người làng Cù - lăm lên đến ý rất nhiều đến hai vệt râu thanh niên ấy nhưng cố dấu vẻ ngạc nhiên và tránh mọi câu hỏi tò mò. Đó là lối dãi ngộ đầy ý kính nể dành riêng cho khách đồ thị, bởi vì mọi người đều cho rằng tung tích cặp râu ấy ở Saigon.

Lúc bình thường cặp chân mày và cặp râu làm cho gương mặt của ông Hải Thọ có vẻ thô bạo một cách hài hước. Nhưng khi ông hoảng lên, vươn cổ nhia theo bà già ma biến mất giữa khoảng đồng ruộng mênh mông thì cả nhà cụ nghệ Hà lo ngại nhìn vào khuôn mặt ông Hải Thọ đều tưởng thấy bốn chòm lông đen sắp sửa múa lên hỗn loạn. Cả râu, cả chân mày đều nhấp nháy nháy, cự quảy tỏ ra hết sức nóng nảy. Tất cả chúng như bốn sinh vật—bốn con sâu róm—đang quần quật, mong thoát khỏi vị trí chật hẹp của mình để vẩy vùng. Người ta chưa ghi vào điển tịch một trường hợp sâu róm hóa rồng, thực là điều đáng tiếc.

Khi ông Hải Thọ trông thấy mọi người chăm chăm nhìn mình, tưởng như không có việc gì quan trọng hơn nữa xảy ra, ông ta lên tiếng hỏi, có vẻ bất bình:

— Thế này là cái quái gì?

Bà Hải Thọ lại hỏi:

— Mình thấy cái gì?

— Thế không thấy gì cả à?

— Có thấy gì đâu! Nghe hét, hoảng cả hồn vía

— Thế thì là thực. Một con ma vừa ngồi ngay

trên góc phản này, nhảy nhào xuống đất, chạy ngang qua sân trước mắt mọi người, rõ ràng thế mà bảo không trông thấy là nghĩa lý gì?

Thật là việc không có nghĩa lý, gì không ai trông thấy cả. Ma chỉ trừu có một mình ông Hải Thọ. Và trừu liên tiếp bốn lần trong một đêm?

Đó là buổi sơ kiến giữa hai bên.

Chờ cho đàn bà trẻ con hết hỏi han bàn tán lao

xao và nằm yên xuống chực ngủ trở lại rồi, cụ nghệ Hà bắt đầu nói chuyện với ông Hải Thọ, giúp ông ta thức nốt qua khỏi cái đêm kinh khủng. Vì ông Hải Thọ không muốn ngã lưng nằm xuống phản nữa.

Giữa một bên là người quàng cáo thuốc của nhà Tái sinh đường, có cặp râu mép với chân mày rõ, một bên là ông cụ nghệ già, cuộc chuyện trò cũng có một lối riêng. Ông Hải Thọ hỏi:

— Cụ cũng không trông thấy gì cả? Cái ấy mới là lạ?

— Anh trông thấy nó ra sao?

— Ủi chào. Tất cả bốn lần...

Ông Hải Thọ kể lại câu chuyện nghe ma và thấy ma. Kể xong, ông ta nói tiếp:

— Nhà này thế mà có ma, ghê thật! Thưa cụ, thường thường nó có hay hiện lên phá phách không hả cụ?

Cụ nghệ Hà cười hi hi nhọ nhọ, chưa trả lời.

Ông Hải Thọ liền hỏi dồn:

— Không lần này thì lần khác. Không cụ thì người nhà, chắc cũng có chuyện trông thấy nó rồi chứ lẽ nào chỉ có mình tôi, phải không cụ?

Cụ nghệ nghệ một chút, rồi tự nhiên cất tiếng hỏi lại:

— À, anh ba từ bé đến lớn đã thấy ma nhiều lần chưa nhỉ?

Ông Hải Thọ trả lời. Rồi lại hỏi:

— Nhà này ngày xưa đâu có ma? Nó bắt đầu hiện ra là từ hồi nào tới giờ hả cụ?

Cụ nghệ cười, thần nhiên:

— Ngày xưa anh ba còn ở đây, tôi nhớ anh chưa lớn bằng thằng Sơn bây giờ. Anh trở về trông thấy quang cảnh có gì thay đổi lắm không?... À, anh cho tôi mượn cái hộp diêm.

Rồi cụ nghệ đốt một điếu thuốc, ông Hải Thọ đốt một điếu thuốc. Cho tới sáng ông Hải Thọ vẫn không biết là nhà cụ nghệ bắt đầu có ma từ bao giờ, đã có ai trông thấy chưa.

Trong khi cụ nghệ và ông Hải Thọ nói chuyện với nhau theo một lối kỳ quái như thế thì hai người không ngờ rằng con ma đã trở lại lần đầu tiên theo dõi câu chuyện hai người từ đầu tới cuối. Con ma không hiện ra hình nữa, nhưng nó cứ lượn lơ bên cạnh để nghe, và để cười khiêu khích một cách dễ ghét.

Số là khi con người chết đi thì lòng tự ái không chịu chết. Nó còn lại, và hóa kiếp thành lòng tự ái của loài ma. Lòng tự ái của ma còn dễ ghét hơn của người một bậc. Bởi vậy con ma này sau khi trừu ghẹo cụ nghệ Hà hết thảy uo sang thẳng kia bây giờ nghe cụ lúng túng đầu quanh đầu quất sự hiện diện của nó, tự động nó thêm thích chí. Cụ nghệ vì tự ái không muốn thú nhận rằng phúc nhà mình đã suy, ma quái đã lộng hành.

Luôn luôn cụ cấm tuyệt vợ con trong nhà, không cho nhắc nhở, tiết lộ chuyện ma cho người biết. Trước những câu cật vấn lỗ mạn thực thà của ông Hải Thọ, sự tránh trút bối rối của cụ nghệ lại làm cho con ma càng thêm bành.

Mặt khác, qua những câu chuyện đồn dập đầy lo lắng của ông Hải Thọ, con ma cũng nhìn thấy một sự thắng lợi về phía nó nữa. Loài ma cũng lấy làm thú được thấy mình quan trọng.

Thỉnh thoảng ông Hải Thọ nghe có tiếng gì như tiếng chuột rúc rúc ở trong buồng. Rồi lại như tiếng con gà mái chột giật mình thấy ánh trăng lăm ban ngày, cúc cúc vu vơ gọi con ở phía đầu hè. Ông Hải Thọ không ngờ đó là tiếng cười rúc rích lén lút một cách khà ố của con ma đắc thắng.

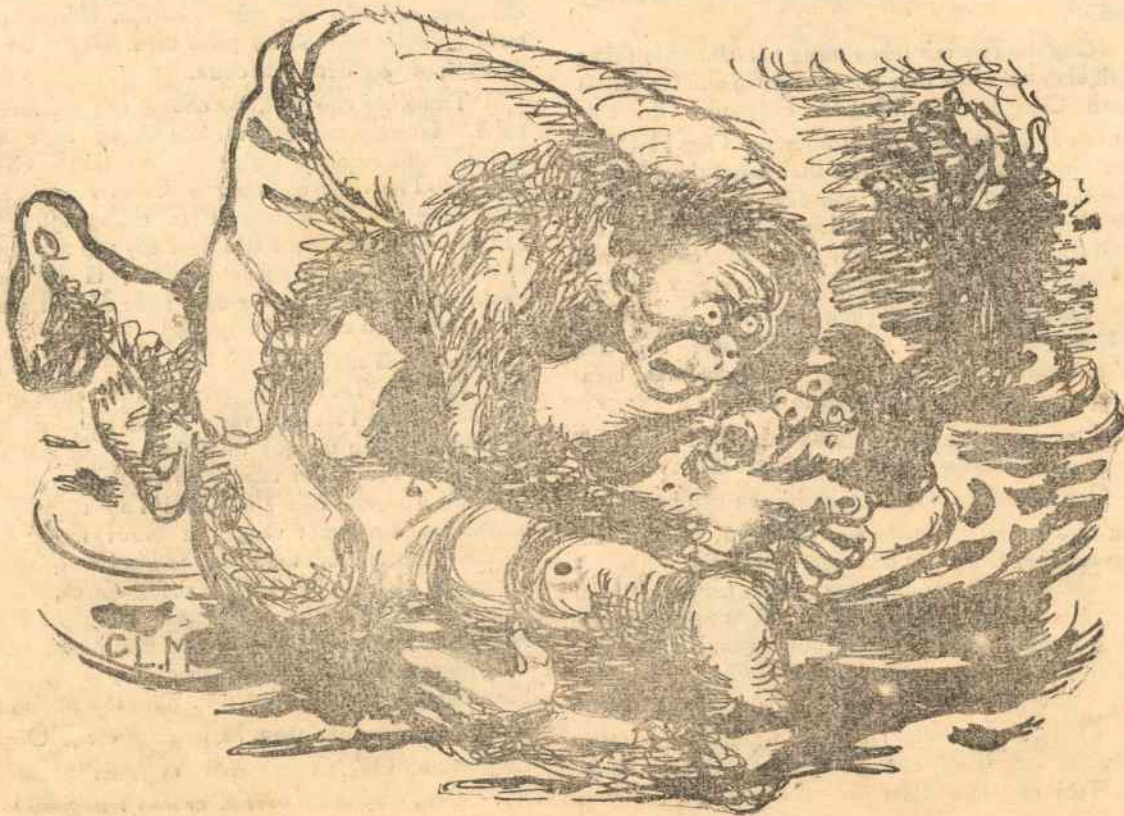
Trời gần sáng; con ma lấy làm tiếc phải rời bỏ nhà cụ nghệ Hà, quay về âm ti. Nó nhìn lại ông Hải Thọ lần chót như con chuột nhia một củ khoai thực bự mà nó chưa kịp ăn cho thỏa thích. Con ma chưa phải thuộc vào loại thấu rõ được thiên cơ, nên nó không ngờ nó có thể bắt gặp một nạn nhân vạm vỡ và trông ngộ nghĩnh như ông Hải Thọ. Trêu được một người đàn ông to lớn như thế có cặp râu và chân mày như thế, làm cho người ấy nhón nhấc mắt ngủ cả đêm, — đó thực là công việc làm thật xứng đáng của một con ma.

Khi nó đi về âm ti rồi thì bà Hải Thọ vừa tỉnh giấc. Bà Hải Thọ có giọng nói hơi khàn khàn, nhưng không phải vì thế mà bà nói ít hơn những người khác. Trái lại. Sau khi ngủ dậy đủ rồi, bây giờ đúng là lúc nên bồi kỹ lại về chuyện ma.

Ông Hải Thọ thuật đến đâu, bà hưởng ứng đến đó. Mỗi khi nghe thuật đến chỗ con ma hiện hình, bà xòe hai bàn tay che mặt lại và hét lên. Nghe nói chuyện ma giữa ban ngày có vẻ còn ghê gớm hơn là gặp ma ban đêm.

Hai vợ chồng tri kỷ của ông Hải Thọ chuyện trò với nhau một cách huyền ảo như thế cho đến tám giờ sáng. Rồi họ quay ra làm khô sớ vợ chồng cụ nghệ Hà. Cho đến cái sáng Tịch, con ông Hải Thọ, một thằng bé con mới mười tuổi, cũng chồm chồm lên hỏi cụ nghệ. Cụ vừa giận lối ngáo ngác xấc

(Xem tiếp trang 22)



Trong căn nhà của Bà Mai.

Phòng khách được trang trí theo lối cổ. Hai bức đối quả bầu treo ở hai bên cái tủ bằng gỗ khảm xà cừ. Quanh phòng rải rác vài cái đầu cao trên có để chậu cảnh. Giữa phòng có để bộ bàn ghế Tàu thấp. Đồng hồ quả lắc treo ở phía trái chỉ đúng 10 giờ. Cửa sổ tường bên phải có thể nhìn sang cái ngõ con hơi tối dẫn vào phía trong nhà. Hoan và Tôi đang ngồi nói chuyện.

Lớp I

TÔI.— Lại sắp Tết rồi, dường như mỗi mùa Tết đến tôi đều cảm thấy tâm hồn mình hơi khác đi ít nhiều.

HOAN.— Tôi tưởng Tết cũng chỉ là một sự thay đổi mùa không có nghĩa lý gì hết.

TÔI.— Anh lầm.

HOAN.— Tôi không lầm. Tết năm ngoái, Tết năm nay, Tết sang năm và có lẽ tất cả những cái Tết mai hậu cũng chỉ bắt đầu ở cuối mùa lá rụng và đầu kỷ mai nở. Không có gì mới lạ cả.

TÔI.— Cái mới không nhờ ở không gian mà có, phải nhờ ở thời gian.

(Hoan toan đáp thì có tiếng gõ cửa, Hoan lẹ làng đứng lên mở cửa. Một thiếu nữ uốn tóc cao, mặc áo đỏ, diêm hoa tím bước vào).

HOAN.— A. Tuyết.

TUYẾT.— (Mim cười nhưng chợt bắt gặp tôi, nàng cúi đầu chào)

HOAN.— Xin giới thiệu Tuyết, sinh viên y khoa và... Tôi. ký giả...

TÔI.— Hân hạnh.

TUYẾT.— Hình như các anh đang bàn tính chuyện gì?

HOAN.— Bàn tính thì không nhưng có nói về chuyện Tết.

TUYẾT.— A, hay lắm, một vấn đề.

TÔI.— Có cũng cho thế là một vấn đề.

TUYẾT.— Đúng, một vấn đề cũ rích nhưng vẫn phải lặp lại mỗi năm.

HOAN.— (Im lặng một lát) Quan niệm của cô ra sao đối với vấn đề ấy?

TUYẾT.— Nói chung, thì Tết quả là một ngày vui. Nhưng nếu tách riêng thì từng hoàn cảnh sẽ biến chuyển...

TÔI.— Đúng. Năm ngoái tôi quan niệm cái Tết khác và năm nay khác.

HOAN.— Khác là khác thế nào chứ? Riêng tôi, tôi cố tìm cái mới lạ nhưng Tết vẫn chỉ bùng lên màu sắc chói, giống nhau từ khía cạnh.

TUYẾT.— Nhưng nếu giải phẫu từng khía cạnh thì ta sẽ thấy nó khác nhau nhiều.

HOAN.— Cô đem chuyên môn để giải thích vấn đề tình cảm.

TÔI.— Anh cũng thế!

TUYẾT.— Ai thì cũng phải đứng về mình mới có thể nhìn nhận sự thật của mình rồi suy đoán người.

TÔI.— Chưa hẳn đúng, ngoại cảnh giúp mình hiểu mình hơn.

HOAN.— Có nghĩa là chính mình không hiểu mình bằng hiểu người?

TUYẾT.— Vô lý, một bệnh nhân không biết đau chỗ nào thì làm sao bác sĩ biết để khám mà trị bệnh.

HOAN.— Cũng có khi người bệnh không biết bệnh mình...

TUYẾT.— cướp lời)... nếu người bệnh ấy mắc chứng loạn óc.

HOAN.— Chúng mình hơi viễn vông.

TÔI.— Không viễn vông, nhưng hơi lệch lạc khi suy luận.

HOAN.— Trở lại vấn đề vậy.

(Có tiếng lao xao bên ngoài, cả ba cùng nhìn ra phía cửa).

TIẾNG VỌNG NGƯỜI PHU XE.— Thưa bà, đi vòng xa quá, lại phải dừng chờ bà. Xin bà trả thêm.

TIẾNG VỌNG BÀ MAI.— Rõ rắc rối, tôi mặc cả dứt khoát rồi cơ mà.

TIẾNG VỌNG NGƯỜI PHU XE.— Nhưng bà đứng lại lâu và nhiều chỗ quá, Xe ngày Tết, bà tính xem...

TIẾNG VỌNG BÀ MAI.— (Nói nhanh) Chuyện, Tết nhất mua bán phải chờ chờ chứ, anh phải biết nếu không chờ thì chỉ có mua hớ, Họ nói thách lắm.

TIẾNG VỌNG NGƯỜI PHU XE.— Dạ, tôi biết, tôi chỉ xin bà trả thêm, Chợt đóng lách xe đẩy đi một hơn là ngồi đợi. Bà tính một « cuộc » xe lâu gấp hai « cuộc » mà cũng chỉ được có 6 đồng,

TẾT CHẴNG RIÊNG AI TẾT MỌI NHÀ

Phong sự viết thành thoại kịch
của **VĂN HUYỀN**

LỜI NGƯỜI VIẾT.— Đây không phải là một bản kịch. Đây chỉ là một mẫu phóng sự viết thành thoại kịch.

Chuyện xảy ra trong một căn nhà, nhưng ngoại cảnh sẽ cho ta biết thêm nhiều về sinh hoạt của mọi giới khác. Sở dĩ phóng sự này được viết thành thoại kịch, người viết muốn độc giả được trực tiếp với các tư tưởng của các nhân vật trong sự đối thoại của họ mà người viết chỉ biết ghi lại.

TIẾNG VỌNG BÀ MAI.— Thế ra anh tính theo lối « tắc xi ».

TIẾNG VỌNG NGƯỜI PHU XE.— Dạ không phải, chỉ xin thêm bà, Tết nhất...

TIẾNG VỌNG BÀ MAI.— Ái dà, trăm thứ đồ đầu tết. Tôi được, cho thêm anh hai đồng, anh xách đùm cái lên vào chút xíu.

(Tiếng vọng im)

HOAN.— (Ngượng ngùng nhìn Tuyết và Tôi) Thật khó chịu.

NHÂN VẬT ĐIỂN HÌNH

HOAN	Họa sĩ
TÔI	Ký giả
TUYẾT	Sinh viên y khoa

TIẾNG VỌNG

Bà MAI	Mẹ Hoan
CÚC	Người làm công cho Bà Mai
Người Phu xe Xích Lô	
Bà TÂM	Mẹ Cúc

NHÂN VẬT PHỤ KHÁC

Ông MAI	Bố Hoan
LOAN, TRỌNG, BÍCH	Em Hoan

TUYẾT.— (Biết ý nói lạc chuyện) Tết đến cái gì cũng lên giá cả.

TÔI.— Cũng có cái không bị ảnh hưởng của Tết.

TIẾNG VỌNG BÀ MAI.— Cúc đâu, ra xách đùm tao cái lên nghe mầy.

TIẾNG VỌNG CỦA CÚC.— Dạ, con ra ngay.

TIẾNG VỌNG BÀ MAI.— (Nói một mình) Con gà rẻ được năm đồng, gà « di cư » béo tẹt. Con « mẹ » vừa béo vừa tẹt.

TIẾNG VỌNG CỦA CÚC.— Thưa, bà đã về.

TIẾNG VỌNG BÀ MAI.— Chà, thứ gì cũng đắt cả mầy ẹ, khó mua lắm.

TIẾNG VỌNG CỦA CÚC.— Thưa bà, con thấy ế đấy rầy ra đấy mầy.

TIẾNG VỌNG CỦA BÀ MAI.— Ế thì ế, nhưng hề đụng vào thì thót cao, dao bầu đấy.

TIẾNG VỌNG CỦA CÚC.— Thờ ờ buổi kho khăn thật, con nghĩ không có lúc nào như lúc này. Năm nay mẹ con ở nhà không dám tính đến chuyện Tết cũng nên.

(Có tiếng gà kêu và tiếng vọng tiếp tục)

TIẾNG VỌNG CỦA CÚC.— Gà béo quá có đến 80 đồng không bà?

TIẾNG VỌNG BÀ MAI.— Suýt soát đấy, tao mua rẻ năm đồng, gà của mầy bà « di cư » nuôi mập ừ. Canh mai cũng hơi đến năm đồng, không bán thì chỉ có mang về mà làm củi, nên tao trả đim giá.

TIẾNG VỌNG CỦA CÚC.— Bà thì năm nào cũng lo liệu đấy đủ.

TIẾNG VỌNG BÀ MAI.— Đào ời. nhà này thì năm nào cũng sắm sửa. Tết nhất không bày biện thì « thiên hạ » cười, mà bày biện thì lo kéo cây trả vợ.

TIẾNG VỌNG CỦA CÚC.— Bà không

bày vẽ thì sợ chê cười chứ gia đình con mà bày vẽ thì lại bị chê cười. Thật trái ngược.

HOAN.— (Giọng bức tức) Thế là cái quái gì (nhìn Tôi) Bà cụ mình buồn cười lắm.

TUYẾT.— (Vờ quay ra phía sau để tránh cái nhìn của Hoan)

TIẾNG VỌNG CỦA CÚC.— Nghèo mà bày vẽ ra chỉ thêm khổ, con nghĩ thế nên phải quên Tết.

TIẾNG VỌNG BÀ MAI.— Chuyện, mầy khác, tao khác.

(Tiếng vọng lại im bất)

HOAN.— (Thở dài, hai tay ôm thái dương)

TUYẾT.— Mỗi người đều có lý do riêng...

HOAN.— ... và quyết bảo vệ lý do ấy, phải không, Tuyết?

TÔI.— Dĩ nhiên. Nhưng đừng có bảo thủ mới được.

TUYẾT.— Thật phức tạp, giá dụ cuộc sống chỉ là một cuộc giải phẫu...

HOAN.— ... lại càng phức tạp hơn.

TÔI.— Chắc Hoan muốn ví cuộc sống là một bức họa,

HOAN.— Đúng.

TUYẾT.— Lại càng phức tạp hơn nữa.

TÔI.— Tốt hơn hết là cứ sống theo quan niệm của mình nhưng vô hại cho kẻ khác.

HOAN.— Bằng cách nào?

Lớp II

(Có tiếng gõ cửa hồi nhanh)

HOAN.— Ba tôi đã về (đứng lên mở cửa, một người đàn ông tóc hoa dâm, ăn mặc giản dị bước vào) Ba đã về.

ÔNG MAI.— Ừ, má con đâu?

HOAN.— Má con vừa đi chợ Tết về.

ÔNG MAI.— Chợ với búa, Tết với nhất, lại về với (chợt nhìn thấy hai người).

TUYẾT và TÔI.— (Cùng đứng dậy chào).

ÔNG MAI.— Được được, cứ ngồi.

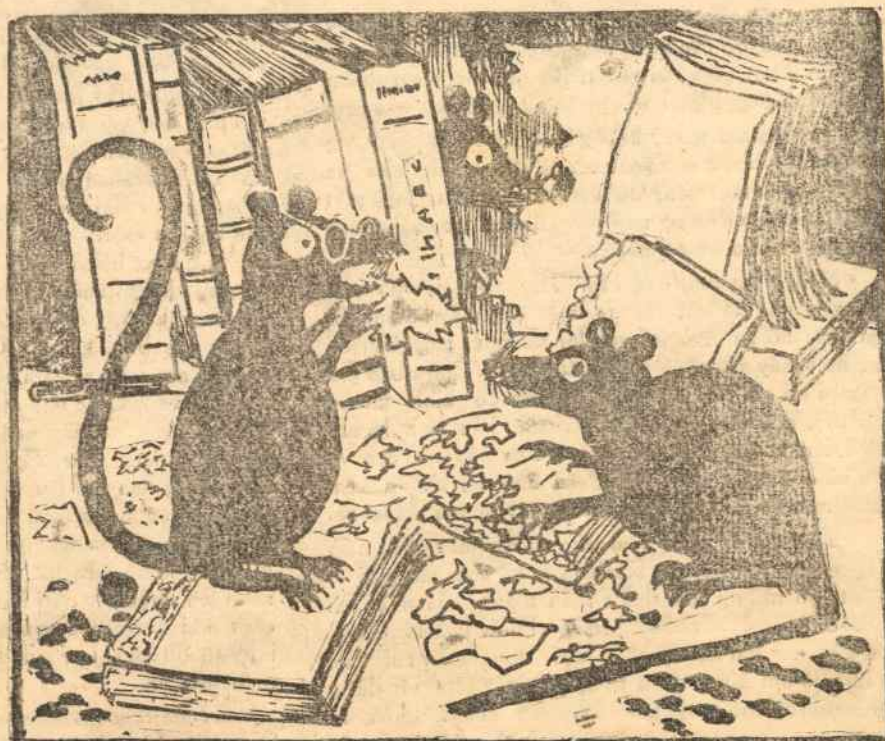
HOAN.— Bạn con, ba ẹ.

ÔNG MAI.— Ba đã có gặp một lần.

HOAN.— Chắc mai ba nghĩ rồi.

(Xem tiếp trang 33)

Một vấn đề cửa miệng, của loài... gặm sách



Một câu hỏi quan trọng: Làm thế nào cho nền văn hóa tiến triển?

ĐẾN KHI MA CHẾT

(Tiếp theo trang 20)

lắc của trẻ con bình dân đô thành, vừa hết sức phân trần cho nó hiểu rằng cụ không phải là người được giao giữ sổ hộ tịch loài ma.

Cảnh trần gian hỗn độn như thế cho đến bốn giờ chiều, rồi thì vợ chồng con cái ông Hải Thọ từ biệt gia đình cụ nghệ, kéo nhau ra đi.

Mãi hơn một giờ sau cụ nghệ mới đề ý thấy mất cái chuông nhỏ vẫn để trên bàn thờ Thổ công. Đó là một cái chuông tầm thường, cũ kỹ, không có giá trị đặc biệt, nhưng nó là một vật kỷ niệm của gia đình. Xưa kia không ai nhớ đã mua từ lúc nào. Chỉ biết hồi cụ cụ có dùng treo vào cổ con ngựa tía, thay cho cái lục lạc bầu. Vì thế cụ cụ cưỡi ngựa đi ở xa nghe tiếng lanh canh trong trẻo và thanh nhã chứ không ồn ào như tiếng đặc ngựa của người khác. Năm ba mươi bảy tuổi, một hôm cụ cụ cưỡi ngựa đi qua trước miếu làng Phú Giang, vừa lúc đứng ngựa, tự nhiên cụ thấy ánh sáng chói trước mắt, rồi xây xẩm ngã xuống. Cụ phát bệnh, nhiều lúc nóng cuồng, trông thấy mộng mị, ma quỷ. Chạy chữa luôn trong ba tháng, rồi cụ qua đời.

Cái yên ngựa của cụ cụ từ đó vẫn còn treo cất trên phía chái nhà, và cái chuông nhỏ dùng là đặc ngựa thì vẫn còn để trên bàn thờ Thổ công.

Chợt thấy mất cái chuông, cụ nghệ Hà nghĩ ngay tới thằng Tích. Cái thằng bé đáng giận lạ. Nhưng bây giờ có lẽ chiếc xe quảng cáo của nhà thuốc Tái sinh đường đi đã xa rồi, dù có sai người nhà đuổi theo cũng vô ích. Cụ nghệ chợt nghĩ đến một điều gì thú vị, và tự nhiên yên lặng mỉm cười một mình. Rồi cụ nghệ không đã động gì đến, thành ra lâu lắm về sau cả nhà không ai đề ý đến chuyện mất chuông.

Cũng không ai hiểu rằng cụ nghệ Hà mỉm cười một cách hiền lành như thế tức là cụ cười về cái chết thảm khốc của con ma sau này.

Sáu giờ tối rưỡi chiều hôm đó, con ma hăm hở trở về trần gian thì nó rụng rời thấy cây cối xung quanh chạy như gió như nước. Nó không từng gặp loại cây ma như thế dưới âm ti. Nếu nó không phải là một con ma can đảm thì chắc hẳn nó đã hoảng lên và ngờ rằng ông Hải Thọ là một lão phù thủy cao tay ẩn đang điều khiển một cuộc thao diễn các lực lượng kỳ quái để trả thù nó. Ông ta nghiêm sắc mặt, nhìn về trước, tay ôm một cái vòng tròn quái gở xoay qua xoay lại cho cảnh vật đảo lộn lên một cách dễ sợ.

Cố nhiên trong hoàn cảnh như thế thoát tiên con ma không còn tâm trí đề nghĩ đến cách chộc ghẹo ông Hải Thọ nữa. Nó kiên nhẫn tìm hiểu, mãi mới biết rằng mình đang ở trong chiếc xe hơi quảng cáo của ông Hải Thọ?

Một con ma đi xe hơi! Đó là một tin tức có thể làm sôi nổi dư luận thế giới âm ti. Dù thế nào, cũng không có cách gì thoát khỏi chiếc xe Peugeot lúc này. Số là mỗi con ma đều có chọn một cứ điểm để làm chỗ đi về trần gian: có khi thì là một cây đa, có khi là một chiếc bình vôi sức mẻ, có khi chỉ một cục đá, có khi là một cây đàn cũ... Con ma nhà cụ nghệ chọn cái chuông kỷ niệm của gia đình cụ nghệ, kính cần cất ở trang thờ Thổ công lại có ngày bị vứt trên đệm xem Peugeot?

Tám giờ tối, xe tới Biên Hòa dừng lại. Con ma liếc nhìn qua bộ râu mép trên khuôn mặt đỏ sẫm của ông Hải Thọ, nó cười rúc rích một cái cười hiểm ác. Nhưng ông Hải Thọ cho là tiếng cút kít của một cái lò xe nào trong xe, không đáng quan tâm. Ông ta đứng dậy bước ra ngoài xe, và đập mạnh cửa xe lại đánh sầm một tiếng dữ dội làm cho con ma giật mình. Loài ma vốn sợ mọi tiếng huyền ảo, ngoại trừ tiếng huyền ảo do nó gây ra.

Năm phút sau, ông Hải Thọ trở lại, mở cửa sau, xếp ghế xe lại, kéo ra một cái máy điện, rồi giạt máy nổ âm ầm. Bà vợ lúi ra một máy khuếch âm, một máy hát. Và tiếng hát cất lên. Chưa bao giờ ở âm ti lại cất lên một tiếng hát ồn ào kinh khủng như thế, một thứ tiếng hát có thể làm rách lá nhĩ của Diêm Vương để như chơi. Tuy vậy trẻ con và đàn bà ở xung quanh chợ Biên Hòa lại không xem đó là một đe dọa mà còn tụ họp vây quanh chiếc xe.

Tức thì bà Hải Thọ cho dừng tiếng hát, cầm máy vi âm, lên tiếng « Kính thưa bà con các giới »; giới thiệu những loại thuốc thần thánh của nhà Tái sinh đường, ở số 830 đường Đinh tích Nhuận, Sài-gòn, có đặt đại lý khắp nơi trong toàn cõi Việt Nam. Bà nói khàn khàn trong mười phút, rồi dừng lại, nhường cho máy hát. Hai vợ chồng bước ra ngoài xe tiếp những khách hàng đến hỏi mua một vài lọ thuốc lặt vặt.

Cứ như thế kéo dài đến mười giờ đêm. Rồi máy tắt. Nhưng chỉ có thằng bé Tích vào xe nằm ngủ. Hai vợ chồng ông Hải Thọ còn lại hai người bạn đi vào một quán ăn, xé thịt gà phay uống rượu.

Gần mười một giờ, cửa xe mở một lần nữa. Con ma hí hửng chồm dậy. Nhưng chỉ là bà Hải Thọ. Bà Hải Thọ chưa phải là một nạn nhân xứng đáng đối với nó. Nó xem như đó là một lối riêu cợt ngạo mạn đối với sự chờ đợi của nó. Nó hăm hực chờ lúc ông Hải Thọ về, như con lừa của Giáo Hoàng mài móng chân chờ một cú đá. Trong lúc ấy thì ông Hải Thọ cặp kè hai người bạn đi tìm một vài thú vui dành cho đàn ông.

Mãi gần mười hai giờ đêm ông Hải Thọ mới lao đảo trở về. Con ma thở ra một hơi dài khoan khoái. Nhưng ông Hải Thọ không hề biết đến. Ông ta lầm tưởng chỉ là tiếng cọt két vô hại của cái cửa xe. Tội nghiệp cho ông Hải Thọ!

Ông ta ngã vật ra nằm. Ông gác hai chân lên cửa xe, bỏ hai bàn chân thò ra ngoài, quặt một tay gác lên trán. Vài phút sau, con ma đã sốt ruột bỗng trông thấy ông Hải Thọ trở mình, vớ tay ngược lên, rút vật áo sơ mi bỏ ra ngoài quần.

Độ bảy tám phút sau thì trong xe trở lại yên tĩnh thanh vắng, chỉ còn tiếng vo ve của năm ba con muỗi. Vụt một cái giữa ngực ông Hải Thọ hiện ra một cái đầu người. Chỉ có cái đầu thôi. Không có thân người. Cái đầu thoát tiên lớn bằng cái chén uống trà tàu tí hon, như một cục bướu con cò mọc lên giữa ngực ông Hải Thọ. Nhưng cứ mỗi lần ông Hải Thọ thở ra hít vào một cái là nó lại lớn lên một tí, như tưởng nó lớn bằng hơi thở của ông Hải Thọ. Cứ nhip nhàng như vậy năm phút sau nó đã to bằng quả cam. Bây giờ người ta phân biệt được mái tóc của nó lấn lướt như tóc con gái, và ở phía trước thì dính sát vào da đầu trông như không có bề dày, như chỉ là một nước sơn bóng quét lên da vậy. Và da mặt nó thì đẹp như vẽ, nõn nà như như là đánh phấn thoa son.

Như cứ từng phút hình dạng nó mỗi lớn mỗi đổi thay. Mũi nó tròn lẳn như quả ôi. Miệng nó rộng dần dần gần đến hai bên mép tai. Và răng nanh của nó bắt đầu nhú dài ra, thật nhanh.

Cái đầu ma lớn vừa bằng quả bưởi thì tự nhiên nó dừng lại, không lớn nữa, mà cao dần lên. Chiếc đầu ma cứ lắc lư theo nhịp hơi thở của ông Hải Thọ mà cao dần lên.

Lúc bấy giờ nếu có một người ngoài nhìn vào sẽ thấy ở băng trước của chiếc xe Peugeot gia đình ấy có một ông Hải Thọ kỳ lạ nằm ngửa ra ngủ, một ông Hải Thọ có hai đầu, cái này quay xuống nhìn cái kia, và gật gù gật gù một cách khó hiểu. Tuy nhiên lúc đó không hề có một ai bên mảng đến gần chiếc xe quảng cáo của nhà thuốc Tái sinh đường, nên chiếc đầu ma cứ tuần tự mọc lên một cách buồn rầu giữa tiếng muỗi vo ve mà không làm cho ai kinh ngạc. Tất cả bốn bà con ông Hải Thọ đều ngủ một nhọc và mê mẩn.

Bỗng đầu ma thoáng thấy bóng nó phản chiếu trên chiếc gương tròn gần trước mặt tài xế. Nó dừng lại, không cao nữa, tự ngẫm nghĩ một tí, rồi đột nhiên một sáng kiến hay ho nảy ra trong khối óc ma độc ác của nó. Nó nhận thấy đầu miệng rộng và có răng nanh khuôn mặt của nó vẫn là khuôn mặt người có đủ hai tai, hai mắt, một mũi, một miệng. Nó phải trình bày một hình thù kỳ quái hơn một chút. Vụt một cái, hai con mắt nó mở rộng ra, loang ra như hai giọt dầu loang nhanh trong nước, loang mãi cho đến khi gặp nhau, hợp vào nhau, nhập thành một con mắt không lỗ. Tức thì hai hột đồng tử cũng lẩn lại gần nhau, y như hai giọt nước lẩn trên mặt lá môn, như hai giọt thủy ngân lẩn trên mặt kính, và đồn lại làm một.

Con ma liếc nhìn vào gương, lấy làm hài lòng. Nhưng khi cúi xuống nhìn vào mặt ông Hải Thọ thì nó nổi giận dưng dưng. Ông ta vẫn cứ ngủ ngon lành không hay biết gì cả. Có thể nào bấy nhiêu công phu đánh diễn ra âm thầm buồn thảm giữa tiếng muỗi vo ve? Giấc ngủ mê mệt của ông Hải Thọ đối với nó thành ra có ý nghĩa khinh mạn. Nó cúi gục cái đầu xuống như một thứ ác hoa trĩu nặng ở đầu một cuống hoa dài lêu nhêu. Nó gục mãi, gục thấp mãi cái đầu xuống gần sát khuôn mặt ông Hải Thọ.

Bỗng nó vụt ngẩng lên, nhăn nhó, khó chịu. Nguyên là nó vừa hít phải một mùi rượi nồng nặc xông lên, trộn lẫn với mùi mồ hôi hừng hực, và một chút mùi nước hoa son phấn rẻ tiền. Bấy nhiêu mùi hợp thành một thứ uế khí có thể làm u ám cả tinh thần loài ma.

Chiếc đầu ma toan cố gắng cúi gục xuống một lần nữa, nhưng rồi nó lưỡng lự và đành bỏ ý định mạo hiểm ấy. Nó giữ nguyên vị trí trên cái cổ cao

ngất ngưỡng, rồi lè ra một cái lưỡi dài, cong vút câu xuống đúng vào khoảng giữa sống mũi ông Hải Thọ. A? Nó định chọc ông Hải Thọ phải mở mắt?

Quả nhiên đang ngủ ngon lành, ông Hải Thọ thấy nhột ở sống mũi. Ông ta cầu nhàu cựa mình, rồi vụt quơ tay gạt một cái thật mạnh làm cho chiếc đầu ma văng bắn xuống sàn xe, va vào hai cái cần sắt để sang số phụ. Chiếc răng nanh chạm vào cần sắt kêu đánh cách cách một tiếng.

Lẽ dĩ nhiên một chiếc đầu ma có tư cách không thể nào tự đề va đập vào các cây cần sắt rồi lăn long lóc như sọ dừa dưới sàn xe. Nó vọt văng biến nhanh đi tức khắc, trong khi ông Hải Thọ còn vung tay đập mạnh đánh bẹp cái nữa vào bắp vế để giết thêm một con muỗi.

Thực là quái gở, quơ tay cựa mình làm chừng ấy cử chỉ mà cái ông Hải Thọ thô tục vẫn cứ nhắm nghiền cả hai mắt ngủ mê ngủ mệt. Con ma lấy làm khó hiểu. Vì lẽ gì mà khi nằm phơi rầu trước hiên nhà cụ nghệ Hà thì ông này lại trăn qua trở lại suốt đêm như một linh hồn tội lỗi bị dày vò, còn bây giờ trên đệm xe Peugeot thì ông ta lại cứ ngủ lả ngầu lơ như một đóa hoa trẻ thơ không chút thức mắc vạ? Cứ theo sự quan sát của con ma thì tưởng như là mùi xăng, mùi khói, tiếng máy nổ vọt lại quang cảnh nào nhiệt ở bến xe Biên Hòa đem lại cho ông Hải Thọ sự yên tĩnh trong tâm hồn.

Cảnh ngộ của con ma thật oái oăm. Trèo vào ông Hải Thọ lúc này bất quá chỉ như trèo vào một đồng thịt nóng hôi hổi và bốc lên mùi rượi. Trong một đời làm ma, ít khi nó bị khó khăn như vậy. Nó điên tiết, chộp ngay lấy quả chuông nhỏ và rung vang lên inh ỏi.

Ông Hải Thọ khi ngủ nhắm tít hai mắt lại, nhưng ông ta chưa biết cách ngủ khép hai vành tai. Bởi vậy ông ta hoảng hốt chồm dậy. Bà Hải Thọ cũng chồm dậy. Hai người dụi mắt, quay tìm xung quanh. Rồi ông Hải Thọ chộp lấy cái chuông. Đáng lý ông ta phải kinh ngạc và sợ hãi lắm. Nhưng không biết sự gì đã xảy ra trong trí ông Hải Thọ mà ông ta u ám, không nghĩ đến sự sợ hãi. Ông ta vừa cầu nhàu lăm lăm trong mồm mấy tiếng chửi rủa cực cần, lại vừa ngã lưng xuống băng xe. Có lẽ ngờ rằng vừa rồi thằng bé Tích ngủ mê, dấy đạp trúng phải cái chuông, nên trước khi nhắm mắt ngủ lại ông Hải Thọ quơ một tay vào thùng xe, bấm cái nút nhỏ nhỏ làm bật ra một cái nắp sắt. Ông ta vớt chuông vào một cái hộc tối bùng, rồi đóng ập nắp lại.

Phải mở nắp hộc lâu con ma mới tổng kết được những vật linh tinh cùng bị giam với nó: một quyển sổ rách xạc xài, một xâu chìa khóa, một chùm giẻ vớt ở những đầu nhớt và xăng, ba cái đinh ốc, một gói thuốc MIC còn năm điếu, hai ba cái tàn thuốc, một mẫu giấy nhấm chừng nửa tắc vuông. Giam một con ma cùng với tám giẻ lau dầu và tàn thuốc MIC: Dầu là đầu óc của quỷ sứ cũng không thể phát sinh ra một ý kiến làm nhục nó một cách hiểm ác hơn!

Suốt đêm nó hăm hà hăm hực tìm mọi phương kế để thoát ngục. Nó có thể hóa thành con chim đại bàng, con sư tử, con rắn hổ mang v.v. Nhưng những con đó không thể chui ra khỏi chiếc hộp sắt? Còn như hóa ra một giọt ác xít để làm thủng cái hộp thì lại không phải là quyền phép của nó. Thậm chí mở một cái khóa rất giản dị cũng không thuộc về phạm vi phép tắc của con ma!

Nó hi hục gặm một khối căm hờn trong hộp sắt, trù liệu toàn những mưu kế ghê gớm có thể làm chết giấc ông Hải Thọ ngay tức khắc, nếu nó thoát ra. Nhưng nó vẫn không thoát được, cho đến bảy giờ sáng hôm sau. Bảy giờ sáng là thì giờ của hoạt động trần gian rồi!

Ông Hải Thọ lúc đó ngồi trước tay lái, chải tóc xong, một tay lơ đãng ấn vào cái nút sắt mở nắp hộc ra, và vẫn lơ đãng cho tay vào hộc quờ lấy bao thuốc.

Ngay lúc đó một làn hơi liền tỏa ra, phảng phất một mùi hăng hăng lạnh lạnh rất khó chịu. Ông Hải Thọ thô tục vẫn lơ đãng, nhủ mũi lại khịt khịt vài cái không quan tâm. Có lẽ trong thâm tâm ông ta cho đó chỉ là mùi tàn thuốc trong hộc sắt xông lên mà thôi. Ông ta đâu biết được cái uất khí giết người của loài ma hăm hực suốt đêm cũng nương theo trong khói thuốc đó.

Cuộc đụng độ lần thứ hai của đôi bên kết liễu như thế. Con ma thì mãi đến bảy giờ sáng, mặt trời lên đã khá cao, mới vọt văng dầm dề về âm ti, và thoát ra một thứ uất khí hăng hăng mùi tàn thuốc. Ông Hải Thọ thì ngờ ngẩn không hay biết gì đến sự đe dọa thù hằn ghê gớm đang nhắm vào mình. Ông ta vui vẻ nhận còi điện « pin pin », lái xe ghé vào tiệm cao đơn hoàn tán ở Biên Hòa, tỉnh sô sách, cung cấp thêm mấy món thuốc bổ phế, bổ thận nữa rồi đi thẳng về Saigon.

(Xem tiếp trang 42)

C H A O thầy, cảm ơn thầy, sang năm mới, mười lăm hôm nữa cháu sẽ đến tháo bột. Thằng bé gầy tay mới được Thảo bó bột xong, vừa nói, vừa thoăn thoắt chạy ra nhà thương, làm Thảo chỉ kịp dặn với :

— * Nếu không cựa được ngón tay phải trở lại ngay nhé *.

Thằng bé, không biết có nghe rõ gì không, quay đầu lại gật lia gật lia và giờ tay còn lạnh lặn vậy Thảo, chân vẫn chạy vội làm Thảo sợ thay cho nó. Thằng bé mừng lắm vì được Thảo cho về không giữ lại nằm nhà thương.

Ngày mai đã tết, nếu phải ở lại bệnh viện, lấy ai thu tiền mừng tuổi, mặc áo mới, đánh đáo, chơi tam cúc với bạn bè hộ cho. Thảo hiểu tâm trạng em nhỏ và đã cố sức làm nhanh chóng cho em về kịp ăn tết với họ hàng. Ai vì được với Thảo quên cả tết, quên cả quê hương, chỉ biết bốn bức tường bệnh viện và phòng mổ ; Xã hội đối với chàng như thu hẹp trong phạm vi những căn bệnh ngoại thương hiểm có.

Thảo đứng nhìn thằng bé đi khuất xong mới trở vào phòng gác, rửa tay, cao hết vết bột còn bám vào da. Chàng ra về mệt nhọc. Từ sáng đến giờ, tuy là ngày cuối năm, nhưng liên miên hết khăn cấp này qua khăn cấp nọ, nhiều hơn cả ngày thường lắm việc nhất. Sáng tinh sương đã phải cắt một dạ dày thủng vì loét to mà còn ăn đầy bánh chưng, rồi đến bác cái hỏa xa, quá vội vàng nên để tàu kẹt làm Thảo phải cắt mất một chân bị nghiền nát, xong đến một đám tranh giành mua câu đối tết đánh nhau vỡ đầu bất tỉnh nhân sự, làm Thảo mất hơn hai giờ để khoan sơ. Sau đây còn lật vật nhiều tiêu giải phẫu nữa, Thảo chỉ kịp ăn qua vài miếng cơm nguội lạnh, hớp một ngụm trà rồi quay lại phòng mổ. Thằng bé gầy tay là con bệnh thứ hai mươi mấy xảy ra ngày hôm nay. Bây giờ mới vào khoảng bảy giờ chiều, chắc hẳn đến hết đêm còn nhiều việc nữa.

Quả ngày tất niên là ngày đặc biệt, đặc biệt cho cả một năm, đặc biệt cho tâm lý từng người, và đặc biệt cho cả anh nội trú xa nhà như Thảo. Năm hết, dồn dập công việc vào một ngày, ai cũng cố làm nhanh chóng để chấm dứt năm qua. Bao nhiêu cố gắng chung sức để thanh toán năm cũ,

NGÀY GÁC CUỐI NĂM TRONG NHÀ MỔ

Chuyện ngắn của **LÊ VĂN HÙNG**
(Đặc phát trên của **TỰ DO** tại Paris)

Thảo nói thế là tự nghĩ đến mình; Chàng quan niệm đời rất khắc khổ, cho con người chỉ sống vì hi sinh, không cần hi vọng; vấn đề chính của chàng là công việc ích lợi hay không cho kẻ khác và chàng thờ chằm ngôn : * làm cho người quanh mình sung sướng *. Như hồi chiều, Thảo thấy thằng bé gầy tay hôn hờ được về ăn tết với gia đình, chàng cảm thấy vui thích hơn cả chữa liền xương tay cho nó.

Năm nào cũng đến ngày ba mươi tết là Thảo phải gác. Các bạn ở quê xa hay có gia đình đều nhờ Thảo gác thay. Ba năm liền từ ngày Thảo vào làm nội trú. Thảo chiều hết thầy anh em và chịu gác 5 ngày liền từ ba mươi đến mồng bốn tết. Cha mẹ Thảo mất sớm, quê lại xa, Thảo không tưởng đến về. Và lại Thảo thích thực hành nhiều. Chính trong những ngày Thảo gác một mình là chàng học được nhiều nhất, khỏi phải tranh giành với anh em.

Vì thế đã ba năm nay Thảo ném mùi vị tết thủ đô trong nhà thương. Năm nay cũng như năm ngoái, ngày ba mươi nặng trĩu công việc. Từ sáng đến nay Thảo không ngớt tay, thần xác đã mệt nhọc.

— * Nếu ngày nào cũng nhiều việc thế này thì sang năm phải dời chính sách *. Thảo thầm bảo mình, nhưng lại tự trách mình không cao đảm. Chàng không cời áo khoác ngoài, đặt mình trên giường nghỉ và cố kiểm soát công việc làm từ sáng. Thảo không quên trách nhiệm nặng nề, một mình xem cả bệnh viện nhất là từ lúc trưa, giờ ông giám đốc ra về để đêm dự lễ giao thừa cùng gia quyến.

Từ hai giờ, ông giám đốc đã gọi Thảo để giao phó cả nhà thương cho chàng, điều mà năm ngoái ông ta chưa dám làm ; Năm nay ông biết khả năng của Thảo và rất yên lòng trao cho Thảo toàn trách nhiệm.

Ông giám đốc đi xong, Thảo nửa mừng nửa sợ :

— * Chẳng còn mấy chốc thì hết đêm, thời gian trôi nhanh thực *. Thảo nghĩ thầm rồi nhanh chóng đứng dậy, cố đuổi xa mệt nhọc và ra tựa vào thành cửa sổ nhìn ra đường như muốn ôn lại lần cuối quang cảnh thủ đô buổi tất niên. Giời sắp tối từ lâu, nhưng ngoài đường vẫn tập nập những người. Xích lô vùn vụt đưa người và hàng hóa ra phía ga ; các chị hàng rong vội vã kẻ ngược người xuôi, tất tưởi nhanh chân về nhà cho kịp soạn lễ giao thừa ; xe hàng chật ních những người, cả đến mui xe cũng hết chỗ ngồi, bóp còi inh ỏi để rẽ lối đi. Ánh đèn điện, bóng lá cây nhầy nhót trên vỉa hè như bị kích thích vì cảnh rầm rộ, náo nhiệt của khách qua đường.

Trong nhà thương trái lại, không một tiếng động. Quá nửa bệnh nhân đã xin về quê ăn tết, số còn lại, vì bệnh tình trầm trọng hay vô gia cư đã an giấc từ lâu. Mùi trầm lẩn mùi hương từ nhà bác gác cửa bay ra át mùi thuốc nồng nặc hàng ngày. Thỉnh thoảng tiếng lao xao nhẹ trong vòm cây bao phủ mấy nóc nhà làm cho ta tưởng tới hàng trăm ngàn linh hồn tự âm phủ theo mùi hương trầm bay về trần gian hưởng vị tết với người đời.

Chàng mấy chốc, cảnh rộn rịp ngoài đường bớt dần. Tiếng chân người chạy, tiếng đạp xích lô, tiếng bánh xe hơi quay trên đường nhựa theo thời gian mà nhạt dần và biến hẳn vào trong đêm tối. Rồi cảnh vật bốn bề đều im lặng ; thỉnh thoảng chỉ còn tiếng sột soạt trong lá cây rung rinh theo gió chiều thổi. Tiếng động trong thành phố cũng theo vết năm cũ mà tiến dần vào cõi hư không. Rồi, từ đâu, một giải mây mù kéo đến bao phủ mọi vật, chỉ còn để lộ ít ánh đèn le lói như mấy con mắt linh động qua bức màn the đen sẫm, đang canh phòng cần mật gác ngủ cuối năm của thủ đô.

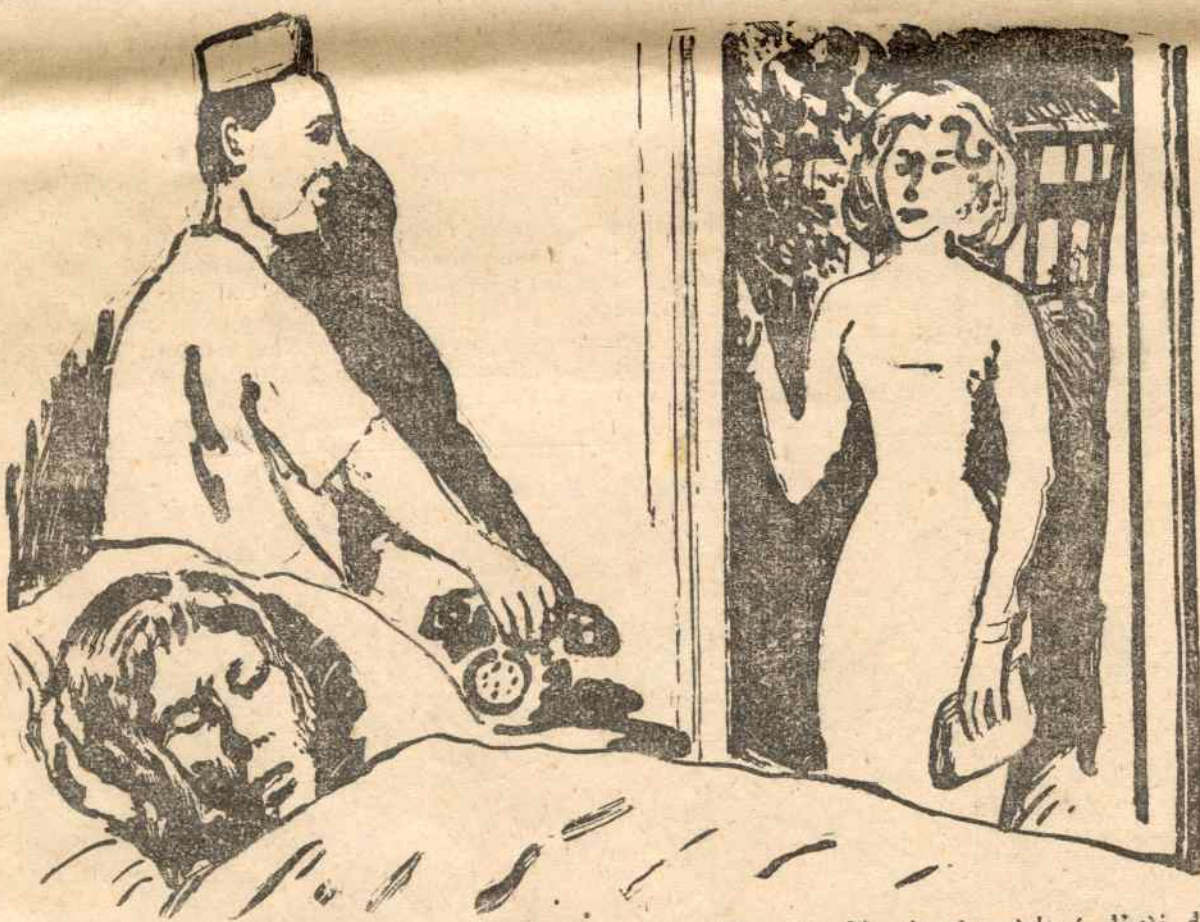
— * Thầy Thảo *.

Tiếng gọi bất ngờ làm Thảo giật mình. Nghe giọng nói ngọng phều phào không ra hơi, chàng nhận được bác gác đi ngang trước mặt chàng. Bác tiếp :

— * Chốc nữa thầy sang giao thừa với chúng tôi nhé ; xong chúng ta ngả gà ra chén ; có rượu Mai quế lộ, uống tràn đi để tổng cựu nghinh tân. Thầy nghĩ gì đấy, sang năm mới sẽ có nhiều cái may biết đâu gà ăn bác thầy nhỉ.

Bác gác nói không rõ, nhưng Thảo quen giọng nên gật đầu cảm ơn. Chàng ái ngại nhìn bác hăm hờ bước về phía chuông gà. Đã một năm, hàm dưới bác bị ung thư nên ông giám đốc đã hút bớt hơn một nửa. Bác nói không ra hơi hướng hồ còn muốn nhai thịt gà ! Đồ ăn nào của bác cũng phải nghiền nhỏ hay nấu như đề bác nuốt chửng. Chỉ rượu là bác uống khỏe, nhất là ngày cuối năm, bác làm bằng lộc, càng say sưa nhiều, bác trở nên vui tính. Nghĩ lại đến lời mong mỏi của bác ta, Thảo không khỏi buồn hộ. Thảo biết năm mới chắc hẳn sẽ không phải một năm may mắn cho bác. Bệnh ung thư bác không thể cắt hết được vì bác đề chậm quá, nên đã ăn sâu vào phủ tạng, bác sẽ không còn sống được bao lâu nữa. Bác tuyệt nhiên không biết tình trạng mình. Cả bệnh viện, từ ông giám đốc đến anh em y học ai này có dấu sự thực, hết lòng chiều chuộng và săn sóc bác. Bác càng cảm kích, càng yêu đời và hi vọng nhiều về tương lai. Chính trong cảnh bác, Thảo thấy thời gian ác nghiệt ; ngày nay, ngày cuối năm đánh dấu một năm sắp hết ; biết đâu sang năm bằng giờ này bác còn sống ở chốn này hay đã hóa như bao linh hồn phảng phất quanh đây đang theo bắt mùi hương trầm ngào ngạt không gian. Lời bác vừa nói với Thảo chứa chan bao nhiêu hi vọng ! Năm mới, đối với bác là năm may mắn hạnh phúc ; nhưng trong óc Thảo, người đã từng rõ cái ác nghiệt của bệnh ung thư, năm mới chỉ đem lại cho bác gác cảnh bệnh tiêu mòn. Chàng nghĩ đến tình cảnh bác, Thảo càng thấy cái vô lý của nguồn hi vọng cuối năm. Hi vọng như cái mồi để dụ con người, dẫu cho con người đứng rõ nỗi gian lao hiện tại ; phải đi bao nhiêu đường đất, khổ nhọc mà vẫn chưa bắt được mồi, cho đến ngày nhắm mắt còn ao ước, màng tưởng và còn muốn truyền cho con cháu, qua tập thể, cái mộng ảo ngàn đời.

Chàng đang ảo não hộ bác gác thì cửa phòng gác kẹt mở. Một bác đội xếp dặt vào hai chị mặt mũi mầu mè, vừa lê bước, vừa xụi xị khóc.



đuổi vội nó vào quá khứ, cho nó như tượng trưng của gian lao khổ nhọc. Dù sức đã kiệt vẫn cố gắng, có lẽ đó là nguyên do của bao tai nạn đáng tiếc. Muốn cướp một ngày có thể hồng cả một đời, ấy thế mà thiên hạ vẫn nô nức thu xếp công việc nhanh chóng để hồng năm mới đem lại an vui.

— * Hay họ định tâm đánh dấu thời gian bằng một sự kiện gì đáng ghi nhớ *. Thảo nghĩ thầm thế vì lý trí chàng xưa nay vẫn không tin số phận, không tin ngẫu nhiên và xem sự kiện như kết quả ý muốn con người. Chàng cho con người vì khổ quá nên muốn chấm dứt một khoảng thời gian thô bỉ bằng một biến cố nào để kết thúc vận đen rồi mong ngày mai, năm mới, một cuộc đời tốt đẹp hơn sẽ bắt đầu.

— *Ừ khổ nhiều thì phải sống bằng hi vọng *. Thảo thầm nói, * mà kẻ còn hi vọng được là sướng, có kẻ không biết hi vọng là gì thì sao ? *

mừng vì ông giám đốc tin cậy mình có đủ tài để cang đáng các việc khẩn cấp khó khăn, nhưng lại sợ vì biến học mệnh mông, dẫu chàng đã biết hết bí hiểm nhà nghề, lỡ lầm lỗi, còn đâu tính mạng con người.

— * Dù thế nào, cớ đến tay phải phát *. Thảo nghĩ thế rồi mặc cho thời gian trôi chảy. Từ lúc ông giám đốc đi, cũng may chàng làm chu đáo mọi phận sự. Bó xương đối với chàng như trò chơi. Chàng quen đến nỗi chỉ nhìn qua cũng biết bao nhiêu xương gãy, mảnh xương lệch bao nhiêu phần. Nhiều khi máy rọi điện hồng, chàng chỉ nhìn qua triệu chứng hiển nhiên cũng đủ định bệnh đích xác. Chàng còn mong gặp trường hợp ngoại thương khó khăn hơn nữa để thử tài mình.

Đồng hồ nhà thương điểm chín giờ. Thảo giật mình ngồi dậy.

NGÀY GÁC CUỐI NĂM TRONG NHÀ MỎ – NGÀY GÁC CUỐI NĂM TRONG NHÀ MỎ

— “Thưa bác sĩ, ông đội xếp kính cần thưa”, hai chị này đang tranh nhau một chỗ ngồi trên mui xe hàng, thì vừa lúc xe chuyển bánh, cả hai nhào xuống đất, xin bác sĩ cứu cấp rồi cho về hay nằm lại bệnh viện tùy ý bác sĩ.”

Nói xong bác sĩ đội xếp cáo từ đi ra, để mặc Thảo với hai người. Hai chị, dù thân thể thương tích đau đớn, vẫn cố phân vua. Một chị nói:

— “Tại chị này”, mà tôi ngã; tưởng đâu hết năm là hết xui; biết đâu còn khổ thế này. Bao giờ mới được về giao thừa với chồng con.

Chị kia không kém cũng bủ lu bủ loa:

— “Tại chị không thì tôi đã về đến nhà rồi. Nói mãi bà chủ mới cho về nhà trừ tịch, mà bây giờ hóa phải ngồi đây ăn tết với ma nhà thương.”

Thảo buồn cười nhưng nín lặng. Chung qui chỉ tại ngày tất niên, một ngày nhân tạo để cắt đoạn thời gian, hóa đem bao nhiêu khổ ải, tai nạn. Ai cũng muốn bám lấy ngày cuối năm, cho đầy như giới hạn của hiện tại gian nan và tương lai đầy hi vọng, và ai cũng muốn bắt đầu năm mới trong khung cảnh êm vui để mong cảnh tượng ấy tái diễn mãi trọn năm sau.

Thảo giắt hai người lên nhà mỏ, băng bó và khâu vá vết thương đầu cho một chị, còn chị kia bị thương xoàng chỉ cần thoa thuốc. Công việc xong, chẳng cho cả hai chị về nhà. Hai người mừng rỡ vì không phải ở lại bệnh viện, nhưng vẫn hậm hực vì lỡ chuyến xe, họ còn muốn sinh sự lẫn nhau nữa. Thảo khuyên ngăn mãi rồi tìm bảo cho hai chị giờ tàu về cuối cùng trong đêm nay.

Nhưng một chị to tiếng nói:

— “Tàu ấy hai giờ khuya mới về đến nhà; sang năm mới còn thất thểu trên đường, thì cả năm lại long đong nữa, biết bao giờ mới sướng.”

Thảo làm như không nghe thấy lời phàn nàn, dẫn hai người ra cửa nhà thương, cố an ủi để họ khỏi vì quá mong ước về kịp giao thừa mà mua việc thêm cho chàng. Khi hai người đã đi xa, chàng thủng thỉnh vào buồng gác, nhìn đồng hồ tỏ vẻ mệt nhọc. Chàng bật mồm:

— “Chà đã mười giờ rồi, rồi hơn một tiếng nữa thì giao thừa.”

Chàng mỉm cười vì đã vô ý thức chàng cũng nghĩ đến giao thừa như ai. Chàng nghĩ tiếp:

— “Giao thừa là hi vọng. Thật vậy, tiếng giao thừa chàng nghe từ chiều nhẩm sâu vào trong óc chàng, vẫn vang vọng bên tai và đang đồng nhất với hi vọng trong trí chàng. Chàng có vẻ bồn chồn như bị hai chữ ám ảnh, rồi tâm trạng chàng bỗng nhiên thay đổi. Trong giờ phút này, chàng như bị tâm lý chung lôi cuốn. Nguyên do vì một hay vì phép màu nhiệm của đêm cuối năm, chàng không kịp hiểu. Chàng chỉ biết còn hơn một giờ nữa, một năm khác sẽ bắt đầu, một tên mới sẽ hiện trong óc mọi người, trên lịch, trên thư từ, công văn, báo chí. Như tất cả cái gì mới mẻ, người vui mừng đón tiếp, vồn vã sẵn đón, mong người bạn mới đem lại những cái thiếu sót con người hằng mong. Người trang hoàng nhà cửa, hi sinh cả vốn liếng để làm những bữa cơm thịnh soạn tiếp đãi. Dù người bạn mới ấy tốt hay xấu, người không cần biết đến và dằn tất cả lòng thành để hầu hạ. Không giờ phút nào như giờ phút này, thời gian có mãnh lực thay đổi tâm thần con người. Chỉ hơn 1 giờ nữa, mỗi người sẽ quên thực tế để mong mới và ban thưởng cho nhau những câu chúc tụng cao xa đẹp đẽ, dù họ biết thực tế có thể trở lại tức thì hay mai sau trắng trợn xấu xí như xưa. Thảo thường cho quan niệm ấy quá nhân tạo và vô lý; nhưng gần đây, ý nghĩa đêm giao thừa đột nhiên nảy nở mạnh mẽ trong người chàng, buộc chặt lấy chàng. Hình như tâm trạng vui vẻ thăng bằng gây tay hồi chiều, lòng ham sống của bác gác, lời mong ước giao thừa của hai chị bị thương vừa ra cửa lây sang và lòng chàng nôn nao như vừa khám phá được một cảm xúc kỳ lạ. Chàng nghĩ lại đến mình và thấy cũng nhiều hi vọng như ai; sang năm mới, thêm một tuổi nữa, chàng thêm bao nhiêu kinh nghiệm; sang năm, sau nhiệm kỳ nội trú, chàng sẽ tốt nghiệp chàng sẽ có nhiều phương tiện phát biểu tư tưởng; chàng sẽ có nhiều tự do tìm hiểu, nhất là có thể ra hải ngoại học tập thêm, điều mà chàng mong muốn nhất từ lúc mới vào nền y học. Tất cả những điều ấy không phải hi vọng là gì? Thời gian quá dài nên con người cần phải cắt đoạn để có dịp nhìn nhận tiến triển của mình. Đâu có phải giới hạn thời gian để tìm hi vọng hão. Thảo càng nghĩ càng cảm thấy nghĩa lý sâu xa đêm giao thừa. Một lần hi vọng chứa chan tràn ngập tâm hồn như trận mưa rào làm sống lại mảnh đất khô. Trái tim sắt đá của chàng trở nên mềm dẻo và giúp chàng thông cảm với mọi vật đêm cuối năm.

Lần đầu tiên chàng cảm thấy trong lòng thiếu thốn và chàng hi vọng được bù đắp. Bao nhiêu năm chỉ biết bốn bức tường bệnh viện trung ương, toàn thấy đau khổ con người trên giường bệnh, toàn nghe thuyết lý khô khan trên ghế tòa đại học, nghiêm khắc, vũ trụ, hầu như không có. Giờ này, Thảo nghiệm thấy đời không phải chỉ có hi sinh và tận tụy. Chàng nghĩ đến các bạn học và ông giám đốc chàng tự hỏi vì sao họ hăm về tết, ham giao thừa trong cảnh êm ấm gia đình. Vì sao họ khác Thảo? Chỉ vì Thảo không bao giờ cho hi vọng một địa vị nhỏ trong đời chàng. Chàng khoa học quá mà quên cả sống. Sống không phải chỉ đi sát thực tế, chỉ biết trau dồi kỹ thuật, quên mình và chỉ nghĩ đến công việc. Nhiều lúc ta cần phải thoát tục, xem mình như không tồn tại và đem trí óc đi sâu vào cõi vô hình trừu tượng, quên hẳn khó nhọc hằng ngày. Nhiều lúc cũng phải bỏ ngoài lý trí và mặc sức cho tiềm thức biểu lộ và hướng dẫn theo hồn nhiên.

Xưa nay Thảo khắc khổ vì lý trí chàng quá mạnh; nhưng trong khoảnh khắc này, gần giờ giao thừa, tiềm thức chàng đang vin vào tình trạng chung của mọi vật để lần át người chàng và dẫn đường lối cho lòng hi vọng bao quát cả tâm hồn.

Giờ chàng nhận thức mình còn bao nỗi thiếu thốn!

Tình yêu! chàng đã biết là gì. Dù đã non ba mươi tuổi đầu chàng chưa hề rung động vì ai. Bạn gái bao nhiêu, nhưng chàng chưa hề để ý đến người nào. Nhiều bệnh nhân được chàng săn sóc chu đáo muốn cảm ơn bằng cách làm mối những “đám môn đăng hộ đối” nhưng chàng bao lần từ chối. Chàng thường cho tình yêu trái ngược với hi sinh, tình yêu theo chàng là đặc điểm của tâm hồn suy nhược. Biết tâm trạng chàng, ai nấy đều gán cho danh hiệu “Thảo sắt”, nhiều bạn còn cho tên “Thảo máy” để tỏ Thảo vô xúc cảm. Nhưng trong lúc này, lạ thay, chàng trở nên dễ cảm và đang mong mỗi đều hòa rung động cùng ai.

— “Rung động với ai trong khung cảnh này” chàng mỉm cười tự nhủ; nhưng người chàng vẫn rạo rực vì tư tưởng mới. Chàng như đang sống trong cảnh giác ngộ và nghĩ mạnh đến tương lai, đến đời sống hoàn toàn đầy đủ về tình cảm cũng như về vật chất. Hi vọng chung đêm giao thừa tràn ngập và bao vây chàng thanh niên xưa nay đầy lý trí, làm chàng quên cả hiện tại khó nhọc, chỉ mong ngày mai tốt đẹp bù trừ thiếu sót hiện hữu của chàng. Vết ưu tư trên trán tự đầu biến hẳn, và quang đên quanh đôi mắt thiếu ngủ cũng đã xóa nhòa dưới sắc mặt tươi tỉnh linh động vì nguồn sống mới phát tự đáy lòng.

Chàng đang khoan khoái, chợt nghe tiếng chuông réo dài ngoài cửa; rồi đến tiếng xôn xao; tiếng rên rĩ. Cửa phòng vừa mở, một bác xích lô âm vào một người đàn bà trẻ tuổi gần như vô tri, đặt trên giường khám; một đứa trẻ độ chín hay mười tuổi, chừng là con người bệnh, khóc thút thít theo sau. Hầu như đã làm hết bổn phận, bác xích lô chào xin đi ngay:

— “Sắp đến giao thừa rồi, xin thầy cho tôi về, tiền xe đã có người giả”, nói xong anh ta áp cửa rất nhanh, ở lại chỉ sợ bị hỏi han lời thôi, quá đêm sang năm mới thêm xúi quẩy.

Thảo nhìn người đàn bà mặt tái xanh không còn hạt máu, hơi thở nhẹ, thỉnh thoảng rên rĩ như đau đớn, mắt nhắm, tay chân lạnh toát, mạch tay nhỏ và đập rất nhanh. Biết không hỏi được bệnh nhân, chàng cố hỏi sự tình em bé. Em bé cúi mắt thưa:

— “Mẹ con vừa đến hàng hoa thì kêu thất thanh đau bụng rồi ngã quỵ xuống đất, cho tiền anh xe đứng gần đây chờ ngay vào đây.”

Đột nhiên đau bụng mất máu, không thương tích bề ngoài, bệnh nhân còn trẻ: trước mấy triệu chứng ấy, chàng nghĩ ngay đến vỡ thai ngoài dạ con. Chàng cho em bé về nhà cáo cấp rồi kể tiếp khám chu đáo nữa để xác định bệnh.

Chàng chắc chắn không nhầm vào đâu được nữa và sửa soạn chờ bệnh nhân lên nhà mổ cứu cấp ngay, để lâu sợ băng huyết nhiều khó cứu. Chàng chợt nhớ không người phụ. Ngày thường có nhiều anh em trợ lực, nhưng hôm nay chỉ độc mình, Chàng băn khoăn tìm giải pháp và nghĩ thầm:

— “Cần cho mời ông giám đốc ngay, dù biết quấy nhiễu ông ta đang mãi hưởng lạc thú gia đình.”

— “Nhưng cứu nhân như cứu hỏa”, nghĩ vậy chàng định bấm chuông gọi bác gác chạy mời ông giám đốc, thì nghe tiếng gõ cửa. Thảo lên tiếng: “cứ vào.”

Cửa mở; một thiếu nữ bước vào, uyển chuyển lộng lẫy. Hình thể nàng đập vào mắt Thảo, ngập vào trí óc, đi sâu vào người chàng và lọt đúng vào chỗ tâm chàng đang mong đợi. Thảo lặng người như bị thôi miên, ngẹn ngào không thốt được một lời. Chà đẹp quá! Tóc đen cắt ngắn, đen như mun; chiếc áo nhung tím sát chặt vào người đang óng ánh dưới ánh đèn, phô trương một thân hình đầy đặn cân đối; làn da trắng mịn làm nổi bật trên khuôn mặt trái xoan đôi mắt to sáng và đôi mi dài đen lầy; hai cặp môi đỏ thắm mấp máy như muốn thốt tiếng chào hỏi, nhưng thấy vẻ ngây dại của Thảo tự nhiên im phất. Nàng ngưng ngừng vì thấy cử chỉ mình quá đột ngột. Sau một khoảnh khắc yên lặng, nàng mạnh dạn mở lời:

— “Xin lỗi ông, tôi đến xem tình trạng người bệnh tôi vừa gửi vào đây” nàng vừa nói vừa quay nhìn người đàn bà nằm sóng sượt trên giường nàng thét kêu:

— “Chậm quá rồi sao ông?”

— “Không”, Thảo tỉnh mê giả nhời, bà ta chỉ mất máu nhiều thôi, vừa mổ, vừa truyền máu chắc kịp. Nhưng tôi phải kiểm người phụ vì tôi gác một mình, chỉ đủ y tá đánh thuốc mê và soạn phòng mổ: gần giao thừa ai cũng xin về từ chiều.”

Thảo nói nhiều để gỡ vướng; nhưng tâm trí chàng vẫn bối rối vì sức động mạnh về chuyện gặp gỡ ngẫu nhiên rơi đúng vào dịp chàng đang say sưa hi vọng.

(Xem tiếp trang 34)

XUÂN ! XUÂN !



BÀ MẸ THỨC THỜI: Có vào ngay không? Ngoài đường đầy những «phóng xạ» thế này!

ĐÁNH CHÓ : (kiểu Việt Nam) : 1) Cầm gậy tấn công chó trước khi bị chó cắn (nghĩa đen).

2) Đi "xực" chà chó, rựa mận (nghĩa bóng)

ĐÁNH CHÓ : (kiểu Anh) : không có nghĩa đen vì ở xứ Anh vẫn minh này có hội bảo trợ súc vật nên cầm gậy nên chó dù là chó dại thì có châu đi viếng Wormwood Scrub (Chí Hòa của Anh)

2) Nghĩa bóng : cầm tiền đi đánh chó như các tay chơi đi đánh cá ngựa ở trường đua Phú Thọ.

★

Dân Anh làm việc rất siêng năng. Cái đức "ăn hót" của dân Anh cũng không kém gì cái đức làm việc của họ. Nếu phải kể hết những trò chơi, những thú vui tiêu khiển của dân Anh thì phải hai, ba phụ trương Xuân Tụ Do mới đủ. Nhưng tóm lại trong các trò chơi có trò đánh chó là trò chơi độc nhất trên thế giới. Bởi vậy một buổi chiều mùa xuân, sau bữa ăn sáng xong xuôi xuôi về thì có một anh bạn, một cây ăn chơi sành sỏi, tới rủ đi đánh chó. Vì hiếu kỳ, một đức tính tối cần của dân làng báo, và vì muốn giải sầu, tôi liền theo chân anh bạn đi xem trò đánh chó.

Tới cửa trường đua, chưa đánh chắc gì cả đã phải móc túi trả tiền vào cửa 30\$ VN mặc chỗ ngồi này không được tốt lắm vì giá chỗ ngồi tốt nhất kê sát ngay với đích (arrivée) là 20\$ VN.

Trường đua đây là một vận động trường. Ban



này là một thứ chó đặc biệt chuyên dùng để chạy đua chứ không phải chó săn, chó vận, chó béc dè nào cũng chạy được. Thứ chó này thuộc loại greyhound mình thon, bụng lép, cao lênh nghênh trông rất là elegant và chỉ được ăn thóc chứ không bao giờ được ăn thịt gì cả. Thoạt trông thấy chó này ai cũng biết ngay là giống greyhound, quả thật có tướng chạy nhanh như xe đua M.G hay Ferrari.

Mỗi chú khuyển đều có một cái tên rất là mỹ miều hay ngang tàng như : Đóa hoa hồng Tàu, ông hoàng dũng mãnh, nữ hoàng của rừng thẳm, chàng nghệ sỹ vui vẻ, nhanh như chớp, giấy thép gai, sans égal v.v... Trong mỗi cuộc đua, mỗi chú chó đều mặc áo màu và trên áo có đeo một số để tiện việc đánh cá và để lúc chạy khác một điệu để nhận ra vì

bookies đều giải nghệ hết !

Tới 7 giờ hai mươi, một loạt kèn nổi lên báo hiệu cho bà con biết là những ông "thần" chó hiện diện cho bao nhiêu hy vọng, bao nhiêu mồ hôi nước mắt của bà con, xuất hiện ra chào bà con ! Sáu chú khuyển này được 6 người mặc quần áo trắng tinh dẫn đi vòng quanh trường đua để bà con mộ điệu được ngắm nghía, suy tính, xem xét xem nên đặt cả vốn liếng vào con chó nào.

Đi sau cùng là một người cũng mặc quần áo trắng tinh nhưng thay vì dắt chó thì bác này cầm xẻng và chổi để làm công việc vệ sinh nếu lỡ trong lúc đi vòng quanh trường đua có chú chó nào vô tình hay cố ý, hay bị xúc động thần kinh vì bà con ngắm nghía dữ quá mà làm việc bậy ra ở giữa trường đua. Thật là sướng như... chó greyhound !

Trong khi chó được dẫn đi chung quanh trường đua thì một cái cũi sắt có 6 ô nhỏ, mỗi ô có một số được đặt ra ở mức nhất định tùy theo cuộc đua dài hay ngắn. Cái cũi sắt này có cửa tự động nổi lên với đường sắt nhỏ chạy chung quanh trường đua bằng một dây điện. Khi con chó bằng máy chạy tới cũi sắt này thì cửa mở bật ra và 6 chú chó thì nhau chạy theo thỏ máy với tốc lực 60 cây số một giờ.

Đúng 7 giờ rưỡi cuộc đua thứ nhất bắt đầu sau khi chó được đẩy, được bế, được tổng vào chuồng tùy theo sự hướng dẫn của chú chó !

Rồi thì một hồi chuông báo hiệu thỏ máy đã được cho chạy trên đường sắt và không ai bảo ai, mọi người đều đứng nhòm dây. Giá này thường báo họ đứng lên chào cờ, chưa chắc họ đã làm hăng hái như lúc này. Hàng nghìn cặp mắt lúc này đổ dồn vào chú thỏ máy và rồi thì cánh cửa cũi chó bật mở hàng vạn tiếng reo hò nổi lên, các chú chó cố hết sức chạy đuổi theo thỏ máy. Tiếng reo hò của khách mộ điệu nổi lên như khuyến khích "Come on N°5" mặc dầu con số 5 chạy mưa mặt ra rồi hay là "Come on N°2" mặc dầu dù có nghe thấy nữa, con số 2 cũng hoàn toàn là sẽ chạy về sau cùng.

Chưa đầy 30 giây đồng hồ, chó đã chạy về tới đích, tiếng reo hò lắng dần ; tiếp theo đó tiếng phát thanh báo kết quả và giá cả của cuộc đua đó. Lúc này tiếng bàn tán kèm với tiếng chửi rủa nổi lên chen lẫn với tiếng cười hả hê của kẻ được bạc. Và rồi, cái oăm thay, máy phát thanh của trường đua lại chơi những bản nhạc như : "Số may", "Định mệnh tôi đi về đâu ?" "Người đánh bạc", "Đau khổ", "Come Prima" v.v...

Trường đua lại sửa soạn cho cuộc đua thứ hai của sáu chú chó khác. Mỗi tối trường đua thường thường tổ chức 7, 8 cuộc đua để bà con có dư dả thì giờ cay ăn, gay gỡ.

Càng gần tàn cuộc thì những tiếng chửi rủa lạ lùng mà xuất trong thời học Anh văn, tôi không hề được nghe thấy. Những tiếng chửi này mà đem dịch ra tiếng Việt của chúng ta sẽ nhận thấy là hai tiếng Anh Việt tuy giống đọc khác nhau, tuy không cùng chung một nguồn, nhưng đã gặp nhau ở điểm thuần túy và khá nghịch nhĩ này. Chỉ thương hại thay những chú chó đã ra công ra sức chạy bở hơi tai rồi mà vẫn còn bị chửi. Giả dụ mà các chú chó này có thể nhờ hội bảo trợ súc vật kiện những người đánh bạc về tội phi báng ất hẳn pháp đình của Anh quốc sẽ phải làm việc suốt ngày, suốt đêm.

Trở về không khí trường đua. Tiếng nhạc lúc thì du dương lúc thì đồ dảnh con bạc móc túi ra, lúc thì ai oán như chia nỗi buồn với kẻ thua bạc, lúc thì sôi sảng như hòa với tiếng chửi rủa của kẻ thua bạc, vẫn nổi lên đều đều sau mỗi cuộc đua làm cho bầu không khí càng thêm phần huyền ảo !

Thế rồi cuộc đua cuối cùng đã xong. Bà con đổ xô nhau ra về để lại trường đua đây giấy đánh cá và rác rưởi v.v...

Kết cuộc khi kiểm điểm lại túi tiền thì thấy chó đã "cắn" tôi mất hơn hai boong (boong tiếng long đề chỉ 1 Anh kim) và bởi vậy quý độc giả đừng ngạc nhiên nếu một ngày kia quý bạn được biết là ở bên Anh có một hội mới đặt tên là "Hội bảo trợ những người bị chó cắn" vì chủ tịch cái hội đó sẽ là tôi.

H.T.C.

TRANG 25

TÔI ĐI ĐÁNH ... CHÓ

của HOÀNG THẠCH CÔNG

(Phát viên TỰ DO tại thủ đô Anh Quốc)

Mến tặng các bạn Việt ở Luân Đôn.

ngày, thì trường đua này để các thể thao gia chánh hiệu con nai vàng thi đua và tập tành thể thao. Bản tối thì vận động trường là chỗ để các thể thao gia "giả hiệu" thì đua chấy túi hay hốt bạc, tùy số vận đen hay đỏ.

Trường đua, do đó, là một đường vòng dài chừng 700 thước có giải cỏ xanh mượt như một bức thảm nhung. Hai góc trường đua mỗi góc có một tấm bảng kê khai tất cả những điều cần biết như là cuộc đua thứ mấy, chạy dài bao nhiêu, chú khuyển dự cuộc cân nặng bao nhiêu và giá cả.

Rải rác khắp trường đua có những chỗ bán giấy đánh cá. Mỗi một giấy đánh là 20\$ V.N. Và có hai cách đánh : Một là đánh riêng mỗi con về nhất hay về nhì, hai là đánh cá nhất nhì chung một giấy gọi là forecast. Thường thường đánh forecast thì khó hơn vì phải đoán trúng thứ tự của hai con chó trong số sáu con chạy. Nghĩa là chẳng hạn như các bạn đánh cá con số một và con số hai sẽ chạy về nhất và nhì. Nếu chẳng may con số một không về nhất thì bạn thua. Hay nếu chẳng may con số một về nhất mà con số hai về thứ ba bạn cũng vẫn thua.

Tuy khó nhưng trúng thì có khi ăn rất to nghĩa là có khi gấp một trăm lần số tiền bạn bỏ ra. Còn đánh riêng từng con về nhất hay về nhì thì tùy theo giá cả của chó trước khi chạy. Mỗi lần được nhiều lắm, nghĩa là đánh "hồng", là vào khoảng 28 hay 30 lần số tiền bạn bỏ ra mà thôi.

Mỗi một cuộc đua có 6 chú khuyển chạy. Chó

mỗi mẫu đều căn cứ vào mỗi số nhất định. Chẳng hạn như mẫu đỏ là số một, mẫu đen là số bốn, mẫu xanh là số hai v.v...

Các chú khuyển này lẽ dĩ nhiên là phải được chăm nom dạy dỗ và luyện tập cho tới khi các chú chó này hể trong thấy thỏ dù là thỏ thỏ thật hay thỏ máy, các chú cũng chạy sỏ theo đuôi bằng được.

Từ bây giờ tới thì trường đua bắt đầu đóng nghẹt và lúc này các bác bookies (người được phép nhận tiền đánh cá) và các chỗ bán giấy đánh cá cũng bắt đầu làm việc hăng hái. Các "thể thao gia" lúc này mới nghe ngóng và đi dạo quanh các bác bookies để xem giá cả. Kèm vào đó các bác bookies lại thuê những người mà dân Anh đặt tên là "tic-tac-man".

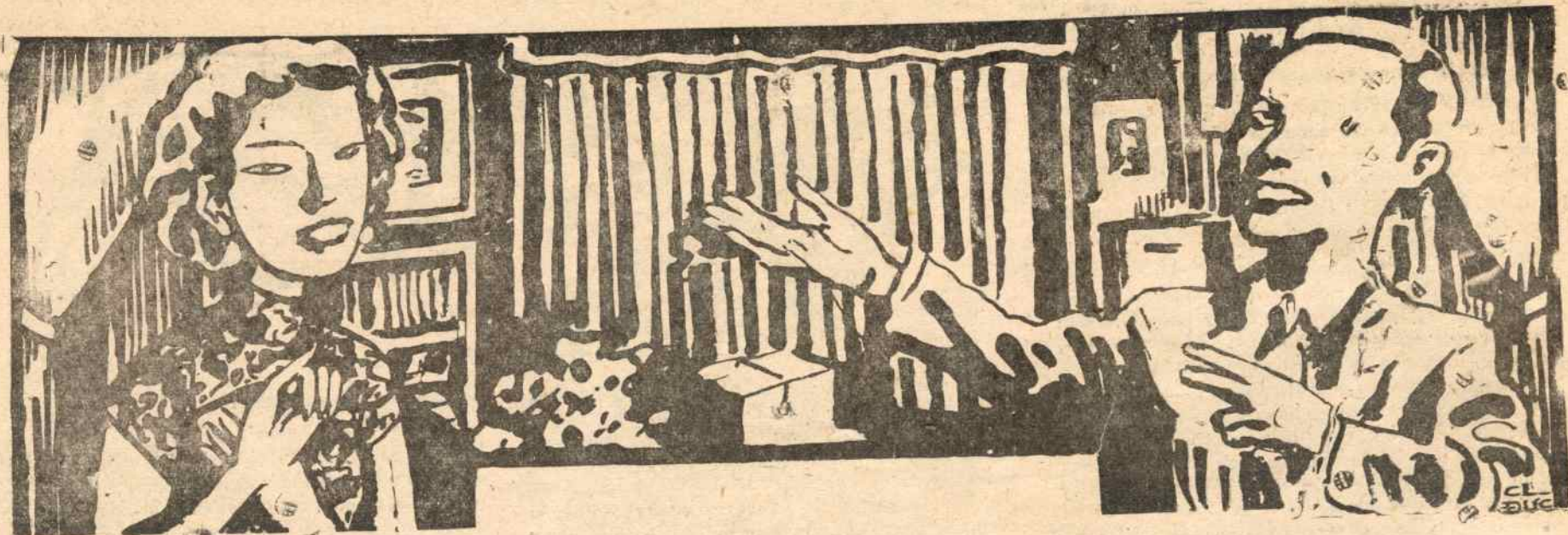
Mỗi người này có nhiệm vụ báo với người "tic-tac" ở bên kia trường đua bằng những dấu hiệu riêng bằng tay để cho bookies ở bên kia trường đua biết giá cả để liệu chừng. Họ cử động như máy, hai cánh tay dương lên dương xuống, lúc thì vỗ vai, lúc thì vỗ ngực. Mỗi một cử động là giá cả lên hay xuống để các bác bookies biết chừng. Họ làm tôi liên tưởng tới hai thủy thủ của hai chiếc tàu đánh dấu hiệu Morse bằng cờ cho nhau ở trên sân tàu ! Họ phải làm dấu hiệu như thế chứ nếu họ la cho nhau biết giá cả thì khách mộ điệu cũng biết nốt thì



— Chừng nào thế giới biết thưởng thức món "dựa mận" của Việt Nam, thì mày nghĩ sao, hỡi Vàng ?

— Thế giới sẽ vẫn minh ghê !

TỰ DO XUÂN CANH TÝ 1960



DÀ Y là phòng khách nhà Sĩ-Toàn : đồ đạc giản đơn ; trên tường, có treo mấy bức tranh, ảnh ; ở phía tay trái, có cửa sổ và cách đó vài thước, có cửa ăn thông ra ngoài đường ; ở phía tay phải, có cửa đi sang phòng ngủ ; ở phía tường ngăn, trong cùng, có cửa ăn thông vào nhà trong và nhà bếp.

Trên chiếc bàn kê ở giữa phòng, có để bữa bái lộn xộn, nào là báo, chí, nào là sách ốc.

Lúc ấy vào khoảng xế chiều một ngày thứ Bảy.

Kéo màn lên, Sĩ-Toàn mở cửa bằng chìa khóa riêng, bước vào, có Bích liên theo vào sau. Hai người, ôm, xách, đủ thứ, gói quà bánh, sách, báo, cùng là mấy tờ quảng cáo xi nê. Hình như, họ vừa đi coi chớp bóng về. Họ có vẻ rất đổi vui tươi, và, trên nét mặt mỗi người đều có đầy sự hân hoan, hứng trí.

Sĩ TOÀN, để các gói ở trên tay xuống mặt bàn. — À Bích liên à, em hãy ngồi đây, để anh vào nhà trong, em Má đương làm gì, cái đã, nhá ! (chàng nói xong, đi vào nhà trong).

BÍCH LIÊN sau khi cũng để cái ví da và mấy cái bao, gói, xuống, nàng nhìn quanh phòng, thấy sách ốc để bữa bái, lọ hoa lệch lạc, ở mé bàn, thì vội vàng đi xếp dọn lại, với một dáng điệu rất tự nhiên, ta đủ rõ, nàng không phải là một người khách lạ.

Một lát.

Sĩ-Toàn ở nhà trong, ra. Chàng đã thay quần áo và đã bận bộ pyjama.

Sĩ TOÀN : Em à, Má cũng đi phố, để mua thức ăn. (chàng chợt trông thấy nàng đang loay hoay thu dọn, thì kêu lên :) Thôi, em, em cứ để đó đi ; mỗi lần em đến chơi, là y như đi xếp dọn cái này, cái kia... Chúng mình đi chơi cả một buổi chiều, lại ngồi xem chớp bóng liên mấy giờ đồng hồ, em không thấy mệt mỏi hay sao ? Thôi, em lại ngồi đây, ta nói chuyện, đi (chàng cầm tay nàng, kéo lại chỗ ghế, nhưng nàng giằng ra).

BÍCH LIÊN : Thì anh hãy để em xếp xong các báo, cho gọn lại, đã nào... Tính em như vậy, bất cứ cái gì ở bên em, mà không có thứ tự, em không thể để yên được...

Sĩ TOÀN, giờ tay gãi đầu, cười hi hi. — Anh xin thú nhận, anh rất đổi là bừa bãi. Thôi, để rồi anh sửa dần cái tập quán « ăng tung, bô vãi » đó đi... (chàng lại vừa kéo tay nàng, vừa nói) Thôi, em cứ để đây, rồi, chốc nữa, anh dọn mà... kéo anh Lý thủ Nhân đến chơi đây bây giờ, anh ấy bắt gặp, lại chế riếu anh, cho mà xem.

BÍCH LIÊN, cau mày, gắt yếu một cách nũng nịu — Ô hay ! anh không thích để em hầu hạ anh một chút hay sao ? (nàng phụng phịu ngồi xuống ghế).

Sĩ TOÀN : Không, không phải thế đâu, em đừng tưởng lầm, điều thứ nhất, anh không muốn làm phiền em, điều thứ hai, em không biết chứ, tụi Lý thủ Nhân vẫn chê bai anh rằng, chúng mình chưa thành hôn mà anh đã ngang nhiên bắt em hầu hạ anh, họ tóm lấy thế mà gán cho anh cái nhãn hiệu « bạo quân », em nghe chưa ?

BÍCH LIÊN : Bạo-quân hay chẳng bạo-quân, tự anh, anh hiểu lấy. Nhưng, có một điều, em không thích anh cứ đem chuyện của chúng mình đi nói với các bạn hữu, rồi anh đi nghe người này bàn ra, người kia tán vào, cứ hình y như là, chính anh, anh chẳng có chủ-ý gì sốt cả !

Sĩ TOÀN, tỏ vẻ kinh ngạc — Chính anh, anh chẳng có chủ-ý ?

BÍCH LIÊN : Không phải thế là gì ? Một khi anh đem chuyện của chúng mình ra nói với họ, chẳng phải là đề hời ý kiến của họ, còn là gì nữa, cơ chứ ?

Sĩ TOÀN : Có phải em muốn nói về chuyện hôn nhân của chúng mình không ?

BÍCH LIÊN ; chỉ cúi đầu, không đáp.

Sĩ TOÀN : Bích-Liên, anh cũng hiểu, em không bằng lòng, là phải, nhưng, quả tình, không phải anh đã cố ý, và, thứ nhất, không phải anh chẳng có chủ-ý, đâu nhá.

BÍCH LIÊN, vẫn lặng yên.

Sĩ TOÀN : Sở dĩ, một hai khi, anh buột miệng nói ra, là vì, cả hai chúng mình đều có rất nhiều bằng hữu, hôn sự của chúng mình không thể cứ hình một cách quá ư đơn giản, quá ư nôm - tã được. Làm như vậy, họ cười chết !

BÍCH LIÊN : Theo ý em, mình chẳng sợ ai cười, ai chê, gì cả ; em nhất định không để cho ai rõ chủ ý của mình !

Sĩ TOÀN : Thôi được, em ưng như thế nào, anh sẽ chiều theo ý muốn của em. Nhưng em à, trên thực tế, xưa nay, việc cưới xin, vẫn là vì những người chung quanh, mà phải cử hành một cách trọng sự thể. Chắc em cũng nhớ, cô nhân văn đem hai việc : « động phòng hoa chúc » và « kịm bằng quai danh đề », làm tiêu biểu cho sự vui sướng nhất của đời người là gì ? Thế rồi, nào « long phượng hoa chúc », « tam thư, lục lễ », « đại hồng hoa kiệu », nhất nhất, họ đem ngần ấy thức ra khoa trương, với tất cả sự trang nghiêm, hoa-quý. Bích Liên, anh tin chắc, em cũng đồng ý nhận rằng kết hôn là « chung thân đại sự », chứ ?

BÍCH-LIÊN : Thừa anh vâng, chính là chung thân đại sự, à.

Sĩ-TOÀN, (nói tiếp, hết sức thi vị hóa, cái hôn lễ tương lai của hai người) : Bích Liên, em đã từng tưởng tượng đến cái hôn cử-hành hôn-lễ của chúng ta, bao giờ chưa ? Nay nhá, em sẽ bận cái bộ lễ phục trắng muốt như băng tuyết, trên mái tóc của em, sẽ long lanh những thủ-sức quý báu, với bao nhiêu châu quang, bảo khí !... Cứ trông cái nghi thái « linh-lung, khả ái » của em, trong lúc ấy, tất cả nữ-tân, quan-khách, sẽ phải đồng-thanh khen thưởng, và sẽ trăm-trò gọi em là « nhân-gian tiên-tử », chứ chẳng không !

BÍCH LIÊN, như bị chìm đắm trong cái ảo cảnh thần tiên đó. Nàng say sưa nhìn người yêu, với nét mặt hôn hờ, đầy vui tươi, hoan lạc.

Sĩ TOÀN, (càng nói, càng cao hứng, chàng cứ thuận miệng thao thao như huyền hà). — Còn anh, khi ấy, anh cũng sẽ đỉnh đạc, nghiêm trang trong bộ lễ phục, và, anh cầm tay em (chàng giơ tay, khoát chân, để lấy đúng cái tư thế của một vị tân lang đương dắt tay tân nương, để tiến vào nơi lễ đường) Thế rồi, đôi ta, cứ, một bước, một bước, chúng ta cùng nhau, đi trên con đường hạnh phúc; trời ơi, cao quý biết chừng nào !

BÍCH LIÊN, (như mê man trong cõi mộng thần tiên). — Thiết tình, anh có một sức tưởng tượng phi thường, anh vừa tạo nên một ảo cảnh vô cùng diễm lệ, huy hoàng; anh làm cho em trông thấy anh như một vị « phong lưu vương tử », mà em, em là một « tiên nữ giáng phàm », vậy !

Sĩ TOÀN : Em bảo sao ? Vương tử và tiên nữ, ư ? Không đâu, em à. Cái cảnh anh vừa tả, không phải là một ảo tưởng đâu, em à. Rồi em xem, anh đã quyết tâm thực hiện tất cả cái diễm cảnh đó.

BÍCH LIÊN : Anh sẽ đem thực hiện cái cảnh anh vừa tả ?...

Sĩ TOÀN, cắt ngang : Đúng thế, anh phải thực hiện cho bằng được. Em à, người ta kết hôn chỉ có một lần, anh nhất định làm cho hôn lễ của chúng mình trở thành một thứ gương mẫu đặc biệt cao xa, hoa quý, để cho anh em, chúng bạn, phải nhắc tới mãi mãi, và, mỗi khi họ nhắc tới, là phải xuýt xoa ca tụng, khen ngợi, em nghe không ? Mà, hôm đó, nhất định ta phải đặt một tiệc « kè-vi-từ », theo đúng lối Tây, ở một đại-từ-diêm cực sang !... kè-vi-từ là « cocktail » của người Anh, Mỹ, ấy mà, em hiểu chưa ?... Đến tối hôm đó, ta lại phải đặt ít nhất là mười thồi rượu, có đủ vậy, yến !... Và, đến ngày hôm sau, ta sẽ mời tất cả bạn bè, để cử hành « Party », ở nhà chúng ta.

BÍCH-LIÊN : Anh bảo gì ? Anh muốn cử hành « Party » ở đây, ấy như ? Nhà chật chội như thế này, cử hành « Party », làm sao được, hà anh ?

Sĩ TOÀN : Ừ ừ ! Lúc ấy, chúng ta đã có một ngôi nhà lịch sự, ở ngay khu lưng chừng núi, hay, ở bên Cửu - long, chứ ; đời nào, ta lại ở cái phố Bạch-Cáp-hung này, kia chứ !... Ồ, cái « tổ ấm » của chúng ta, phải bày biện, một cách cực kỳ long lẫy, theo đúng « một » tân thời !

BÍCH LIÊN : Nhưng, anh à, nếu cứ theo đúng như lời anh nói, thì ta sẽ phải tiêu nhiều tiền lắm, chứ chẳng không.

Sĩ TOÀN : Tiền ! Ồi, tiền chỉ là ngoại vật, đối với thân mình ; chắc, em cũng nhớ câu : « tiền vi thân ngoại vật », của cô nhân, đấy chứ gì ? Ta cũng chớ có cho tiền một cái giá trị quá đáng. Em phải biết : ta phải làm làm sao, để, mai ngày, ta vẫn giữ được cái hồi ức cực kỳ mỹ lệ, về ngày cưới của đôi ta, dầu cho có phải tiêu tốn hết bao nhiêu tiền, đi nữa, anh cũng không hề tiếc.

BÍCH LIÊN : Nhưng, em xin hỏi anh, ta sẽ lấy ở đâu ra một số tiền to, như thế ? Nếu phải đi vay, đi mượn của chỗ bạn bè, em thiết nghĩ, sau ngày cưới, chúng ta tránh làm sao cho khỏi sự gieo neo, chật vật, để còn lo tiền trả nợ chứ ?

Sĩ TOÀN, vội cái lấy, cái để : Bích Liên ơi ! sao mà em lại ngây thơ đến thế ! Em đừng yên, anh nói cho em nghe. Làm gì anh chẳng nhớ rằng đồng tiền chúng mình kiếm ra, chẳng được là bao. Nhưng nếu chúng mình chung lưng, đầu sức lại với nhau, và chúng mình cố dành-dụm, trong một thời-gian, làm gì chúng mình chẳng có thể đạt được cái lý-tưởng chân-chính của chúng mình, kia chứ ! Em đừng quá lo xa.

BÍCH-LIÊN : Kế hoạch của anh rất chu-đáo, em xin biểu đồng-tình, nhưng, chỉ hiềm một nỗi, cái số tiền lương quá ít ỏi, cái đó đã đành ; còn lương của anh, tuy gần gấp đôi số lương của em, nhưng, xin anh nghĩ kỹ lại mà xem, anh còn có cả một cái gánh nặng gia đình ở hai vai, nào, trên thì Ba, Má, dưới thì còn có đứa em gái ; với ngần ấy trọng trách, chúng mình có thể dành, để dụm, cũng chẳng thấm vào đâu, anh à.

Sĩ TOÀN : Đa hay rằng thế, thật đấy... (bao nhiêu ảo-tưởng, bỗng tan đi như mây, khói; nhưng chàng vẫn chưa chịu thua)... Em hãy thử cho anh, anh sẽ tìm ra một giải pháp... Em à, xưa nay vẫn vậy, « cũng tắc biến », « biến tắc thông », dầu sao đi nữa, chúng ta cũng sẽ có cách giải quyết, em đừng lo !

BÍCH LIÊN, gượng cười : Cách gì hở anh ? Em « chà » thấy có cách gì cả, trừ phi... « trúng số », anh à.

Sĩ TOÀN : Ồ, em nói đến trúng số, em tưởng, để anh chẳng nghĩ tới đó hay sao ? (cho tay vào túi, lấy ra mấy tấm vé xổ số). Đây, anh đã có mua rồi đấy... (giờ cô tay xem giờ) cuộc xổ số mờ

đã từ lâu rồi, để chốc nữa, xem trẻ con bán báo, báo nào có phụ trương xổ số, ta mua coi... Nếu thần tài, vạn nhất, hể mới, cười với chúng ta, việc gì mà ta chẳng giải quyết được, hể em?

BÍCH LIÊN, thất vọng: Chết chưa! Thế ra, anh đã đem cái « đại sự » về « chung thân » của chúng ta, anh gửi vào mấy tấm vé « xổ số », hay sao?

SĨ TOÀN, hơi có vẻ ngượng-ngịu: Cũng không phải hẳn như thế... Được rồi, em để anh suy nghĩ, để cố tìm ra một giải-pháp... Tuy nhiên, em cũng nhận cho rằng, chúng ta cũng vẫn có thể đề ít nhiều hy-vọng, vào những tấm vé số này, nhá. (chàng vứt bỏ các tấm vé vào túi trong) À mà, Bích-Liên à, thế liệu ta phải cần độ chừng bao nhiêu tiền, em nhỉ?

BÍCH LIÊN, suy-nghĩ một lát: Ô, đại-khái, độ hơn vạn bạc, hoặc vạn rưỡi, là cùng, chứ gì.

SĨ TOÀN: Ngần ấy, không đủ đâu, em à. Anh đã nhầm tính, tiệc « kê-vĩ-tửu » này, mười thỏi rượu này, rồi tiền sang nhà này, tiền mua sắm đồ đạc này, tiền trang hoàng, bài trí này, tiền chi về cuộc khiêu vũ này, cùng là tiền chi phí để đi du ngoạn trong tuần « trăng mật », này, tất cả phải đến hai vạn, hay hai vạn rưỡi bạc, chứ chẳng kém...

BÍCH LIÊN: Trời ơi, một số tiền lớn như vậy, ta lấy ở đâu ra, kia chứ? Hay là, anh à, ta phải...

CÁC VAI: Vương sĩ Toàn, Giáo sư Trung học;
Trương Bích Liên, giáo viên Tiểu học;
Cụ bà, mẹ của Sĩ Toàn;
Vương tiểu Bình, nữ sinh, em gái của Sĩ Toàn;
Lý thủ Nhân, giáo sư Trung học, bạn đồng sự của Sĩ Toàn.

SĨ TOÀN: Em chớ có làm cho ta nản lòng; « hữu chí, tất cánh thành », em đừng lo, anh sẽ có cách.

BÍCH LIÊN: Cách gì cơ? Anh thử nói cho em nghe với, xem sao?

SĨ TOÀN: Nhưng, trước hết, anh hãy hỏi em, em vẫn giữ nguyên cái ý định giúp anh, để ta thực hành việc đề dành tiền, đây chứ?

BÍCH LIÊN: Giúp anh là lẽ rất đương nhiên rồi, nhưng, anh cho em biết, anh sẽ đề dành như thế nào, nào?

SĨ TOÀN: Thì, có khó gì đâu, đây nhá, từ nay trở đi, anh sẽ hết sức tình giảm sự chi tiêu, đề có thể, mỗi tháng, bỏ ra, hai trăm đồng, chẳng hạn...

BÍCH LIÊN: Thưa vâng, mỗi tháng anh đề dành hai trăm đồng; vậy, đối với cái số hai vạn anh vừa tru-tính ban này, liệu chừng, phải mất đến bao nhiêu năm nhỉ, anh nhỉ?

SĨ TOÀN: Ô, ta cứ thử tính nhẩm ra xem, này đây nhá, mỗi tháng hai trăm, một năm 12 tháng, vị chi đi là: hai ngàn tư...

BÍCH LIÊN, cắt ngang: Nếu vậy, đề dành hơn hai vạn, tất phải chín năm! Chín năm...! Trời ơi, chín năm nữa, em Bích Liên của anh sẽ biến thành một bà lão rồi, còn gì!

SĨ TOÀN, tái người đi: Bích Liên, em rõ đến hay, em cứ luôn luôn làm anh bị hụt hẫng... Em có biết không, ấy, cũng chỉ vì thế mà anh phải cần đến sự chung lưng, giúp sức của em... Một khi có sự giúp đỡ của em thêm vào, cái thời gian dành dụm sẽ rút ngắn được đi. Vậy, em nghĩ sao? (chàng khao khát mong nàng sẽ tự động nói ra).

BÍCH LIÊN: Vâng, vâng, em cũng sẽ xin góp vào với anh, hai trăm, như vậy, ta sẽ chỉ mất chừng bốn năm thôi, có phải không, anh nhỉ?

SĨ TOÀN, nét mặt tươi hẳn lên: Đúng thế đấy em à! Anh biết mà, em vui lòng giúp anh, thì, chỉ trong vòng bốn năm trời, chúng ta có thể thực hiện được cái lý tưởng của chúng ta! (chàng mừng rỡ, cuống cuống, đi lại, ôm lấy nàng).

BÍCH LIÊN (Khẽ đẩy chàng ra, một cách vờn ngượng thẹn, vừa âu yếm): Bốn năm, là bốn mươi tám tháng; những bốn mươi tám tháng trời đằng đằng... (nét mặt chàng có phần nào phần vui).

SĨ TOÀN, cổ vồng, an ủi người yêu: Bích Liên à, bốn năm trời có là mấy chốc! Chỉ vụt một cái, là đã qua rồi, em à. Thôi, ta cứ quyết định hẳn như vậy, kể từ ngày hôm nay, chúng ta bắt đầu dành dụm, em nhá.

BÍCH LIÊN: Nhưng, anh à, em thì em vẫn thấy rằng...

SĨ TOÀN, vội-vàng lấy bóp tiền, rút hai tờ giấy một trăm ra, rồi xăm-xăm ấn vào tay Bích-

CHUNG - THÂN ĐẠI - SỰ

Kịch một đoạn

(Đề tặng bà con cô bác gửi
tất cả cuộc đời và sự nghiệp
vào những tấm vé số).

Nguyên tác của PHÙNG CẨM BẢNG

Bản dịch của VI HUYỀN ĐẮC

Liên. Đây, thưa em, hai trăm đây, anh xin gửi em, em giữ lấy, và, từ tháng tới này trở đi, cứ lĩnh lương xong, là anh giao số tiền đó cho em, như vậy, em sẽ thấu rõ cái thành-ý của anh.

BÍCH LIÊN, lưỡng-cuống, không biết nên xử trí ra sao, cho phải: Nhưng anh à, em vẫn thấy bốn năm trời, thì...

(Bỗng, ở cửa ra đường, có tiếng mở khóa).

SĨ TOÀN: Có lẽ Má đã về đấy... Thế, chúng ta cứ quyết định như vậy, nhá em nhá! (chợt trông thấy nàng vẫn cầm ở tay hai tờ giấy bạc, vội-vàng giật lấy, rồi đem bỏ vào cái ví tay của nàng).

Thân mẫu của Sĩ-Toàn mở cửa, bước vào, tay xách một giỏ, đầy ớt rau củ, thức ăn, mà cụ vừa đi mua về. Đầu cụ đã bạc phơ; khuôn mặt cụ phúc hậu, có đầy vẻ từ-tương. Cụ đeo trên mắt, một cặp kính lão).

CỤ BÀ: Má nghe, hình như con đương nói chuyện với ai?...
BÍCH LIÊN: (đã bước lên, đề tránh người Sĩ Toàn che khuất, vì vậy, Cụ Bà chưa trông ra nàng). — Lay bác ạ, thưa, bác mới đi chợ về à...

CỤ BÀ, ngược kính, nhìn ra nàng. — A kia, Bích Liên đấy như! Hai con bàn cái gì mà nói to thế? Chưa mở cửa ra, Má đã nghe thấy tiếng?

BÍCH LIÊN: Dạ, thưa Bà mẫu, chúng con bàn cái với nhau về... về... thưa, về cái phim ảnh chúng con vừa-vừa đi xem về, đây ạ.

CỤ BÀ, tươi cười: Con cứ ngồi xuống đi, Bích Liên (cụ quay lại phía con trai) Sĩ Toàn! Con, thế thì thôi, hôm nay Bích Liên đến chơi mà con chẳng nói trước cho Má rõ, đề má mua thêm cái ăn...

SĨ TOÀN, chẳng biết đáp ra sao:

BÍCH LIÊN: Dạ, thưa Bà mẫu, chúng con là chỗ con cháu trong nhà, chứ có phải khách lạ đâu, mà Bà mẫu phải lưu tâm... thưa, đề bữa nay, con xin vào bếp giúp Bà mẫu, làm cơm ạ.

CỤ BÀ: Ấy chớ, ấy chớ... Công việc bếp núc là của lão... Con cứ ngồi đây mà chuyện trò với anh Cá nó, chứ, ai lại thế!

BÍCH LIÊN, nói với chàng: Anh Sĩ Toàn à, sao anh không thuê thêm lấy một người làm, đề đỡ tay cho Bà mẫu, đề Bà mẫu có thì giờ nghỉ ngơi?

SĨ TOÀN: Có đấy chứ, anh đã có thưa với Má nhiều lần, nhưng, Má không nghe, vì Má bảo, công việc trong nhà, có gì đâu, mà phải thuê thêm người cho nó tốn tiền...

CỤ BÀ: Má bảo thật đấy, thuê người tốn lắm, nào tiền công, nào tiền cơm họ ăn; công việc nhà, chung quy chỉ ngày hai bữa ăn, chứ còn có công lên, việc xuống gì nữa đâu. Bây giờ, là cái lúc gạo-châu, củi-quế, mỗi đồng, mỗi tấc, tiền kiểm ra, lại có hạn; Bà, Má đều già-nua, tuổi-tác, chẳng còn làm gì được ra tiền, cả nhà chỉ trông vào có đồng lương của anh nó!.. Ấy, sự tiêu-pha, rút đi được đồng nào, hay đồng ấy...

BÍCH LIÊN: Vâng, thưa Bà mẫu, sự cần kiệm của Bà mẫu làm cho con vô cùng cảm động...

Và, thưa Bà mẫu, nếu mai đây, Bà mẫu có các việc may vá, cắt khâu, xin Bà mẫu cứ giao cho con, con sẽ đỡ tay hầu Bà mẫu.

CỤ BÀ: Không đâu, ai lại thế! Vả, lão cũng « chả » thấy có việc gì đáng đề phiền con, tuy lão vẫn nghe nói, con thêu thùa, may cắt, rất khéo!.. Câu này, lão cứ lấy chân tình mà nói, con không hiếm cái cảnh nhà thaoh bạch của anh

nó, đó, thiết cũng là một cái phúc ăm của bên họ Vương nhà lão! (mặt cụ sáng hẳn lên).

BÍCH LIÊN, rất dỗi thẹn thùng: Bà mẫu quá thương mà dạy thế, chứ, con đâu dám nghĩ như vậy.

CỤ BÀ, hướng về phía Sĩ Toàn, hỏi: À Sĩ Toàn nhỉ, Má hỏi thật con, con đã bàn với Bích Liên về hôn sự của các con chưa? Má, thì Má nóng ruột lắm, rồi đấy; Má chỉ mong làm sao, nhờ Trời, Phật, nhờ tổ ăm, cho Má chóng có cháu bé...

SĨ TOÀN: Thưa má, lúc Má về, chúng con đương bàn với nhau về việc ấy, đây ạ.

CỤ BÀ, có vẻ nóng nảy: Ừ, thế các con đã ấn định bao giờ, chưa?

SĨ TOÀN: Thưa Má, chúng con có bàn tính với nhau, rằng...

BÍCH LIÊN, vội ngăn chàng lại. Anh nên đề rồi hãy thưa với Má, đề... đề ta bàn tính cho kỹ đã, rồi mới sẽ trình với Bà, Má, anh à.

SĨ TOÀN, nói với nàng: Không hề gì đâu, em à; đề anh cứ thưa rõ đầu đuôi cho Má rõ, không sao đâu.

BÍCH LIÊN, thẹn quá, không dám nói gì nữa.....

CỤ BÀ: Thế bao giờ, hả hai con? Hai con định đến bao giờ? Hai con liệu định cho chồng chóng lên, chứ Bà, Má đã già rồi, nếu phải đợi năm này, sang năm khác, thì lâu quá, không tốt đâu, hai con à.

SĨ TOÀN: Thưa Má, chúng con tru-liệu với nhau, thế nào cũng phải tận-lượng cử-hành một hôn lễ cực-kỳ trọng-thể!.. Hôm đó, sẽ có tiệc kê-vĩ-tửu, theo thể-thức âu-tây, rồi, buổi tối, sẽ có yến-tiệc đề dài thân-bằng, cổ-hữu, thưa Má, Má thử tưởng tượng xem, sự linh-dinh đó, thế nào cũng sẽ làm cho Bà, Má, vô cùng khoái-tâm, lạc-ý!

CỤ BÀ: Ô ô, nếu mà các con làm đúng được như lời Sĩ-Toàn vừa kể, Bà, Má, sẽ rất dỗi hoan hỉ! Nhưng, con à...

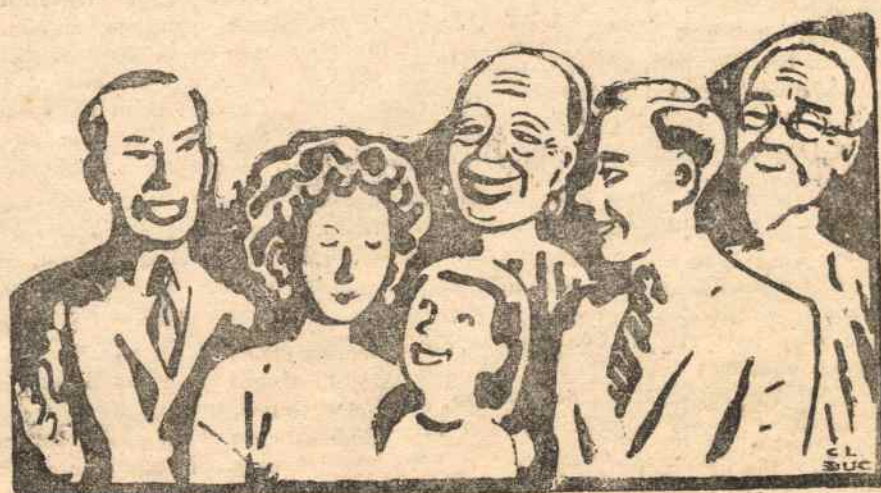
SĨ TOÀN, cắt ngang lời mẹ, chẳng thao thao nói...xin Má đề con nói nốt... Thưa Má, chúng con còn bàn tính, mời cả phường nhạc Tây về, đề giúp vui... Mỗi khi, một tân khách bước chân vào phòng khách phường nhạc sẽ cử tấu; Má nghĩ xem, sự vui tươi, nhiệt náo, sẽ lên tới cực điểm, chứ chẳng không, thưa Má!

CỤ BÀ: Vui tươi thì sẽ thiệt là vui tươi, mà, nhiệt náo, cũng sẽ thiệt là nhiệt náo, nhưng, con à, dài dẽ ra như vậy, chắc là tốn nhiều tiền lắm! Chỉ hiềm một nỗi, Ba con mấy năm nay, không làm lụng gì nữa, như thế thì, nhà ta làm sao có nhiều tiền, đề khoa trương một cách xa hoa nhường ấy, hả con?

SĨ TOÀN: Nhưng, thưa Má, Má chớ quá lo về điều đó, chúng con đã có cách, Má à. Bích Liên đã đồng ý với con, đề, cùng nhau, đề dành tiền, mỗi tháng, là bốn trăm đồng; như vậy, chúng con sẽ hoàn thành được ý định.

CỤ BÀ: Thật thế, hả Bích Liên?

BÍCH LIÊN, chỉ lễ phép gượng cười, không đáp ra sao...



CỤ BA : Sĩ-Toàn, con tính toán hay nhỉ ! ? Công việc hôn lễ thuộc về phần họ Vương nhà ta phải tự lo liệu, chứ ai lại đi bắt bên nhà gái phải góp phần, bao giờ ? Chết, chết, con làm như vậy, không tiền đâu !

SĨ TOÀN, dậm quần, ấp úng : Thưa Má, cái đó, cái đó là... là...

BÍCH LIÊN, với giải thích : Không thưa Bá mẫu, lời Bá mẫu dạy là chỉ phải, nhưng đó là lẽ thói khi xưa, chứ, bây giờ, chúng con nghĩ khác ạ. Hôn sự theo ý chúng con, phải là việc chung của cả hai họ, vậy con xin làm-dự một phần, là phải ạ. Và lại, ở đây, con không có thân-nhân, quyền-thuộc nào cả, con đem cái số tiền con làm ra được để dùng vào việc của con ; như thế, con thiết nghĩ không có gì là quá phận cả, thưa Bá-mẫu.

SĨ-TOÀN : Vâng, thưa Má, theo thời nay, một khi hai bên nam, nữ, đã cùng nhau giao-kết liên-hôn với nhau, thì họ phải chung lưng, góp sức với nhau, đó là lẽ rất tự-nhiên, ạ.

CỤ BA : Bích Liên ạ, con thiết là một người có chí khí, bởi vậy cho nên bên Vương gia bên này rất đổi mừng lòng được một người nàng dâu như con đây, con ạ.

BÍCH LIÊN, hết sức thẹn, ngượng, mà chỉ cúi đầu, chẳng biết nói sao...

SĨ TOÀN: Thưa Má, Má nghĩ sao về cái kế hoạch mà chúng con vừa kể Má nghe, kia ạ ?

CỤ BA : Nếu được như thế, thì còn gì bằng nữa. Má rất đổi vui lòng, đẹp dạ, và, rồi đây, Má phải đốt một tuần nhang để tạ ân ông bà ông vải, tổ tiên !... À, Sĩ Toàn ạ, thế, các con đã ấn định ngày nào, tháng nào chưa ? Theo ý Má, thì, có lẽ vào cuối năm nay, mới tiện, các con ạ. Bây giờ là tháng Ba, mà từ nay tới tháng chạp, ta còn ít ra là chín tháng trời nữa, để lo liệu, xếp đặt.

SĨ TOÀN, vẻ lúng túng, nhìn Bích Liên : Thưa Má, Má bảo sao, kia ạ ? Thưa, cuối năm nay ấy ạ ?

BÍCH LIÊN, cũng lo lắng : Thưa, cuối... năm... ấy ạ ?

CỤ BA : Ô, thế không phải vào dạo cuối năm, sao ? (cụ hình như đã lầm tưởng họ quá đổi lâu la, nên cụ vội bảo chữa) Ừ mà, rõ thiệt lâu lắm lắm, ai lại, lo việc vui mừng vào cuối năm, thì các con nhỉ ? Có lẽ ta phải thu xếp sớm hơn nữa, mới được, kéo việc cưới xin mà dồn dập vào với cái tết, thì rồi, đâm sập, ngã ngựa, trở tay làm sao cho kịp, kia chứ ?

SĨ TOÀN : Không, thưa Má, chúng con định, bốn năm nữa, chúng con mới dám cử-hành hôn-lễ, kia đây ạ.

CỤ BA, vừa kinh ngạc, vừa thất vọng : Trời ơi ! Bốn năm nữa ! Sĩ Toàn, con điên à ? Bốn năm... bốn năm trời, dài đằng-dàng, chứ có phải ít-òì ngày tháng gì, cho nó cam ! Con nên nhớ rằng, Ba, Má đã già lắm rồi ! Liệu, Trời có thương, Phật có độ, để cho Ba, Má, sống tới ngày ấy không ! ?

SĨ TOÀN : Thưa Má...

CỤ BA, ngắt lời người con : Thiết tình, Má không hiểu, tại sao con lại tính trì hoãn việc vui mừng của con, đến như vậy ? Con không biết, chứ Ba, Má, mong ngày, mong đêm, để cho có cháu bé. Má không hiểu, vì lẽ gì mà con lại đi con ấn định những bốn năm trời nữa, con mới chịu cử hành hôn lễ ? Vậy chứ chủ ý của con ra sao, con nói cho Má nghe ?

SĨ TOÀN : Thưa Má, đó cũng là sự bất đắc dĩ ! Con đã chẳng vừa thưa với Má : chúng con dự toán làm một lễ cưới cho thiết trọng thể. Như vậy, cần phải có món tiền khá lớn...

CỤ BA : Lớn, là bao nhiêu, hà con ? Má đã chừng, chỉ mấy ngàn đồng là đủ... Ừ, như thế, thì làm gì phải dành dụm tới bốn năm, làm với ?

BÍCH LIÊN : Dạ, thưa Bá mẫu, anh Sĩ Toàn con đã dự định, phải tiêu trên hai vạn đồng, kia ạ. Vâng, mỗi tháng, hai đứa chúng con chỉ để ra được có bốn trăm thôi, bởi vậy, thưa Bá mẫu, ít gì cũng phải bốn năm mới có được hai vạn đồng bạc ấy, ạ.

CỤ BA, như bừng tỉnh : À, ra thế, kia đây !

SĨ TOÀN : Thưa Má, sớ dĩ, chúng con phải dành lòng chờ đợi đến bốn năm trời cũng là vì thế ạ.

CỤ BA : Bây giờ thì Má hiểu rồi, nhưng, hai con ạ, nếu hai con lo công việc đó, càng sớm được, càng hơn. Ai lại bắt Má chờ đợi tới bốn năm trời nữa, mới được đón nàng dâu của Má, về bao giờ ! Tại sao, lại không cứ đơn-dơn, giản-giản, mà cử-hành ? Ta chỉ thỉnh mấy người thân-bằng, cố-hữu, cùng mấy người trong họ đến uống chén rượu mừng, với gia-dình mình thôi, có được không ?

Bây về ra làm gì ? Thiết tình, Ba, Má, lúc nào cũng đề việc trăm năm của con, canh-cánh ở bên lòng. Con thành gia-thất sớm ngày nào, Ba, Má, an-tâm ngày đó.

SĨ TOÀN, vẫn kiên trì : Nhưng, thưa Má, con đã không kết hôn thì thôi, chứ, con đã kết hôn, thì hôn lễ phải thế nào kia ! Theo ý con, nếu chỉ lảo thảo, lúi xúi, thì, thà bằng đừng làm, còn hơn.

CỤ BA : Con ạ, làm việc gì, ta cũng nên liệu cơm mà gắp mắm. Má bảo thật, nhà mình chẳng giàu có, sung túc gì, mà phải cố ý khỏa trương, huỳnh hăm, làm gì ! Con chẳng xem như anh Chí Minh, biểu huỳnh của con đây, năm trước đây, anh đã làm lễ thành hôn một cách hết sức đơn sơ, giản dị đấy thôi; ấy thế mà, hai vợ chồng anh "chả" hòa thuận, vui vẻ với nhau đến đâu, là gì ?

SĨ TOÀN : Không, thưa Má, con không thể nào làm một cách xúi-xỏ như anh Chí Minh được đâu; các bạn hữu của con, cũng như của Bích Liên đều rất đông, rất sang trọng cả, nếu con không làm cho ra trò, họ sẽ cười chết !

CỤ BA : Nói đi, nói lại mãi, chẳng qua, con thích hư vinh, mà, quên hẳn gia cảnh nhà mình. Bây về ra, rồi tiêu tốn hàng hai, ba vạn đồng bạc, để rồi, lo xong cái lễ cưới, vợ chồng ẽ cõ ra mà trả nợ, hay sao ?

SĨ TOÀN : Má quên rằng, chúng con có đi vay, đi mượn, ai đâu, mà phải trả nợ. Bích Liên chẳng vừa thưa với Má rằng, chúng con sẽ cùng nhau để dành tiền, cho đủ số, rồi, bốn năm nữa, chúng con mới dám cử hành hôn lễ, kia mà.

CỤ BA : Sĩ Toàn, tùy ý con, con muốn tính sao thì tính, nhưng, bốn năm nữa, thì lâu lại quá, nhất định, Ba, Má, không thể tán thành ý-kiến của con được. Ừ thôi thì, con muốn để dành tiền thì để, nhưng, con chớ quên rằng, đến mùa đông, tháng giêng, tới này, Má phải cần tiền, để may mặc thêm, nào áo bông cho Ba con, nào chăn đắp quá cũ, đã dùng có thêm bảy, tám năm, rách nát hết rồi ; tất cả các món ấy, không thể nào dùng, không làm được đâu, con ạ.

SĨ TOÀN : Vâng, vâng, nhưng, thưa Má, đâu sao, từ hôn nay, trở đi, con bắt đầu để dành tiền, vậy xin Má, Má để tâm tiết kiệm việc chi tiêu trong nhà cho ...

CỤ BA : Tiết kiệm ! Con bảo, còn tiết kiệm đến thế nào nữa, hà con ? Không đâu, con ạ. Má chẳng dám vung tay quá trán bao giờ, Má phải dè sẻn, chắt bóp, từng đồng một, chứ con đừng tưởng làm. Mỗi tháng, con đưa cho Má có hai trăm đồng bạc ; với số tiền ấy, Má phải thu va, thu vén, chi li hết sức, mới hòm-hòm đủ được đấy, con ạ.

SĨ TOÀN : Thưa Má, con nói, xin Ba, Má, tính giảm sự tiêu, dần-loại như việc ba con phải đi coi đá bóng cho bằng được, với mấy chục đồng tiền vào cửa... món tiền ấy, rất có thể tiết kiệm được vì lẽ, cứ ở nhà, nghe truyền thanh, cũng được, kia mà.

CỤ BA, hơi phật ý : Chết thật, con nói, con không nghĩ, mỗi tháng ba con mới đi xem đá bóng có một hai lần thôi, có hao phí là bao nhiêu ? Ngoài ra, Ba con chẳng uống rượu, chẳng đánh mà chược ; Má hỏi con, ngoài các cuộc tức cầu ra, Ba con còn có cái gì để tiêu khiển, nữa đâu ? Con có biết không, con chỉ vụ có mỗi cái hư vinh của con, mà chẳng nghĩ gì tới ai nữa cả ! Ba con chỉ có một tí bấy nhiêu để khiến muộn mà con cũng kêu ca ! Con không nhớ rằng, việc nhà, chỉ có một mình Má, xoay quanh ; người làm cũng chẳng hề dám thuê ; đi xem hát, cũng không bao giờ có hề màng tới. Ấy thế mà con cũng không mảy m. Thế thì ra, con chỉ cần cho cái hôn lễ thiết là đằng hoàng, là sang trọng, còn ngoại giả, cả nhà, muốn sống bằng cách gì, thì sống, hay sao ? !

SĨ TOÀN : Thưa Má...

BÍCH-LIÊN, với nhìn chàng, lừ mắt, không cho chàng cãi lời mẹ : Thưa Bá-mẫu, Bá-mẫu đừng quở trách anh con nữa, tất cả các việc đó, cũng mới chỉ là dự-tính, thôi ạ ; nếu không tiện thực-hành, anh con nhất-định sẽ thay đổi kế-hoạch... (cố tìm cách đánh trống lảng sang chuyện khác). Mà, thưa Bá-mẫu, có lẽ bây giờ, cũng đến giờ nấu ăn rồi, con xin giúp Bá-mẫu làm cơm ạ.

CỤ BA : Sĩ-Toàn, Má nói ngầy ầy điều cho con nghe, là đủ lắm rồi. Con phải hiểu, và, thứ nhất, Má khuyên con, chớ có đem những điều đó nói với Ba con, mà làm cho Ba con buồn lòng, nghe không con ?

BÍCH LIÊN, đỡ lấy cái giỏ đồ ăn, và tươi cười nói : Xin Bá mẫu cứ yên tâm, con đoán chắc rằng anh con đã tỉnh ngộ rồi, và thế nào anh con cũng sẽ đổi ý kiến, để cho các việc được thỏa đáng cả ạ... Nào, xin mời Bá mẫu vào nhà trong... (Nàng vừa nói, vừa cầm tay Cụ Bà, kéo cụ đi vào).

CỤ BA : Ấy chớ, ai lại thế, thôi con cứ để việc bếp - núc cho má, con biết đâu mà con làm... con cứ ở ngoài này mà ngồi chơi đi...

BÍCH LIÊN : Thưa Bá mẫu, con "chả" nghe thế, Bá mẫu cứ cho phép con tập sự làm dâu Má, vì xưa nay, việc bếp núc, con rất giỏi là vụng về, con rất cần được Má dạy bảo cho, ngay từ bây giờ.

(Bích Liên và Cụ bà vào nhà trong) Sĩ Toàn ngồi chờ người ra, suy nghĩ. Hình như cái mộng tưởng khoa trương cuộc hôn lễ, và cái trách nhiệm gia đình đương xung đột nhau, một cách khá dữ dội trong tâm não chàng. Chàng rút thuốc ra, hút được vài hơi, lại bỏ đi. Vừa khi ấy, có tiếng chuông gọi, ở phía cửa ra vào.

SĨ TOÀN, cau có : Ai thế ?

TIÊU BÌNH, ở ngoài, nói vọng vào : Thưa anh, em đây mà...

SĨ TOÀN, vừa mở cửa, vừa hỏi, giọng hơi xẵng : Ở kia, hôm nay, thứ bảy, sao em lại về muộn thế, hả ?

TIÊU BÌNH, bận đồng phục của nhà trường ; trông có thiết thanh khiết và tề chỉnh : Thưa anh, em đã về nhà rồi, ăn cơm sáng xong, em mới lại đi, đây ạ.

SĨ TOÀN, đương bọc bỏ trong lòng nên mượn cớ để gắt : Ừ, ừ, ngoài giờ học, thì phải ở nhà, ở cửa, mà ôn tập lại bài vở, chứ, đi ra ngoài, để làm cái trò trống gì, mới được chứ ?

TIÊU BÌNH : Dạ, thưa anh, em đến học hiệu, để khai hội đây ạ... chà, ngày mai, chủ nhật, ban sơ-trung tất nghiệp của chúng em, có dự toán một cuộc đi chơi xa... tất cả bạn của em sẽ đi Thuyền loan, ạ.

SĨ TOÀN : Đi chơi xa ? Đi Thuyền loan, để làm cái gì ?

TIÊU BÌNH : Thưa anh, chúng em đến đây để rồi, nhân tiện, đi thăm mấy xưởng dệt.

SĨ TOÀN : Thăm với nom, thì làm cái quái gì ; thôi, ở nhà, đừng có đi.

TIÊU BÌNH : Nhưng thưa anh, em ở trong ban đại biểu, em không đi, thế nào được, ạ ?

SĨ TOÀN : Đại biểu hay tiêu biểu gì, thấy kệ, không đi gì cả !

TIÊU BÌNH : Chết ! Thưa anh...

SĨ TOÀN : T hời, đi vào trong nhà !

TIÊU BÌNH, nước mắt chảy quanh : Quái ! Thưa anh, em có làm gì đắc tội với anh đâu, mà anh lại thịnh nộ với em, như vậy ?

SĨ TOÀN : Bảo, hãy đi vào nhà trong, nghe chưa ?

TIÊU BÌNH, không hiểu tại sao lại bị một việc ủy khuất làm vậy, cô bùng mặt, khóc hu hu, chạy vào nhà trong.

SĨ TOÀN, đi đi, lại lại, bực tức như muốn phát điên.

BÍCH LIÊN, ở nhà trong chạy ra : Anh Sĩ Toàn !

SĨ TOÀN, mặt vẫn hầm hầm, chẳng nói, chẳng rằng, ngồi phịch xuống ghế.

BÍCH LIÊN : Chết chưa ! anh phải bình tĩnh một tí, chứ, ai lại thế ? Tiêu Bình nó có làm điều gì hư hỏng đâu, mà anh, vô duyên, vô cớ, mắng m. hất hủi nó như vậy, tội nghiệp !

SĨ TOÀN : Nào ai hất-hủi gì nó, nó đòi : mai, đi lữ-hành ; anh không ưng cho nó đi, có thế thôi.

BÍCH LIÊN : Sao anh lại không cho em nó đi ? Nó đi với các bạn đồng-học để tham-quan xưởng dệt, cơ mà.

SĨ TOÀN : Anh không muốn cho nó đi, nên, không cho phép nó đi.

BÍCH LIÊN : Anh ạ, em nhận thấy, anh đã khác-ngiệt một cách vô-lý.

SĨ TOÀN : Em không hiểu, chứ, tuần lễ trước, học hiệu nó bắt thay đồng phục mùa đông, anh đã phải tiêu cho nó một món tiền rồi, mai đây, nó lại đòi đi lữ hành, anh thử hỏi em, anh lấy đâu ra làm tiền thế, mới được, kia chứ !

BÍCH LIÊN : Ô kia, anh, em thiết tưởng, đi lữ hành thì có tốn phí là bao. Thanh niên nam, nữ ngày nay ai không ưa du ngoạn, ưa vận động, anh tiếc làm gì một món tiền nhỏ, mà để cho em nó hận hui, buồn tủi ?

SĨ TOÀN : Thiết tình, anh lấy làm khổ tâm quá ! Anh đương tính việc bớt ăn, bớt tiêu, để dành dụm lấy ít tiền, ấy thế mà, người trong gia đình, cứ nao nao lên, toàn những việc mua cái này, sắm cái kia. Với cái thế thức này, thì liệu đến đời kiếp nào, anh mới thực hiện nổi cái ý định của anh, kia chứ ?

BÍCH LIÊN : Anh à, nếu, chỉ vì chu toàn một cái mộng tưởng của một người, mà để cho cả nhà phải buồn phiền, chẳng yên, em thì nghĩ, anh nên suy tính cho kỹ cái đã, thì hơn, anh à.

SĨ TOÀN : Sao em lại bảo, cái mộng tưởng của một người, kia ? Bích Liên, sở dĩ, anh phải cố gắng, buộc bụng, để cho có tiền mà cử hành cái lễ cưới của chúng ta, cho được tận thiện, tận mỹ, để sau này chúng ta giữ được mãi mãi một cái kỷ niệm vô cùng tráng lệ. Em chẳng đã biểu đồng tình với anh rồi, là gì ?

BÍCH LIÊN : Anh làm rồi ! Nào em đã có nói ra rõ ràng rằng em biểu đồng tình với anh đâu ? Từ trước tới sau, vẫn chỉ có một mình anh tự ý biểu đạt cái dụng ý của anh, đấy chứ ! Anh à, em nhận thấy, anh vừa bắt đầu thì hành cái kế hoạch của anh, mà, cả nhà, từ trên tới dưới, đều bắt an cả, em thấy, em không thể nào đồng tình, hiệp ý, với anh được đâu !

SĨ TOÀN, không khác gì kẻ vừa bị một gáo nước lạnh dội vào lưng : Em nói sao ? Em không hề đồng tình, hiệp ý với anh, thế sao em lại bằng lòng chung lưng, để dành tiền với anh ? Tiền, còn để ở trong ví em, kia thôi ?

BÍCH LIÊN, vẫn thản nhiên tươi cười — Ở kia, tiền, anh đem anh bỏ đại vào ví của em, đấy chứ ! Nào anh có để cho em phân thuyết gì đâu, mà anh bảo em đã đồng ý với anh, nào !

SĨ TOÀN : Anh « chả » biết gì hơn là, em chẳng đã nguyện ý góp phần với anh, để, để dành, mỗi tháng hai trăm đồng thôi. Thế, lại còn không đồng ý, là gì, kia chứ ?

BÍCH LIÊN : Vâng, thưa anh, em rất đồng ý với anh về chỗ ta nên tiết kiệm trong việc tiêu pha... Vâng, em xin biểu đồng tình với anh, về việc để dành tiền, nhưng, quả tình, em nhất định phản đối anh về sự huỷ hoại, phá hoại, trong việc cử hành hôn lễ của chúng ta.

SĨ TOÀN : Ô, thế em không hy vọng mai ngày, chúng ta sẽ có một kỷ niệm huy hoàng về cái lễ cưới của chúng ta hay sao ? Một cái kỷ niệm nó sẽ cho chúng ta một thứ hạnh phúc, với thân bằng, cố hữu, hay sao ?

BÍCH LIÊN : Nhưng, thưa anh, những cái kỷ niệm huy hoàng, nhưng sự phô trương hãnh diện ấy, nó sẽ vô cùng đắt đỏ đấy, anh nhá ! Anh ơi, nếu, em vì hư vinh, mà muốn tiền nợ cưới cao lên như một trái núi, và, sau hôn lễ, cuộc sống của chúng ta sẽ mất hết bao đảm, sự chung sống của đôi ta sẽ lâm vào cái cảnh : « sai mế phu thê », được bữa nay, lo bữa mai, em xin hỏi anh, cái cảnh tình bi thảm đó, còn có gì là mỹ lệ, là đáng làm cho ta hãnh diện, kia chứ !

SĨ TOÀN : Bích Liên, rõ-ràng, em cố-tình, vẽ ra cái cảnh đen-tối đó, để phan-bác anh, chứ, có đâu đến nỗi ấy ? Thế, em quên rằng, chúng ta để dành tiền, trong bốn năm trời, để cho có đủ số hai vạn đồng, mà lo toan các việc kia ; ừ như vậy, còn làm gì có cái món nợ cưới ? Tiền của ta, ta dùng chứ, ta có phải đi vay, đi mượn của ai đâu kia chứ ?

BÍCH LIÊN : Thưa anh, đã đành rằng ta không cần phải đi vay, đi mượn ai, nhưng đâu sao đi nữa, em xin nói dứt khoát để anh thấu rõ lòng em : em chỉ ưng để dành tiền thôi. Em không ưng, chỉ vì sự phô trương, mà, một lúc, lãng phí món tiền mồ hôi, nước mắt mà chúng ta dành dụm, trong bốn năm trời, anh đã hiểu lòng em, chưa ?

SĨ TOÀN, thất vọng : Anh hiểu rồi, và thế, nghĩa là em không đồng tình, đồng ý về cái kế hoạch của anh, chứ gì ? Anh chỉ lấy làm lạ, tại sao em không nói thẳng ngay ra, cho anh rõ ngay từ đầu có được không !

BÍCH LIÊN : Anh lại còn đi anh trách em không nói thẳng, nói đơn, cho anh rõ. Khốn nỗi, từ đầu chí cuối câu chuyện, lúc nào anh cũng như người sống ở trong một giấc mộng ! Anh kể ra một mạch, thao thao bất tuyệt ; nào buổi cử hành hôn lễ ; nào bày tiệc kê vĩ tửu, theo âu thức ; nào, tới đến, đặt đại yến hội ; nào, thuê mượn và sửa sang nhà, ở Cửu Long ; rồi sau sự yến ẩm, thì mở hội khiêu vũ và mời dàn nhạc về diễn tấu ; thế rồi, anh bảo, bốn năm, chỉ chớp mắt, là qua ngay, chứ có lâu lại gì... Em vừa-vừa chưa tỏ ý kiến của em, thì Bá mẫu vừa đi mua bán về, thế rồi, anh vội vàng, bỏ hai trăm bạc vào cái ví tay của em ; như vậy, anh thử nghĩ xem, em còn có thì giờ và cơ hội nào, để nói đơn, nói trắng, với anh, ý kiến của em ?

Sĩ Toàn buồn bã đứng lên, đi đi, lại lại, lúc gần đầu, bắt tóc, lúc thở dài.

Bỗng, ở ngoài đường, trẻ bán báo rao : « Báo buổi tối, có phụ trương xổ số... »

Sĩ Toàn, như dương mê, chợt tỉnh, chàng vừa chạy vọt ra mở cửa, vừa gọi : « Báo báo !... Báo báo !... »

Chàng mua được tờ báo, liền trở vào, đóng cửa lại, rồi vội vã lấy tờ phụ trương ra, và móc túi lấy mấy tấm vé xổ ra, dò. Chàng dò đi, dò lại, hai ba lượt, đoạn, xé toạc ra, và ném xuống đất, mặt mày ngơ ngác như kẻ mất hồn !

BÍCH LIÊN : Ô kia, anh ! anh phải cố gắng tinh, chứ ai lại thế ! Nếu kế hoạch này không thực hiện được, ta tìm kế hoạch khác...

Sĩ Toàn, vẫn căng trề : Không, đâu sao đi nữa, anh cũng phải hoàn thành cái kế hoạch của anh, cho kỳ được !

BÍCH LIÊN, không bằng lòng, có vẻ phẫn hân : Anh điên rồi ! Anh chẳng nghe theo lẽ phải ; Anh chỉ biết giữ chặt lấy cái cuồng vọng của anh, mà không lý tới lời khuyên can của em, em không « chơi » với anh nữa ! Đây, tiền của anh, em trả lại anh ! (nàng đặt tấm giấy một trăm xuống mặt bàn, rồi phụng phịu định đi ra phía cửa, ra đường. Bỗng, có chuông gọi. Nàng đứng dừng lại, nhưng không ra mở cửa. Trong khi ấy, Sĩ Toàn vẫn ngồi điềm nhiên như chẳng hề nghe thấy tiếng chuông reo. Nàng, trừng mắt, nhìn chàng, đoạn, đi thẳng ra cửa. Vừa tới cánh cửa hé ra, thì nàng chợt trông thấy Lý thủ Nhân, nên vội vàng lùi lại, gương cười, chào :) A ! Lý tiên Sinh, tôi lại cứ « ngờ » rằng ai ?... Xin mời tiên sinh vào ! Lý - thủ - Nhân, mình bận âu phục, mặt hớn hờ, tươi cười, bước vào.

THỦ NHÂN : Trương tiểu thư kia ! Tiểu thư ở đây, bất thoát, anh chàng Sĩ Toàn, nhất định có nhà rồi, hi... hi... hi...

BÍCH LIÊN : Dạ, thưa đúng đấy ạ.

THỦ NHÂN : Gớm thật ! Cái anh Sĩ Toàn, gớm thật ! Ai lại, hết giờ học, tới đến tìm anh, anh đã lớn đi lúc nào mất ? Thì ra, cu cậu ta « đóng » tuốt về nhà, để cùng với Trương tiểu thư đàm tâm, giảng ái ! hi... hi... hi... hi...

BÍCH LIÊN : Thưa Lý tiên-sinh, thế này thời khí không phải, xin Lý tiên-sinh thứ lỗi cho tôi, tội thất lễ ; tôi, nhân có tý việc, cần phải đi ngay. (Quay ra, định đi).

THỦ NHÂN : Ấy, ầy, tôi « chả » nghe thế đâu, xin tiểu-thư hãy ngồi nán lại một tý, chỉ một tý thôi ạ, tôi có một việc tối cao-hưng, để cáo-tri với cả Trương tiểu-thư, lẫn cái anh chàng Sĩ-Toàn nhà chúng tôi, mà... (anh đi ra gần thềm cửa, phía ra đường) cho đầu không có việc gì đi nữa, xin tiểu-thư cũng cố nán ngồi lại, nói chuyện với tôi, chứ ai lại, tôi vừa chân ướt, chân ráo, vào tới đây, tiểu thư lại bỏ tôi đây, mà đi ngay, cho nó đánh tâm, kia chứ ! (anh nói xong, liền cầm tay Bích Liên, dắt lại chỗ ghế, và mời nàng ngồi xuống).

BÍCH LIÊN, không biết làm thế nào, đành ngồi xuống vậy : À, nhưng, xin Lý tiên sinh cho chúng tôi rõ, Lý tiên sinh có việc gì cao hưng như thế này, vậy ?

THỦ NHÂN, tươi cười : Thưa, có gì đâu ạ.. nhân, tôi định, vào cuối tháng này, kết hôn, đấy ạ.

BÍCH LIÊN và Sĩ Toàn, đồng thanh hỏi : Kết hôn ?

THỦ NHÂN : Thưa vâng. Tôi đã chuẩn bị đến hôm thứ Hai này, thì xin nghỉ một nửa ngày. Để cùng với Úc Phương, đi đăng ký cuộc hôn nhân của chúng tôi. Vậy, hôm ấy, xin mời nhị vị, đi làm chứng nhân cho...

BÍCH LIÊN, niềm nở : Tôi xin có lời cung hi tiên sinh !

THỦ NHÂN : Đa tạ Trương tiểu thư, tôi xin đa tạ Trương tiểu thư !

Sĩ Toàn : Anh Thủ Nhân ! Tôi cũng xin cung hi anh ! (giờ tay, vui vẻ bắt tay Thủ Nhân) Kia thế, hai anh chị đã quyết định việc kết hôn này từ bao giờ, mà ngay buổi học sáng nay tôi cũng không hề thấy anh cho biết ?

THỦ NHÂN, nhả nhả, cười nói, một cách rất tự nhiên : Hi... hi... hi... ầy, chiều nay, đấy ạ... mà, cũng là vừa vừa cần nấy, đấy thôi mà... hi... hi... hi... Kề ra, chẳng nói giấu gì anh, chị, Úc Phương với tôi, chúng tôi yêu nhau đã từ hai năm nay. Mà, sở dĩ tôi đến đây hôm nay là chân thành mời anh, chị đi làm chứng cho cuộc hôn nhân của chúng tôi.

Sĩ Toàn : Chắc hẳn, anh đã đi thuê được nhà mới rồi, thì phải ?

THỦ NHÂN : Ý, ý... việc gì phải nhà mới, kia chứ ? Lương bổng của chúng mình đã ít ỏi, tội gì mà đi học đòi người ta, cho nó tốn phí ra. Bất quá, tôi sắm thêm vài thứ đồ đạc cần thiết, và, cứ ngay cái nhà hiện gia đình tôi đang ở, cũng tương chán ; mà, có lẽ, tôi chỉ cho quét với lại cái phòng khách, là đủ...

Sĩ Toàn : Ô, thế, anh sẽ đặt tiệc cưới, cũng ở ngay ở đây sao ?

THỦ NHÂN : Ủi chào ôi ! Xin anh chớ nghĩ tới tiệc cưới, với tiệc xin, làm gì. Vâng, anh, chỉ tính mỗi tháng, tôi chỉ có, « mỗi » đăm, bảy trăm đồng bạc lương thôi, và với số tiền đó, tôi còn phải phụng dưỡng song thân tôi, rồi cung cấp tiền ăn học cho hai đứa em, tôi xin hỏi anh, chị, liệu còn bới ở đâu ra tiền, để bày vẽ, tiệc tùng với yến ẩm, cơ chứ ? Hi... hi... hi...

Sĩ Toàn : Ô, thế sao, trước đây, chúng mình bàn tính với nhau, về hôn lễ, anh « chả » đồng ý với tôi rằng, ta phải làm cho hết sức trọng sự thể, vì cái lễ, chúng mình có rất nhiều bạn bè, mà, ít gì, cũng phải đặt tới vài, ba chục thỏi rượu ; ầy thế mà, bây giờ, anh lại đi tính giảm tới cái mức « súp » tuốt cả hi tửu, là nghĩa lý gì, kia chứ !

THỦ NHÂN : Thưa anh, đúng, quả chúng tôi cũng đã có ý định như anh vừa nói, nhưng, Úc Phương và tôi đã cùng nhau, suy đi, tính lại, khá lâu, về cái hi tửu. Không những, bạn bè của tôi, khá đông, mà bạn đồng học cùng là thân bằng, cố hữu của Úc Phương cũng chẳng ít, nếu bày vẽ, phô trương ra, chúng tôi, không thể nào, không phải đi vay, đi mượn, ở các chỗ bạn bè, thân thích, mà có được đủ số tiền cần dùng. Làm như vậy, nhất định chúng tôi sẽ bị đẩy vào một cuộc sống vô cùng chật vật điên đảo ! « Nhất tội, nhì nợ » sau lễ cưới linh đình, món nợ cưới sẽ to hơn một trái núi ! Chúng tôi đã toan tính với nhau : tại sao, ta không cử hành hôn lễ một cách đơn giản, giản, để có thể, sau hỷ nhật, vợ chồng yên yên, ổn ổn, chung lưng, góp sức nhau, để xây dựng nên một cái cơ sở vui tươi, đầm ấm, không một phút nào, phải lo nợ, lo nần.

Sĩ Toàn : Nhưng chết nói, anh làm như vậy, anh không sợ thiên-hạ họ chê cười, hay sao ?

THỦ NHÂN : Hi... Hi... Hi... Thế anh há quên rằng, việc thành-gia, lập-thất, là việc riêng của chính mình, việc gì, mình cứ phải lưu-tâm tới sự khen, chê của thiên-hạ ? Còn cái đám bạn tâm-giao, tri-ký, ai không thấu hiểu cái tình cảnh thanh bạch của mình ? Nếu họ thấu hiểu, tất nhiên họ sẽ thể tình mà nguyên lượng cho mình, chứ ! Ngoài ra, đối với cái hạng bạn gọi là « phiếm giao », là « từ nhục bằng hữu », mình bắt tất phải lưu tâm tới họ, vì, chính họ, họ có rồi hơi đâu mà lý hội tới việc hôn nhân của mình !... Tôi xin thực tình thưa với anh và Trương tiểu thư, nếu mình không biết tự lượng, mà miễn cưỡng phô trương, cho kỳ được, để hãnh diện với cái huê vinh, trong một lúc, mà sau đó, mình bị lâm vào cảnh túng quẫn, vì mang công, mắc nợ, tôi cho như thế, là điên rồ ; đến nước ấy, mới là nước mình sẽ làm cái bụng xung cho thiên hạ đàm tiếu.

BÍCH LIÊN : Lý tiên sinh, xin tiên sinh vì hạnh phúc tương lai của chúng tôi, mà khuyên giải anh Sĩ Toàn, chứ anh ấy cứ khăng khăng một dị, muốn làm một đám cưới thực huy hoàng, ai nói sao, anh ấy cũng chẳng nghe...

THỦ NHÂN : Thưa, tôi vẫn đã biết tính anh Sĩ Toàn, thường nhặt tới vẫn được nghe cao kiến của anh... Kề ra, ai mà chẳng có một đôi chút hư vinh trong tâm ; ai chẳng ưa cử hành « chúng thân đại sự » của mình, một cách long trọng ; tôi hiểu anh Sĩ Toàn lắm. Giả sử, chúng mình vào hạng có của ăn, của để, thì tội gì, ta chẳng phô trương ?

Đó chẳng là một việc hứng thú nhất của bên nam cũng như bên nữ ; ai chẳng muốn có phần để đôi mắt ? Tuy nhiên, đối với cái cảnh tình của anh em chúng mình, chúng mình còn có cái gánh nặng gia đình, nếu ta chỉ biết vụ cho cái sở thích của ta, mà để cho gia đình mất yên, mất vui, thì không nên. Hạnh phúc của chúng mình, một phần lớn, nằm ở trong hạnh phúc của những thân nhân của mình. Một mình mình vui, sao bằng cả gia đình mình cùng vui vẻ, đầm ấm ? Ấy cũng bởi thế mà tôi quyết định khước từ hết các việc xa hoa, huỷ hoại. Liệu Trương tiểu thư có cho tôi như vậy là gần, dở, không ? Hi... hi... hi...

BÍCH LIÊN : Lý tiên sinh ! Trái lại, tôi rất bội phục tiên sinh, về cái cử chỉ cương quyết đó, thì có !

THỦ NHÂN : Nhưng, có một điều : Xét việc, ta không nên đứng hẳn về một chiều, vì, trong lẽ phải, có ta, nhưng, cũng phải có người. Tôi hiểu tại sao, anh Sĩ Toàn quá thiên về việc phô trương, đó chỉ là vì, anh hết lòng yêu Trương tiểu thư, nên, đối với bất cứ việc gì dính - dính đến « người yêu » của anh, anh cũng muốn đề cao, anh cũng ưng làm sao đạt cho tới sự tận thiện, tận mỹ ! Đó không phải là một cái vinh dự cho Trương tiểu thư sao ? Trương tiểu thư ?

BÍCH LIÊN, hai gò má đỏ ửng, vì ngượng, thẹn ; nàng chỉ cười cười và cúi mặt nhìn xuống chân.

(Xem tiếp trang 32)



GOC trai là món trang sức rất quý đối với chị em phụ nữ và đã được tìm ra từ lâu rồi. Ngày xưa, dưới quyền đô hộ của người Tàu, dân ta rất khổ sở, phải vào rừng

săn voi lấy ngà, lặn xuống biển mò ngọc trai để dâng lên vua nhà Hán. Người Ai Cập và Hy Lạp cho rằng ngọc trai là những giọt lệ của Thần vệ Nữ kết tinh. Ở Việt Nam các cụ ta tin rằng sau khi Mỹ Nương bị vua cha chém chết ở bờ biển trong bước đường cùng máu của nàng công chúa thác oan vì tình bị những con trai ăn phải mà biến thành ngọc và tục truyền rằng ngọc trai mà được rửa bằng thứ nước giếng trong đó Trọng Thủy, người chồng của công chúa, đã tự tử vì quá thương vợ, thì lại càng sáng, càng đẹp bội phần!

Trên đây là những giả thuyết rất thơ mộng theo trí tưởng tượng của đại chúng dị đoan. Còn đối với con nhà khoa học thì khác hẳn. Ta hãy theo dõi sự tìm tòi của họ coi. Lấy một con trai mở ra. Hai vỏ của nó có một lớp óng ánh, sáng ngời: đó là sà-cừ. Phủ trên lớp sà-cừ là một màng da mỏng, những tế bào của màng da mỏng này có độc tính tiết ra chất sà-cừ. Bây giờ ta hãy tưởng tượng có một hạt sạn nhỏ ở ngoài lọt vào giữa lớp sà-cừ và màng da mỏng nói trên, một hạt cát chẳng hạn. Hạt cát đó sẽ dần dần bị những lớp mỏng sà-cừ, do các tế bào của màng da tiết ra, bao phủ, lớn lên và trở thành một viên ngọc trai. Vậy thì ngọc trai và sà-cừ cùng chung một nguồn gốc, nhưng khác nhau về phương diện tổ chức. Cũng do một loại tế bào tiết ra, sà-cừ gồm những lớp phẳng chồng chất lên nhau còn ngọc trai thì do những lớp mỏng bao bọc lấy một cái lõi (nhân), lõi này có thể là một hạt cát, một con sấu, con sên lúc mới phối thai.

Những loài trai có ngọc: Như đã trình bày ở trên, ta có thể nói ngay rằng tất cả các loài trai, ốc có sà-cừ đều có thể cho ngọc được. Trong số các loài ốc, ta nên kể: ốc bào ngư, ốc dụn, ốc sà-cừ v.v. Trai có nhiều thứ:

a) Trai nước ngọt, sống trong các sông, ngòi, ao, hồ, ngọc không đẹp, kém giá trị.

b) Trai nước mặn, sống ở biển rất quan trọng vì ngọc có thể rất lớn, rất đẹp và rất quý giá. Hầu hết ngọc trai lưu dụng trên hoàn cầu là do trai biển sản xuất ra. Trai biển có nhiều giống khác nhau; có thứ nhỏ con, đường kính độ 7cm như trai Nhật Bản, Ấn độ, Ba Tư, có thứ rất lớn như trai ở đảo Tahiti, đường kính tới 20cm, cân nặng 10 ki; có thứ cỡ trung bình, đường kính từ 10 đến 12cm, thường gặp ở Vịnh Nha Trang. Thứ trai này tên khoa học là *Mélagrina Margaritifera*, hình tròn như cái đĩa, có những đường vây, màu xanh đen pha nâu, một đầu có mỏ, một đầu rổ túm cước đen, sà-cừ dày, óng ánh nhiều màu sắc, xanh, đỏ, trắng, biếc, vàng.

Trai biển thường sống từng bầy rất đông, bám vào đá, vào san hô hay các vỏ ốc cũ nhờ túm cước đen, ở các biển nóng ấm, êm tĩnh, ít sóng, dưới sâu từ 2 đến 40m.

Trai sinh sản về mùa nóng; những ngày nắng ấm, trai cái đẻ trứng ra nước rồi trai dục tiết, tinh trùng, trứng và tinh trùng gặp nhau và kết thai. Ở những nơi trai đông từng bầy đông đảo, nước biển có khi trở nên trắng lờ lờ như sữa vì trứng trai. Trai con mới nở chồi lơ lửng trong nước ít lâu rồi bám vào đá, vào san hay các cây cỏ mọc ở dưới biển. Ba bốn năm sau trai mới đến tuổi trưởng thành. Trai có nhiều kẻ thù sát hại như sao biển, bạch tuộc, cá đuối v.v.

Mò ngọc trai: Muốn có ngọc trai, người ta phải lặn xuống biển mò những con trai mang lên bờ ra tìm ngọc. Trong số trai mò được, có con có ngọc, có con không hoặc ngọc còn non, bé quá, vô dụng.

Mò trai lấy ngọc đã trở thành một nghề quan trọng, rất có lợi, ở nhiều nơi như Hồng Hải, Ba Tư, Tích Lan v.v. Ở những nơi đây người ta còn dùng phương pháp cổ hủ với những thuyền gỗ, với những thợ lặn chuyên môn. Ở vịnh Ba Tư, có tới 900 thuyền và 31.000 thợ lặn dùng vào việc mò trai lấy ngọc. Người ta làm việc từ 6 giờ sáng đến 6 giờ chiều dưới ánh nắng nóng đến 36o.

Thuyền chờ đến chỗ có trai, cắm lại, bỏ neo. Những người thợ lặn buộc giây ngang mình với một cái túi đan bằng giấy cọ để đựng trai. Mỗi người ôm một hòn đá lớn buộc vào một sợi giây khác do một đồng nghiệp cầm, rồi nhảy xuống biển.

Đến đây, họ bỏ hòn đá ra, rồi vội vàng lặn thật nhanh càng nhiều trai càng hay, bỏ vào túi, khi đầy rồi, họ buộc giây ở mình, người trên thuyền nhận được hiệu, kéo giây cho họ lên mang theo túi đầy trai. Họ phải ôm đá mà lặn để mau xuống đến

NGỌC TRAI

Khảo cứu của **NGUYỄN VĂN CƠ**

Một chuỗi ngọc trai bây giờ từ 2.000\$ đến 20.000\$ có khi hơn nữa, tùy theo to nhỏ, hình dáng và sắc nước.

Nuôi trai và "cây" ngọc trai

Vì ngọc trai quý giá như vậy nên từ lâu người ta đã tìm cách nuôi trai và "cây" ngọc trai. Ta đã biết rằng bất cứ loài trai, ốc nào có sà-cừ đây là có thể sản xuất được ngọc trai. Mới đầu người ta thí nghiệm với loài ốc bào ngư (*Haliotis*). Họ khoan một lỗ nhỏ ở vỏ con bào ngư vừa tới đến màng da mỏng bao phủ lên lớp sà-cừ, rồi nhét vào đó một hạt sạn, đoạn gắn kín lỗ khoan, đem thả con bào ngư xuống biển mà nuôi. Ít năm sau vớt con bào ngư lên, tách vỏ ra người ta thấy có ngọc trai ở chỗ lỗ khoan, nhưng chỉ là một hạt ngọc bán thân thôi vì hạt sạn chỉ được phủ những lớp sà-cừ có một mặt, mặt áp vào màng da, còn mặt kia áp vào vỏ thì không. Phương pháp tuy có kết quả nhưng chưa được hoàn toàn.

Vào khoảng 1920, sau nhiều năm thất bại nhưng vẫn tìm tòi thí nghiệm, ông Mikimoto, một nhà kỹ thuật tài ba của nước Phù-Tang đã phát minh ra phương pháp "cây" ngọc trai một cách khoa học. Phương pháp được giữ bí mật mãi đến gần đây người ta mới rõ cách thức như sau: ông Mikimoto chọn giống trai sà-cừ ở biển Nhật Bản. Ông thuê tiện những viên sà-cừ rất nhỏ và tròn, rồi cắt màng da mỏng phủ lên lớp sà-cừ của một con trai ra thành miếng nhỏ. Ông gói vào mỗi miếng da đó một viên sà-cừ rồi đem ghép vào bắp thịt của một con trai khác còn sống mà người ta banh miếng ra bằng một miếng gỗ cứng, viên sà-cừ được miếng da bao bọc kín mọi bề, tế bào của miếng da một khi gần liền với bắp thịt của trai sẽ tiết ra những lớp sà-cừ mỏng chồng chất lên nhau xung quanh viên sà-cừ. Sau một thời gian, viên sà-cừ sẽ biến thành một viên trai tròn, đều và đẹp.

Muốn "cây" ngọc trai, trước hết phải có trai. Về mùa nực, khi trai đẻ người ta thả xuống biển những bó cành cây để trai con, sau nở bơi lội ít lâu bám vào. Một tháng sau, người ta vớt những bó cành cây lên và cây lấy những con trai non đem bỏ vào xô làm bằng lưới kẽm nhỏ mắt, cột vào bè cây và chìm xuống biển mà nuôi. Mỗi năm trai mới lớn, người ta phải san sang những xô khác, mắt to hơn, cho đỡ chật rồi đến năm thứ 3 trai đã khá to, có thể thả xuống đáy biển mà nuôi cho mau lớn. Lúc này phải canh chừng cẩn thận đừng để các loài bạch tuộc, cá đuối, sao biển, cá ghim v.v. đến phá phách vì những loài này thích ăn trái lằm. Năm thứ tư, trai đã đến tuổi trưởng thành, người ta vớt lên để "cây" ngọc như trước đây bày ở trên. Cây xong trai lại được bỏ vào xô, cột vào bè cây, thả xuống biển mà nuôi và chăm sóc cho đến khi trai được 10 tuổi thì vớt lên lấy ngọc.

Mười năm công phu để làm tăng vẻ đẹp của chị em phụ nữ, kẻ đàn ông cũng đã chịu khổ lắm thay!

"Cây" ngọc trai có nhiều điều lợi một là con nào lấy lên cũng chắc chắn có ngọc, không như trai thiên nhiên mò được có con có, có con không, hai là hạt trai "cây" phần nhiều đến tuổi dùng được, đẹp cũng như hạt trai thiên nhiên và lại có phần đẹp hơn nữa là khác, vì đều đặn, tròn trĩnh theo với hình dáng của cái nhân sà-cừ ở trong.

Mấy chục năm nay, ông Mikimoto nuôi trai và "cây" ngọc ở Vịnh A-go (Ago) bên Nhật và đã trở nên một nhà tỉ phú. Hạt trai của ông tràn ngập thị trường thế giới! Đó là một nguồn lợi khổng lồ! Nhờ có nhiều ngọc trai xuất cảng, nước Nhật mới có thể phục hồi mau lẹ sau kỳ thảm bại chiến tranh vừa qua.

Ở Việt Nam ta nhất là vùng Nha Trang cũng có thể nuôi trai và "cây" ngọc như ở Nhật Bản được vì Vịnh Nha Trang có đủ điều kiện thích hợp khí hậu nắng ấm quanh năm, nước biển rất trong, có nhiều bãi san hô, nước sâu từ 1 đến 50m, ít sóng gió. Hơn nữa ta thường thấy lằm trong đám san hô già cổ ở đây những con trai thuộc loài có ngọc (*Mélagrina Margaritifera*). Hồi còn giúp việc ở Viện Hải Học, tôi có bắt được một con trai lớn bằng bàn tay khi bừa ra thấy ở trong một hạt trai cỡ hạt đậu xanh, nước trắng, khá đẹp: Như vậy, chúng ta tin rằng ở Vịnh Nha Trang (và nhiều nơi khác nữa) có thể nuôi trai và "cây" ngọc được. Ước mong sự nhận xét trên đây sẽ có bạn đem ra khảo nghiệm và khai thác: đó cũng là một nguồn lợi đáng kể đối với nền kinh tế nước nhà.

NGUYỄN VĂN CƠ

dáy biển. Họ có thể lặn sâu từ 10 đến 20m, lâu từ 1 đến 2 phút, từ sáng đến tối được 3 bốn chục lần, mỗi lần lấy được vài chục con trai. Họ làm việc cực nhọc cả ngày, chỉ uống cà-phê cầm hơi, mãi đến tối, xong công việc, họ mới được ăn. Có khi lặn lâu quá, họ trào cả máu mũi, máu tai hoặc một quá ngất xỉu. Người thợ lặn sống cực khổ nên thường yêu vong ấy là chưa kể có khi chôn thân trong bụng cá mập, vì chỗ nào có trai là cá mập hay lui tới để kiếm ăn.

Ngày nay, ở những nước văn minh, người ta dùng thay cho thuyền (ghe) và người thợ lặn được trang bị đầy đủ áo giáp để lặn nào thủng hơi dễ thở, nhờ vậy họ có thể xuống sâu tới 4 năm chục thước và ở lâu hàng giờ dưới đáy biển để làm việc, tuy đỡ nguy hiểm nhưng vẫn không kém vất vả.

Trai lấy lên bờ, người ta chất đóng trong một cái hồ cho chết thối ra, rồi nhặt vỏ liệng đi (1) còn chỗ nước và thịt lủa hôi hám họ đem đãi để lấy ngọc trai.

Người ta mò trai lấy ngọc ở nhiều nơi khác như quần đảo An-ti (Antilles), bờ biển xứ Pé-ru (Pérou), Mê-tây-cô (Mexique), Co-lôm-bi (Colombie), Pa-na-ma (Panama), Ca-li-phô-ni (Californie) Úc châu (Australie), Hô-uy-di (Madagascar), Ta-hi-ti (Tahiti), Nhật bản, Mã đảo (Madagascar).

Mỗi năm Tích Lan có thể thu hoạch hàng mấy chục triệu bạc về ngọc trai.

Thị trường ngọc trai: Ngọc trai được tiêu thụ ở các đô thị lớn như Đông Kinh, Hương Cảng, Cô-lôm-Bô, Nữu Ước, Luân Đôn v.v... nhưng thị trường quan trọng nhất có lẽ là Ba Lê vì ở đây người ta chuyên sản xuất các thứ nữ trang nổi tiếng hoàn cầu.

Ngọc trai chia ra làm nhiều hạng giá trị khác nhau tùy theo hình dáng, sắc nước, trọng lượng.

a) **Hình dáng:** Hạt trai hình tròn đều đặn quý giá nhất rồi đến hạt trai hình bán cầu, hạt trai hình thù bất định, vô giá trị. Bây giờ với kỹ thuật tinh vi người ta có thể tiện ngọc trai cho đều đặn được.

b) **Sắc nước:** Ngọc trai có một vẻ êm dịu như nhung, mặt sắc óng ánh thâm thắm như ngời. Cả hai tính chất đó hợp lại thành cái mà người ta gọi là "nước" của ngọc trai.

Ngọc trai có thứ "nước" trắng như ngọc trai Tích-Lan, có thứ "nước" vàng như ngọc trai Úc đại lợi, có thứ "nước" đen như ngọc trai Mê-tây-cô, có thứ hồng hồng, xanh biếc hoặc xám lơ. Ba thứ "nước" sau rất hiếm và rất quý, nhất là thứ xám lơ. Nhưng với khoa học ngày nay, người ta có thể nhuộm ngọc trai theo màu sắc mà ta ưa chuộng.

c) **Trọng lượng:** Muốn đo trọng lượng một viên ngọc, người ta dùng 2 thứ đơn vị riêng gọi là "gram" và "carat".

Một cà-ra (carat) nặng bằng 4 gờ-ram (gram) và bằng 1/5 gam (gramme).

Ngọc trai càng to, càng nặng càng quý giá. Ngày xưa, vua Philippe II nước Tây ban Nha có viên ngọc trai to bằng cái trứng chim bồ câu. Nhưng viên ngọc trai lớn nhất thế giới có lẽ là viên ngọc mệnh danh "Ngọc Trai Á Châu", cân nặng tới 605 cà ra!

Muốn trị giá một viên ngọc trai, người ta căn cứ vào 2 điểm: a) phẩm chất b) trọng lượng. Phẩm chất (hình dạng và sắc nước) có thể được phê từ 0 đến 30 điểm hoặc hơn nữa, 0 điểm cho viên ngọc vừa méo mó vừa không có "nước", 30 điểm cho viên ngọc trai vừa tròn, đều đặn và đẹp về "nước".

Trọng lượng tính theo "gờ-ram". Ví dụ một viên ngọc trai hoàn toàn về phẩm chất được 30 điểm, cân nặng 2 gam nghĩa là 10 "cà-ra" hay 40 "gờ-ram". Nó sẽ trị giá: 30 x 40 x 40 = 48.000 quan tiền Pháp (tính theo năm 1949).

(1) Vỏ trai này có sà-cừ đẹp nên người ta dùng để tiện nắt áo cà-lam để khảm (cần) rất quý.

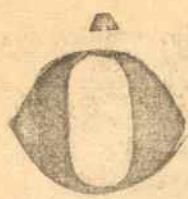
CUNG CHÚC TÂN XUÂN

NHÀ BÁNH BẢO-VINH

CHUYÊN MÓN LẠM

BÁNH DẪO, MỨT SEN, KẸO LẠC

31 THỦ KHOA HUÂN cửa Bắc Chợ SAIGON



N.G. Chủ nhiệm Báo Tự Do cũng là nhà giáo nhưng không tin có người chỉ biết dạy học mà không quen viết văn viết báo; ông nhất định bắt góp phần vào số "Xuân" của Tự Do. Có lẽ tiện hơn cả

là nộp ông một bài thật về một câu chuyện giữa thầy và trò trong một giờ Luân lý chức nghiệp, đề tùy ông xử dụng.

Tướng thuật rằng :

Giờ L.L. C.N. ngày... tháng... năm... Giáo sinh A đứng lên bày tỏ nỗi thắc mắc :

— Thưa Thầy và các bạn, được vào theo học Trường Q.G.S.P. cũng như tất cả anh em, tôi định mình đã tìm được một con đường sống thích hợp với nguyện vọng chỉ mong sau này được đem hết tâm trí phụng sự lý tưởng quốc gia dân tộc. Bởi vậy gặp nỗi thắc mắc tôi không ngại đem trình bày.

Nguyên trong xóm tôi có một gia đình mực sống trung bình, nhưng đặc biệt là rất quan tâm đến việc học hành của con em. Ông gia trưởng, vì biết tôi là giáo sinh, đôi khi có sang chơi đàm luận về giáo dục của thanh thiếu niên.

Thường ông tỏ vẻ tán thưởng những cố gắng của thầy trò chúng ta, và cả giáo giới nói chung. Ông có mấy con đang học trường công lập... Thế nhưng một hôm gần đây, gặp nhau ngoài đường, ông ta hớn hờ khoe đã nhờ được "quan thầy" xin được cho một con (đang học lớp 3) vào lớp 10 tại trường của một trung tâm văn hóa ngoại quốc. Rồi như thấy cần giải thích, ông ta bảo : "Ở đây người ta chăm nom trẻ em cẩn thận lắm... Tôi bực mình hết sức nhưng cũng cố dịu giọng hỏi : "Thế thầy giáo cũ của em lười biếng hay bất lực ?" Luynes quỳnh ông ta tiếp : "nghĩa là với cái chương trình của họ, sau này lên Đại học cháu sẽ theo được một cách dễ dàng và chắc chắn hơn... Tôi phải từ bỏ ông ta cho mau.

Nhưng rồi càng suy nghĩ vào đây tôi càng tiến đến kết luận rằng : Hoặc là tìm sống với một lý tưởng là quá ngây thơ ; hoặc là cái thái độ của ông gia trưởng kia là một bệnh trạng tâm hồn tối tăm và ích kỷ. Nhưng điều đáng lo ngại là bệnh đó truyền nhiễm và nếu nó lan tràn sâu rộng thì nguy khốn, vì có ngày chính chúng ta cũng khó tránh khỏi... "

Trong khi A đang nói đã có mấy cánh tay do lên muốn ngắt lời. Thầy phải ra hiệu dẹp đi. A vừa dứt lời thầy chỉ anh B, vì B có vẻ điềm tĩnh hơn cả.

— Giáo sinh B: Trước hết xin nói là cái thái độ của ông gia trưởng không phải hy hữu mà rất thường gặp. Tôi đồng ý với bạn A rằng đó là một bệnh truyền nhiễm, nhưng không đồng ý rằng nó có thể đe dọa chúng ta đến mức nguy nan lắm. Là vì những lý do này :

1) Bệnh đó đích danh nó là "Tự ty mặc cảm" do chế độ bị trị gây nên. Nó có từ lâu rồi và do các giới có địa vị trước truyền cho dân chúng. Ngay mấy tiếng "nhờ quan thầy" còn tỏ cáo sự trạng đó.

Nhưng hoàn cảnh ngày nay đã khác xưa nhiều, tinh thần dân tộc đã có phen bùng nổ và đảo lộn tình thế. Không còn thể kìm hãm được nó nữa và chính nó đang đẩy lùi cái làn sóng truyền nhiễm của bệnh kia từ khi lý tưởng quốc gia dân tộc được công khai đề cao. Phải như thời trước ông gia trưởng chẳng luynes quỳnh cố tìm cách giải thích gì, mà ngược lại ông còn có thể hành diện nữa.

2) Ngày nay lý tưởng quốc gia dân tộc được công khai đề cao, đó là công lao của toàn dân đã hy sinh xương máu, đã đau khổ và còn đang đau khổ. Sức sống của dân tộc không chịu sự vùi dập tàn phá mà, muốn vươn lên để sinh tồn. Nếu muốn xứng đáng làm con dân, muốn phụng sự lý tưởng quốc gia, tất phải cố gắng vượt qua mọi chướng ngại lớn nhỏ coi như những thử thách cần cho sự rèn luyện tâm hồn cho thuần thực. Nỗi bực mình đối với thái độ của ông gia trưởng kia chỉ đáng coi như sự mắc mứu của những chông gai nhỏ mọn, can chi đã vội lo ngại quá đáng ?

Còn như bảo ông ta tối tăm ích kỷ là thừa, khác nào chê trách người bệnh không khoẻ mạnh ? Khi đàm luận giáo dục với anh A, tôi thiện cảm đối với giáo giới V.N và riêng đối với anh, có thể đó là một thái độ thành thực. Nhưng khi ông có dịp mưu tính được một việc mà ông thấy lợi nhiều thì lại là một chuyện khác mà !

Tuy nhiên cũng có một điều vẫn làm tôi thắc mắc mà ông ta đã nhắc đến bằng câu : "Lên Đại học cháu nó sẽ theo được dễ dàng hơn". Nghĩa là mặc nhiên ông chế cái chương trình học và cách tổ chức việc học của chánh quyền. Tôi cũng vẫn tự hỏi tại sao ngày nay chúng ta đã phục hồi được chủ quyền rồi mà nền giáo dục vẫn chưa thấy được cải tiến mạnh bạo hơn... "

CÂU TRUYỆN GIỮA THẦY TRÒ

NGUYỄN GIA TƯỜNG

Trong khi anh B nói không ai muốn ngắt lời, chỉ có những tiếng tán đồng : "đúng... ! Đến câu hỏi của anh đặt ra hình như ai cũng chờ được ý kiến của thầy. Nhưng lại thấy anh C xin nói.

— Thưa Thầy và các bạn, tôi thiết tưởng nếu cần nhắc cho kỹ cái thái độ của ông gia trưởng, có lẽ chúng ta phải công nhận nó có lý của nó. Cái lý đó là lý thực tế ; ông ta không phải là không hiểu cái hay, cái quý, nhưng thực tế nó rành rành ra đây. Ai mà chẳng thấy với nền Đại học V.N. như hiện tại thì quả thực là muốn cho con theo về khoa học mà cho trẻ theo chương trình ngoại quốc từ bậc dưới thì sau lên Đại học sẽ theo dễ dàng hơn. Cho nên tưởng cũng không nên quá nghiêm khắc. Còn thì tôi cũng có sự thắc mắc như anh B.

Thầy chậm rãi trả lời :

— Vấn đề phức tạp lắm, nhưng Thầy cũng cố tóm lược đại ý cho các anh dễ hiểu.

Muốn cho hợp lý, một nền giáo dục phải được thành lập từ dưới lên trên, cùng theo một khuynh hướng, với đủ ngành thiết dụng ở mỗi cấp bậc. Cái khuôn khổ hiện thời không phải là mới lập ra, mà do chế độ thống trị để lại. với khuynh hướng thống trị của nó. Để thay cái khuynh hướng thống trị bằng khuynh hướng quốc gia, những cố gắng của giáo giới chỉ mới thực hiện ước vọng được một cách khả quan ở tiểu học và trung học. Lên đến Đại học sự cải tiến dĩ nhiên là khó hơn.

Lại chính là những khó khăn ở bậc này mà đi sách nền thống trị xưa vẫn nảy nở để duy trì nền Đại học theo như xưa. Nếu được như vậy tất khuynh hướng quốc gia phải bế tắc ở đây và nhờ vậy khuynh hướng thống trị sẽ có cơ khôi phục lại những cấp bậc dưới. Và khi ảnh hưởng ngoại lai chiếm được hoàn toàn và giữ vững được vị trí từ nền tiểu học trở lên thì không còn gì là văn hóa dân tộc nữa. Đó là chiến lược về văn hóa. Cần đến việc tranh đấu của dân tộc để giữ lấy căn bản truyền thống và cố gắng cho nó phát triển được kịp thời, tất nhiên phải có sự hướng dẫn sáng suốt và sự cố gắng của toàn dân.

Trong sự cố gắng đó dĩ nhiên về thực tế đôi khi phải biết từ bỏ phần nào cái danh cái lợi trước mắt và biết nhận lấy cái khó khăn của con đường tranh đấu. Như vậy nếu hiểu cái lý thực tế là chọn lấy những gì dễ nhất và lợi nhất cho mình trong hiện tại, thì nhiều khi như thế trái ngược với tương lai của toàn dân. Đối với dân tộc, sự vụ thực tế như

thái độ ông gia trưởng quen anh A, quả thật là một lỗi thực sự. Nhưng cũng phải công nhận rằng có tình trạng giảm khinh, là vì ông không ở vào địa vị lãnh đạo hay chuyên môn.

Mặt khác, đứng về phương diện chuyên môn chúng ta lại phải đề ý điều này : ở nước nào cũng vậy, nền Đại học vì nặng tính cách kỹ thuật khoa học cho nên về phần tinh thần dân tộc không được chú trọng lắm. Trong một hệ thống giáo dục, nếu tinh thần dân tộc không được rèn luyện từ ở cấp bậc dưới thì không thể trông đợi vào Đại học để bổ túc khuyết điểm đó. Có chú tâm vào điều đó các anh mới thấy rõ cái nhiệm vụ nặng nề của các anh trong công cuộc tranh đấu về văn hóa : nhiệm vụ ngày nay là giáo sinh tức là thành phần chuyên môn ở trung học và mai đây là giáo chức tức là có một địa vị lãnh đạo (mặc dầu còn thấp) và chuyên môn ở cấp tiểu học. Các anh thấy rõ việc cải tiến giáo dục có được thúc đẩy mạnh mẽ hay không, cũng còn tùy ở sức cố gắng của các anh.

— Giáo sinh C: Trong lý luận vừa được nghe, con không thấy sơ khuyết chỗ nào. Tuy nhiên đứng về thực tế con thấy nhiệm vụ nhà giáo rất khó khăn mà trong đời sống xã hội hiện thời chỉ có sức cản trở thì lắm chứ sự khuyến khích để sống theo lý tưởng rất hiếm... "

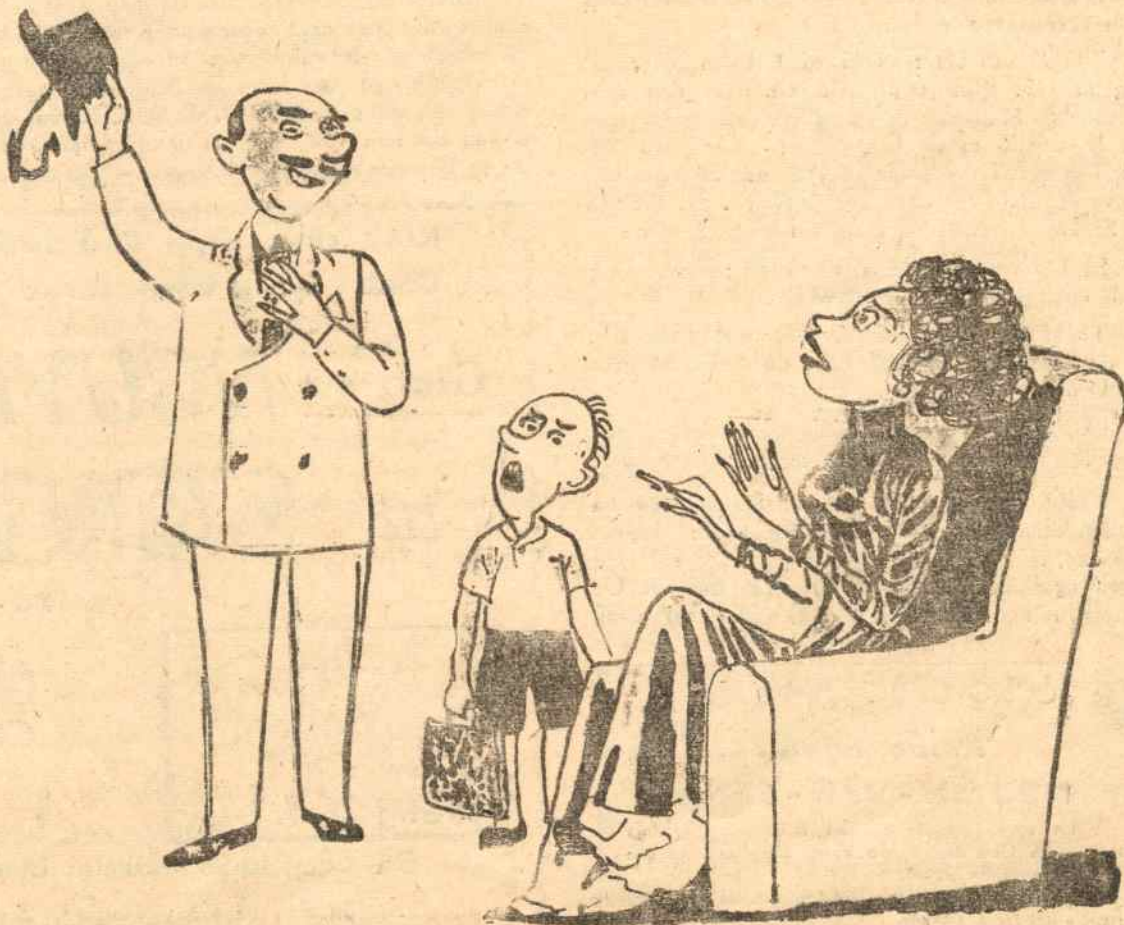
Thầy dơ tay ngắt lời và đáp :

— Nhiệm vụ mà chu đáo được bao giờ chẳng phải khó nhọc vì sức cản trở thời nào cũng rất nhiều. Còn như sự khuyến khích thì phải tự mình tìm kiếm lấy chứ đâu có sẵn như hàng hóa của các nhà buôn đem trưng bày ? Tuy nhiên để khuyến khích các anh, tôi có sẵn một thí dụ để chứng minh rằng lý tưởng "phát triển văn hóa dân tộc" chẳng phải là một truyện không tưởng. Thí dụ này là do một nhà chuyên môn có đủ thẩm quyền cho biết. Ấy là câu chuyện của BS Hana vừa lại thăm trường chúng ta. Hay đã có thầy nào kể lại cho các anh được nghe rồi chăng ?

— Chưa ạ !

— Theo lời một giáo sư được biết ông từ trước đứng thông ngôn và giới thiệu thì BS Hana là một trong số 4, 5 người điều khiển công việc Ủy (Xem tiếp trang 40)

Con hơn cha



— Bao lâu nay bây giờ mình mới biết : Cô giáo thành nhỏ trông «ngó» tệ !
— Bỏ rõ thật bép xép, có thể mà cũng phải nói ra. Con biết từ «khuya» rồi !

CHUNG - THÂN

ĐẠI - SỰ

Kịch một đoạn

(Đề tặng bà con cô bác gửi
tất cả cuộc đời và sự nghiệp
vào những tấm vé số).

(Tiếp theo trang 29)

SỈ TOÀN, như người sắp bị chìm ngấm, vớ được cái phũ phao — anh Thủ nhân! anh nói rất đúng, anh đã trông rõ thấu can phũ của tôi! anh quả là một người tâm phúc tương giao của tôi!

THỦ NHÂN: Nhưng, anh chị ạ, nghĩ đi, còn phải nghĩ lại, anh em chúng mình ở vào cái cảnh thanh bạch, ta chẳng được dư dả, sung túc, ta phải tùy tiền, biến lễ. Tất cả những cái "phồn văn", "nhục tiết", đều toàn là những sự phiền phức, mà người đời tự đặt ra, để tự mình, trói buộc mình! Tôi thiết tưởng, việc quan trọng nhất, trong hôn lễ, là theo cái thủ tục hợp pháp, hai người — đương sự, đưa nhau đi, ký vào quyền "hôn nhân chú sách"; tất cả sự nghiêm trang, trọng thể, là ở đó, mà thôi; còn, ngoài ra, là phù phiếm hết! Anh chị nghĩ, có đúng thế không?

BÍCH LIÊN: Thưa, riêng phần tôi, tôi xin đồng ý với Lý tiên sinh, nhưng đối với anh Sỉ toàn, tôi không được rõ, xin tiên sinh thử hỏi anh Sỉ toàn, xem?

THỦ NHÂN: À, anh Sỉ toàn à, thế anh với Trương tiểu thư đã ấn định ngày cử hành hôn lễ chưa?

SỈ TOÀN, có vẻ hồi quá: Ấy, thưa anh, cũng chỉ vì cái hôn lễ, mà chúng tôi vừa dẫu khâu với nhau đấy!

THỦ NHÂN: Dẫu khâu?... Thảo nào, lúc tôi đến, bấm chuông gõ hồi, mà chẳng thấy ai ra mở cửa. Thế rồi, khi tôi bước chân vào, tôi chợt thấy rõ Trương tiểu thư đương sắp sửa, để rút lui có trật tự... À, thì ra, hai anh chị, đã dẫu-khâu với nhau, ha... ha...

BÍCH LIÊN: Ấy, thưa Lý tiên-sinh, sớ dĩ, chúng tôi đã tranh-luận với nhau, là vì cái vấn đề hôn-lễ. Anh Sỉ-Toàn thì nhất-định muốn phô-trương, để thực-hiện kế-hoạch của anh, anh bắt đầu, bắt cả nhà phải tỉnh-giảm ngay cả những sự chi-tiêu cần-thiết, và anh bày ra cái kế-hoạch để dành tiền, trong bốn năm, tôi không đồng ý với anh, nên đã tính bề rút lui có trật tự, như anh vừa nói.

THỦ NHÂN: Như vậy cái việc tôi đến đây hôm nay, quả tình, rất có ý nghĩa, vậy.

BÍCH LIÊN: Xin Lý tiên sinh thử lấy bình tĩnh mà xét xem ai phải, ai trái?

THỦ NHÂN: Trời ơi! Hôm nay, tôi cũng là cái thân tội, suốt từ nay đến giờ, tôi đã bị bắt buộc phải giảng cả một mối tiết lý đại cả sa về hôn nhân!... Cứ theo cái luận điệu của Trương tiểu thư, thì anh Sỉ Toàn nhà ta thua đứt đuôi con nòng nọc đi rồi!... À, thế nào anh Sỉ Toàn, anh đã hết giận, làm lành, rồi chứ?

SỈ TOÀN, đã nghĩ lại và tự thú: Đúng, đúng tôi đã nhận ra, tôi hết sức là vô lý!

THỦ NHÂN: Trương tiểu thư! Hôn tiểu thư đã hạ hạ nhé, anh Sỉ Toàn đã "dầu hàng vô điều kiện" rồi mà!

BÍCH LIÊN: Vừa ngưng thẹn, vừa có nét mừng hiện trên mặt và chỉ lặng thinh, không đáp.

THỦ NHÂN: Hi... hi... hi... Thiên hạ sự, thiết không biết đâu mà lường trước được! Hôm nay, tôi lại đây là có chủ ý mời hai anh chị làm chứng nhân cho cuộc hôn phối của tôi với Úc Phương, ai ngờ đâu, bỗng nhiên, tôi lại phải mang

lấy cái sứ mệnh làm người giảng hòa cho anh chị, kẻ ra cũng thú thật!

SỈ TOÀN: Anh ạ, nếu Bích Liên đồng ý, thì tôi định, đến cuối tháng này, sẽ cử hành hôn lễ, đấy.

THỦ NHÂN: vui vẻ, mừng rỡ: Ô, nếu vậy, thì sao chúng ta lại không cùng nhau, ta tổ chức một hôn lễ tập đoàn, có phải vui vẻ biết bao không? Hi...hi...hi... Trương tiểu thư nghĩ thế nào, xin tiểu thư cho chúng tôi biết ý kiến?

BÍCH LIÊN, đỏ mặt ấp úng đáp: Em... em "chả" biết...

THỦ NHÂN: Thế nghĩa là chị đồng ý rồi, chứ gì?

BÍCH LIÊN: Việc đó, đã có anh Sỉ toàn em định liệu, riêng em, em chẳng có thành kiến gì cả ạ.

Cụ Bà ở nhà trong ra.

CỤ BÀ, nói với Sỉ Toàn: Con được rồi đấy con ạ, thế mà, mãi chẳng thấy, Ba con về? (cụ chợt nhìn thấy Lý thủ nhân, cụ niềm nở hỏi:) Ở kia, Lý tiên sinh, tiên sinh lại chơi với em từ bao giờ, lão không được biết?

THỦ NHÂN, vội đứng lên: Thưa Bà mẫu, con lại, cũng đã khá lâu, đấy ạ.

SỈ TOÀN, hăm hở nói với mẹ: Thưa Má, anh Thủ nhân vừa cho chúng con biết: cuối tháng này, anh sẽ cử hành hôn lễ với chị Úc Phương, đấy ạ.

CỤ BÀ: Ô, nếu vậy, lão xin cung hi Lý tiên Sinh!

THỦ NHÂN: Con xin đa tạ Bà mẫu.

CỤ BÀ: Thế này là chỗ thân tình, lão xin mời Lý tiên Sinh, ở lại đây, soi cơm với chúng tôi, gọi là thế, để dự chúc tiên sinh, về sự hôn nhân của tiên sinh.

THỦ NHÂN: Bà mẫu đã dậy, con xin lĩnh ý, và nhân tiện, con xin trình Bà mẫu, anh Sỉ Toàn và Trương tiểu thư cũng có dự định để trình Bà Phụ và Bà mẫu: anh chị cũng sẽ làm lễ thành hôn đấy ạ.

CỤ BÀ: Có thể chứ lại! (cụ nói với Lý thủ nhân) Lý tiên sinh à, mới vừa căn nẩy đây, anh nó nói gì với lão: định những ba bốn năm gì nữa mới chịu cử hành hôn lễ. Không biết vì sao, anh nó đã dỗi ý, một cách mau chóng, như vậy, kìa!

BÍCH LIÊN: Da, thưa Bà mẫu, không những anh con dỗi ý về ngày cưới, mà anh con lại còn bỏ cả cái ý-dịnh phô-trương đi nữa. Hôn-lễ của chúng con sẽ cử hành một cách đơn-giản. Như vậy, chúng con chẳng còn cần phải để dành, để dùm lối bốn năm! (Nàng vừa nói, vừa cầm hai tờ giấy bạc, đặt vào tay cụ Bà, vừa vui vẻ nói:) Và, thưa Bà-mẫu, đây

là cái số hai trăm đồng của anh con, con xin đưa hầu Bà-mẫu, để Bà-mẫu may thêm áo mới ạ.

CỤ BÀ: Thiết tình, lão cứ y như người đương sống ở trong một giấc mơ vui tươi! (cụ mừng-rỡ quay hỏi Sỉ-Toàn) có đúng thế không, hả con?

SỈ TOÀN, không biết làm thế nào hơn: Dạ thưa Má, đúng thế, đấy ạ.

CỤ BÀ: Bích Liên à, bên nhà họ Vương bên này, mà nay mai, có được một nàng dâu như con thì Má phải tạ ân Trời, Phật!

Bích Liên đỏ bừng hai má, cúi đầu. Trong khi đó, Tiểu Bình ở nhà trong, bụng khay bát, đĩa, thìa, đĩa ra, để dọn bàn ăn.

TIỂU BÌNH: Thưa Má, cơm canh đã được cả rồi, con dọn bàn ạ.

CỤ BÀ: Hãy thử thả một tý, con ạ, Ba con đã về đâu? Nhưng con cứ sắp sửa bát, đĩa đi, còn thức ăn, để đấy, Má vào, Má xem. À mà, Tiểu Bình ạ, có Lý tiên sinh cũng sẽ dùng tiện phạn đấy, để mẹ làm thêm món ăn, mới được.

THỦ NHÂN, quay về phía Tiểu bình: Cô Tiểu bình này, tôi xin nói để cô rõ, nay mai, Trương tiểu thư sẽ là đại tâu của cô, đấy nhá!

TIỂU BÌNH, mừng rỡ: Ô, thế thì vui quá! (cô vội chạy lại bên Bích Liên, láu láu nói): chị Bích Liên! thật đúng thế đấy, hả chị?

BÍCH LIÊN, tuy đã thẹn chín cả người đi, nhưng cũng cố gượng chần tỉnh: À, Tiểu Bình ạ, anh Sỉ Toàn đã ưng ý cho cô: mai cùng với đoàn hí hành của nhà trường đi Thuyền Loan đấy.

TIỂU BÌNH: Em biết rồi, nhất định, chị Bích Liên đã can thiệp cho em, nên anh em mới ưng thuận, cho em dự cuộc hí hành đó! Chị Bích Liên ạ, rồi đây chị về đây với em, chị sẽ bênh vực em, chứ anh Sỉ Toàn anh ấy "bất nạt" em ghê lắm đấy, chị ạ.

Cả nhà phá lên cười vì lời nói ngây thơ, đáng yêu của Tiểu bình.

Bỗng, có tiếng chuông gọi ở cửa.

CỤ BÀ: Tiểu bình! Ấy đấy, Ba con đã về đấy! Con ra mở cửa đi!

TIỂU BÌNH, vội vàng ra mở cửa và reo lên: Ba đã về! Ba ơi! anh con xin phép Ba, Má, cuối tháng này kết hôn đấy, Ba ạ...

Màn hạ mau, trong khi bản nhạc khởi tấu bản "kết hôn tiến hành khúc".

HẾT

Dịch xong tại Hoàng-mai-hiền ngày 18 tháng Mười một năm 1959 (Kỷ-hợi).

VI HUYỀN ĐẮC

CUNG CHÚC TÂN-XUÂN

NHÀ KIẾNG THUỐC

QUẾ - THANH
FOTO OPTIC

14A Trương-công-Định — SAIGON

CHUYÊN:

- * Ráp kính theo toa Bác-sĩ
- * Sản-xuất các loại tròng và gọng kính đeo mắt.

Kính chúc Thân Chủ Toàn quốc và Hải ngoại sang năm
Canh Tý (1960) được thêm Hạnh phúc và Lộc Tài

Giáo sư **NGUYỄN-VĂN-SANH**
tự **SANTASINGH**

41 VÔ-TÁNH SAIGON



Chuyên về Tướng Số Á - Đông

COI CHỈ TAY — BÓI BÀI
và CHỮ KÝ

Đã từng khảo cứu tại Lào và Siam về ẩn quyết Nhà Phật

At lặn đạn về Công Danh? Sự Nghiệp?
At trắc trở về Tình Duyên? Đau khổ về Gia Đạo?
At muốn tránh về Tai Nạn, Dối Do. Muốn biết rõ về Vận Mạng, Tài mạng? Xin
mời lại 41 Vô Tánh hay là viết thư lại sẽ được phúc đáp rành mạch và mau chóng.

CUNG CHÚC TÂN XUÂN

Thuốc Suyễn
NGUYỄN - VĂN - SANH

Là một môn thuốc đã làm chấn động dư luận toàn quốc. Cam đoan chắc chắn uống lành tận gốc và tuyệt nọc bệnh suyễn.
Yêu cầu người bệnh hãy đến xem tài liệu đang treo la liệt tại nhà thuốc.

Đông Y-Viện

NGUYỄN-VĂN-SANH

807, Đại lộ Trần-hưng-Đạo, Chợ Quáo.

TẾT CHẲNG RIÊNG AI TẾT MỌI NHÀ

Phóng sự viết thành thoại kịch
của **VÂN HUYỀN**

(Tiếp theo trang 21)

ÔNG MAI.— Kề ra thì còn việc, nhưng ba không tham việc.

TÔI.— Chắc Bác làm sở tư.

ÔNG MAI.— Tôi làm cho hãng xuất nhập cảng. Họ tham việc lắm, nhưng tiền nong thì...

TUYẾT.— Dạ thưa Bác, tiền nong thì nhất định là họ chặt chẽ lắm.

ÔNG MAI.— Họ buộc tôi phải làm hết sáng 30 mới cho nghỉ, nhưng tôi nhất định nghỉ chiều ngày 29.

TÔI.— Các sở tư đều nghỉ chiều 29.

ÔNG MAI.— Dĩ nhiên, các công sở cũng vậy.

HOAN.— Tại Ba không chịu tranh đấu.

ÔNG MAI.— Tranh đấu, sao lại không. Nhưng không được quyết liệt.

TUYẾT.— Chế độ bảo vệ công nhân ở nước ta tuy chặt chẽ nhưng không được phổ biến và áp dụng triệt để.

TÔI.— Cũng tùy nơi, nhưng cần nhất là phải có sự hiểu biết của giới chủ nhân.

HOAN.— Chủ nhân là cái quái gì, nếu không phải là những hạng người bóc lột.

TÔI.— Anh nghĩ hơi quá, tôi tưởng cũng do nơi công nhân một phần. Đấu tranh cần phải đúng mực.

ÔNG MAI.— Cậu nói đúng lắm.

HOAN.— Thế nào là đúng mực?

TUYẾT.— Có nghĩa là phải căn cứ vào số chỉ thu của cơ sở.

ÔNG MAI.— Cô thật thà quá, làm sao mà có thể rõ số chỉ thu của một cơ sở, nhất là cơ sở tư.

TUYẾT.— (Cúi đầu không đáp).

ÔNG MAI.— Như sở tôi, nếu nghỉ 15 ngày thì không có tiền thưởng Tết, chỉ được lãnh tiền ít ngày nghỉ lao động. Tranh đấu quyết liệt thì cũng được đấy, nhưng cả nhân lại dễ bị sa thải, tập đoàn thì không có ai dám đứng ra mặt, cho nên việc đã thành định lệ.

(Chợt có tiếng gà kêu phía sau nhà, có tiếng chân người chạy đuổi).

TIẾNG VỌNG BÀ MAI.— Tao đã bảo chặt cánh và buộc chân nó lại kia mà. Nó mà nhảy đi mất thì mày cứ là chết.

TIẾNG VỌNG CỦA CÚC.— Con đã buộc giây gai mà nó còn giằng dứt được.

(Lại có tiếng gà kêu rộn rập và tiếng Cúc cười khanh khách)

ÔNG MAI.— Thôi tôi xin kiêu, các cháu cứ ngồi chơi.

TÔI VÀ TUYẾT.— Dạ chào Bác

HOAN.— Thật phức tạp. Tại sao cứ phải quanh quẩn với ý nghĩ Tết nhỉ?

TÔI.— Nếu không có những phức tạp thì những cái thú sống của con người không còn nữa. Con người sẽ không có đối tượng để giành giật, để đấu tranh.

TUYẾT.— Tết bao giờ cũng là một trong những cái đích mà người người chạy tới, tìm ở nó một cái gì, buồn hay vui...

HOAN.— Tôi đã bảo Tết cũng chỉ là một sự đổi mùa...

TÔI.— (Mỉm cười) Anh bảo thủ đấy.

TUYẾT.— Anh chỉ sống cho riêng anh mà quên cả người khác. Nghệ thuật đã làm anh sai lạc cả nhận định...

TÔI.— ... Và vô nghĩa nữa chứ, bệnh hoạn nữa chứ.

TUYẾT.— Tôi tưởng Hoan nên thành thật với Hoan hơn. Vì chính Hoan không phủ nhận quan niệm của Hoan, nhưng lại không có can đảm để nói ra một cách thành thật.

HOAN.— (Vò đầu) Chính tôi không hiểu nổi tôi nữa:

TÔI.— Không đúng. Hiểu, nhưng anh vẫn giả dối.

TUYẾT.— Vì giả dối nên lúc nào cũng mất tin tưởng.

HOAN.— (Úp đầu vào hai bàn tay) Có nghĩa là tôi lập dị?

TUYẾT.— Không. Nhưng anh tỏ ra bất mãn, muốn vượt khỏi cái khuôn khổ của cuộc sống. Hình như anh thấy mọi người đều tầm thường cả, chỉ có anh là tuyệt đối và cao thượng.

HOAN.— Tôi không có tư tưởng ấy.

TÔI.— Tự anh, anh không nhận thấy, như tôi đã nói ngoại cảnh giúp mình hiểu mình hơn.

TUYẾT.— Anh không tiếp nhận ngoại cảnh bao giờ thì phải?

HOAN.— Có chứ.

TÔI.— Nhưng chỉ là tưởng tượng.

HOAN.— Anh bảo tôi phải thành thực chứ gì.

TUYẾT.— Thì từ nay vẫn không ngoài mục đích ấy.

(Phía trong tiếng lao xao lại bắt đầu).

TIẾNG VỌNG BÀ MAI.— Nó nhất định không chịu cho thêm à?

TIẾNG VỌNG ÔNG MAI.— Không cho thêm lại còn bắt làm thêm.

TIẾNG VỌNG BÀ MAI.— Thế mà ông chịu.

TIẾNG VỌNG ÔNG MAI.— Không chịu thì nó đuổi cô ra. Bà tưởng dễ lắm à. Mình ra thì có hàng trăm đứa dút đầu vào.

TIẾNG VỌNG BÀ MAI.— (Thở dài náo nức) Bóc lột.

HOAN.— (Đứng vùng dậy) Khô quá lắm,

TÔI.— Sự thật như vậy.

TUYẾT.— Không rộng rãi như cái quyền sáng tác của anh.

HOAN.— Vô lý. Tôi không tin.

TÔI.— Rồi anh sẽ phải tin.

HOAN.— Nếu đúng thì phải cần đến thời gian.

TUYẾT.— Thời gian vẫn là liều thuốc đắng nhưng kiến hiệu.

TÔI.— Bây giờ thì anh đã thành thực đôi chút rồi đấy.

HOAN.— Lúc nào tôi cũng thành thực.

TUYẾT.— Nhưng không dám nói ra hoặc xác nhận.

HOAN.— (Lắc đầu nhưng không phải là hành động của sự công nhận).

(Lại có tiếng gõ cửa nhưng rụt rè)

HOAN.— Lại ai nữa?

TUYẾT.— Thì cứ ra mở cửa đi đã, sự thật sẽ hiện ra sau cánh cửa.

(Trong lúc Hoan uể oải ra mở cửa, Tuyết nói nhỏ với tôi)

TUYẾT.— Tâm hồn anh ấy chỉ quanh quẩn trong màu sắc.

CUNG CHÚC TÂN XUÂN

Nhà thuốc **TRƯỜNG-SƠN**

380/18 đường Công-Lý - Saigon

TỔNG PHÁT HÀNH THUỐC:

TRƯỜNG SINH TỐ: Bổ máu, phục sức, điều kinh.

THIÊN KIM HÀ THỦ Ô: Bổ máu, lọc máu đen tóc mảy da, trị nhức mỏi tê bại.

NHI ĐỒNG SINH LỰC: Bổ và trị bệnh trẻ em.

THUỐC CẨM, BAN TRƯỜNG-SƠN: Trị các chứng cảm, sốt, ban.

TÔI.— Không dám thoát xác khỏi cái lốt của nghệ sĩ nên Hoan thành ra gần dờ và bất mãn.

(Cửa mở, tiếng Hoan nói vọng ra nhỏ quá không nghe thấy gì hết. Cửa khép lại, Hoan đi ra phía sau nhà rồi trở lại ngay và ngồi mạnh xuống ghế. Không khí im lặng một lúc. Có tiếng chân lép kẹp vội vã đi dọc theo ngõ ra ngoài cửa).

TIẾNG VỌNG CỦA CÚC.— (Hấp tấp) Má lên làm gì?

TIẾNG VỌNG CỦA BÀ TÂM.— Thật hư đồn, con nhà mắt giống. Mày định không về hay sao? Tao sốt ruột phải lên đón mày về. Cả năm có ba ngày Tết.

TIẾNG VỌNG CỦA CÚC.— Má mang cái gì mà khệ nệ thế?

TIẾNG VỌNG BÀ TÂM.— À, có ít trái cây tao hái đem bán để bù vào tiền xe.

TIẾNG VỌNG CỦA CÚC.— Thế sao má chưa bán đi?

TIẾNG VỌNG BÀ TÂM.— Có bán rồi, nhưng họ trả rẻ quá, rẻ hơn cả ở dưới xứ, họ lại hăm hỉnh nữa, tao tức tao không bán.

TIẾNG VỌNG CỦA CÚC.— Con tính không về đây. Tết với nhất làm gì hở má!

TIẾNG VỌNG BÀ TÂM.— Thì ở nhà có làm gì đâu mà tốn. Quanh năm có ba ngày Tết để gặp nhau mà mày tính trốn nữa hay sao!

TIẾNG VỌNG CỦA CÚC.— Con không muốn má đi lại cho tốn kém, lại mệt nữa.

TIẾNG VỌNG BÀ TÂM.— Tao chả tiếc công, tiếc của (tiếng nói ngắt quãng một lúc rồi tiếp tục như nghẹn ngào) Mày xem đây, mang ít trái cây ra chợ gì đây này...? Vừa đặt xuống thì có ông đội "nón kết" dấn giấy bắt tao trả 2\$ và bảo là tiền thuê chỗ. Trả tiền xong vừa mới bày trái thì con mẹ ngồi bên la hét om xòm. Ý chừng nó sợ tao tranh khách của nó.

TIẾNG VỌNG CỦA CÚC.— Thì tại má cứ hay lôi thôi...

TIẾNG VỌNG BÀ TÂM.— Tại gì tao, nó bán thì mình cũng bán, việc gì đến nó.

TIẾNG VỌNG CỦA CÚC.— Má thật thà quá, rồi tại sao má lại mang về?

TIẾNG VỌNG BÀ TÂM.— Thì tao ngồi một lát, bao nhiêu khách đi qua đều đến xem trái của tao. Ai nấy đều khen trái mập, đẹp nhưng lại chê đắt, trả rẻ, tao không bán. Mấy con mẹ ngồi bên không có khách cứ lườm mới nguýt, giá thời tao đứng giấy không thêm bán nữa. Không bán thì mang về ăn chứ có đồ đi đâu mà tao sợ...

TIẾNG VỌNG CỦA CÚC.— Thôi con xin má.

TIẾNG VỌNG BÀ TÂM.— Liệu xin phép bà chủ đi, tao đợi đây.

TIẾNG VỌNG CỦA CÚC.— Con đã chốt nói...

TIẾNG VỌNG BÀ TÂM.— (gắt) Mày muốn tao...

TIẾNG VỌNG CỦA CÚC.— Thôi má để con vào xin phép vậy.

(Tiếng chân người đi vội trở vào).

TUYẾT.— Tết chẳng riêng ai, Tết mọi nhà.

HOAN.— Hình như tất cả đều bận rộn về cái Tết.

TÔI.— Dĩ nhiên, không thể đứng lại trong khi mọi người đều phải chạy. Còn chạy chậm hay chạy nhanh lại là chuyện khác.

HOAN.— Anh muốn nói mọi người đều là đàn cừ của Panurge.

TÔI.— Anh đã thấy người nào, chỉ một người thôi, đã chết về Tết như một con cừ của Panurge chưa?

(Tiếng lao xao lại nổi lên ở phía sau)

TIẾNG VỌNG BÀ MAI.— Tại sao mày lại định về ngang như vậy?

TIẾNG VỌNG CỦA CÚC.— Con không định nhưng má con lên đón.

TIẾNG VỌNG BÀ MAI.— Để tao ra bảo má mày. Đi làm ăn có ba ngày Tết bận rộn thì lại xin về là nghĩa làm sao?

TIẾNG VỌNG CỦA CÚC.— Con xin bà đừng nói với má con, má con buồn.

TIẾNG VỌNG BÀ MAI. — Ừ thì thôi nhưng mầy liệu ra bảo với bà cụ nghe chưa.

(Tiếng vọng im và tiếng chân người trở ra)

HOAN. — (Đứng bật dậy) Không thể đối xử như thế được ?

TUYẾT. — Anh Hoan, anh nói gì tôi không hiểu ?

(Hoan bỏ vào trong nhà giữa sự ngỡ ngàng của hai người).

TIẾNG VỌNG CỦA HOAN. — Tại sao má lại bắt chị Cúc ở lại đây ?

TIẾNG VỌNG BÀ MAI. — Muốn người làm quanh năm chỉ cần có ba ngày Tết.

TIẾNG VỌNG CỦA HOAN. — Thì người ta đi làm quanh năm cũng chỉ có ba ngày Tết để nghỉ ngơi.

TIẾNG VỌNG ÔNG MAI. — Cái gì mà má, con làm rầm rầm lên thế ?

(Hoan từ dưới nhà bước lên)

TIẾNG VỌNG BÀ MAI. — Nó gần tôi, nó không cho tôi giữ con Cúc ở lại.

TIẾNG VỌNG ÔNG MAI. — Thăng Hoan nó có lý, tại sao bà lại muốn giữ con Cúc lại trong khi bà không muốn tôi làm hết ngày 30 mới được nghỉ.

TIẾNG VỌNG BÀ MAI. — Chuyện ông khác, nó khác.

TIẾNG VỌNG ÔNG MAI. — Khác là khác ở chỗ nào ?

(Tiếng chân Cúc từ ngoài trở vào)

TIẾNG VỌNG ÔNG MAI. — Thôi được, tao cho phép mầy về xử nhưng nhớ lên sớm một chút nhé.

TIẾNG VỌNG CỦA CÚC. — (Mừng rỡ) Dạ, dạ con sẽ lên sớm.

TIẾNG VỌNG ÔNG MAI. — Con Loan, thằng Trọng con Bích đi đâu mà giờ này chưa về nhỉ !

TIẾNG VỌNG BÀ MAI. — Chúng nó dắt nhau đi mua quần áo.

(Tiếng vọng lại im)

HOAN. — (Tò ra thư thái) Thật phức tạp,

TÔI. — Nhưng nếu giải quyết được những phức tạp đó thì sẽ thoải mái.

HOAN. — Có lẽ không bao giờ tôi thoải mái.

TUYẾT. — Đúng, nếu anh còn cố khoắc cái vỏ nghệ sĩ trời buộc, không phân biệt thực, hư, hoặc lẫn lộn thực với hư.

HOAN. — Thế nào là hư, thế nào là thực.

Lớp III

(Cánh cửa đột nhiên bật tung. Loan, Trọng, Bích ào vào, Trọng, Bích nói ồn ào).

HOAN. — Chúng mầy làm gì mà ồn lên thế !

TRỌNG. — Em có quần áo mới...

BÍCH. — ... cả giày mới nữa.

HOAN. — (gật) Im đi.

LOAN. — Tại sao anh lại mắng chúng nó.

TUYẾT. — Cần phải để chúng bộc lộ cái mừng vui hồn nhiên.

TÔI. — Đây là cái thực.

HOAN. — Cái thực giản dị, ồn ào như vậy sao ?

TUYẾT. — Cái hư mới giản dị.

(Tiếng Cúc chào ông bà Mai vội vã. Không có tiếng đáp lại. Cúc bước ra giữa phòng cúi đầu chào mọi người rồi ra cửa và khép cửa lại rất nhẹ nhàng).

HOAN. — Chị ta được về chắc mừng lắm.

TUYẾT. — (bật cười) Anh đã đánh rơi cái áo khoắc hư ảo để trở về với bản ngã.

HOAN. — ...đề trở về với sự thực chứ gì.

TÔI. — Đúng. Bây giờ thì chúng ta có thể đi để xem quang cảnh của Tết được rồi.

(Cả ba cùng mở cửa bước ra ngoài. Đồng hồ chỉ đúng 12 giờ).

Có tiếng pháo nổ lẹt đẹt.

HẾT

NGÀY GÁC CUỐI NĂM TRONG NHÀ MỒ

(Tiếp theo trang 24)

— “ Có phải chữa ngoài dạ con không ông ”, thiếu nữ hỏi tiếp.

Thảo sững sốt :

— “ Sao cô biết ? Chắc cô là y sĩ hân ? ” chàng vội hỏi, sợ thất lễ với bạn đồng nghiệp.

“ Tôi chỉ là sinh viên y học mới ở hải ngoại về ăn tết ; Lúc qua hàng hoa, gặp bà này kêu đau rồi bất tỉnh, tôi nghĩ ngay đến bệnh phải mổ và cho xe vào nhà thương ngay, may có ông thường trực, mong cứu cấp được.

Thảo yên lòng và mừng rỡ như tìm được bảo vật :

— “ Thế cô phụ tôi mổ được không, tôi khỏi phiền ông giám đốc trong giờ này. Cần phải cướp thời gian, may ra buộc ngay vết thương được.”

Thiếu nữ hớn hờ trả lời như gặp đúng sở thích :

— “ Nếu ông cho phép thì còn gì bằng, tôi cũng đã từng phụ mổ.”

Thảo trao cho nàng áo khoác ngoài và cả hai người góp sức đặt người bệnh lên xe, đẩy lên nhà mổ. Cứ chỉ nặng nề nhàng trông về thành thạo. Thảo bắt đầu cầm mổ ; chàng yên lặng đẩy xe ; xuất dọc đường lên nhà mổ chàng trầm ngâm nghĩ ngợi quên cả người đẹp nhẹ gót theo sau. Nàng không hề thêm một lời, trọng tâm tính của Thảo, cho chàng đang kiếm cách đối phó với căn bệnh hiểm nghèo. Thật ra, Thảo lúc này không nghĩ đến kỹ thuật, mà chỉ nghĩ đến nàng, nghĩ đến duyên kỳ ngộ. Trái tim chàng đang mong tìm rung động thì gặp, ngay giữa đêm ba mươi, người mình mơ tưởng. Lần đầu tiên chàng hi vọng, lần đầu tiên lòng mong ước chàng được thỏa mãn. Người con gái kiều diễm kia tự đầu đưa đến, có phải để bù đắp tình cảm chàng đang thiếu thốn không ? Bỗng nhiên chàng cảm thấy cần tin tưởng, cần có lòng thành, cần tin số phận. Chàng tiếc bấy lâu nay, khoa học quá nên lãng quên mất vô hình của đời sống. Chàng nhớ lại câu nói của vài nhà tín ngưỡng : “ Cứ tin, cứ cầu nguyện đi, đời sống sẽ đẹp hơn nhiều.” Trước chàng phi báng, mải mải bao nhiêu thì bây giờ chàng hồ thẹn ăn năn bấy nhiêu ; chàng tiếc đã quá kiêu ngạo vì chỉ tin ở tự do ý chí.

Bây giờ, chàng hoàn toàn khuất phục, và cho hi vọng mọi người cuối năm là có lý. Rồi chàng không ngớt cảm ơn thầm từ chàng bé gầy tay đến bác gác và hai ả hồi chiều; chàng nhờ họ mà tỉnh ngộ. Chàng cảm ơn cả đồng hồ trên tường đã cố ý từ từ đem tâm trạng chàng vào giờ hi vọng, giờ giao thừa mong mỏi của muôn hồn. Chàng đi sâu vào tương lai và tưởng tới đời sống mới khi nào cũng được nghe giọng nói trong trẻo của nàng, khi nào cũng được nhìn khuôn mặt trắng mịn, cái má hồng tươi đôi môi đỏ thắm của nàng.

Chàng tưởng như khi nào cũng có cặp mắt linh động, đôi tay xinh xắn, cứ chỉ dịu dàng luôn luôn sát cạnh chàng, sẵn sàng đến chàng và phần khởi lòng chàng. Chàng sung sướng như đã tìm được hạnh phúc.

— “ Thầy mổ phòng nào.”

Nghe y tá hỏi, Thảo tỉnh giấc mơ.

— “ Cho tôi phòng mổ sát trùng, ông sửa soạn truyền máu luôn và kiểm hộ tôi xem máu bệnh nhân thuộc về nhóm nào.”

Nói xong Thảo giao bệnh nhân cho y tá và đưa thiếu nữ ra phòng rửa tay, và thay y phục. Nàng ra về quen việc, thành thuộc mọi cử chỉ, không cần Thảo phải nhắc. Nàng vẫn yên lặng, trọng bậc đàn anh nghĩ ngợi. Nhưng nàng biết đâu rằng lúc này Thảo không bận tâm về thủ thuật vì đối với chàng vợ thai ngoài dạ con đâu phải khó mổ, mà chàng vẫn đang say sưa vì tình cảm chớm nở. Chàng liếc mắt thấy nàng đưa đôi tay nón nà để thoa chà xát phòng, lòng chàng lại thêm rạo rức bao nhiêu ! Nghĩ cũng lạ ! Quả chưa bao giờ chàng gặp sức cảm dỗ mạnh như sức phát tự người nàng lúc bấy giờ. Thình thoàng chàng đưa mắt nhìn trộm như muốn hút với hình ảnh mỹ miều sắp thu gọn trong y phục giải phẫu.

Sửa soạn xong, hai người quay vào phòng mổ.

Nửa giờ sau, Thảo và Ân (tên thiếu nữ) đã làm tròn nhiệm vụ giải phẫu, băng bó và truyền máu cho bệnh nhân, Thảo cho xe người bệnh về phòng an nghỉ, và dẫn Ân thăm cảnh bãi trí nhà thương. Hai người trở nên thân mật, chuyện trò không ngớt. Học một nghề có bao nhiêu chuyện nói ! Chàng tò mò hỏi lại lịch Ân, và biết nàng đang tổng hợp năm thứ tư trường y khoa Nữ Ước. Nàng con nhà gia thế, sau khi tốt nghiệp tú tài tại Pháp, nàng được phép qua thẳng Huế Kỳ học

thuốc. Nàng không quên tiếng mẹ đẻ vì ra hải ngoại lúc đã khôn nhớn. Càng nói chuyện nhiều, chàng càng nặng trĩu cảm tình với cô gái Việt thông minh diễm lệ, ở ngoại quốc lâu năm mà không nhiễm óc khinh rẻ giá trị nước nhà. Nàng còn nỡ nức khen ngợi tổ chức giải phẫu ở thủ đô, và nhất là tài thủ thuật của Thảo.

— “ Tài anh không kém nội trú Mỹ.” Thảo nghe nói hết đối sung sướng và thầm cho lời khen ấy như chứa cảm tình đặc biệt đối với chàng. Ân có yêu chàng được chăng ? hay Ân đã yêu chàng rồi như chàng đã yêu Ân thoát mới đầu. Ân tự nhiên quá nên Thảo khó đoán tâm trạng nàng, nhưng dù sao Thảo cứ nghĩ vọng. Quả không bao nhiêu cũng đủ làm hả dạ chàng tuổi trẻ mới biết yêu. Hiện diện một thiếu nữ, tiếng nói của nàng, nụ cười như hoa, đôi mắt tình tứ, thân mình óng ả đủ biến khung cảnh trần thế thành chốn thiên đường. Cảnh Ân, Thảo như sống trong thế giới thần tiên.

Chàng không ngớt cảm ơn đêm giao thừa đã đem lại cho chàng nguồn sinh lực mới và cả tâm hồn chàng như đang bơi tằm trong suối hi vọng ngày cuối năm.

Đồng hồ nhà thương đánh mười hai giờ kém mười lăm.

— “ Chết chưa,” Ân giật mình nói “ tôi phải về để lễ giao thừa, kéo nhà trồng.”

Từ chỗ say sưa, Thảo trở nên miễn tiếc. Thời gian trôi mau quá. Chàng chỉ muốn giữ Ân mãi bên mình để uống lời nói, uống tiếng cười của nàng, để luôn luôn nhia đôi môi tươi thắm, thân uốn lượn ong, cặp mắt ý nhị. Chàng vừa muốn thổ lộ tâm tình thì nay đã đến phút chia tay. Ân nhận thấy vẻ ngại ngùng của chàng tưởng Thảo cho nàng không muốn ở lại trò chuyện cùng chàng nên nàng nói tiếp :

— “ Sang năm mới sẽ có dịp đến học mổ với anh nhiều.”

Nàng bắt tay Thảo rồi thoăn thoắt ra phía cửa. Thảo theo gót đưa chân.

Vừa đến hè đường, một chiếc xe Mỹ bóng nhoáng dừng trước hai người. Một thanh niên ăn mặc bảnh bao, chạc tuổi Thảo, bước xuống mừng rỡ cầm tay Ân, quên có mặt Thảo, dịu dàng nói :

— “ Em Ân, sao chậm thế ; thầy mẹ lo em về không kịp giao thừa, biết em vào đây nên cho anh đi đón.”

Ân cũng tỏ vẻ sung sướng lại sát gần chàng thanh niên, đôi mắt nhìn chàng lộ bao vẻ thương yêu. Nàng chợt quay lại phía Thảo như quên việc gì và nói :

— “ Xin giới thiệu với anh Thảo anh Nhân, chồng chưa cưới của tôi,” rồi nàng âu yếm nói với Nhân :

“ Anh Nhân, đây là anh Thảo, nội trú, vừa dạy em mổ xong.” Nhân gật đầu bắt tay Thảo rồi vội mở cửa xe cho Ân vào và chàng cũng vừa bước nhanh về phía tay lái vừa nói với Thảo :

— “ Xin lỗi anh, mai sẽ đến mừng tuổi anh, chúng tôi phải về ngay cho kịp lễ.”

Chưa hết lời, xe đã rộ lên, nhẩy vọt nuốt con đường nhựa và đi hút vào bóng tối.

Thảo ngẩng người nhìn theo cái đèn đỏ, cái quầng quanh xe nhạt dần dần xa rồi biến hẳn trong đêm thâu. Mọi sự liên tiếp bắt đầu rồi kết liễu nhanh chóng làm chàng vẫn chưa quan niệm rõ thực hư và chàng thử tự bấm mình xem mê hay tỉnh.

Bỗng chàng giật mình : tiếng pháo nổ dậy phất tan yên lặng đêm ba mươi như muôn vạn liên thanh bắn đuổi năm cũ ; đồng thời, tiếng chuông, tiếng mõ, tiếng thì thầm cầu nguyện vang khắp bốn bề quanh nhà thương báo cho Thảo biết rằng lần hi vọng ứ ập cả năm trong lòng người đang ăm ỉ giải thoát và lan tràn khắp không trung để chi phối mọi vật trên trần gian.

Ba Lê, một đêm cuối năm Kỷ Hợi
LÊ-VĂN-HÙNG





ĐỜI PHÓNG VIÊN

N

ĂM mới sắp tới, tôi trân trọng kể lại vài câu chuyện cũ ghi những nỗi nguy hiểm của đời ký giả phóng viên, bất cứ ở thời nào, thái bình thịnh trị, hoặc chiến tranh loạn lạc. Các câu chuyện

xảy ra cho đời phóng viên (tính đến nay đã 30 năm có lẽ) của tôi kể sau đây, chứng tỏ rằng trong khi hành nghề, sự nguy hiểm chết người lúc nào cũng có thể xảy ra cho người phóng viên vô tình.

✱

Chính sách Bảo hộ của người Pháp trong buổi đầu đặt nền chỉ trị hành chánh ở Trung kỳ và Bắc kỳ là: duy trì lối cai trị địa phương theo tập tục. Bởi vậy ở Trung kỳ các miền có Quan lang như Thanh Hóa, người Pháp vẫn để cho họ Hà (Hà triều Nguyệt, làm chúa, quan lang cai trị một vùng. Còn ở Bắc kỳ họ duy trì nhiều địa phương tùy theo nòi giống dân cư, như ở Hòa bình có người Mường thì hai họ Quan lang Đình và Quách được trọng vọng, ở Sơn La, Lai Châu, Bắc Kạn có người Thổ thì họ Đèo được trọng vọng; ở Lào Kay có người Thái, ở Lạng Sơn cũng có người Thổ, họ Vi được coi trọng, còn ở Móng Cái, Tiên Yên, nơi cư ngụ của người Nùng thì họ Woong không phải là quan lang nhưng là thổ dân có uy quyền được đề cao.

Các quan lang cha truyền con nối hùng cứ một vùng, đối với dân dưới quyền họ, họ có quyền sinh quyền sát như một ông vua nhỏ trong thời đại quân chủ chuyên chế.

Đối với người dân thiểu số địa phương thì người Pháp đề cao đám quan lang còn đối với toàn dân Việt thì họ duy trì đám vua quan. Bao nhiêu đặc ân đặc quyền, đám người này đều được hưởng cả.

Dùng những hạng người đã quen đề đầu cúi cổ dân như vậy, người Pháp để bề cai trị, vì đã có một đám tay sai trung thành và đắc lực.

Chính sách đó, qua đầu thế kỷ 20, họ bắt đầu hơi thay đổi. Vì đã dùng và huấn luyện được đám quan lại miền trung châu thành những kẻ tay sai quá trung thành, tận tụy vì danh vì lợi mà đề nện dân, nên họ tìm cách triệt dần các đám quan lang địa phương. Đám quan lang cho họ là bất trắc, có thể dễ xui dân nổi loạn ở các vùng sát biên giới Trung Hoa.

Trong thời gian đầu lập các tỉnh miền Thượng Du, như Hòa Bình, Sơn La, Lai châu, Lạng Sơn, Móng cái, họ đều dùng quan lang, phong cho chức tri huyện hay tri phủ và cho đứng đầu một tỉnh, quyền hạn như một Tuần phủ, Tổng Đốc, Án Sát.

Ở Hòa bình thì họ Quách rồi tới họ Đình (Đình công Huy) được làm tri phủ quyền chức Tuần phủ, vùng Sơn La, Lai châu thì họ Đèo (Đèo Văn Long) hùng cứ, ở Lạng Sơn thì họ Vi (Vi Văn Đình) làm chúa, rồi tới Moncay thì họ Woong (Woong A Sam) nhất thống.

Vào khoảng từ năm 1930 trở đi, sau khi đã thành lập và huấn luyện xong lớp quan lại gọi là ngạch Thượng Du Bắc Kỳ, và cũng do phong trào cách mệnh sôi nổi của Việt Nam Quốc Dân Đảng (thành lập năm 1928) đã vận động được một toán anh em quân nhân (mà người Pháp vẫn gọi là lính tập (khố đỏ) nổi lên đánh Yên Bái (1930). Trong số quân nhân ấy lại có một ít người Thổ, thành ra người Pháp mới quyết định đưa bọn quan lại Thượng Du lên cai trị các vùng của Quan lang.

Chính sách này trước hết quyền lực của các quan lang. Nhưng trước khi hạ các quan lang, người Pháp hãy để cho một họ hết sức trung thành với họ là họ Vi ở Lạng Sơn. Vì vậy Vi Văn Đình mới được đưa lên các địa vị rất cao. Họ Vi có công với Chính phủ Bảo hộ Pháp ở vùng Lạng Sơn cũng như Hoàng Cao Khải có công với quan thầy Pháp ở miền đông bằng.

An định đường lối xong, họ bắt đầu hạ đám quan lang họ Đình ở châu Lương Sơn thuộc tỉnh

3 LẦN CHẾT HỤT

● Ngã xuống suối ở Hoà Bình trong khi đi tìm họ Đình. — Bị bắn trong vụ mưu sát ở Ban Mê Thuột. — Xe hơi đâm xuống suối ở Long Khánh sau cuộc hội báo của Tổng Thống ở Bình Tuy.

Bắt của **TRỰC NGÔN**

Hòa Bình. Châu Lương Sơn ở giữa đường từ Hà Nội lên Hòa Bình, cách Hà Nội 37 cây số ngàn. Tỉnh Hòa Bình cách Hà Nội 75 cây số ngàn.

Người Pháp thi hành thủ đoạn rất có phương pháp và danh chính ngôn thuận lắm.

Hội quan lang Đình Công Huy được phong chức tri huyện quyền Tuần phủ Hòa bình, Huy ăn chơi rất mực. Cái thú tiêu khiển mà anh ta mê say hơn cả là đánh xóc đĩa. Có khi anh ta mở tiệc ở trong đình Tuần phủ rồi sau bữa tiệc, đặt ngay bàn xóc đĩa. Người Pháp ghét lắm, bèn kiếm cớ rằng Đình Công Huy kém sức khỏe, cần phải tĩnh dưỡng nên cho về tạm nghỉ, và cho thay thế bằng một viên quan ngạch Thượng du họ Dương (nguyên thư ký Tòa Sứ).

Đình Công Huy về nằm ở châu Lương Sơn là nơi quê cha đất tổ, đời đời dòng họ của y làm quan lang. Vùng này rừng núi bao la, rất hiểm trở.

Huy còn có 2 người em nữa là Đình Công Nhiếp, chức vụ là tri châu, nhưng lúc ấy người Pháp cũng cho về nghỉ giả hạn, và người em thứ ba là Đình Công Niết, một thanh niên rất khỏe mạnh, thay 2 anh làm quan lang vùng Lương sơn, trong khi 2 anh đi làm quan vắng nhà.

Huy bị về vườn, lẽ dĩ nhiên là phần uất.

Trong thời gian anh em Đình Công Huy còn đang nuốt hận, thì người Pháp gây ra một vụ làm bạc giả. Bỗng nhiên sở Mật thám Pháp bắt được mấy tờ giấy bạc giả 1 đồng. Rồi có vài người dân bị bắt tra hỏi. Việc điều tra đang dai dăm sáu tháng, rồi bỗng một hôm, viên Cò Mật thám A. loan báo cho các nhật báo một tin quan trọng là: trong vụ làm bạc giả này có một viên cựu tuần phủ ở một tỉnh Thượng du dính líu.

Tin sốt giảo và quan trọng, các báo hàng ngày như Trung Bắc Tân Văn, Đông Pháp nhật báo, Đông Phương, Thực Nghiệp dân báo v.v., đều có đăng. Vài hôm sau, sở Mật Thám lại cho đích danh viên Tuần phủ dính líu vào vụ làm giấy bạc giả này là Đình Công Huy, quan lang ở châu Lương Sơn, cựu Tuần phủ Hòa bình. Viên Cò còn nói rằng vừa đào ở một chân núi vùng Lương sơn thấy các dụng cụ để in giấy bạc giả, gồm có 2 viên đá in "li-tô" và các thứ mực chôn đã hư hỏng. Ngoài ra viên cò ấy còn úp mở nói: "các người đồng lõa đã thú nhận có làm với Đình công Huy trong công tác in giấy bạc giả này!..

Hỏi về việc bắt bớ Đình công Huy thì viên cò cho biết: Đã 2 lần viên Giám binh cai quân đội khố xanh ở tỉnh Hòa bình xuống châu Lương sơn lùng bắt Đình công Huy, vậy khám nhà mà không thấy, nên chỉ bắt được 2 người em là Đình công Nhiếp và Đình công Niết. Nhiếp đã thú nhận nhiều điều về hành động của anh, còn riêng về anh ta không dính líu nên được tha về. Còn Niết bị giữ vì có dính dáng.

Một cựu Tuần phủ cai trị 1 tỉnh mà lại liên can trong vụ làm giấy bạc giả! Dư luận trong dân chúng rất sôn sào bần tẩn. Mọi người chú ý nhiều hơn cả về việc viên giám. Binh 2 lần đem lính tới vây nhà mà không bắt được Đình Công Huy. Người ta cho rằng rừng núi châu Lương sơn bao la, mà họ Đình lại là quan lang thì Tây không đời nào bắt nổi Đình Công Huy.

Tất cả xứ Bắc kỳ chú ý đến vụ án này nên các báo theo dõi rất tỷ mỉ. Tờ Đông Pháp Nhật báo là tờ báo nhiều độc giả nhất và chuyên về thông tin tức, nên chuyên chú về việc săn tin.

Cuộc hội cùng các bị cáo đã bắt được và do tòa án Hòa Bình đảm nhiệm, viên Phó công sứ Catala (không phải là Catala Nguyễn v. N.) làm dự thẩm.

Chúng tôi được báo Đông Pháp 2 lần phải lên Hòa bình để săn tin tức mà chịu không tìm được một tí gì hay ho để loan báo cho độc giả. Hồ sơ ở phòng dự thẩm thì không có gì đặc biệt, ít lời không nhận tội của Đình Công Niết, vài lời khai của nhân viên dính líu không quan hệ về chuyện chôn giấu mấy viên đá in li-tô. Ngoài ra còn có một viên cựu Tuần phủ nữa cũng dính líu trong vụ này, nhưng cũng chỉ là vai phụ mà chúng tôi không muốn kể lại làm gì. (Vị sau này ra trước Tòa Đại hình ông Tuần phủ này được tha bổng).

Người chủ chốt trong chuyện, theo dư luận của giới mật thám Tây thì là Đình Công Huy. Nếu chưa bắt được Huy thì mọi việc không có giá trị gì cả.

Mà núi Hòa bình thì cao, rừng Lương Sơn thì sâu, người phóng viên tìm đầu cho thấy Đình công Huy để hỏi chuyện.

Lần thứ ba tôi lại "bị" phải lên Hòa bình để săn tin Đình công Huy. Vì một tờ báo Thông tin không thể bỏ qua một "tin lớn" xảy ra ngay trong xứ. Tôi ra đi với nhiệm vụ là cố gặp được Đình công Huy trong lúc y chưa bị người Pháp bắt.

Điều cần nhất là phải biết rõ rằng Đình Công Huy có ở nhà tại châu Lương Sơn không?

Việc này đã có một sự tình cờ may mắn đưa đến cho người phóng viên. Trong khi đi xe đồ từ Hà Nội lên Hòa Bình, khi xe ghé ở chợ xép, khuê rẽ vào châu Lương Sơn, tôi thấy thiếu phụ Mường khăn trắng, áo trắng dài, váy lĩnh thắm bước lên xe, theo hầu sau có 1 cô gái áo chàm. Cách ăn mặc của cô gái áo trắng váy lĩnh là lối nhà quan lang, dòng họ sang trọng của người địa phương.

Mấy người ngồi trên xe đồ biết mặt, thì thầm với nhau: "vợ Đình Công Niết! Cô ta lên thành để nuôi chồng". (Đình công Niết bị bắt giam ở Hòa bình).

Xe chạy. Tôi muốn làm quen với cô gái Mường để lâu la hỏi chuyện về Đình công Huy mà chưa biết tìm cách gì. Bỗng đi đến một quãng đường cách tỉnh lỵ Hòa bình độ 20 cây số ngàn thì xe phải ngừng lại, vì núi đồi. Tài xế nói với hành khách: ai muốn đi bộ lên tỉnh thì tùy ý, còn muốn đợi ngày khác thì theo xe quay về Hà Nội.

Tôi cũng ngần ngại vì nghĩ đến đoạn đường rừng 20 cây số có tiếng là hay có thú dữ ra thẳm, thêm nữa là lúc ấy đã 3 giờ chiều! Đi 20 cây số, nhanh ra là 4 cây 1 giờ, cũng phải mất 5 giờ đồng hồ, nếu không có sự nguy hiểm xảy tới... Mà trở về thì phí công, lại thêm nhiệm vụ chưa làm được trọn.

Trong lúc đang nghĩ ngợi lan man, thì trông ra chỗ đồng đất và đá do núi sụt xuống ở giữa đường đi, tôi thấy có gái Mường yêu kiều, thoăn thoắt đi men quanh và tiến lên đường về tỉnh lỵ Hòa bình! Nhiệm vụ nuôi chồng bị cầm tù của thiếu phụ quả là quan trọng, nên cô ta không ngại thân gái dặm trường!

Nghĩ đến nhiệm vụ của người phóng viên đối với độc giả, tôi quên hết mọi điều có thể gọi là nguy hiểm, bèn lần bước theo cô gái Mường.

Câu chuyện của khách cùng đi đường trường rất dễ bắt, nên tôi được biết cô gái Mường trước

khí xuất giá đã từng theo học trường tỉnh ở Suối rút (phía trên tỉnh lỵ Hoà bình) và nàng là con gái ông Tri Châu N. Khi câu chuyện đã thấy đậm đà và vui vui, tôi mới đột nhiên hỏi thăm tới Đình Công Huy, làm như biết rõ là Đình công Huy vẫn ở nhà và không chịu đi cho Tây bắt.

Cô gái Mường vô tình đáp : « Vâng, anh cả tôi vẫn ở nhà, chứ có đi đâu đâu ! »

Biết chắc rồi, tôi nhất quyết hôm sau sẽ vào hẳn nhà Đình công Huy ở châu Lương Sơn. Chúng tôi tới tỉnh lỵ Hoà Bình vừa đúng 8 giờ tối. Tôi vào ngủ nhờ ở nhà Bưu Điện vì có người bạn thân làm chủ sự B.Đ.

Hôm sau, khi ngủ ý với người bạn rằng : Tôi muốn đi đến nhà Đình Công Huy thì tôi bị cười chế nhạo và anh ta còn nói thêm : đường núi vào nó nhiều cộp lăm, không nói đùa đâu, anh có muốn cộp xơi thì cứ đi !

Tôi cứ đi ! Và nhờ anh ta đánh điện tín về cho nhà báo biết.

Đáp xe đồ đến quãng đường núi sứt, tôi đi bộ một khúc nữa thì gặp xe « tăng bo » (xe của hãng đợi đón chờ tiếp hành khách), đi đến chỗ rẽ vào châu Lương Sơn thì xuống.

Lần theo con đường đất khá rộng, tôi cứ tiến sâu vào. Gặp vài người dân ông Mường, hỏi thăm vào nhà quan lang Đình Công Huy thì họ chỉ tay về phía trước nói : « Đi tới con suối, gặp người thì hỏi, họ sẽ chỉ đến nơi ! »

Đường đi mỗi lúc một hẹp nhỏ, cây cối hai bên thêm rậm và nhà người dân ông Mường ở rất thưa. Tiếng chim kêu, tiếng côn trùng vang lên giữa buổi trưa hoang vắng, khiến cho lòng tôi lúc lúc cũng hơi thấy hoang mang, vì cuộc phiêu lưu ngắn ngủi của mình không biết có tới kết quả gì không !

Lần mò mãi rồi cũng tới một cái lạch nước bề ngang độ 1 thước chảy ngang đường. Tôi thấy mấy người dân bà Mường ngồi trên phiến đá giặt quần áo, bèn hỏi thăm : đã đến con suối chưa ? Họ chỉ, bảo : Đây là suối ! ông đi đâu ?

— Tôi vào nhà quan Lang.

— Ông theo đường này, và cứ trông ngọn núi lớn có cây rậm kia mà đi tới. Đây là nhà quan Lang. Đường rừng, trông gần mà đi xa. Hơn hai giờ sau tôi mới tới chân quả núi mà người dân bà giặt áo bên bờ suối chỉ.

Tìm một ngôi nhà tranh, tôi vào thì được cho biết : muốn lên núi phải đi 1 con đường nhỏ tắt mà leo ngang lên thì tới ngay cửa chính, chứ nếu đi theo đường xe ô tô thì phải đi khá xa, hàng giờ đồng hồ nữa.

Người ta chỉ cho tôi 1 con đường mòn và nhìn tôi bằng con mắt nghi ngờ, nói : « Nhà quan lang độ này có việc buồn, ông tới chưa chắc đã được gặp ! »

Tôi không trả lời.

Hai mươi phút sau, tôi leo đến trước một cái cửa bằng gỗ rất lớn, có thể nói như 2 cái cửa của nhà thờ. Bên trái có treo một cái trống lớn, nhưng không thấy đề dùi. Tôi thấy ở 1 cái lỗ nhỏ bên phải cánh cửa, có thò ra một quầng dây kẽm. Chắc là dây kéo chuông gọi cửa, tôi bèn cầm dây giật vài cái.

Bằng đi một lúc khá lâu tới 10 phút. Không thấy phía trong động dậy gì, tôi lại giật lần nữa.

Tôi đoán chắc ở phía trong đã có nhiều con mắt dòm tôi. Một lúc thấy có tiếng chân người đi rồi rõ ràng một con mắt lộ trong 1 cái lỗ ở cánh cửa. Tôi vội lên tiếng đề trần tỉnh người phía trong : « Tôi đây mà ! không phải lính đâu ! »

Bên trong khẽ kéo cánh cửa. Cửa nặng rít trên bản lề. Người bên trong mặc áo cánh trắng, quần nâu, hỏi tôi bằng tiếng kinh rất rõ ràng : « Ông hỏi ai, có việc gì ? »

— Tôi muốn được gặp quan lang Đình công Huy, nhưng nếu quan không có nhà, thì cho tôi gặp quan châu Nhiếp cũng được. Ông nói giúp rằng tôi là nhà báo muốn gặp chứ không phải là quan chức ở tỉnh về.

Người kia lẳng lặng đi vào. Tôi băng khuỷu chờ đợi ! Mất công đi tới đây mà bị họ từ chối thì hết đường làm ăn ! Và trông ra bóng chiều ở rừng đã ngả sau ngọn cây ! Đêm nay biết ngủ ở đâu, nếu bị từ chối !

Một lát người áo trắng đi ra, theo sau có một người áo the dài, chít khăn nhiễu. Trông thấy tôi, người đó vãi chào rồi kính cẩn nói : « Quan Châu tôi mời « quan » vào chơi ».

Qua hai dãy hành lang và nhiều căn nhà gỗ làm liên tiếp nhau, vì ngôi nhà của họ Đình ở trên 1 quả núi lớn, truyền từ đời họ đến đời kia chỉ có làm thêm chứ không phá đi, nên nhà rất chiều, bày biện trang hoàng khá lộng lẫy theo lối « nhà quan » phần nhiều là hoành phi câu đối sơn son, sơn thếp vàng, sập gụ tủ chè khảm v.v..., tôi tiến tới một căn nhà sàn làm riêng biệt. Người hướng dẫn chỉ 1 cái thang nhỏ có 5 bậc và mời tôi lên. Qua 5 bậc thang, tôi thấy Đình Công Nhiếp ân cần chạy ra đón chào, mời vào ngồi trên 1 chiếc sập khảm.

Muốn phá tan bầu không khí lạ lùng bao phủ quanh chúng tôi, tôi cất tiếng giải bày mục đích trước nhất, và tỏ sự « vô hại » của cuộc gặp gỡ này.

Đình công Nhiếp nghe xong, thở dài nói : « Nhà tôi chẳng may bị nạn, được ông chiếu cố tới là phúc cho chúng tôi. Chúng tôi rất cảm ơn. Tiếc rằng anh cả tôi lại vừa đi vắng nên không được thừa tiếp ông.

Nói chuyện tới một giờ đồng hồ mà tôi chưa tài nào thuyết phục được Nhiếp, bỗng tôi thấy một người đàn ông xum xoe ở ngoài hành lang, không dám vào, trên tay cầm một cái đĩa đặt mấy miếng trầu cau. Nhiếp bèn cất tiếng : Cứ vào !

Người kia rón rén vào đặt đĩa trầu ở trước mặt Nhiếp rồi cúi xuống lễ hai lễ. Nhiếp gật đầu, nói mấy câu bằng tiếng Mường. Người kia cúi đầu đáp lại, rồi lui ra.

Nhiếp cất nghĩa cho tôi hiểu : « Đây là người dân trong bản hạt đến xin phép để làm đám tang cha vừa chết. Ở đây người dân của chúng tôi tuy có của cải nhưng đều thuộc quyền Quan Lang. Quan Lang có thể muốn lấy gì của dân cũng được hết ».

Xoay qua câu chuyện rằng có thể nói những sự thực trên báo, để giúp cho vụ án này sáng tỏ và minh oan cho Đình Công Huy, dần dần tôi thuyết phục được Nhiếp và anh ta đã thò lộ.

— Chẳng nói đâu gì ông, anh Cả tôi có nhà. Đã hai lần Tây về bắt, nhưng rừng rộng thế này và chúng tôi có đặt trạm báo ở các nơi nên thấy xe lính đi trên đường là chúng tôi đã biết rồi, Tây bắt sao được ! Ông đã có công về tận đây gặp chúng tôi để biết sự thực, vậy tôi vào gặp anh tôi hỏi xem có bằng lòng tiếp ông không đã ?



Nói xong, Nhiếp đứng dậy vào nhà trong. Độ 15 phút sau ra nói : — Anh tới bằng lòng.

Một lúc, thấy có tiếng gậy đi trên sàn gỗ, tôi trông vào phía cửa ngang, thì Đình công Huy trong chiếc áo đoạn huyền, dận đôi gậy tây đen bóng, bước ra niềm nở bắt tay tôi như người quen biết đã lâu. (Chúng tôi cần mở một đầu ngoặc : Đình công Huy là tay ăn chơi khét tiếng).

Biết rõ mục đích của tôi, Đình công Huy vào đề ngay :

— Ông đã coi nơi tôi ăn ở ! Tôi như thế này mà làm bạc giả ? ! Cửa cái của dân nếu tôi cần tiền thì tôi lấy tiêu dùng cũng được, ai có quyền cấm tôi đâu ! In giấy bạc giả với mấy hòn đá thô sơ như vậy thì in sao nổi. Và mấy cái thừng nó khai cho tôi kia lại càng kỳ quái nữa. Tôi có biết nó là ai đâu ? Nói thực với ông, chẳng qua trong ít lâu nay người Tây ghét tôi vì họ bảo không được. Họ muốn tôi rút lui khỏi ghế Tuần phủ Hòa bình để họ đặt người khác lên, nhưng tôi chần chừ không chịu. Bởi vậy họ kiếm một cái cớ để « hạ » tôi mà thôi. Ông xem như các em tôi đây có tội tình gì mà họ cũng bắt. Nhất là thằng Niết nhà tôi nó còn đi học có biết gì đâu mà cũng bắt giam. Người Pháp muốn bắt giam các em tôi để cho tôi ra đầu thú... »

Nói chuyện lòng đồng một lúc rất lâu quanh vụ án, rồi Đình công Huy nét mặt rầu rầu kết luận :

— Đến nước này thì tôi cũng phải xuất đầu lộ diện thôi. Ông viết lên báo câu tôi nói rằng : Tôi chẳng có tội gì cả, vì tôi không làm bạc giả. Nếu tôi làm bạc giả, nhà nước có bằng cớ, cứ chặt đầu tôi đi.

Phận sự người phóng viên đã xong, tôi nhìn ra sân thì trời đã tối. Đình Công Huy biết ý bèn nói :

— Đáng lẽ tôi phải mời ông nghỉ lại đêm nay ở nhà tôi. Nhưng vì ty hiêm trong khi tôi đang gặp nạn, nên tôi đã từ chối : tôi đã cho gọi lý trưởng vào đây để đón ông ra nghỉ tại nhà y. Hôm nay nhân ngày Tết cơm mới, tôi đã cho bưng một mâm cỗ ra nhà lý trưởng để mời ông xơi, có Lý Trưởng hầu tiếp. Chúng tôi xin cáo lỗi trước cùng ông.

Huy nói xong thì người Lý Trưởng tiến ra. Tôi cảm ơn anh em Huy và hẹn có ngày tái ngộ ở Hà nội rồi tôi theo về nhà Lý trưởng.

Đêm hôm ấy, một trận mưa rất lớn đã đổ xuống núi rừng làm cho cảnh hoang vắng lại càng thêm âm u lạnh lẽo. Tôi thao thức một đêm không ngủ được.

Sáng hôm sau, từ biệt Lý trưởng, tôi theo đường cũ trở ra.

Khi đến con suối mà chiều hôm trước tôi vừa nhảy qua, nay nó đã thành một con sông khá lớn, bề ngang rộng tới 35 hay 40 thước và nước giữa dòng chảy rất xiết.

Thôi chết rồi ! Làm sao về được Hà nội để loan báo cho độc giả một tin sốt giềng ?

Tôi buồn rầu đứng nhìn dòng suối vô tình đang âm ỉ chảy không biết về đâu !

Hỏi mấy người mường, bao giờ suối cạn, họ bảo : nước to thế này, có thể đến năm hôm mới cạn ! Mà nếu là không có mưa, chứ thêm một trận mưa là lại thêm ra một vài bữa. Tôi thất vọng quá, mặt buồn thiu ngồi xuống gốc cây bên suối.

Hai người dân ông Mường, trông cũng khoẻ mạnh, đang vớt củi ở bờ suối thấy tôi buồn khoanh bèn chạy lại hỏi : ông muốn về tỉnh ?

— Đúng vậy, các bác có thuyền hoặc cái bè, cái mảng gì để cho tôi qua suối không ?

Hai người lắc đầu : « Ở đây không có gì cả. Nếu ông gặp về tỉnh thì chỉ còn có cách này : là chúng tôi kiệu ông bơi qua suối nước đang chảy xiết mạnh, nhưng nếu ông bằng lòng thì làm.

Tôi đành liều gật đầu, mặc dầu trông ra giữa dòng suối, nước réo và soáy khá mạnh. Hai người Mường bèn vào nhà kiếm 1 cái ghế mây cũ. Họ để ghế vào vai họ, cùng ngồi xuống, bảo tôi ngồi vào chiếc ghế, xong, họ cùng đứng dậy kiệu tôi lên vai, mỗi người 1 tay đỡ lấy ghế rồi cùng lội xuống nước.

Họ tiến ra dòng suối đục ngầu, khi nước đến bụng họ, thì chân tôi đã chấm xuống nước. Tôi thấy lạnh và trong bụng đã run run hồi hộp...

Tôi chới nước sâu, họ bắt đầu bơi đứng. Vừa bơi vừa giữ tôi, lúc này nước đã tràn cả lên lưng quần tôi, người tôi cũng thấy chùng chình.

Khi ra tới giữa dòng suối chảy xiết, tôi sợ quá, choáng váng mảy mặt, đồng thời tôi nghe thấy hai người kiệu tôi thở phà phà rất mạnh. Thì ra họ cũng đã thấy mệt, một là vì bơi đứng phải chống đỡ với sức nước, hai là vì phải giữ thăng bằng cho tôi khỏi ngã xuống suối.

Một phút lúc này, bằng cả một ngày ở trên cạn !

Nhưng vừa qua được một dòng nước chảy xiết thì tôi thấy cái vai bên phải tôi sụt xuống... và tôi ngã bổ nhào theo dòng nước đang ào ào soáy... thì ra 1 người đuối sức bị nước sâu chảy mạnh, không còn bơi vững được nữa, nên hẳn cũng bị chơi vơi theo dòng nước.

Tôi bị chìm cả đầu, thì may người bên trái còn khỏe, anh ta nhào theo phía tôi, nắm được chân tôi rồi tay bên trái đón dòng nước kéo được vạt áo tôi. Khi cả hai tay anh đã ôm được tôi, anh bèn giữ tôi ngang nách và bơi sải vào bờ. Đồng thời người bị sút vai kia cũng ngoi lên, giúp đỡ, nên hai người diu tôi vào bờ suối không khó nhọc lắm.

Tôi bị ướt vài ngụm nước, quần áo ướt như chuột lột. Vội về Hà nội, tôi cũng chẳng buồn nhìn lại dòng suối ác nghiệt. Đưa ít tiền cảm ơn 2 người Mường nghĩa hiệp, rồi cứ thế cầm đầu theo đường cũ ra quan lộ đợi xe đò.

Hôm sau tôi bắt đầu viết thiên phóng sự về việc « nhà báo gặp bị cáo ». Trước khi bị cáo bị tòa bắt.

Một tuần lễ sau Đình Công Huy mới ra đầu thú.

Chết hụt lần thứ hai ở Ban Mê Thuột

22 tháng hai năm 1957, chính phủ cộng hoà mở Hội Chợ lớn tại Ban Mê Thuột, Nhiều nhân vật được mời tới dự Nhà báo lễ dĩ nhiên là phải có mặt.

Hỏi đó nhật báo Tự Do mới tực bản, tôi đảm nhiệm về tin tức, nên lần đi xa thứ nhất này, nhà báo cử tôi đi.

Tập họp tại bộ thông tin từ 6 giờ sáng 21-2-59 để đáp xe hơi, do Bộ đài thọ, đi Ban Mê Thuột. Đủ mặt anh chị em ký giả Việt và ngoại quốc, tới 20 người ngồi trên chiếc xe « rất hùng » (vì to lớn) của hãng Cosara.

300 cây số đường rừng, không phải là chuyện nhỏ ! Anh em tin chắc rằng Bộ Thông Tin đã cho cái xe oách « thế này là phải chạy cũng « oai hùng » lắm ! Mới đi khỏi Đồng xoài, cách Saigon độ 70 cây số, xe ý ạch như người đau bụng một lúc... rồi bất kham... ý hẳn !

Anh em xuống xe ngơ ngác hỏi tài xế : sao vậy ? Hồng máy à ?

— Không, xe bị nóng máy. Tạm nghỉ một lúc, máy nguội thì lại chạy được !

Mọi người... « ừ ừ »... một tiếng, rồi mạnh ai nấy dùng những tiếng chế riếu. Máy bạn Đại diện Nha Báo chí Bộ Thông tin cố tìm cách chống chế.

Nửa giờ sau, máy nguội, xe lên đường.

Được chừng 100 cây số nữa, xe đang lên dốc thì thốc... hắt ra. Anh em hoảng hốt bảo nhau : Hay là xe nặng quá không lên nổi dốc, vậy ta xuống bớt và đẩy xe cho cố lên qua cái dốc nhỏ này. Mọi người cùng làm theo lời nói, nhưng trong chỗ kết nước có khối lên ngùn ngụt, mà xe thì như người bị liệt, đẩy chẳng nhúc nhích.

Tài xế xuống xem thì ra... hết nước !

Thế mới chết ! Hai bên là rừng cây rậm rạp, dưới vệ đường không có suối, mà đường này thì mấy hôm nay xe cộ tạm cấm không có xe qua lại, biết xin... nước ở đâu ?

Đợi 15 phút, may gặp 1 xe díp của Nha Chiến tranh Tâm lý đi qua, biết tin bên phóng lên phía trước, cách đây độ 15 cây số, xin ở nhà dân được 1 thùng nước đem về cho xe báo chí.

Lại chạy ! Cả Đoàn cười hỷ hà. Có người trào phúng : — Ta phải lấy việc này là một điều may mắn. Chứ nếu Bộ Thông tin cho đi máy bay thì chỉ 1 « tua » như vậy, anh em đã về châu Tô rồi !

Qua một quãng đường bụi đỏ như đi trong đám mây hồng, mọi người ho sặc vì bụi, ai nấy đỏ lôm, cái xe báo chí « oai hùng » tới Ban Mè thuật trong đêm tối : 7 giờ rưỡi. Một con đường 300 cây số, xe đi từ 6 giờ sáng đến 7 giờ rưỡi tối.

Sáng 22-2-1957 Tổng Thống khánh thành Hội Chợ đúng 9 giờ.

Mọi việc sắp đặt đã đâu vào đấy. Công chúng được cho vào trước và đứng dàn ở hai bên đường đi vào thẳng dài danh dự, nơi sẽ đọc diễn văn khai mạc. Con đường này hẹp có 3 thước và ở 2 bên có người Thượng cầm dao đứng cách nhau độ 1 thước rưỡi 1 người. Công chúng đứng phía sau các người Thượng.

Đúng giờ, Tổng Thống tới, ông Bộ Trưởng cải cách điền địa Đỗ Văn Công là chủ tịch Ban Tổ chức Hội chợ cùng các vị phụ tá là ông Đặc Sứ Tôn Thất Hối và Thiếu tướng Lê Văn Kim nghênh đón Tổng Thống.

Anh em ký giả Việt và ngoại quốc, cùng các nhiếp ảnh viên xúm quanh rất đông chụp ảnh lúc Tổng Thống cất « băng » ở công vào Hội Chợ.

Thấy đông quá, tôi muốn chụp một bức ảnh lúc Tổng Thống đi vào con đường nhỏ tiến đến khán đài, nên tôi vào đứng đợi ở giữa đường. Cất « băng » xong, Tổng Thống vui vẻ tiến vào, đi bên phải Tổng Thống có ông Bộ trưởng Đỗ Văn Công, vừa nói chuyện, nhưng theo lễ nghi, không đi ngang với Tổng Thống mà đi lùi lại nửa bước. Còn bên trái Tổng Thống, đi né sát đường có Thiếu tướng Kim và ông Tôn Thất Hối. Các ông Bộ trưởng khác đi lững thững ở phía xa, vì sau khi chụp ảnh, các nhà báo lại theo chân ngang Tổng Thống, thành ra chiếm hết cả chỗ đi của các ông Bộ trưởng.

Đứng cách Tổng Thống 4 thước, tôi vừa chụp xong 1 bức ảnh, chưa kịp lên ra ngoài khỏi con đường, thì Tổng Thống cũng vừa đi đến sát tôi.

Thấy đường vào khán đài cũng không còn xa gì, độ sáu, bảy chục thước, tôi đành cứ thế bước theo Tổng Thống, thành ra vô tình tôi đi sát vai Tổng Thống, tranh mất chỗ của ông Bộ trưởng Cải cách. Ông Đỗ Văn Công bèn bước sang phía tay trái Tổng Thống, vẫn đi sau nửa bước.

Tôi đi sát với Tổng Thống vừa được độ 3 thước thì bỗng nghe « ầm » một tiếng và tôi thấy ở phía lưng tôi có cái gì nóng nóng. Trước còn tưởng có người đốt pháo, nhưng khi nhìn sang phía tay phải tôi thì tôi thấy có một họng súng tiểu liên Mát 49 lộ ra độ 1 gang tay ở trong cái áo blouson của 1 thanh niên độ 20 tuổi.

Bấy giờ tôi mới biết là tiếng súng và trông về phía tay trái, tôi thấy ông Đỗ Văn Công đang ôm ngực, ngã mặt lên trời và ở phía nách ông có máu chảy ra áo.

Quay lại nhìn về cả 2 phía, biết qua tình hình, và thấy mọi người chung quanh đã đỡ ông Bộ trưởng Cải cách, Tổng Thống lại thẳng tiến về phía khán đài.

Thanh niên có súng kia chỉ đứng cách tôi có độ 1 thước. Ngay lúc ấy có mấy đồng bào đứng cạnh hẳn đã nắm được tay hẳn và 1 nhân viên Quân cảnh nhẩy tới nắm lấy ngực áo hẳn, chỗ lộ khẩu súng và lôi đi. Trong đám đông thấy có tiếng hô : « đánh chết nó đi, đánh chết đi ».

Tôi tiến lại chỗ ông Bộ trưởng thì một phóng viên Pháp vỗ vai tôi nói : « Anh bị đạn có sao không ? Áo anh thủng đây này ! »

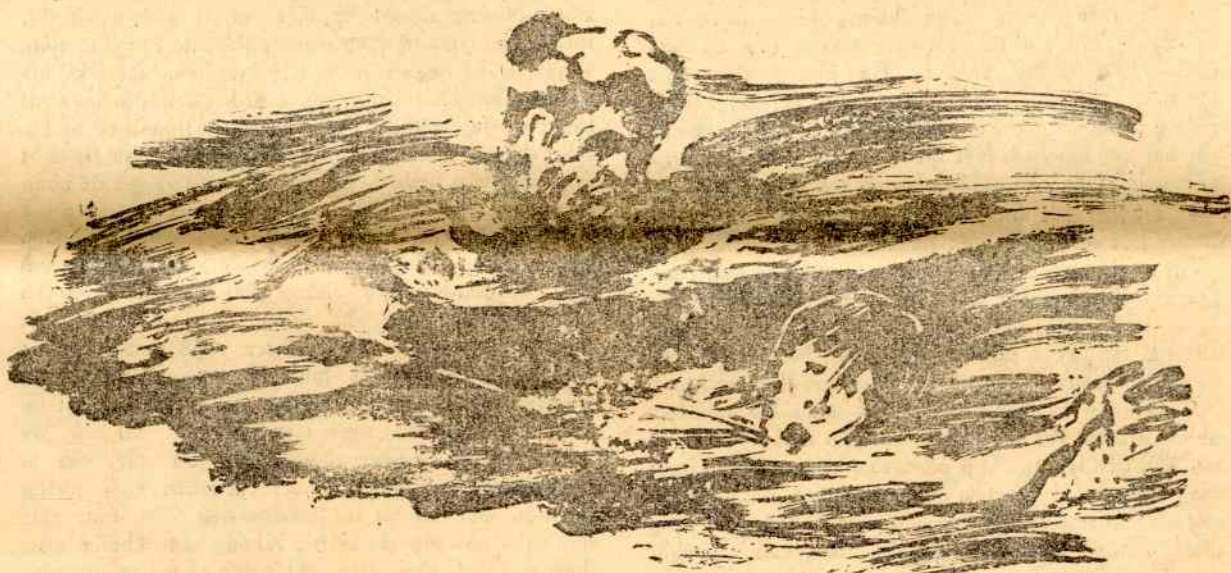
Tôi ngạc nhiên, cởi chiếc áo ngoài ra thì nhận, thấy ở lưng áo có vết đạn cháy và dùi thủng 4 lỗ, còn ở cánh tay trái có chỗ dùi 2 lỗ. Ngoài ra ở sơ mi của tôi chỗ lưng áo cũng có 4 lỗ. Thì ra viên đạn súng tiểu liên (lỗ súng mà binh sĩ nhẩy dù thường dùng) bắn ở cách tôi hơn 1 thước đã xuyên qua 2 lần áo của tôi, làm thủng 10 lỗ, may không chạm tới người. Rồi viên đạn ấy chạy qua trúng ông Bộ Trưởng làm gãy tay ông và xuyên vào nằm ở trong ngực ông.

Viên đạn ấy, nếu chỉ đi dịch lên độ 1 phân là đủ tiêu ma đời phóng viên của tôi và chắc nó cũng không còn chạy được sang ngực ông Bộ trưởng nữa. Mà một điều may nữa là sao khẩu súng tiểu liên Mát 49 lại chỉ nổ có 1 viên thôi. Cái súng ấy thường thường bắn có lẽ nổ ít ra 3 viên đạn, chứ ít khi nổ 1 viên.

Lại xuống suối...

Hai năm sau, vào tháng Ba năm 1959, Bộ Thông tin cho biết rằng Tổng Thống sẽ mở một cuộc hội báo tại tỉnh Bình Tuy, nhân tiện mời các báo đi xem công cuộc dinh điền của người Kinh và Thượng cùng là nhận định chính sách Việt Nam hóa người Thượng mới thì hành bắt đầu từ khu vực Bình Tuy.

Các báo được Bộ Thông Tin cho đi máy bay từ Saigon tới Xuân Lộc, hôm 23-3-1959. Tại đây đã có xe của phủ Tổng Ủy Dinh Điền đưa lên Bình



Tuy, cách xa 70 cây số. Tính ra từ Saigon đến Bình Tuy xa chừng 175 cây số. Lướt đi được êm ả lắm. Tôi cùng bạn Hồ Anh, chủ nhiệm báo Ngọn Luân, lúc nào cũng đi cái xe Land Rover vì câu chuyện đường trường của chúng tôi về công việc làm báo, không lúc nào dứt và lúc nào cũng vui.

Sáng hôm 24-3, Tổng Thống cùng một số nhân viên Ngoại giao đoàn tới nơi, vào 10 giờ 30. Lập tức có cuộc hội báo. Trong một giờ rưỡi, Tổng Thống đã cho các báo biết nhiều chuyện về dinh điền, về kinh tế, về an ninh, và một vài công cuộc dự tính cho tương lai xứ sở.

Sau khi Tổng Thống dứt lời vì đến giờ phải đi cùng Ngoại giao đoàn, anh Văn Hoàn đứng lên cảm ơn và ước mong Tổng Thống cho được tiếp xúc luôn luôn để được biết rõ một phần nào chính sách của Chính phủ, ngõ hầu để bề phát triển ý kiến, gây những dư luận tốt đẹp trong quốc dân.

Khi Tổng Thống ra đi rồi, ông Bộ trưởng Thông Tin có nhắc anh em báo chí rằng : những điều về quốc sách mà Tổng Thống cho biết, có điều nên phổ biến, nhưng cũng có điều không nên phổ biến. Vậy anh em nên liệu mà tường thuật.

Lúc ấy đã gần 12 giờ trưa. Từ sáng anh em báo chí mới được ông Quận trưởng thiết cháo gà.

Thấy đã đến giờ ăn, ông Bộ trưởng Thông tin có nhã ý bảo người đi kiểm thứ ăn để anh em ăn trước khi lên xe đến Xuân Lộc (70 cây số). Nhưng ở nơi đường rừng như Bình Tuy, đâu có sẵn sàng như ở Saigon, nên một lúc sau « phúc trình » về nói chỉ có bánh mì cũ và cá hộp, thành ra anh em báo chí xin cứ cho xe đi về thì tiện hơn, việc ăn uống sớm muộn không cần lắm.

Thế là đoàn xe lục tục lên đường vì có cái đi trước có cái đi sau.

Khi đi được độ 40 cây số, lúc ấy đến tới 1 giờ trưa, gặp một cái Quán bên đường rất khang trang, ông Bộ Trưởng bèn cho đón các xe, mời anh em vào nghỉ giải lao và tiện thể ai muốn dùng cơm đĩa thì dùng. Tất cả mọi người đều dùng cơm, cả anh em lái xe, và nghỉ ngơi hơn nửa giờ, rồi tiễn ai người nấy lên xe, vì có người về máy bay, lại có người muốn về thẳng Saigon bằng xe hơi.

Tôi với bạn Hồ Anh vẫn « chiếm » cái Land Rover để ngồi cho tiện nói chuyện.

Cơm no, nhưng không có rượu say, vì không ai uống « la de » cả, trường con đường còn có độ 30 cây số, phăng phiu thì sẽ đi tới nơi về tới chốn.

Không ngờ ! không ngờ, mới đi được độ hơn 10 cây số, đến một khúc đường cong bất thành linh, lại gặp luôn cầu lăm hơi chùng dưới mặt đường, tài xế đang chạy nhanh 70 cây số, luống cuống lúc đến sát cầu thì xe đã lán quá về bên trái. Anh ta vội hãm thắng mạnh, nhưng lại sợ, và nhả ra ngay. Đạp xe đang mạnh, lái không kịp, cứ thế xe đâm vào chân cầu, chồm lên húc gãy thành cầu bằng gỗ, rồi nhào luôn xuống suối.

Bị ba cái « sốc » quá mạnh, bạn Hồ Anh với tôi như hai con ốc bị sốc trong cái giỏ. Mặt và người tôi va chạm vào các thứ sắt ở trong xe, thêm nữa vì ngồi cạnh tài xế, nửa ngực tôi bị đập vào tay lái xe rất mạnh, khắp người tôi bị thương.

Đầu xem đâm xuống suối, chúc xuống, nước tràn từ từ vào trong xe, vì đi đường bụi, xe bị kín cả trước sau bằng cánh gà. Ba người lỵ dục trong xe không có cách gì ra ngoài được. Tôi thấy đầu xe mỗi lúc một chìm sâu xuống nước, trước thì nước còn ở chân dùi, bụng rồi dần dần lên đến ngực và sau thấy mặt tôi mờ đi, miệng đã uống mấy ngụm nước, tôi mới biết là cả người tôi bị chìm.

Chúng tôi yên chí là chết ! Anh Hồ Anh luôn luôn kêu, trong lúc nước chưa chìm hẳn : « chết chết, làm thế nào ra được ? ». Tài xế rên lên :

— Trời ơi ! Trời ơi ! ông để tôi tìm cửa xe ! (Đến lúc này tài xế quên cả cửa xe !)

Cả 3 người đều cố ngoi lên phía sau xe, vì tôi với tay lên còn thấy như phía sau xe chưa chìm.

Thì ra lúc ấy đầu xe đã chìm sâu xuống nước, đuôi xe đang chổng lên để rồi sẽ lật úp.

Thực là một sự tối nguy, khi xe đã úp xuống nước ! Người trong xe sẽ như ở trong nơm úp cá và chỉ trong ba phút có thể bị xiu vì ngột nước.

May thay ! lúc ấy có 1 ông già làm đường trông thấy xe bị nạn, vội chạy xuống và kịp thời lội ra nắm được đuôi xe, đồng thời các bạn đồng nghiệp đi chiếc xe sau cũng vừa tới, nhẩy

ngay xuống, cùng giữ đuôi xe và mở luôn cửa phía sau. Xe không bị chìm, lại có người giữ, bạn Hồ Anh, bác tài xế và tôi lớp ngóp chui lên, ai nấy đều vậy những nước bùn. Anh Hồ Anh may mắn, bị có 1 vết thương nhẹ ở môi, tài xế bị rách một miếng độ 10 phân ở đùi. Riêng tôi bị đau hơn cả : thương tích khắp mặt, đầu, ngực và chân trái : máu ở các vết thương trên mặt, nhất là vết thương ở mí mắt, quần áo ướt đầm, đầu tóc rối bù, làm cho thân hình tôi đúng là người mới bị móc từ dưới lỗ lên.

Được mọi người săn sóc rất chu đáo, tôi về nhà thương Long Khánh rồi về Saigon, phải nằm điều trị và tĩnh dưỡng mất một tuần lễ.

Ba lần chết hụt, các bạn đều mừng và nói đùa tôi : anh còn sống dai lắm !

Trực Ngôn
NGUYỄN VĂN GIẬU

TRƯỜNG DẠY NGHỀ

Á - CHÂU

CHUYÊN NGHIỆP TƯ THỰC

257-259 Trần-Hưng-Đạo Đ.T. : 693 Saigon

CUNG CHÚC TÂN XUÂN

Mỗi đầu tháng đều có
khai giảng các khóa mới.

CÁ THIA - THIA

(Tiếp theo trang 17)

Tâm trí của tôi lúc đi hót cá, không lo địa chun hậu môn, thú thật lúc ấy tôi cũng chưa biết đó là một tai nạn lớn sẽ làm khổ cho cha mẹ không biết là chừng nào, tâm trí tôi mẩn lo và chăm chú ngó theo bờ mầu, ngó dài mặt nước bọc theo lúc, để ô rô, rau dừa. Chỗ nào có bọt nổi trắng trắng hay vàng vàng (trắng khi nào nước trong, vàng khi nào nước có lợn chất phèn chất sắt do dưới đất hòa lên) : bọt ấy là bọt cá thia thia, rõ rệt thì nó rồi. Con mắt quen của Tỷ Bò dòm qua là biết ngay, không do dự gì nữa. Đối với tôi thì cóc cần, bọt gì cũng mặc. Khi ấy hãy đưa rô vào cho lẹ, vừa đẩy tới trước vừa thọc sâu xuống và cũng vừa húng lên lên ba việc làm phải lẹ làng vắn khéo, trong lúc ấy hai chơn phải giậm giậm giáp vòng chỗ mình đang đứng, cốt làm sao cho con cá, nếu muốn thoát ra bụi bậm thì cũng vì « địa vòng » của mình bố trí quá chặt chẽ, nhờ sự tấn công ba mặt của mình quá khít khao đành phải thối lui về bọt, mặc tình bắt tha. Mỗi lần nâng rô lên, nếu khéo tay và thông thạo thì gặp bọt chín mười lần cũng phải bắt được bốn năm con cá.

Cá giẫy dạch dạch trong lòng rô thấy còn ham mê hơn trứng số hoặc « tới quan » trong thú chơi từ sắc ! Nhưng cũng khoan vội mừng sớm và hãy đợi cho cá vào chai, xem đi xem lại kỹ càng rồi sẽ. Nếu đó là con cá trống thì mặc sức mà mừng vui. Bất ngờ hốt trúng con cá thia thia mái, thì nên phóng sanh phứt cho rảnh tay chơn, hoặc giả bắt được thứ cá sọc dưa, cá bà trầu thì mừng hột một phen và cũng nên mở nút chai trúc cá xuống ruộng mà làm phước cho nó để có thời giờ xúc con cá khác.

Cá bà trầu, mình đẹp, vây xanh lè, coi tốt mã lắm, thoáng qua tưởng mình hót được con cá Xiêm mừng quỳnh, không dè đó là cá bà trầu, đồ vô dụng, nếu được nhiều kho mề thì xương cứng thật ít, ăn không ngon, bằng để nuôi chơi thì phá đám tốn công, bà trầu trứng giòn cũng không biết dùng nói chi đã độ, chỉ giỏi tài nuốt cung quăng (1) ăn bao nhiêu cũng chẳng biết no. Biết phùng xoe, múa kỳ trên, khoe kỳ dưới, quạt đuôi giương vây, phùng mang đảo nước để khoe tài cùng địch thủ là cái hay cái giỏi, cái biệt tài của thia thia, bà trầu không biết lấy một nghề, nuôi nó ích gì ?

Đi hót thia thia, nếu hót được cá thì mừng, không hót được mà một phen tâm năng tưởng giòn ngoài đồng cũng rất là khoái trá hã hê. Tệ lắm cũng học khôn biết thêm một thú vui sáng dã. Có buổi ra đi, nửa chừng gặp mưa dai, bọt cá bị giọt mưa đánh rã tan, khôn phương nhìn biết. Những buổi ấy đành gác chuyện hót cá và đổi qua thú vui khác. Những buổi ấy kéo nhau vô rầy mua bắp mía hay hề nhau kiếm lều quán chui vào, góp mỗi đứa vài ba xu, đậu tiền lại mua khô mực, tôm khô, củ kiệu chua, rặng tre to mới lớn nên nhai ngon lành đã không ẽ mà cũng không biết chừng nào mới đã thêm. Trong nhóm nếu có vài ba chú bác cầm đầu, mấy chú ngồi đánh chén khá, rượu công-xi nuốt nghe róc róc, mình khỏi tốn tiền thêm được hầu tàn cần củ kiệu ăn nhấm nhấm, còn thú nào hơn.

Cá hót được đem về nhà đồ ra thau, chậu, tuyển lựa theo cỡ, cỡ trung trung gọi là « cá lư » để cấp chàng, cá này sẽ nuôi thục và cho ăn kỹ lưỡng, ban đêm tập quần đèn cho mau dạn, ban ngày để cho nhiều ánh sáng cho cá quen mắt, — độ chừng một tuần mười bữa từ khi hót được là có thể đem ra trường so độ thử tài. Cá để lâu ngày bờ hơi, đá nửa chừng chưa biết ăn thua vọt bỏ chạy thì gọi là « cá nung ».

Cá nào nhỏ hoặc tàn tật xấu xí thì loại ra, thì ra cho hàng xóm em cháu mặc tình nuôi đá bóng hay làm gì thì mặc. Con nào hùng dũng khỏe xinh (quen gọi con cá này phụng vĩ khá, con cá kia ít tốt mã hơn), những cá lư ấy thì nuôi riêng từng chai một, hoặc ở già còn thừa thì bán nhường lấy tiền mua sắm thêm dụng cụ đồ nghề. Nói đến đồ nghề thì nên kể keo, chai để nuôi cá và vọt để hót cá.

Vọt thường thì cán tra, có người vẽ duyên lấy đầu mun chuốt nhỏ và bit bạc khéo léo. Câu kỳ như ra vọt cán ngà lên nước đỏ au dặt trên mái tóc hoa râm kẻ bên lược đôi môi điểm đồng thoa óng ánh. Cán thì làm vậy nhưng vọt nào cũng may bằng vải, lụa thưa để dễ xúc lạng quăng, hoặc bằng vải, lụa kín để sang sớt cá mỗi khi thay nước hoặc đổi chai đổi chậu. Lúc tôi còn nhỏ, chưa có thứ chai keo hòng lớn nay các tiệm lạc-xon Chợ lớn bày bán khắp lẽ đường và đó là hũ kẹo ngọt hoặc chai dầu

thơm hay chai thuốc tây bị sa thải. Xưa kia, nhà nuôi cá có hạng thích nuôi cá trong chai keo.

Họ sợ như là đồ nội hóa sản xuất trong Cholon, hình dáng đã thô, thêm chất chai nấu lọc không kỹ còn nhiều bọt, điểm sao, đã lấm dòn lại mau bề. Những nhà phong lưu họ bèn chỉ kén cho được thứ keo Hạ châu (Singapore) hay keo sản xuất bên Âu châu càng quý nữa, keo này trong như pha ly, gõ bon bon, rất bền, rất đẹp. Những nhà ít tiền nhưng có óc mỹ thuật lại tự sắm riêng một bộ môn đặc biệt hoặc toàn thứ chai nước suối trắng trong xanh, hoặc chai rượu Piper mint khi cắt bỏ khúc đầu thì eo ngắn như trái bầu hồ lô khá ngộ. Những chai cắt hòng ấy được tiện lợi là rẻ tiền, dễ súc rửa, và nhờ miệng lớn rộng để thọc vọt cho ăn và xúc cá ra ngoài. Trên miệng chai, thường họ cắt giấy dày làm nắp, vừa nhẹ nhàng vừa có gió thoáng. Nhưng những thân lẫn tinh ma thường cay nắp giấy dễ ăn trộm cá, nên có nhà lại khế gạch ngói tròn tròn như trái trám của trẻ con chơi nước có làm nắp vậy. Đặc biệt nhất thời ấy là bộ nắp chai của tôi : cha tôi cũng, tự tay cắt chai rất đều và cho phép tôi mượn làm nắp những nồi dốt mới của cha tôi dùng để nấu vàng, thì dốt này hình như cái chén chung uống trà, miệng rộng dít tùm bất kỳ chai nào cỡ nào cũng dặt vừa, và một khi dặt lên miệng chai thì chai và nắp ăn ráp liền nhau, tuy nói ăn ráp nhưng còn thừa chỗ hở trống để giữ cho thoáng khí vào ra, phải lấy tay mà cay cho khéo mới lấy nắp này ra được, thân lẫn vẫn vô phương làm hòng. Đây kín quá thì cá ngột hơi, còn dặt hở thì thân lẫn không khi nào bỏ qua cơ hội tốt.

Nói đến cắt chai cũng cả một nghệ thuật : Người nào khéo léo thì cắt trăm chai như một ; ăn dút y nhau ; kẻ vụng về cắt thường không đều tay, hoặc nứt không ngay đường, hoặc mẻ sứt, trông bết xình. Những người tự biết mình không đủ tài, thường mượn bạn quen trong nghề thợ bạc cắt giùm vì sẵn lo sẵn quen tay, các thợ kim hoàn làm gì mà chẳng giỏi. Thép cắt miệng chai là dùng một niền sắt lớn cỡ bằng ngón tay út, uốn vòng tròn theo ni tắc nhứt định, cái vòng này lại uốn cho sát dư ra một đoạn dài kéo ngay để dễ nắm để cầm ; đoạn để nòng ấy vào lư là dốt cho sắt dốt, đoạn lấy ra dùng để bao chỗ cầm cho đừng phỏng tay, trông cái vòng tròn vào hòng chai, vừa dễ mạnh vừa xây tròn cái chai cho đều tay. Độ chừng chai hút sức nóng của cái vòng sắt ước đủ dùng thì rút niền sắt ra, và rảy nước lạnh ngay chỗ muốn cắt : chai đang nóng, gặp lạnh của nước, phản ứng trở mình nghe một tiếng « rắc », coi lại hòng mứt lia khỏi cái thân chai ngon lành. Bây giờ chỉ còn lấy miệng chai và sơ vòng miệng cho lì bớt sắc sảo là chai dùng được. Khéo tay thì cắt mười chai không hư một, mỗi lần cắt thì lần dút tiện đều như qua hột xoăn của thợ cắt kính ; Không răn không nứt. Tay mơ chưa thạo việc, cắt mười chai hao gần nửa chục, thêm lần dút sượng sần, răn nứt không đều, mỗi lần súc rửa là có chườm thể đồ máu !

Mỗi chai đựng một con cá, hai chai để kê nhau đồng hàng thì làm ngăn giấy chặn giữa cho cá đôi bên chẳng thấy nhau ; khi nào muốn quần cá, hoặc muốn cho cá bong xem chơi thì rút ngăn giấy ra ; vừa thấy nhau, cá nuôi vung phùng xoe trông giỡn trường vì quạt đuôi xem thật là ngoạn mục. Nước trong chai để rộng cá, không nên để nhiều lắm mà cũng không nên để ít lắm. Để nhiều, nước kê hòng chai thì thân lẫn dễ câu trộm cá. Bằng để ít quá thì con cá cạn nước không sức bền bằng cá nuôi nước sâu. Và nên nhớ khi nào súc chai vì dơ bọt thì phải dành lại một phần chai nước cũ cho cá dùng lại chai lạ nước ; thay nước cá, không biết ý, thay mới tất cả thì thường chỉ làm cho cá mất sức, nếu sau đã thua ấy là lỗi tại nơi mình chưa đi sâu vào nghề.

Nói đến thân lẫn phải phục cái trí tình ma của con vật. Tôi học khôn được điều này cũng nhờ một kinh nghiệm khá đau lòng cho tuổi trẻ. Thuở đó tôi có nuôi một con cá thia thia đã từng ăn nhiều độ. Mỗi khi tan học về là tôi phải ghé triệu lại kệ cá xem chừng con thia thia cáng rồi mới xếp cặp và lo cơm nước.

Tôi nuôi riêng nó trong một chai keo bự. Một buổi sáng nọ, cá tôi mất dạng, keo chỉ còn nước không. Nhớ lại, đêm hôm, tôi có xê cái nắp qua một bên cho có nhiều thoáng khí, rồi mải lo việc gì nên quên đây. Sơ hồ bao nhiêu ấy mà nay ăn hạn thì đã rồi. Dòm trên dòm dưới, ngó trước trông sau, kẹt hóc nào cũng bươi cũng móc mà biệt vô âm dạng.

Thôi rồi, chắc chắn là cá cáng đã bị thân lẫn câu... Từ ấy tôi thù thân lẫn không chỗ nói, gặp đầu

DU LỊCH NỘI GIỚI

TRỞ LẠI QUÊ TÔ

(Tiếp theo trang 18)

Muốn thật vui, cái vui riêng phải nằm trong cái vui chung, trong cái cộng đồng hoan lạc.

Trong những ngày Tết Nguyên đán, không bao nhau mà người người đều rộn rịp, đều tung bừng, tiếng pháo đón xuân của nhà bên cạnh như nhắc nhở cái vui đã đến, thế rồi muốn nhà như một cùng reo lên tiếng pháo mừng xuân.

Lòng ta dù có đang buồn, nghe tiếng pháo xa gần đua nhau vang động ta cũng thấy nao nao rộn rịp, hướng hồ là lòng ta đang vui, khi nghe thấy những tiếng reo vui của muôn vạn đồng bào như thế thì sự vui của ta còn tăng lên biết bao nhiêu nữa.

Ta vui, lại được bạn cùng vui, được gia đình cùng vui, được cả nước cùng vui thì sự vui ấy tăng lên gấp muôn ngàn triệu...

Chính trong cái phút cực vui ấy mà lòng ta phơi phới như cánh hoa xuân, ta sẵn sàng tha thứ mọi lỗi lầm của những ai đã làm cho ta phải khổ đốn, phải đau khổ.

Chính trong cái phút hoan lạc của tâm linh ấy mà bao năng tính vẫn ào trong con người được bộc phát, được mở rộng như một chiến lũy mà bao nhiêu công thành đều mở tung, mặc sức cho ai vào ra không cấm đoán, không bị ngăn cản bằng mũi súng của lính giữ thành.

Ta bao dung, ta tha thứ và kỳ diệu thay trong cái khoảnh khắc vô cùng quý báu ấy, nguồn vui đã biến thành ngọn suối hoan đồng tâm cho tâm hồn ta, sạch hết những cấu bẩn tích lũy trong cuộc đấu tranh đời để ta trở về ngày thơ thuận phác, với tất cả những cái gì đẹp đẽ, êm dịu của thời hoa niên.

Ta lại ngây ngất say sưa như đứa trẻ thơ buổi nào, tung bừng từ trong tận cùng sâu thẳm của tâm hồn, ta lại tha thiết như chàng trai mới lớn lên, như cô gái mới biết yêu, để đắm say trong mỗi tình đầu của lý rượu tình ái.

Chính trong cái phút huyền ảo thần tiên của mỗi tình đầu ấy mà ta hội thông được tất cả những xúc cảm chân thành nhất, rung động nhất của những thời xa xưa mà ta hằng khao khát.

Với một mối rung động êm đẹp ấy ở trong tâm, mắt ta lại nhìn thấy những thân quyến trong khói trầm xanh quyet ngạt ngào, và dù có nhắm mắt lại ta vẫn nhìn thấy những cái gì đẹp nhất, cao cả nhất mà ta thường mong mỏi...

Ta hãy phó mặc, không cưỡng lại bằng toán tính, bằng mưu cơ, để cho cái xe kỳ diệu là nguồn vui chung, đưa ta trở về quê hương của tình cảm trong mây ngày Tết.

Ta hãy lắng nghe những cánh hoa cánh bướm trong lòng ta nhẹ đập, để rồi tìm tất cả những miền thương mà ta đang mong mỏi để gặp gỡ.

... Gặp nhau tay bắt mặt mừng...

... Gặp nhau không nói nên lời, ời thiết tha cùng dấn tới miền thương nhau, trong đời hết lẽ lời...

Và mỗi năm hể tới độ xuân về là một lần ta lại trở về Quê Hương trở về Quê Tô ta lại thấy những cái đẹp, những cái đẹp, những cái đẹp...

Trước khi sửa soạn cho mai đây, một cuộc gặp gỡ vĩnh viễn, trong một Quê Hương to lớn, ngày nay những chặng đường nghỉ để trở về, cũng làm cho ta đỡ được phần nào mong nhớ, đỡ được phần nào lẽ loi, được phần nào khao khát...

T.Đ.K.

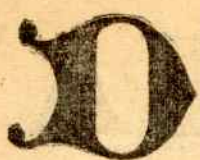
giết đó, không dung tha con nào. Tôi diên rô cho đến đối có khi thấy dạy học ôn những bài ám dục thì tôi mượn cơ ấy mà bắt thân lẫn nhốt vào hộp giấy và mỗi khi học thuộc một bài văn thì đưa ra đoạn đầu dài trăm thủ ! Tôi lại tìm cách xem kẻ thù câu cá bằng cách nào và nhờ công theo dõi một hôm kẻ cắp bà già gặp nhau, tôi mục kích trận bắt sống cá thia thia do thân lẫn tổ chức !

Trưa hôm ấy, tiết trời oi ả. Tôi ngồi làm bài học nơi bộ văng gỗ. Tôi đặt ghế lùn sát đầu văng, ngồi chần thọc dưới gầm, day mặt vô vách. Trên vách trắng là kệ tôi nuôi cá, một hàng chai keo trong treo giăng thẳng bon trông rất ngoạn mục. Đầu hàng là một chai keo bự, mẹ tôi dùng nuôi con giấm thuở nay mà tôi cả gan dám mượn để rộng con cá ăn độ căng nhứt. Đây là một con xiêm trống đỏ « thứ thiệt », to bì ngón cái, vóc cụt tròn, vây đỏ như sao diêm, kỳ đồ như bút son, đuôi tròn vo như quạt lửa. Cá xiêm thiệt thì càng gần đàn càng quý, kinh nghiệm cho ta biết cá dục với cá mái ta thì mỗi đời mỗi dài dòn ra, đến đời thứ ba thứ tư, lại biệt dạng thì ngó gần y con cá ta không khác mấy.

(Xem tiếp trang 40)

1) quăng : larves de moustique.

Nay gọi đó là con quăng, con lăng quăng, không ai nói con « cụng quăng » chỉ trong tự vị Huỳnh Tịnh Của và Génibrel thấy ghi như vậy.



ƯC vừa ở nhà bạn ra, chợt trông thấy một con chó, có một vẻ đặc biệt. Chó đang hợp đồng. Trên đường cái lớn chạy bên cạnh chợ, xe cộ đi lại tấp nập, mà con chó ngang nhiên dạo bước, tránh xe một cách rất tài tình. Dáng đi không vội vàng, không sợ hãi, không hốt hoảng như những con chó lạc. Và cũng không nhớn nhác như những con chó nhà, những con chó có chủ sống xích chạy ra chợ kiếm miếng và đùa nghịch, phê phỡn... Minh thì gầy còm, không lớn cho lắm, người thì ghe ở hai tai, lông thì sặc sỡ, màu tro « berger » lấm lạp, đầu thì đầu chó thường, đuôi cúp xuống, song có một vẻ tự tin ở mình. Tuy hơi buồn, nhưng có một thái độ quý phái rõ rệt. Đức trông thấy nó, biết ngay là một con chó vô chủ, con chó hoang, sống một mình, tự kiếm ăn chung quanh chợ lúc ban ngày, và đến tối thì ẩn nấp sau những bụi cây hàng bỏ trống, chả thân thuộc với ai, và cũng không cần đến ai.

Bỗng nhiên, Đức thấy một thiện cảm nồng nàn với con chó này. Đã lên xe hơi để về Saigon, Đức lại tấp nập, rồi nhẩy ra khỏi xe, nhìn theo con chó đang đi. Anh ta tính cách làm quen với con chó, để rồi bắt nó đem về nhà nuôi. Đức bèn nghĩ đến mua một món gì, gọi nó cho ăn, rồi lần la tìm cách lại gần vuốt ve rồi buộc cổ nó mà giắt lên xe.

Chung quanh chợ, món ăn thiếu gì, nào gan, nào mỡ, lòng lợn, thịt bò v.v... Song Đức sợ mỡ màng vào tay, nên lại hàng « dầu chấu quây » mua hai cái, gói vào một mảnh giấy. Rồi chàng ta lần đến hàng thùng, mua một cái giấy, buộc thông lưng và kéo đi kéo lại xem có nhạy không. Vừa ý rồi, một tay cầm gói « dầu chấu quây », dơ trước mặt một tay cầm thùng có thông lưng, quát ra sau lưng, Đức bước theo con chó, rồi khi tới gần thì gọi nó và dơ gói bánh ra.

Con chó ngừng lại ngang mặt nhìn chàng ta. Đức ném ngay một cái bánh cho nó. Đang đói, chó ta tiến đến cái bánh, đánh hơi một cách thêm thường và sắp sửa ngoạm cái bánh, nhưng mắt vẫn nhìn vào Đức như để đề phòng. Đức lại gần một tý nữa, con chó liền bỏ cái bánh mà quay đi... Đức leo dẹo đi theo, vừa gọi chó vừa dơ tay cầm bánh còn lại, Đức rào bước theo nó, nó càng đi nhanh hơn.

Nó không cần Đức, nhưng không chịu ăn miếng bánh Đức dơ ra để giữ nó. Và Đức càng muốn lại gần thì nó lại chạy xa ra. Đức theo đuôi con chó như vậy trong hơn năm phút. Bao nhiêu con mắt nhìn vào Đức, và nhiều người xì xào. Đức nghe thấy họ cười mình, song Đức bất cần, ngang nhiên theo đuôi con chó, hình như ở chợ chỉ có Đức và con chó mà thôi. Cái trò của Đức bấy giờ không kém cái trò của anh công tử bột, trong những đường phố đầy người, mà theo đuôi một cách vô si và trông ghê một cô thiếu nữ tân thời, chả cần gì đến thiên hạ cả.

Nhưng con chó vẫn không chịu làm quen. Và lúc Đức ném cho nó cái bánh còn lại thì nó không để ý đến bánh nữa mà rào càng chạy. Đức đuổi theo, nó liền chui xuống gầm một xe cam nhông đang đậu bên hè. Đức lại gần, nó lại chui ra, và chạy xa nữa. Đức rất bực mình chờ đợi, lên xe và cắt cần thận trong xe cái giấy thông lưng rất nhạy kia mà không mang ra dùng được. Chàng ta về Saigon và định rằng đến tối sẽ qua chợ Gò một lần nữa xem con chó quái gở này ra sao.

Tối đến, Đức lại xách xe hơi đi từ Saigon lên chợ Gò. Chợ vẫn từ lâu. Đèn điện lấp lánh từ phía các bụi hàng trông trải xếp hàng trong gian chợ vắng vẻ. Đức đánh xe hơi, nhìn chung quanh chợ mà không thấy con chó đâu cả. Đức bèn đỗ xe bên lề, rồi thả bộ và đi tìm nó. Chàng thấy bao nhiêu chó nhà, béo tốt đua nhau nhớn nhác, và tuyệt nhiên không thấy con chó vô chủ kia đâu cả. Đức tự hỏi : « Có lẽ bọn chó béo tốt này cũng không thèm chơi với con chó hoang gầy còm kia chăng ? » Chàng ta

CHUYỆN NGẮN

CON CHÓ HOANG

PHAN SĨ BANG

nghĩ lẫn thần như vậy, thì vừa đến một cái xe bán bánh tây Jambon đỗ ở góc đường. Đức chợt trông thấy con chó ngồi cạnh xe đó chờ những miếng vụn vặt, sương xầu người bán bánh ném cho nó xuống đất. Anh ta vui sướng, vì chắc rằng người bán bánh tây jambon này quen với con chó. Anh ta sẽ cho hẳn vài chục, rồi nhờ hẳn buộc giấy thông lưng vào cổ chó để anh ta dắt đi.

Đức lại gần xe, thì người bán bánh hỏi muốn mua gì. Đức nói : — Con chó này vô chủ. Nó có quen bác không ?

— Ai bảo nó vô chủ ? Chó của bà Tư ở cùng nhà tôi đây. Bà ấy vừa ở đây xong, vừa mới về nhà và sắp ra đây bây giờ. Ông muốn bắt nó về nuôi chăng ?

— Phải.

— Thôi được. Tôi đại diện bà Tư và có thể bán cho ông con chó này. Nó khôn lắm. Tôi chỉ lấy ông hai trăm thôi. Đem bán thịt cũng được hơn một trăm rồi.

Đức nhận ngay người bán bánh này thực là thông minh và lưu manh nữa. Hắn không tự nhận là chủ con chó nọ, đem một người khác làm bia, muốn đem đó ngon tre mà lấy hai trăm bạc vì một con chó vô chủ.



Đức bèn trả lời :

— Vay a ! Chắc anh quen nó. Vay anh phải vuốt ve được nó. Anh thử gọi nó xem nó mừng thì tôi tin là nó có chủ. Và anh gọi bà Tư ra đây, rồi hoặc bà Tư hoặc anh buộc giấy vào cổ nó mà trao nó cho tôi, tôi trả hai trăm ngay !

Anh hàng bánh bị lật tẩy, cười nhạt :

— Tôi nghiệp quá ! Buộc cổ nó làm chi ! Thôi, tôi không bán nó nữa.

Đức đáp :

— Chó gì lạ, mà chủ cũng không gọi được và không chạm vào người được thế !

Anh hàng bánh im lặng, biết là Đức sỏ mình. Trong khi hai người nói chuyện, chỉ trở vào con chó, nó thấy khác ý, nên đứng dậy đi nơi khác. Đức bèn theo nó thì anh hàng bánh gọi với :

— Này, ông chó bắt bấy chó đấy nhé .

Đức im lặng, không thêm trả lời, theo con chó một đoạn, thấy nó đã đề ý đến mình, nên cho là theo nữa cũng vô ích. Anh ta trở về Saigon, lòng càng chắc đó là con chó vô chủ.

Một tuần sau, chập tối, Đức lại về chợ Gò để thăm tin con chó. Nó vẫn gầy còm, ghe tai, tự do, tự lập, với vẻ buồn và quý phái của nó. Lần này, nó lại đợi gần một hàng quà khác.

Đức xuống xe, gọi nó, nó lại lánh xa. Một người lao công đi qua, Đức gọi anh ta và nói :

— Tôi muốn bắt con chó hoang này về nuôi, khoản bác ba chục bạc, chịu không ?

Người lao công nhìn theo con chó, hình như đề do dấn sự khó khăn :

— Phải hai người mới bắt nổi. Và phải cho tôi một cái bao tải. Tôi có người anh em đang kia. Tôi ông cho bốn chục đi.

Đức ưng thuận vào nhà bạn mượn một cái bao tải, trao cho người nọ. Anh này cầm lấy bao, kêu bạn mình rồi cả hai săn đuổi con chó. Nó chạy. Hai người chạy theo. Nó chui dưới một cái sập, cả hai khiêng sập lên cho nó sợ, nó lại chạy ra. Trong chợ vắng người, đã diễn ra một cuộc săn chó lạ đời. Chó cứ chạy, hai người cứ đuổi, các bác chuột cống kiếm ăn ban đêm quanh chợ, bị hoảng sợ, chạy tứ phía.

Chó vẫn chạy, hai người vẫn đuổi, như thế trong mười lăm phút mà không bắt nổi. Có điều

đáng chú ý, là chó chạy mà không cần lại, ý chừng biết thân phận là chó vô chủ, sao mà dám can đảm lại người, nhất là người to lớn dơ bao tải như cái khăn định choàng lên đầu nó. Sau cùng, hai người dồn nó vào một góc tường, quàng bao tải lên đầu nó mà ôm lấy nó. Bây giờ, nó kêu và cắn, nhưng tiếng bị bóp nghẹt trong bao bố.

Con chó rầy rụa oanh liệt, nhưng lực được trong bao không có lối thoát. Nó kháng cự một hồi rồi im, vì kiệt sức rồi. Bây giờ hai người ôm bao tải với con chó ở trong và trao cho Đức lấy tiền.

— Cha ! Chó gì mà lanh khôn thế. Đuổi hết hơi. Ông cho thêm mười đồng vì công khó nhọc.

Đức ưng thuận, trả năm chục bạc, rồi ôm bao tải với con chó bị bắt cóc lên xe. Còn cái thùng, thì Đức chửi cái bao tải, quắn đi quắn lại mấy vòng, như một chiếc bánh giò lớn vì sợ chó chui ra được chăng ?

Về đến nhà, Đức ôm bao tải với chiếc thùng quắn chung quanh, vào trong buồng, rồi đóng cửa lại. Con chó nằm trong bao, vẫn im không cựa cựa gì. Đức lấy ít cơm với đồ ăn đồ vào một cái chậu con. Đoạn, chàng ta cỡi thùng ra từng vòng một, rồi cẩn thận hé miệng bao tải xem con chó phản ứng gì không. Con chó vô chủ bấy giờ biết phận mình, không dám kháng cự nữa.

Đức mở hẳn bao ra, miệng thì gọi nựng chó, tay thì làm bộ giờ ra như muốn sờ đầu nó, xem nó có cần không. Nó im không cần. Đức an tâm chạm tay vào đầu nó, vuốt ve. Nó chịu. Đức luôn luôn nói nựng chó, và vuốt ve trên đầu nó, rồi mở hẳn bao bố cho nó ra. Nó ở bao chui ra, đứng sừng sững như nghĩ ngợi gì. Có lẽ là sợ Đức, không dám cần nhưng không nhận Đức làm chủ, Đức lấy chậu cơm cho ăn. Nó đói quá, nên ăn ngay, nhưng không ve vẩy đuôi như mọi con chó khác, lúc chủ cho ăn. Tất cả cử chỉ của nó, như thấy số phận mình thay đổi, nên cần thận mà xem con tạo xoay vần ra sao, để còn đối phó cho kịp thời.

Đức cho chó ăn xong, lấy nước cho uống rồi xích nó lại. Đức phải nhốt chó trong buồng đêm nay vì đề ngoài sợ nó kéo đứt xích chạy trốn. Chàng ta bèn cần thận xích chó vào chân bàn trong buồng, rồi đóng cửa buồng lại, rồi lên buồng ngủ trên gác. Trước khi lên gác, còn lắng tai nghe xem con chó có phản ứng gì không.

Sáng hôm sau, Đức xuống buồng nhốt chó. Chó không mừng và cũng không cần. Trông vẻ nó nghĩ ngợi như muốn khám phá tại sao đã xảy ra bao nhiêu sự rắc rối vừa qua. Đức gọi nó, nó làm ngơ đi. Đức sờ mó nó, vuốt ve nó, nó chịu với một vẻ miễn cưỡng. Đức nhẩy tai nó ghe, bên lấy thuốc và bông gòn cọ tai ghe cho nó. Nó không dám cần lại, đành chịu để cho Đức rửa và bôi thuốc. Nét mặt nó lúc nào cũng có vẻ buồn, cố nhịn, và bực mình nữa.

Rửa tai xong, Đức mở cửa buồng, rồi tháo xích ở chân bàn, để cho chó ra vườn, lê xích theo sau. Nó vừa ra khỏi cửa buồng, trông thấy cửa ngõ, bèn lao mình về phía đó, mà chạy ra đường. Đức lật dật đuôi theo, dầm lên xích kéo lê, và bắt chó lại. Nó giằng co với Đức, nhưng không kêu lên gì cả, và con mắt nhìn Đức có vẻ nói :

— « Bận gì đến ông. Tôi đang tự do, tự túc, chẳng nhờ ai. Ông bắt tôi về, làm phiền tôi lắm ! Tôi đi đây. Ông phải để cho tôi đi . »

Đức hiểu như thế, nên lại nói nựng chó, rồi bế nó về nhà. Xích nó lại vào chân bàn, khóa cửa buồng rồi đi làm, và dặn người nhà phải để chính tay Đức cho chó ăn.

Đến trưa, Đức về. Chó vẫn không mừng Đức. Đức cho ăn thì ăn, song Đức gọi nó thì nó làm ngơ đi, như có vẻ không muốn biết Đức, và không cần Đức. Chàng ta lại gần, vuốt ve nó, như đề an ủi nỗi buồn của nó. Tuy hơi bực mình vì chó gọi mà không mừng, không lại, nhưng trong lòng Đức cũng hơi kính trọng con chó vô chủ này, đã quen tự do, tự lập, lúc bị vô lực và mưu cơ bắt đem về nhà mà vẫn còn giữ lại được tinh thần tự trọng, khác xa với những con chó có chủ, không bao giờ biết tự do tự trọng là gì. Đức lại gọi nựng chó, chó vẫn lỳ ra đấy.

Đức chép miệng và tự nhủ :

— Chó này khác gì Từ Thử đầu ! Bị bắt buộc theo Tào mà vẫn giữ cốt cách của mình ! Thực là khác xa một bọn người, đang tự do, mà vì miếng ăn, tự đem thân làm chó cho kẻ quyền quý !

P.S.B.

CUNG CHÚC TÂN XUÂN

SUYỄN

Là bệnh khó chữa hơn hết, uống khôi ngay trừ tuyệt căn, chỉ có thuốc Suyễn THU-HƯƠNG được tín nhiệm.

Trúng-Cảm-Cấp-Cứu THU-HƯƠNG

Là một thứ thuốc có biệt tài : 1) Trị từ thời CẨM MAO ; 2) Trị đột nhiên bị TRÚNG-PHONG Cầm-Khâu, bất tỉnh ; 3) Trị chứng nổi MỀ-ĐAY ngứa gãi đều rất thần diệu ; Nên mua sẵn đề phòng, sức khoẻ được bảo đảm chắc chắn.

Nhà Thuốc THU-HƯƠNG

(ĐÔNG Y-SĨ BUI-VĂN-THU)

331-4A đường Phan-th-Giân (tại chợ Vườn Chuối) Saigon
COI MẠCH, Thông trị các bệnh : Nam, Phụ, Lão, Ấu.

CÂU TRUYỆN GIỮA THẦY TRÒ

(Tiếp theo trang 31)

ban giáo dục của UNESCO. Ông đã đi thăm nhiều nước, nghiên cứu về vấn đề giáo dục ở các nước để mong tiến tới một nền giáo dục quốc tế khả dĩ khiến cho các dân tộc dễ hiểu nhau. Đến VN ông chú ý đặc biệt tới trường Q.G.S.P vì theo ý ông nó phải đóng một vai quan trọng trong việc giáo huấn dân tộc. Bởi vậy ông muốn được tiếp xúc với các giáo chức.

Ông kể lại rằng đã được đi thăm hết các nước Âu châu và một số nhiều các nước Á châu. Ông thấy có bốn phần làm việc thông tin và đem trình bày những nhận xét đã ghi được. Theo ông thì hiện nay trong dư luận quốc tế có 2 điều nổi bật hẳn lên về vấn đề giáo dục. Một điều là ở Á châu cũng như ở Âu châu người ta phản đối kịch liệt cái khuynh hướng muốn đem văn hóa của một dân tộc này chồng lên văn hóa của một nước khác (tức là chủ trương của các thứ đế quốc thực dân). Làm như vậy thì văn hóa của dân bản xứ bị bóp không nảy nở lên được mà văn hóa mới cũng chẳng sao bám rễ xuống sâu, nó chỉ có thể như một lớp sơn phủ ngoài, rất dễ bong lờ đi. Rút cuộc chẳng lợi cho ai mà còn đặt ra nhiều vấn đề khó giải quyết quá. Phải để cho mỗi dân tộc tự tìm lấy đường lối phát triển văn hóa của mình, trong khi tìm cách thích ứng với hoàn cảnh kinh tế, xã hội... Chẳng hạn như ở VN thì về kinh tế phải chuyển dần từ chế độ nông nghiệp qua chế độ kỹ nghệ. Về xã hội từ chế độ thuộc địa qua chế độ tự chủ. Theo ông thì trong số những tài liệu phân kháng, được chú ý nhất là những luận án của mấy giáo sư ở Manila và ở Tokyo.

Còn điều nữa là tại các nước Âu châu người ta đang trù tính việc cải tạo nền tảng giáo dục. Kinh nghiệm cho thấy rằng hiện nay các cấp bậc đại học nặng nề quá mà nền tiểu học lại bị sao lãng rất nhiều. Thành thử công cuộc giáo dục cho cảm tưởng như một cái buyn-dinh đồ xô cất trên một cái nền móng đóng cọc tre; nó có thể lộn nhào lắm. Người ta cần phải củng cố cho cái nền tiểu học thực vững chắc để cho thanh thiếu niên được huấn luyện lấy cốt cách làm người đã, rồi lên đại học mới sẽ lo trở nên nhà chuyên môn.

Rồi ông lại thêm: "Nhưng đây chỉ mới là đường lối cải tạo được phác ra như thế, còn việc thực hiện tất sẽ cần nhiều thời gian; bởi vì còn có vấn đề quyền lợi của các cấp bậc xen vào. Một cuộc xếp đặt lại các giá trị không mau chóng được".

Câu chuyện của B.S. Hana tóm tắt có thể, các anh thử suy nghĩ xem sao.

Hầu hết cả lớp có vẻ hứng khởi. Trong số người đề đạt, có anh A đứng lên xin nói.

— Thưa thầy, con nghe có người nói: "Những lời tuyên ngôn chính trị bao giờ chẳng đẹp ư?".

Thầy đáp: Đúng như thế đấy. Cho nên một chính khách mà chỉ nói là "đẹp" còn làm thì "xấu" tất rồi sẽ không ai tin được nữa. Nhưng lại phải nhận định rằng nếu lời của họ mà dân cho là đẹp thì tất nó phải phù hợp với nguyện vọng của dân chứ? Trong trường hợp câu chuyện của B.S. Hana nếu nó được nêu lên để tuyên truyền thì ít ra nó cũng mô tả đúng ước vọng chung của nhiều dân tộc. Chúng ta được biết: Có nhiều dân tộc cũng mong muốn như chúng ta, thế là đủ được khuyến khích rồi. Chứ muốn phát triển văn hóa của mình mà lại định mong chờ gì nơi kẻ khác?

Và lại cũng nên để ý câu nói rất thực tế của ông Hana: "Một cuộc xếp đặt lại các giá trị không thể mau chóng được". Nghĩa là mình muốn thay đổi thì phải biết vượt qua những quyền lợi nó muốn duy trì những giá trị hiện tại.

Anh C hớn hờ đứng dậy xin nói:

— Con có ý kiến này, may ra có thể giúp cho chúng ta tiến mau được. Nếu như trong công việc xếp đặt các ngạch công chức và ấn định chỉ số lương, Chính quyền đặt ra kỳ thi về Văn hóa dân tộc, với một hệ số nào đó, rồi căn cứ vào kết quả thi mà định đoạt thì thực là tiện, và rất lợi cho sự phát triển Văn hóa dân tộc.

Cả lớp cười ồ. Thầy cũng cười và đáp:

— Nghĩa là anh muốn cả đạo đức dân tộc cũng được chứng nhận bằng một văn bằng phải không? Coi chừng đấy! Với thành kiến "Văn bằng là trí thức" đã một lần rồi, nếu lại thêm "Văn bằng là đạo đức" nữa thì nguy!

Rồi thầy tiếp luôn:

— Thôi để tóm tắt lại thế này:

Không nên quên rằng giáo dục là một công trình trường cửu, nó đòi nhiều thời gian mới có kết quả. Trong thời gian đó cần phải cố gắng thực sự,

CÁ THIA - THIA

(Tiếp theo trang 38)

(Trong hình in theo đây là cá xiêm giống "xanh đỏ" cha cá xanh, mẹ cá đỏ) nên cá vậy xanh, kỳ và đuôi đỏ, và cá này đã lai một đời nên đã khá dài đòn. Loại cá xanh cần giữ nhưng bờ hơi, nhà nuôi cá chuyên môn đúc giống này với giống cá đỏ để dung hòa cái bển nhọn của giống xanh với sự bển gan giỏi chịu đựng của giống đỏ). Trong kèo lớn, tôi thả con cá xiêm to, định khi nào con cá mái đến lứa trứng già sẽ đỏ chung cho ép mái gây giống mới. Vì cá trống là giống đỏ tôi tôi lựa con mái giống xanh để sau này được cá "đỏ xanh" bển như cha và dữ tợn như mẹ). Con cá của tôi là cá do một thủy thủ chạy tàu đường Saigon-Bangkok, lên mua cá trong hoàng thành, nuôi trong ông tre gỏi chuyên tay đến Ba tôi, nên quý lắm, vậy ông ánh như lửa, kỳ trên nhọn như đầu búp việt và đỏ chói, kỳ dưới vừa đỏ vừa dựng gáy đứng xuống xem hùng vĩ khác thường.

Thần lẩn quen mừng cũ, thấy nấp kéo đây không kín thì ăn quen, mon men dón nhập vào trong, định bẻ bắt cá ăn tươi như kỳ trước. Tôi thấy con thần lẩn cũng ngán giùm cho cá, vớt to và mập, trắng phau như một ngón tay của mỹ nhân: có lẽ sức mạnh nó không vừa khỏe như võ sĩ vừa tinh lạnh như người đẹp thì quả là một địch thủ đáng sợ cho con cá xiêm cực mịch của tôi vốn tánh dè dặt sẵn, thần lẩn dõm trên dõm dưới, ngó trước xem sau, không khác Lê Huê khấn trận, đường hoàng đầu đỏ rồi mới bỏ lần lên miệng kèo.

Đang này, tôi nên quýnh, không dám nhúc nhích cực kích chờ dịp sẽ tiếp cứu và ám trợ con cá càng.

Thần lẩn bỏ nhẹ như tên du kích lảnh nghề, mắt lườm lườm con cá dưới đáy kèo rình xem nhút cừ nhút động. Tôi nín thở, pháp phòng lo sợ cho cá. Thần lẩn xoay đầu trở lên, lúc chột mũi khỏi miệng kèo, bốn chân hít cứng vào cổ kèo thủ thế như thủy quái vô, cặp mắt liếc ngoáy trở xuống theo dõi hành động con thủy vật. Thế thủ vững rồi, thần lẩn ra ngón độc. Nó thò đuôi phớt mặt nước, lay động nhẹ nhẹ giả bộ đó là con quăng đang biến thành muối hoặc giả bộ con ruồi vừa sa cơ té xuống nước và đang giãy từ đề như con cá hồ cơ. Nếu lúc ấy thia thia không khéo đề phòng, trời lên dớp nước, ơ hờ hoặc vô tình tưởng quăng muối trăn trăn vừa định tấp ăn, khi cá vừa tấp dòn thì thần lẩn, lẹ như chớp, phóng mình xuống và dùng đầu làm củ chùy đập mạnh vào đầu cá. Tự nhiên người có thủ thế thì đánh chắc ăn người không đề phòng và miếng dòn độc «coup de tête» mười phần lợi hại của con vật bốn chân đã ăn đứt con vật có vây: cá giãy từ, thần lẩn ngoạm cá vào hàm như cá sấu nuốt người, lợ ra khỏi kèo, đèo xác cá ra ngoài ăn tươi ngon lành: mọi việc xảy ra lẹ như chớp và vẫn mau hơn công việc như tôi dài dòng văn tự lúc này.

Nhưng đó chỉ là ước định mà thôi. Phen này thần lẩn quả tợn số nên khiến gặp con cá xiêm đỏ đề trứng, vô lực phi thương. Cá lợ lên gần dụng mặt nước, nghiên cứu hành động thần lẩn và khi rõ ác tâm kẻ thù, cá bển tiến hạ thủ.

Thay vì đứng ngẩn ngơ chờ chết, cá lợ vòng núp mình dưới bọt không cho thần lẩn thấy bóng.

cố gắng về mọi phương diện, nghĩa là không từ phương diện thực tế. Có thể mới mong khiết dân được thực tế đi theo hướng phát triển của dân tộc.

Lại dưới chó độ dân chủ thực sự, thì toàn dân đều phải cố gắng, mỗi người nhiều ít tùy theo địa vị và nghề nghiệp của mình trong đời sống xã hội. Có thể toàn thể mới thành một khối, không bị rã rạc, nứt rạn, không đi tới đảo lộn rồi tan rã.

Riêng về giáo giới và ở cấp bậc chúng ta, thầy trò cần phải nhắm cho đúng mà cố gắng theo tôn chỉ (thường chánh quyền cũng vẫn nhắc đến về phương diện văn hóa) là: *Củng cố và phát triển truyền thống đạo đức dân tộc*. Không nên quá quan tâm đến những lệch lạc ở chỗ này hay chỗ khác, mà có khi chính chúng ta cũng bị ảnh hưởng rồi thiên lệch đi, chẳng lệch sang hướng này thì lại lệch sang khác. Có thấy rõ được con đường nghĩa vụ của mình mới mong hướng dẫn thế hệ tương lai theo đúng nghĩa vụ của họ.

Cuộc thảo luận đến đây chấm dứt vào hồi chuông tan giờ học.

Bài tường thuật này cũng chấm hết, và theo thường lệ nó chỉ được xếp vào cặp giấy để lưu trữ trong ngăn kéo. Nhưng lần này nó lại có duyên may được gửi đến tòa báo "Tự Do" để đăng vào số "Xuân". Hay còn may hơn nữa là tiết Xuân sẽ đem lại cho những ý kiến trình bày trong đó một thứ sinh lực nào đó nảy nở cũng như cây cỏ gặp tiết Xuân chẳng?

NGUYỄN GIA TUƠNG

Thần lẩn quờ quờ hồi lâu không thấy cá lên ăn mồi, định chừng cá chưa thấy rõ nên trụt mình xuống thọc đuôi xuống nước sâu hơn ban này, không đề chính lúc thần lẩn dõm bộ, con cá cao tài chụp phóng mình lên khỏi mặt nước nhằm ngay cạnh đuôi con bển căng ngoạm mạnh cả hai hàm như hai họng kèm thép già.

Thần lẩn không kịp đề phòng, thất thế buồng thông rơi xuống nước, lợ bần loạn như tên trộm té sông mặc tình cho cá xiêm tứ dằng xa phóng vào thần lẩn lựa những nách non, bụng bờ mà cắn miếng nào đáng miếng này. Đờ chừng độ ba miếng độc thủ và hiểm ác làm vậy đã thấy thần lẩn từ cống mạng cùi, xác bạc ngửa trôi lều bều còn cá xiêm biết con vật kia đã không cử động thì ung dung trằm xuống đáy nghĩ một không khác một tiếng sấm sau khi thăng trận, đứng thờ đờ mặc dầu chưa giải giáp!

Tôi cười đắc thắng chia mừng với con cá càng, lấy vớt xác thần lẩn chôn chung mồ những địch thủ vô danh và thay nước cho con cá xiêm vô địch. Thủ này đã trả ít nhiều, mặc cho bài pháp văn vì không đủ thời giờ đâu có kềm luyện mai này thầy có quờ phạt cũng đành.

Đỏ mái cá thia thia: Nhà chơi cá muốn được giống hay phải tự mình lựa cá và đúc cá lấy. Cá trống cần lựa giống ăn độ rồi và mình đã biết chắc những tài sản có: giỏi chịu đòn, cần dữ, biết dõm hồi mã thương, biết quây mình đánh địch thủ bằng đầu, biết dõn "cầu nước" hàm trên, hoặc cầu hàm dưới "tức là cắn ngay hàm con cá địch, ngậm lại và trít xác xuống đáy, vừa lấy thế nghỉ một vửa đầu tài nín hơi, con nào không đủ sức chịu đựng nín hơi không nổi sẽ giựt hàm chịu thua và chạy luôn có cờ. Đến như cá mái lấy giống phải lựa cá mạnh dạn, trúng đứng lứa thật già. Hai con đều cho ăn no thật no, để để giấy lát không ăn trúng đề ra. Nên lựa đầu mùa mưa là mùa cá sanh sản và lựa ngày vẫn vũ chuyển mưa lớn là ngày cá có thiên tính biết rằng hạp với sự gây giống; rồi lựa một bồn rộng miệng cho dễ sang sót cá nhỏ và để cho ăn, rộng nước khá khá và chỗ quây kiếm bèo lớn thả vài tép cho cá gây hứng và thêm dạn dĩ. Nếu ép cá vào ban đêm thì ít sợ cá mẹ ăn trứng. Bằng ép ban ngày thì phải đề phòng, khi nào cá trống ép vài lần thì vớt cá mẹ ra, bằng không cá mẹ do thiên tính sẽ ăn trứng của nó lại, không sao tránh được. Cá trống thì khác. Tôi kinh nghiệm thấy trong giống cá, con trống có tính phụ tử nhiều hơn con mái, bằng chứng là từ ngày ép mái, cá trống không khi nào ăn con quăng, thả nhện dõm chịu ồm tong ồm reo hơn là hạ sát đoán con thơ lúc nhúc rất dễ làm với lạng quăng mền. Ta có thể triết lý rằng tình là khổ, có đau đớn mới nảy ra tình, vì bắt đầu đề vô chậu, cá mái không để gì chịu trống liên khi ấy. Nó cũng phùng mang giương vì cần lại con trống, so tài thủ sức như Phan Lê Huê đại chiến Tiết Đình San.

Ngược lại cá trống khi biết được đối thủ là giống đẹp thì không khi nào dám trở mặt vô phụ. Một đàn cá trống trở mường ra mặt, phùng xoè khoe giáp khoe vây, giữa mưa trước cá mái như công tử ghẹo gái, vừa lên làm bọt thêm đề sau thành ồ cho trứng cá đề ra gỏi vào đó cho đến ngày sanh nở, vừa quây thảo nhiều vòng cho mái biết tài ta đây đủ sức và vốn là aeh hùng vô địch. Một đàn cá mái ít khi biết phục thiện, và đến chừng nào sẽ hay, bây giờ vẫn quạt đuôi đầu sức khoe tài, khi ấy cá trống mới dùng vô lực áp đảo, cần mạnh vào mình cá mái cho đến khi nào cá mái xếp giáp qui hàng không lợ chạy nữa.

Cá mái lờ dờ lợ một chỗ, cá trống khi ấy lấy mình vốn tròn lại, bắt từ đầu con mái, con trống cần đuôi khoanh mình ép mạnh lần lần ra sau. Trúng cá từ từ trong bụng mái lợ dợt rớt ra, vừa thọ tinh con trống vừa lợ dợt rớt xuống đáy chậu. Hai con thú mình run lầy lầy rớt lần xuống đáy, tề lờ mề, dụng đáy mới giạt mình lợ lên đáp nước lấy hơi khỏe và tái diễn trò thiên niên gây giống kiếp kiếp đời đời. Cá mẹ sạch trứng thì thôi chịu trống phải vớt ra, trong chậu hoặc kèo chỉ để cá trống cho ở lại đó để nuôi con. Cá trống làm phận sự người cha chu đáo lắm. Nó lặn xuống đáy dùng miệng ngậm nhẹ từng trứng một đem lên gần vào bọt. Liệu chừng bọt mỏng thì phai phun nước miếng thêm đề bọt đủ sức chịu đựng về trứng non chờ đủ mấy ngày đó thì trứng nở ra cá con, ban đầu chỉ thấy dạng đen đen rồi lớn dần dần thấy nhúc nhích nhỏ xíu như đầu mũi kim, rồi to thêm chút nữa gần như lạng quăng mền. Như da noi cá trống trong lúc nuôi con, vẫn nín ăn và hy sinh như vậy trọn những ngày ở gần bảy con nhỏ bé, đầu tìm cách nào cho ăn, cá trống vẫn từ chối món ăn, hy sinh đến thế là cùng. Khi nào

(Xem tiếp trang 46)

(Tiếp theo trang 14)

Dany lộng lẫy trong bộ áo trắng toát dành riêng cho những buổi dạ tiệc. Đôi vai nàng nổi nà thon thon nhỏ, trên ngực nàng một cánh hoa lớn bằng nhung đen nổi bật trên nền tuyết trắng. Gờ mái tóc, nàng ngừng đầu nũng nịu hỏi tôi :

— Thế này đã được chưa, anh ?

— Đẹp lắm rồi, em mau lên không lại muộn mất thôi.

Tôi dẫn Dany xuống tầng dự dạ hội tại phòng khánh tiết. Bà Gruska thấy tôi nhận nhời dẫn hộ con gái đi dạ tiệc, sung sướng bảo tôi :

— May mà có ông đi tiễn, lại chiều em ; giá không có ông thì lại khổ thân tôi. Rồi bà cười nói tiếp : già rồi còn gì mà em nó cứ bắt hết đi nhảy chỗ này lại đi nhảy chỗ khác.

Đứng sau lưng mẹ, Dany nheo mắt trêu tôi, tôi tai ác chọc nàng :

— Nhảy múa là trò giải trí của con thơ. Người lớn thường hay đi ngủ sớm ; vì Dany hãy còn bé bỏng tôi cũng xin chiều. Lẽ ra hôm nay tôi bận. Thật là nề có ấy lắm...

Dany nhún vai vào tôi, tôi ngạc nhiên vì cô gái hãy còn thơ ngây quá.

Đèn và hoa tung bừng bốn phía. Tiếng nhạc khoan thai, trầm bổng quyến rũ cả lòng người. Sân nhảy thì bóng nhoáng và mệnh mông rộ. Những tà áo muôn màu quay cuồng theo điệu nhạc valse. Tôi đỡ Dany ra sân và nhập cùng bọn người đang say men nhạc. Nhịp bước khoan khoan khi rộn ràng, khi dịu dặt theo điệu nhạc bằng trầm. Dany đặt tay trên vai tôi :

— Ở đời không gì đẹp bằng một khúc nhạc của Strauss.

Tôi âu yếm đáp :

— Ở đời không gì đẹp bằng cặp mắt xanh Dany. Nói xong tôi cúi xuống hôn nàng.

Một tiếng chuông gõ mạnh loi chúng tôi về thực tế. Tôi dắt Dany về bàn uống nước. Sau một giấc mê bao giờ người ta cũng phải lộn thế giới hiện tại và sau giờ phút ly-tao bao giờ cũng gặp phủ phàng. Dany ngả đầu trên vai tôi, buồn rầu hỏi :

— Bao giờ anh trở về Ba-lê ?

Một gáo nước lạnh dội trên đầu. Tôi giật mình trước câu hỏi độc ác đó. Tôi thầm tự nguyện rửa là lại một phen nhảm thực với mộng, lại một phen xây lâu đài trên mặt biển sóng cồn. Câu hỏi đó thấm qua làn da, thốt thốt, tê buốt cả tâm can. Tôi như kẻ không may hối tiếc canh bạc vừa qua. Tuy nhiên tôi cố bình tĩnh trả lời :

— Còn ba hôm nữa em ạ. Nhưng không lo, anh sẽ bàn cùng Michel cách đón em về Ba-lê chơi.

Dany mừng reo lên :

— Thật không anh ? Làm sao em được má cho phép sang Pháp thăm các anh thì thích quá. Làm sao, làm sao được hở anh ?

— Tôi sẽ nói tay lên miệng cho tăng về bí mật :

— A chưa có thể nói ra được sợ tiết lộ thiên cơ. Anh đã tìm được mưu kế rồi, chỉ còn đợi dịp thi hành : dẫn em dạo bên sông Seine, thăm đảo Cité, đi lễ đền Đức Bà...

— Anh nhớ dẫn em đi thăm cả Ba-lê Âm nhạc viện, anh nhé.

Vừa lúc đó đèn ngả sang màu đỏ chói, một khúc nhạc tango lé thể như muốn kéo giải ảo mộng thuở thiếu thời !

Xuất đêm trừ tịch, tôi bàn khoản với dự định đón Dany về Ba-lê. Bà Gruska mướn Michel và tôi lái, chắc thế nào cũng bằng lòng để con sang Pháp thăm người anh họ.

Và tôi, tôi nhất định đón Dany về Ba-lê trong dịp Nguyên Đán và năm đó rơi trùng ngày lễ Mardi-Gras. Mười lăm ngày nghỉ lễ thoải mái như một giấc mộng xuân. Và lại trên thế gian này có chi vĩnh viễn trước thời gian, nghĩa tan hợp tự ngàn xưa đã có. Nếu biết nhận định rõ ràng như vậy, may ra ta có thể tránh được ít nhiều đau khổ.

Dany nhất định sửa soạn hành trang cho tôi.

— Để em làm cho. Phải là đàn bà mới biết bí quyết xếp chiếc va li cho gọn.

Tôi soa đầu ngón tay lên vai em :

— Chỉ còn hơn một tháng nữa chúng mình sẽ gặp nhau ở thủ đô Pháp.

Không thấy Dany trả lời, tôi hỏi gặng :

— Phải thế không em ?

Tận lúc đó tôi mới nhận ra mắt nàng ăm ứ đầy lệ. Được thế Dany òa khóc to. Tôi hãnh diện ghì chặt lấy đầu nàng trong tay, nghe nàng thồn thức. Giọt nước mắt Dany lạnh buốt thấm nhuần qua lòng tôi, xé nát tâm can tôi như những giọt nước cường toan mãnh liệt.

Tâm hồn tôi toi bời, cổ nức đau thương, tôi can đảm :

— Khóc đi em, khóc thật nhiều cho hả, khóc cho hết để không bao giờ anh còn phải trông thấy giọt nước mắt của em nữa.

Và tôi cố làm cho Dany cười :

— À, anh biết tại sao Dany khóc rồi. Tại em sợ phải gặp anh tháng sau ở Ba-lê, phải không ?

CẢNH HOA MÙA TUYẾT

Cô gái nhỏ bật cười và dấm tôi túi bụi.

Bà Gruska và Dany nhất định tiễn tôi ra ga, tôi kháng kháng từ chối. Dany không hiểu tại sao, mà nàng hiểu làm sao được. Chỉ ai từng chứng kiến thảm cảnh chia tay trên sân ga, bên bến tàu mới hiểu cái sầu ly biệt. Không gì ngu dại bằng cảnh kẻ ở người đi, hay nói một cách khác, không gì khổ ố cho bằng. Và tôi, tôi muốn tránh quang cảnh đó.

Mắt bà Gruska rưng rưng lệ, bà ôm tôi hôn trên má như thường hân duyên thuộc trong nhà. Tôi nắm chặt tay bà cho lòng quên cảm xúc. Còn Dany bém hình, chìa má cho tôi và nói :

— Chào anh Đạt Vi, người anh họ nhỏ bé của em

Rồi nàng bảo tôi :

— Anh hôn hộ Michel cho em bốn chiếc, kén như thế này này.

Và nàng ghì đầu tôi xuống.

Tôi nhận thấy Dany rất can đảm và tôi sung sướng như một người ích kỷ. Tôi hẹn Dany :

— Tháng sau em nhé, tháng sau chúng ta sẽ dạo phố Ba-lê.

Nàng không trả lời, chạy biến về phòng.

Mãi về sau tôi mới biết là hôm đó Dany đã khóc, khóc nhiều lắm. Tôi cũng đã đoán vậy.

III

Trở về Ba-lê, hòa đời mình với nhịp sống sinh viên, có ai dám thủ thật chán nản của mình, có ai can đảm lộn lại thực tế mà không ít nhiều luyến tiếc những ngày tươi đẹp vừa qua. Tôi trở lại Ba-lê, sau mười lăm ngày tuyết trắng với cả hình ảnh người yêu trong tâm khảm và tôi cũng không thoát khỏi công lệ nhớ tiếc vu vơ. Nhưng tôi còn may mắn hay không may mắn chờ ngày Dany tới thăm thủ đô Pháp.

Năm nào cũng vậy, cách tết Nguyên Đán chừng nửa tháng, Việt kiều ở Ba-lê lại tung bừng sửa soạn đón Xuân về. Nhất là trong giới sinh viên, vì số du học sinh đông, việc nghênh Xuân lại càng long trọng hơn nữa. Nào dạ hội, nào khiêu vũ, nào hí kịch anh em du học đường như muốn thò lộ tình yêu quê hương bằng các dịp mua vui lạ mắt. Trong khi đang bận rộn cùng anh em ở học xá sửa soạn đêm Nguyên tiêu, tôi hồi hộp mở bức điện tín báo tin Dany sẽ tới.

Phi trường Orly tung bừng dưới ngàn lá cờ xanh, đỏ. Nếu cảnh tiễn đưa thể thâm bao nhiêu thì giờ phút đón chờ hoan hỉ bấy nhiêu. Trên trời nét mặt, một tia hi vọng trong ngàn kẻ mắt. Thành thạo máy phát thanh lại ồn ào bằng ba, bốn ngoại ngữ đưa tin. Máy cẩu bé nhỏ nhỏ, xinh xinh chạy đi, chạy lại lằng quằng, chỉ chờ những chiếc phi cơ óng ánh dưới tia nắng hiền mùa lạnh.

Giữa quang cảnh huy hoàng đó, Dany hiện ra, trở về với tôi sau bao nhiêu ngày xa cách. Chúng tôi lặng im, chỉ nhìn nhau sung sướng. Câu nói nào, cử chỉ nào trên thế gian này biểu lộ được tâm trạng hai kẻ đang mãn nguyện vì hạnh phúc. Giá vờ như không trông thấy Dany, tôi tiến lại phía nàng, dụng phải chiếc va li nàng nắm trong tay, tôi nhìn mặt :

— Ô !.. cô thật vô ý.

— Ông nên mau mau xin lỗi tôi thì hơn, Dany hóm hỉnh trả lời.

— Cô phải xin lỗi tôi mới đúng, nếu không thì...

Dany ngheh cò, kiêu căng :

— Nếu không thì sao ? thưa ông.

— Nếu không thì tôi sẽ bế phát cô ra taxi và tôi sẽ hôn khi cô ngất thờ.

Chúng tôi xung sướng khoe tay nhau chạy vội kiếm ta-xi như những cặp tình nhân vội vã. Trong xe, trên con đường thẳng tắp, một ngàn câu hỏi liên tiếp, một ngàn câu chuyện kể cho nhau nghe như chúng tôi phải xa nhau hàng ngàn thế kỷ.

Trời Ba-lê, mỗi khi mùa lạnh tới ừ rừ trong mây mù đậm đặc, cách xa nhau một vài thước đã không trông rõ mặt người. Dany nắm lấy cánh tay tôi như sợ bị lạc trong cảnh phong sương đó.

Bao nhiêu cảnh đẹp huy hoàng của thủ đô ánh sáng mà Dany thường đọc qua báo chí hoặc tiểu thuyết, mà tôi đã kể đề nàng nghe nay hầu như biến khuất hẳn sau màn khói lạnh. Điện Đức Bà mọi khi hãnh diện bên bờ sông Seine nay chỉ còn là một tòa nhà cổ kính lâu đời đương thì gan cùng gió buốt. Dany thất vọng bảo tôi :

— Em vẫn đinh ninh là đèn Ba-lê sáng rực một góc trời, người Ba-lê vượt sức người tưởng tượng.

— Ba-lê xưa nay vẫn nổi tiếng là kinh, kỳ ánh sáng, em ạ. Nhưng Ba-lê chỉ đẹp mùa Xuân, những đêm mùa Hạ, buổi sớm mùa Thu. Mỗi khi Đông tới, kinh thành này chỉ giống như một bà già co ro chịu rét, phải thế không em.

Dany chỉ ừ ừ trả lời. Tôi nhận thấy vẻ mặt

thất vọng của Dany mà thương hại nàng, tôi đề nghị.

— Bây giờ chúng mình đi ăn cơm V. N. em nhé, bây giờ chính là lúc anh trở tài cầm đũa cho em coi.

— Tùy ý anh, anh định sao em ưng vậy. Dany trả lời.

Tôi tìm cách làm cho nàng hài lòng :

— Em tôi ngoan quá.

Chúng tôi dắt nhau vào một tiệm cơm Trung Hoa ở xóm La tinh.

Có lẽ cách bài trí trong tiệm làm Dany ngạc nhiên nhiều lắm. Nàng nhìn ngang, nhìn dọc rồi bắt tôi giảng nghĩa những hàng chữ Hán viết nguệch ngoạc trên tường. Tôi phải dịch năm bảy lần mới lột hết nghĩa của * Nhân khan nhân tận tụy, Hà nhân độc vi tinh. (1).

Chắc tôi bắt tài nên không làm cho người con gái tây phương hiểu hết cái say sưa của những thi nhân cổ điển. Dany miễn cưỡng ghì gù cho tôi vừa ý, tôi tin rằng những câu đường thi ngọt ngào chỉ hợp với tinh thần Á Đông mình và Dany không sao thông cảm được cái chênh choáng của họ Lý, họ Đào !

*

Đêm Giao thừa năm ấy tôi dẫn Dany về Học Xá cùng anh em sinh viên sửa soạn nghênh Xuân. Dany rụt rè nhập bọn với chúng tôi và có lẽ nàng cảm thấy bỡ ngỡ nên ít nói ít cười. Hay nói cho đúng hơn những câu chuyện bằng tiếng Việt đối với nàng chỉ là một tràng tiếng ngoại quốc khó hiểu. Dany bắt tôi dịch cho nghe mỗi khi nàng thấy khán giả cười rộ hoặc sau những tràng pháo tay ủng hộ. Tôi băn khoăn tìm hết cách để Dany hiểu. Nhưng giảng làm sao hết nghĩa những câu hài hước đầy ý nhị Việt Nam.

Dany quay sang phía tôi nói :

— Tại sao mọi người lại hoan nghênh nhiệt liệt như vậy được ?

Tôi nhún vai tỏ vẻ thất vọng :

— Mỗi dân tộc có một tinh thần trào phúng khác nhau, anh chịu không sao giảng cho em hết về nhĩ Á Đông.

Dany chậm chãi như đề kết luận :

— Nếu em không nhầm thì Kipling đã nói * Đông là Đông, Tây là Tây. Hai nền văn minh khó mà hòa chung nhịp sống...

Tôi đoán chắc rằng Dany không cảm thông hết hương vị của Giao thừa, tôi muốn mời nàng đi khiêu vũ trong một hộp đêm nào đó. Nhưng tôi thật ra đêm Nguyên Tiêu đối với tôi thiêng liêng lắm : năm nào cũng vậy, chỉ đêm Giao thừa là tôi mới thấy rõ ràng thời gian chuyển hợp với nhau, giữa năm cũ đáp với năm mới có một khe hở mà thời gian không bù nổi.

Dany lễ phép từ chối nhưng tôi cũng hiểu là là người, lạ cảnh cô con gái Tây phương tránh sao bỡ ngỡ. Nàng hững hờ bảo tôi :

— Ngồi đây nghe âm nhạc một lát rồi hãy về anh ạ. Tôi đành lễ nhép thuận lời.

Sau khi dẫn Dany về khách sạn, tôi băng khuông trở về Học Xá. Đường tuy không xa nhưng tôi tha thần trong những hẻo lánh của đất phồn hoa. Bao nhiêu ý nghĩ triền miên trong óc tôi, quay cuồng đảo lộn làm lương tri thất định. Khi tôi tới Học Xá thì dạ hội đã tan. Trong phòng khánh tiết chỉ còn mấy chiếc ghế chông chờ. Những hạt hoa giấy bàn thiêu vương đầy đất chộn lộn cùng đất bụi. Trên mặt bàn còn lại 1 đĩa hạt dưa. Bất giác tôi vơ một nắm và từ từ bỏ rơi từng hạt 1 trên mặt bàn. * Ngày mai phải dạy Dany cắn hạt dưa mới được, tôi tự nhủ vậy rồi lên phòng ngủ.

Hôm sau tôi trở lại khách sạn đón Dany đi ăn cơm. Gõ cửa phòng hai ba lần không thấy trả lời, tôi thăm nghĩ : chắc cô bé còn ngủ và tôi trở xuống phòng tiếp tân ngồi đợi.

Bà chủ khách sạn nhìn tôi, hỏi :

— Ông muốn thuê phòng ?

— Không, tôi vội trả lời, tôi ngồi chờ có Dany Gruska mà cô ta chắc còn ngủ.

— Nhưng cô ta đi rồi còn gì, đi từ sớm hôm nay. Cô ấy vội vã lắm...

Tôi chạy vội ra cửa như muốn thoát khỏi câu nói chói tai của chủ chủ to béo. Tôi co chân chạy. Chạy thật mau, chạy thật lâu như muốn trốn thoát về mặt kính sợ của chủ chủ nhà. Và tôi ngừng bước trước cửa nhà Michel lúc nào không rõ. Tận lúc đó tôi mới cảm thông câu nói của Dany hôm trước. Người con gái giữa tuổi thơ ngây đã khôn lớn nhận định rõ ràng và đã can đảm tránh trước những phiền muộn sau này.

Đêm hôm nay, ngồi viết những giòng này dưới ngọn đèn khuya, tôi lại vu vơ luyến tiếc. Tiếc một nàng tiên tóc vàng đã hiện ra rồi biến mất. Tuy nhiên nàng tiên đó có để lại cho lòng trai một hương vị chưa cay, để sau này người trai đó mới thấy đời mình may mắn.

Mà biết đâu cuộc tình như vậy chẳng đẹp hơn nhiều : Suốt đời, tôi còn được thương nhớ người thiếu nữ tóc vàng như cúc mùa Xuân, mỗi thơm như những cánh đào đêm trừ tịch. NG. GIA KHÁNH

(1) Trích bài Quà Từ Già của Vương Tích.

ĐẾN KHI MA CHẾT

(Tiếp theo trang 22)

Chạng vạng tối hôm đó con ma hiện lên trước tiệm Hải Thọ được phòng, thoát tiên nó cảm thấy hồi hộp lo sợ, và quanh hiu chơi với hết sức. Nó chán nản cho đến nỗi không còn bụng dạ nào nghĩ đến chuyện báo thù nữa. Linh tính báo cho nó biết ngay nó đang sa vào nơi tử địa. Nó đứng ngất ngưởng trên nóc nhà Hải Thọ được phòng đảo mắt nhìn thành phố Saigon-Chợ lớn nhộn nhịp như là Nã phá Luân xưa kia nhìn tuyệt đồ xuống lục địa mệnh mông của Nga hoàng.

Ban đêm ở chỗ đó thị không tỏa âm khí lạnh lẽo. Trái lại sự sống càng lan rộng, càng náo nhiệt. Hơi nóng của sinh hoạt loài người bốc lên ngùn ngụt. Ánh điện sáng choang. Nó cố mở mắt lục tìm nhưng không gặp thấy một bóng ma nào lảng vảng. Đây là một con ma chuồng hết sức can đảm mà không tìm gặp được một đồng loại nào giữa xứ lạ rợn rùng như thế, nó cũng đâm lưỡng cuống rùn chí.

Con ma từ từ để rơi mình xuống đất, đứng bên lề đường thẫn thờ nhìn lên tấm bảng hiệu. Nó chợt ngạc nhiên. Tấm bảng hiệu viết thế này:

Hải Thọ được phòng

Chuyên trị các chứng bệnh nội thương ngoại cảm của nam phụ lão ấu.

Chuyên môn chữa 72 chứng đau mắt, bảo đảm lành hẳn.

Có bán đủ các thứ thuốc cao đơn hoàn tán và chính thuốc tây theo toa bác sĩ.

Nhưng đặc điểm của tấm bảng hiệu là trên bốn chữ Hải Thọ được phòng có vẽ một con mắt cực lớn. Chỉ có một con mắt thôi. Dĩ nhiên con mắt đó là của bảy mươi hai chứng bệnh chuyên môn của ông Hải Thọ, nhưng tại sao nó thuật lại y hệt cái sáng kiến của con ma trong đêm vừa qua? Một sự ngẫu nhiên tự nhiên như có ý mĩa mai trên ghẹo. Bị con mắt không lồ quái kỳ trên bảng hiệu ông Hải Thọ nhìn một lúc, con ma nhớ lại sự thất bại nhục nhã của nó đêm vừa rồi, và lòng tự ái xấu xa của loài ma lại xúi nó liều một phen sống mái với ông Hải Thọ.

Nó quên mất sự cô đơn của mình, cứ xông bừa vào gian nhà lạ sáng trưng. Ông Hải Thọ đang tiếp một người khách tầm vóc nhỏ bé, nước da trắng nhợt nhạt. Hai người đang bàn cãi với nhau náo nhiệt về chuyện mua một chiếc xe hơi cũ, sửa chữa qua loa, rồi đem bán lại, kiếm mười hai nghìn đồng bạc lời.

Ông Hải Thọ chợt đứng dậy, bước về phía chiếc quạt máy để trên bàn, mở mấy hột nút áo trước ngực, đứng án trước quạt hứng gió mát. Người khách cũng đứng lên, đi đi lại lại trong phòng, và rút từ trong túi quần ra một xâu chìa khóa tung lên trước mặt rồi đưa một tay ra đón bắt.

Khi xâu chìa khóa tung lên đến lần thứ hai thì con ma thất kinh. Như vậy là thế nào? Rõ ràng có hai chiếc đầu lâu trắng hếu bị treo lủng lẳng ở đầu sợi dây chuyền, cùng với một chìa khóa? Hai chiếc đầu lâu lớn bằng ngón chân cái. Có thể nào lão Hải Thọ chuyên môn trị chứng bệnh đau mắt lại có một người bạn chuyên môn hành hình các loài ma?

Con ma chuồng há hốc ngáy ra nhìn. Bỗng người khách đứng phắt lại, chỉ về phía góc phòng, chỗ bóng tối lờ mờ sau cái tủ thuốc, và kêu lên:

— Ôi! ôi! Này toa! Này toa! Xem cái này!

Ông Hải Thọ vội vã chạy đến. Lúc bấy giờ con ma mới giật mình hoảng hốt sợ hãi rằng trong lúc mải mê nhìn chiếc đầu lâu nó đã hớ hênh xuất lộ nguyên hình một bộ xương đứng nép trong xó nhà.

Bị mọi người đồ xô tới, nó kinh hoàng nhào ra, tung chạy vụt ra cửa. Và suýt nữa thì nó tông đầu vào một chiếc xe GMC của nhà binh vừa chạy ầm ầm ngang qua trước nhà.

Đối với một con ma thì sự lo dè dặt để lộ nguyên hình tích thiếu nào như thế cũng đáng xấu hổ như là một cô gái nhà lành để lộ liễu trọn vẹn tấm thân. Bởi vậy suốt đêm đó con ma không còn mặt mũi nào dám xuất hiện nữa.

Và nhất là sau này, khi nó hiểu rằng hai chiếc đầu lâu kia chỉ là thứ đồ chơi tiện bằng ngà thì nó càng tự thấy bị gạt một cách lỗ bịch.

Một con ma đầu có tông ngang vào đầu xe G.M.C. lẽ dĩ nhiên cũng không bị vỡ đầu và chảy máu lênh láng, hiển nhiên không được gọi đến làm biên bản, chỉ có người tài xế sẽ cảm thấy rùng mình ớn lạnh, hắt hơi vài cái, mí mắt phía trái của hắn giật giật năm bảy cái liên, và như thế là điếm báo trước rằng tương lai nghề nghiệp của hắn sẽ gặp nhiều điều thiếu may mắn mà thôi. Đêm hôm đó không phải bộ xương của con ma bị thương, nhưng lòng tự ái của nó thì chịu quá nhiều thương tích.

Về phía ông Hải Thọ thì cả nhà náo động lên nửa giờ. Bà Hải Thọ đem cả những điều ông đã trông thấy ở nhà cụ nghệ Hà ra thuật lại, ai nấy đều cho là những việc đáng khùng khiếp nhất thời đại.

Nửa giờ sau thì ông Hải Thọ và người khách có nước da trắng nhợt tiếp tục bắt chuyện mua xe. Rồi hai người rủ nhau đi xem đoàn xiếc Nhật bản. Thật khuya, ông Hải Thọ trở về, vẫn máy thu thanh nghe chương trình cổ nhạc, nhưng vừa được mười phút thì cũng vừa hết chương trình. Ông ta đứng dậy, mở cặp da, lấy ra một quyển sổ bìa cứng, lấy cây bút chì nguyên từ vừa gõ lên bìa « cộc cộc » vừa lưỡng lự suy nghĩ. Ông ta ngáp dài mấy cái. Rồi đi lấy nước sôi pha một cốc cà phê để trước mặt, cúi đầu xuống tính toán. Chiếc quạt máy quay vù vù bên một góc bàn.

Một lát ông Hải Thọ ngừng viết, ngẩng đầu lên, về mặt nhọc, ông ta bỏ cây viết, treo mười ngón tay kịch cộm vào nhau, bẻ lên kêu rắc rắc. Rồi ông ta chụp cốc cà phê uống luôn một hơi. Xong ông ta lại cúi xuống tính toán. Khi ngẩng đầu lên lần thứ hai ông ta tỏ vẻ khó chịu, cời chiếc áo sơ mi vạt lên lưng ghế, toan cầm viết trở lại, nhưng rồi quyết định xếp quyển sổ đứng dậy. Ông ta lấy cái đồng hồ đeo, lên giây kết kết, rồi vịn cây kim báo thức chỉ số năm giờ.

Khi ông Hải Thọ đã treo lên giường nằm rồi thì con ma trông thấy quạt máy vẫn quay vù vù, thật nhanh, cái đồng hồ vẫn kêu tích tắc và từ từ quơ hai cây kim, ngoan ngoãn cố tiến lên tới chỗ con số năm giờ sáng, trước nhà vẫn còn xe hơi chạy chiếu đèn pha vào tận trong buồng ngủ. Nó lấy làm bỡ ngỡ không biết ở chốn này đến bao giờ thì những hoạt động liên quan đến giống người mới chịu ngừng lại để nhường chỗ cho sự hoạt động của loài ma. Và lại cứ mỗi khi nó nghe tiếng một chiếc xe hạng nặng chạy ầm ầm qua cửa, làm rung chuyển cả ngôi nhà mà gia đình ông Hải Thọ vẫn ngủ ngon không thức giấc, tự nhiên nó nhìn lại cái chuồng nhỏ bé của nó, thấy rằng nó vô trang một thứ khí giới thật là không đáng kể.

Năm giờ sáng, chuông đồng hồ báo thức reo lên. Ông Hải Thọ thức dậy thì con ma hãy còn ở nấn lại dương gian. Nó thấy ông ta nuốt vội và một khúc bánh mì, uống cà phê, rồi dặn bà Hải Thọ:

— Có lẽ bây giờ trời chưa sáng lắm nhà Tài sinh đường sẽ lại đây mời tôi đến tính toán tiền bạc. Mình hẹn 3 giờ chiều. Tôi đi Lái thiêu, xuống đường bày vẽ công chuyện hùn mớ cái quán nước dưới đó, biết chưa? Tám giờ, từ Hồng sẽ đem lại cái lốp xe, mình trả tiền ngay cho nó. Sáng nay chắc ông Lợi sanh bên Khánh hội cũng đến tìm tôi, mình mời ông ấy ở chơi, mười giờ có tôi về... À, có nhớ là hôm nay mấy người thợ đến sửa cái ống nước không? Coi chừng, nếu họ đến không gặp mình lần nữa thì lại phải đi gọi và chờ đợi lâu lắm đó!

Bà Hải Thọ đáp:

— Tôi sẽ ở nhà đến tám giờ, gặp chú ba đảng Tài sinh đường và chú Hồng. Rồi tôi phải đi xuống Gia định chữa mắt cho thân chủ dưới đó, kể ghé Tân định nhận món tiền họ hứa hôm tuần trước, mình không nhớ nay là ngày mười bốn rồi sao? Nhưng tôi sẽ dặn lại chị Hai tiếp khách và chỉ công việc cho thợ sửa ống nước.

Nghe hai vợ chồng ông Hải Thọ nói chuyện đến đó, con ma thở ra một hơi dài rầu rĩ. Họ không hề dặn nhau dán lá bùa hay rải một ít giọt crê-syl vào chỗ xó tủ để đuổi tà ma. Họ không còn nghĩ đến nó một chút xíu nào nữa!

Ở thôn quê một chuyện ma, dù là chuyện ma bị gạt rất lỗ bịch, cũng không thể bị xóa tan đi nhanh chóng trong vòng chỉ có mấy giờ đồng hồ như thế. Nhịp sống gấp rút ở đây xóa tan một tin tức quan trọng đi nhanh quá.

Đại phẩm ở nơi nào chuyện ma biến đi nhanh thì bản thân loài ma cũng khó tự hình lại được lâu dài. Đó lại thêm một mối lo nữa cho con ma chuồng.

Tám giờ sáng, trước khi bà Hải Thọ bước ra khỏi nhà để đi Gia định thì có một việc xảy ra ngoài dự tính của ông Hải Thọ và của con ma chuồng. Đó là sự hiện diện một lần những bốn người khách mang máy ảnh. Bốn phóng viên nhật báo không hẹn mà cùng đến một lúc gặp nhau trước Hải Thọ được phòng để phỏng vấn và điều tra về câu chuyện bộ xương ma xuất hiện vừa rồi.

Họ ghi chép những lời tường thuật của bà Hải Thọ, chụp bóng chó sói, chụp bóng bà Hải Thọ, và họ lui ra đứng giữa đường chụp bóng luôn cả ngôi nhà có tấm bảng hiệu về một con ma: to tướng. Tất cả ba tấm ảnh đó không có ảnh nào ghi hình con ma, nhưng lẽ dĩ nhiên chúng sẽ chứng minh sự có ma.

Sáu giờ chiều con ma đã được phép vất vưởng trở lại dương thế. Nó nóng ruột chờ đợi ông Hải

Thọ, vì ông ta còn chạy công kia việc nọ chưa về nhà. Không phải thói quen của một con ma là chiều chiều đi tản bộ trên đường Hồng thập Tự chẳng hạn, nhưng hôm đó thì nó tản bộ. Chẳng qua là trong lúc chờ đợi giết ông Hải Thọ nó giết thì giờ, một cách giết chóc hòa bình không đổ máu.

Vậy thì đang tản bộ trên đường Hồng thập Tự con ma bỗng chú ý đến một mảnh giấy nhặt trình có in hình bà Hải Thọ, tấm bảng hiệu có một con mắt của Hải Thọ được phòng. Mảnh giấy rách bay phất phơ, tấp vào một gốc cây. Để tránh khỏi bị chú ý vô ích, con ma không nhấc tờ giấy nhặt trình lên mà nó chịu khó lom khom cúi xuống đọc.

Đúng là cái tin bộ xương ma xuất hiện trong xó nhà Hải Thọ được phòng? Chao ôi là nhớ nhức. Bên cạnh đó bài tường thuật vụ hai tên lưu manh lừa một em bé 14 tuổi tên là Nguyễn thị Tuất vào một rừng dầu ở Dầu giầy để hiếp dâm, lại một vụ tảo thanh bắt được 11 gái điếm và 3 mụ Tú Bà, một vụ hành khách bỏ quên va-li trên tắc xi, một vụ xe đồ dùng xe nhà binh, tài xế xe đồ gây hai cái xương sườn, một vụ cô Trần thị Hải thiếu nữ 19 tuổi bị người tình lừa dối uống đầu nong từ từ để lại bức thư tuyệt mệnh vô cùng cảm động...

Con ma chuồng rung rờ: Té ra không có sự gì bí mật ở giữa cái đô thành đông đảo này cả. Nó ngẩng lên nhìn xe cộ và bộ hành qua lại rầm rập trước mặt nó mà sợ hãi: bấy nhiêu người đều đã biết hết cả rồi, biết từ chuyện bà mụ Tú Bà bị xét hỏi cho đến việc con ma chuồng lộ liễu nguyên hình trong xó nhà ông Hải Thọ. Biết mà không hề có một chút xôn xao nào động. Việc nó xuất hiện không tăng giảm mấy may hoạt động của đô thành, không gây một xúc động nhỏ nào. Sự rợn rợn thần nhiên và vô tình ở đây làm cho nó sợ hãi, uy hiếp tinh thần theo kiểu sự cảm lạnh của vũ trụ bao la uy hiếp tinh thần con người nhỏ bé.

Và lại từ khi tờ báo này in ra đem rao bán, người ta mua xem xong đem gói cái bánh mì xiu rồi vứt đi bên gốc cây này, cho đến bây giờ con ma chuồng lom khom lén lút cúi đọc thì bao nhiêu là báo khác đã tiếp tục in thêm, bao nhiêu là tin tức thấy lang gạt thân chủ, gái điếm bị tảo thanh, hỏa tiễn kiểu mới được phóng thử, hội nghị quốc tế mới được khai mạc... đang được tiếp tục đăng tải. Chỉ có ma mới được quyền bỏ sót báo chí như thế; nếu không, nó đã phải biết rất nhiều tin tức, tin này đuổi tin kia ra khỏi trí óc. Đó là công tác vệ sinh trí óc làm bằng mắt. Các máy thu thanh mở oang oang suốt ngày sẽ giúp người ta làm công tác đó bằng ngõ lỗ tai. Và như thế chiều tối khi người ta bước lên giường nằm thì trí óc dĩ nhiên sẽ sạch sẽ, rỗng tuếch, toang hoác. Đây là ma quỷ cũng khó lòng phá quấy được những tâm hồn như thế. Bởi vậy loài người thì sợ sự hoang vắng của lòng lẽ hơ vơ, mà loài ma thì sợ sự hoang vắng do hoạt động xô bồ gây ra.

Nó ngần ngại bồi hồi, tự lượng sức mình thực nhỏ bé. Chắc hẳn nó không có cách nào thì thử một phép tắc có thể làm chết khiếp được ông Hải Thọ và gây một xúc động trong đô thành này để thỏa mãn lòng tự ái. Nó nghĩ giả sử nếu mà nó có triệu thỉnh được Diêm Vương lên đây dạo bết đặt ngay một vạc dầu sôi không lồ giữa đường phố đông người nhất thì tất nhiên cũng chỉ có thể chặn đứng sự lưu thông lại một lát; hàng nghìn chiếc xe sẽ dồn ứ lại nọ máy rầm rầm một cách nóng nảy, hàng vạn con người sẽ tụ lại la chỉ chóc om sòm. Giòng sông của người như một dòng sông bị chặn ứ lại thành linh, nước nhào lên ầm ầm dữ dội. Rồi một đơn vị công binh được huy động đến để chuyển vạc dầu đi. Một tốp lao công của ty Công chánh đô thành được phái đến đem đá và hắc ín vá lại quãng đường bị phá hỏng. Nửa giờ sau khi tấm bảng hiệu cấm xe cộ lưu thông ở chỗ nhân viên công chánh làm việc được cất đi, xe lại chạy rầm rập như cũ và chẳng ai buồn nhắc lại việc Diêm Vương xuất hiện nữa.

Trước kia, khi nó còn là người, chưa bao giờ nó chứng kiến một cảnh sống đông đúc rồn rập đến chừng đó. Bây giờ nó là ma, cảnh tượng sự sống thịnh mãn của loài người lại làm nó đau lòng. Sự sống ngày nay tràn lan ra và sôi nổi thêm nhiều quá. Người ta quen đứng về phía quan điểm của kẻ sống nên không biết đến nỗi lo ngại của loài ma trước sự xâm lấn càng ngày càng ồ ạt của sự sống. Cái phạm vi dành cho phần sinh hoạt u linh mỗi lúc mỗi bị tràn lấn, xua đuổi, thu hẹp lại. Người ta chẳng đã tính rằng nhân số gia tăng gấp quá, không bao lâu nữa sẽ tràn ngập địa cầu đó sao? Lúc đó mỗi người chia nhau vừa đủ một chỗ ngồi, kẻ sang trọng nào chiếm được khoảng đất đủ cho hai vợ chồng nằm duỗi bốn chân, kẻ ấy sẽ tha hồ hí hửng. Quả đất sẽ là một con tàu chật bưng hực sinh khí, chạy như điên như dại trong không gian, kéo theo một lần khói dài do vô số xương máy phun ra. Lúc bấy giờ loài ma biết tìm

(Xem tiếp trang 44)



LỜI CHÀO NĂM MỚI

BỐN năm vùn vụt trôi qua,
Đàn ngang cung cũ vẫn là ngang cung.
Việc thiên-hạ lung-tung vẫn thế,
Vân minh càng lắm kẻ lưu-manh.
Phát cô dự cuộc đấu tranh,
Dù trăm gian khổ quyết dành Tự-do.
Miếng dân-chủ ai cho mà lấy?
Quyền tự do đứng đấy nhìn xuống?
Ngửa tay hành khát đo lường,
Nuốt cay mấy chén ngông cuồng khen ngon?
Việc định-đoạt dành cười làm sướng,
Cổ trôi nhưng cổ cá lòng ta.
Muốn vắn nếu quân đường xa,
Không đi hồ dã dã mà tới nơi?
Ta không sướng lấy cười làm sướng,
Mắt chăm chăm nhăm, đứng quân thù.
Hưng vọng trách-nhiệm sát-phu, (1)
Mơ hoài « hồng phấn, hoa cù » (2) được sao?
Nhìn về Bắc, gan bào ruột rối,
Tình quê-hương sớm tối không yên.
Núi-non cách-trở đôi miền,
Anh em gục dưới bạo quyền xót xa!
Còn bóng quý, hồn ma cộng-sản,
Còn quan-liêu ngăn cản đường đi,
Ngang cung chỉ biết cười khi,
Bốn phương nào sợ thiếu gì tri-âm?
Đã chẳng thề vờ cam, giả diếc,
Khôn học đòi nước biếc, non xanh.
Lại nhờ, các chí, các anh,
Một niềm sốt-sắng chân-thành giúp nhau.
Xuân sắp đến, ô, mau quá nhỉ!
Xuân của chúng hay chỉ riêng tây?
Ở đâu xuân lại về đây?
Khiến ta lại nhớ nước mây quê nhà.
Lại phải có món quà đón tết,
Thơ tự-nhiên hà hết mùi ngang.
Hoặc vì cùng với xuân sang,
Tự-do này lộc bên đảng báo vui?
Ánh sáng sắp đầy lui bóng tối,
Xuân ngời là đường lối tự-do.
Hương nào dân-chủ thơm-tho,
Đề ta nổi lửa đốt vo trận cười.

HÀ-THƯỢNG-NHÂN

(1) Quốc-gia hưng vong sát phu hữu trách.

(2) Hoa cù, hồng phấn nữ
Tranh khăn lục y lang
(Đường hoa sơn-phân đại,
Áo mới vẽ xénh-xang.

VŨ-HOÀNG-CHƯƠNG

CUNG CHÚC TÂN XUÂN

Trường dạy cắt may HOA - PHƯỢNG

Là nơi đào tạo cho chị em phụ nữ có một nghề
cắt may Âu Việt phục tuyệt mỹ.
Bảo đảm 3 tháng thành nghề với 24 kiểu mới
hợp thời trang. Học phí rất nhẹ, trường có nhận học
sinh nội trú, chủ nhân nhiều kinh nghiệm đã được Bộ
Xã Hội cấp bằng cắt may khéo nhất Việt Nam năm
1955. Ghi tên : 81 Bùi thị Xuân Saigon.

ĐIỂM CHUYỆN NĂM CHÂU

Năm kia Hà Thượng Nhân « Điểm mặt » người nhà « Tự Do », năm
ngoài « Điểm mặt quốc dân », sang năm nay thử mở rộng phạm vi sơ lược :

TỰ-DO phải tiến không ngừng,
Tự-do tụt hậu thì dừng tự-do.
Mấy năm trước quanh-co quốc nội,
Vân mong-chờ cơ-hội nhìn xa.
Đã từng chuyện nước, chuyện nhà,
Bây giờ tiến đến chuyện Nga, chuyện Tàu.
Chuyện ba-xạo trời Âu, bề Mỹ,
Mấy năm rồi tích-lũy « cơm-máng ». 1
Thiếu chi là chuyện lang-nhàng,
Chuyện thàng Mao xuống, chuyện thàng Kỳ lên.
Chuyện tranh chỗ ngồi trên, ngồi dưới,
Chuyện ông to búa lưỡi gài nhau.
Bén trong giờ miếng đòn đau,
Một ngoài vẫn sửa gấu gấu hòa-bình.
Chuyện Cút-Xếp du-hành sang Mỹ,
Dân thợ thuyền nhìn kỹ mặt heo.
Tưởng là con gấu, con beo,
Hóa ra Cu cậu con mèo cụt đuôi.
Chuyện hòa-tiến lộn xuôi, lộn ngược,
Lên cung Hằng chụp được sau lưng.
Về nhà tổ chức tung-bưng :
« Ta vừa khám phá hạ-tàng cơ quan ».
Chuyện Ân-Độ vừa gan, vừa tỉnh,
Chuyện Nam-Dương cấu-kinh « xà-lù ».
Chuyện thôi là chuyện lu-bù,
Còn anh cộng-sản hội Cù (1) còn xóm.
Bắt đầu, đề khôi ồm-ồm,
Điểm danh thế giới chỉ gồm mấy tay.

II

Năm nay thế giới có gì hay?
Hãy kể sơ-sơ mấy chuyện này :
Xếp Đò vác mồm sang đất Mỹ
Không hề ăn ớt thế mà cay.
Giả trò dân-vận, Xếp cười tình,
Đề-nghị giao-thương, triệt-giảm binh :
« Các bác tự-do, tôi cộng-sản,
Chúng ta chung sống văn hòa-bình.
Sẵn-xuất cho nhiều thịt, mỡ, bơ,
Thừa ăn không hết bán mua cho.
Trữ thêm giấy báo in thông-cáo,
Dạy lũ công-nhân chớ hững-hờ ».
Ních-Sơn (2) nhỏ nhẹ đáp : « Thưa ngài !
Câu chuyện hòa-bình cứ nói dài !
Lý thuyết Ăng-ghe-n và Các-Mác,
Đấu-tranh giai cấp hoặc giờ sai ?
Hòa bình ! Việc ấy chúng tôi lo,
Nhưng muốn hòa bình phải tự-do.
Bữa trái công an, chúng cán-bộ,
Tuyên-truyền chung sống, sẽ làm to !

Nước tôi, thịt, mỡ với cà chua, (3)
Dầu có ăn chơi cũng vẫn thừa.
Nhưng cái dạ dày nó cách máy,
Tình-thần còn đói chẳng an thua ».
Thế rồi nhân buổi tiệc giao-hoan,
Trò khi Nga-sô mới mở màn,
Đề ra ra điều ta hóm-hình,
Lắc-lư cu cậu chực đang đàn :
— « Tôi vốn không sùng chảnh có đuôi » (4)
Nói xong gãi trán gãi cười rười.
Dưới này có kẻ vừa vâng tục :
— « Cửa ấy nghe chừng cũng khó nuôi ».
Gã liên im bật, đèn hòm sau,
Lại có nhà văn hỏi xô nhau :
— « Ngày Xit-ta-lin còn tại vị,
Ăn gian, nói dối bác ngồi đâu ?
Thế mà chẳng thấy bác ho-he,
Lão chết là thôi, bác kéo bè,
Kẻ tội, kẻ tình ghé-góm quá,
Tự-do Xô-Viết cũng vui hề ! »

Cút ta nghiêm giọng : « Hãy thông qua !
Chú định trêu vào lãnh-tự Nga ?
Tôi lớn, cầm đầu nhiều nước lớn,
Chú coi như đứa trẻ trâu à ?
Tự-do bữa-bãi tự-do gì ?
Tự-thế thì thôi hãy dứt đi !
Phát-biểu không cần đưa kiểm- duyệt,
Chẳng theo đường-lối có ngày nguy.

Và chẳng các chủ, tụi nhỏ văn,
Đều thuộc thành phần bọn chó săn.
Giai-cấp lưu-manh chuyện bóc lột,
Nói còn phản-động hưởng là ăn ?

Chúng tôi chú-trọng đến công-nông,
Giai-cấp công-nông mới thiết giồng.
Bữa nọ Cút vào thăm xương thịt,
Thợ rằng : « Bần ấy có dinh công ? »

— « Chú em lần-thần thế thì thôi !
Chính phủ thay cho các chú rồi.
Hà tất đình-công như phát-xít ?
Đình-công xin tới trại giam ngồi ! »
Thợ Mỹ rùng mình, khê rí tại :
— « Tự-do kiểu ấy quả nhiên tại ».
— « Những gì tôi thích, dân Nga thích
Tôi bảo rằng sai, họ bảo sai ».
— « Thưa, chúng em đây khí cứng đầu,
Thở toàn giọng đỏ chẳng ăn đầu.
Độc-tài gói lại đem về nước,
Giả-dối ra là họ vật râu ».

Chuyện ấy ra đi Cút trở về,
Nghĩ mình phương-diện cũng hơi ề.
Hòa-bình lang-nhàng như giấy xịch,
Giải quyết còn lâu một vấn- đề.
Tiếp theo Tổng-thống nước Hoa-Kỳ,
Động máu giang-hồ, cũng lại đi.
Ai biết tuổi già mà sức mạnh ?
Liên-minh hoặc giả sợ lâm-nguy ?
Ghé Đức, sang Tây lại tới Anh,
Cánh chim trời khắp vạn đô-thành,
Tây-phương đoàn-kết trong tin-tưởng,
Thì nói hòa-bình mới chính danh.

Hiện giờ Pháp, Đức, Ý Hòa-lan, (5)
Sáu nước mới nhau họp một bàn.
Lập « thị trường chung » gây sức mạnh,
Cố « xôm » kinh-tế mới an-toàn.
Thế nhưng thương-mại của dân Anh,
Gián-tiếp từ rày bị cạnh-tranh.
Triệu tập Na-uy, Bồ, Thụy-điền : (6)
« Tự-do mậu dịch » vững như thành.
Mặc nhiên hai khối đụng đầu nhau,
Câu chuyện hòa-bình sẽ nói sau,
Quyền lợi nếu chưa điều giải trước,
Đừng mong hội-nghị đề « tô màu ».
Lại cụ Đờ-gôn Phú-lăng xa,
Tưởng lên là dứt chuyện can qua.
Nào ngờ máu vẫn thi nhau chảy,
Lưỡi thép An-giê vẫn chói lòa.

Còn mấy ông thầy giữ nước đất,
Giận Mao Xénh-Xác toát mồ hôi.
Nê-Ru tài sủng ra biên giới :
« Nó đánh thì mình đánh chết thôi ».
Nam-dương, Miền-diện cũng anh-hùng,
Trung-lập thì trung, cộng-chang chung.
Cán bộ Bắc-kinh liền chống lại,
Thế là bát bô cứ lung-tung !

III

Chuyện này kể vô cùng chẳng hết,
Thôi cũng nhân dịp tết ngày xuân.
Điểm chơi mấy việc xa gần,
Hòa-bình trước hết phải cần tự-do.
Phó Tổng thống (7) nghĩ lo đúng quá,
Vừa bắt tay đã đá sau lưng.
Chưa chỉ thủ sẵn giây-thừng,
Hòa-bình như thế thì đừng còn hơn.
Cứ phết máy nước sơn dân-chủ,
Tưởng đâu là đã đủ hay sao ?
Dù cho thàng Cút, thàng Mao,
Bịp dân cách mấy cũng « ao » có ngày.
Việc thế-giới còn hay, còn lạ,
Đợi có tin sẽ hạ đòn ngang.
Giờ đây đề đón xuân sang,
Chúc mừng Tổ quốc huy-hoàng Tự-do.
Chúc các bạn khỏi lo vớ-và,
Rồi cùng nhau thơ-thần cười chơi.
Đón xuân có bấy nhiêu lời.

HÀ-THƯỢNG-NHÂN

(1) Hội Cù : Tên một bọn độc giả đặt cho những người

góp thơ vào mục « Đàn ngang cung ».

(2) Ních Sơn (Nixon) phó Tổng thống Mỹ.

(3) Chúng ta cứ sản xuất nhiều thịt, mỡ, cà chua là hòa
bình thực hiện (lời Cút-xếp). Nixon trả lời như sau :
« Không ! Còn vấn đề tinh thần nữa. Đừng có ai quên lý
tưởng tự do ».

(4) Lời tuyên bố của Cút xếp ở Mỹ.

(5) Khối « thị trường chung » gồm có : Pháp, Đức, Bỉ

Ý, Hòa lan, Lục xam báo, tất cả 6 nước.
(6) Khối Tự do mậu dịch do Anh chủ trương gồm có
7 nước Áo, Đan mạch, Na uy, Bồ đào Nha, Thụy điển,
Thụy sĩ và Anh.

(7) Trong câu chuyện nói Cút xếp Phó Tổng thống Nixon
luôn luôn nhắc đến Tự do.

ĐẾN KHI MA CHẾT

(Tiếp theo trang 42)

dầu ra một chỗ dung thân? Từ đầu thế kỷ này, khi bắt đầu có một số mỏ mả bị bóc đi để lấy chỗ làm đường sắt đường dầu cho xe cộ chạy thì những đầu óc triết lý trong loài ma đã tiên đoán sự kiện hãi hùng đó, tiếp đến lúc phong trào đào xới xương cốt làm phân bón phát động ở Nga-Hoa làm cho một số ma Tàu ma Nga kéo sang tị nạn thì dư luận âm thầm lại một độ xôn xao, nhưng phải chờ đến buổi chàng vạng chiều nay, đứng lạc loài giữa đường Hồng thập tự náo nhiệt, con ma chuông què mùa mới chịu tin rằng tư tưởng bị quan đó chẳng phải về ra một viễn tượng xa xôi gì.

Không bao giờ bằng lúc này, loài ma cần một dang cứu đời hiện ra thốt vài lời tiên tri khả dĩ an ủi linh hồn chúng, hé cho chúng một chân trời hy vọng. Nhưng tuyệt nhiên chưa thấy dấu hiệu nào về một sự xuất hiện may mắn như thế. Thừa xua ở kiếp người, nghĩ đến sự đe dọa của cái chết, của hư vô lạnh lẽo, chúng đã từng biết đến nỗi run sợ lo đến ngày tắm thân đẹp để bị tan rã, từng khấp xương rời rã, tan thành đất bụi. Nhưng may thay xương thịt tan thành đất bụi rồi thì hồn ma vẫn còn gò hoang khoáng vắng mà vất vưởng. Bây giờ cõi chết lại bị sự đe dọa lấn tràn của sức sống. Thế này thì còn biết đi về đâu? Ánh điện sáng hực tàn nhẫn sẽ rọi khắp cả và làm tan biến hết cánh hư linh. Hết làm người còn ôm hy vọng được làm ma, hết làm ma mới thực không còn là gì cả. Không còn làm gì cả: Tan biến mất trong khoảng vũ trụ vô cùng? Con ma chuông muốn giậm chân mà khóc rống lên: "Chao ôi! Sao mà khổ đến làm vậy? khổ đến làm vậy?"

Tiếng còi điện của một chiếc xe Huê kỳ làm nó giật mình. Nó trở về thực tại và cố nhiên là nghĩ đến những công việc phải làm. Bởi vì ở đây điều quan trọng hơn hết là hoạt động, là công việc. Nó nghiêng ngả trong trí một mưu mô để làm cho ông Hải Thọ bị một phen hoảng vía. Nó đi làm đường ba bốn lần, dừng lại để tránh xe vài mươi lượt. Và khi nó trở về đến Hải Thọ được phòng thì được biết rằng nó trễ mất mười lăm phút. Trong phòng ông Hải Thọ chiếc quạt máy ngừng quay. Một mẫu tàn thuốc vừa tắt tỏa một mùi hăng hăng. Ông Hải Thọ đã dắt vợ con đi xem cuốn phim "Tề thiên đại thánh đại náo thiên cung".

Con ma chuông hực mình hết sức. Sau khi xem xong một cuốn phim như thế trở về thì họ coi những phép tắc của nó ra gì nữa, và làm sao nó khiến họ sợ hãi được trong đêm nay? Nó lầm bầm: "Chỉ trễ có mười lăm phút? Thực là tai hại?"

Nghĩ cho cùng nó không phải là một con ma bình thường. Nhưng từ trước đến nay có bao giờ nó phải tính toán đến từng phút như thế này đâu? Có bao giờ nó phải phải một nạn nhân mà chương trình hoạt động hàng ngày lãng nhăng bề bộn đến thế đâu? Ông Hải Thọ có đồng hồ đeo tay và có thời dụng biểu ghi trong sổ. Nếu con ma chuông muốn khỏi chụp trượt mãi thì nó cũng cần ghi cẩn thận thì giờ làm việc của nạn nhân nó vào một cuốn sổ mới được.

Cuốn sổ tay của một con ma! Cờ kim đã có ai bắt được ở cái am xưa, cái miếu cũ nào một vật như thế đâu? Nghiệp làm ma bắt đầu vất vả quá đi thôi. Từ đây về sau mỗi con ma sẽ kẻ kẻ bên mình một cuốn sổ tay, nếu không thế nó sẽ bị đào thải, mất nghiệp. Cái lệ thích nghi sinh tồn ác nghiệp làm thay.

Con ma chuông lắc đầu, thở ra nhẹ nhẹ một hơi dài. Có lẽ trong khi chờ đợi ngày tiêu diệt, nó phải miễn cưỡng đứng ra nhận làm thủy tổ của cái thế hệ ma kỳ cục lỗi lạc, làm việc với sổ tay.

Tháng ngày thắm thoát, con ma đi đi về về mãi mà chưa có dịp làm nên công trạng gì. Nó vẫn chụp trượt ông Hải Thọ mãi. Ông ta vụt đi vụt về, lãng quăng lú quíu. Và những khi về tới nhà thì hoặc là ông ta mệt mỏi người nằm lăn ra ngủ, dầu có đập vào mặt ông cũng không tỉnh, hoặc là ông ta vận

máy thu thanh hát inh ỏi, nói huyền thiên, hoặc là ông ta phờ người ra suy nghĩ, tâm trí ở đâu đâu.

Khó bề trừ ghẹo một người như thế. Con ma chuông có cảm tưởng mình phóng mũi lao vào một bánh xe đang quay nhanh quá nên mũi lao luôn luôn bị trượt hẳn ra ngoài.

Tình trạng đó kéo dài khá lâu. Không phải về phía ông Hải Thọ thỉnh thoảng không cảm thấy gặp đôi điều bức dọc. Chẳng hạn một đêm đang ngủ ngon giấc bỗng ông ta nghe như có cái gì giật giật trên mái tóc. Vừa ngủ lơ mơ ông ta đưa một tay lên đầu. Tay đụng phải nhiều ngón chân nhỏ như chân chuột cựa quậy lằng nhằng và vụt tranh nhau chạy mất. Một lát sau, khi ông ta sắp ngủ, mơ màng ông có cảm tưởng trên năm đầu ngón tay cựa quậy những ngón chân lêu khêu. Ông giật mình rút tay lại. Trong khi đó tai ông nghe mơ hồ có một điệu nhạc ngoại quốc lên từ một máy thu thanh của một nhà láng giềng nào đó, điệu nhạc lạ tai, nhiều đoạn như nổi lên hỗn loạn, rồi trở lên êm ái dịu dàng. Ông Hải Thọ mơ màng ngủ trở lại lần nữa thì tay ông như chạm phải những ngón chân khổng lồ và nhớ nhám như là chân của một con cá sấu. Đồng thời tiếng nhạc bỗng loạn nổi lên âm ỉ ghê rợn sát bên tai. Ông Hải Thọ thất kinh chồm dậy thì chỉ thấy ba con chuột đang hoảng hốt chạy trốn. Tiếng nhạc cũng dứt mất. Ông ta hoang mang nghĩ ngợi, không biết mình vừa bị một trường hợp lừa dối vì ảo giác hay là gặp hiện tượng ma ghẹo.

Ông ta có biết đâu rằng trong lúc đó con ma chuông cũng đang lấy làm khổ sở. Nó tự hỏi không biết vì sao nó lại chỉ có thể hóa làm những con chuột xấu xí tầm thường, không biết vì sao mà trí tưởng tượng của nó cứ càng ngày càng nghèo nàn dần đi một cách thảm hại. Dọa như thế thì có nghĩa lý quái gì? Những trò như thế thực không xứng đáng với nó một chút xíu.

Con ma cứ khổ sở mãi như thế cho đến một hôm chẳng bé Tích làm gãy rơi quả lắc trong ruột cái chuông ma. Nó cho là chuông hỏng đem vứt đi. Một người đi nhặt những đồ kim khí vụn vặt bán lại cho một xưởng chế tạo đồ phụ tùng xe đạp.

Lần này sự đối xử thực là phũ phàng. Chất kim khí bị quăng vào lò, thép chảy thành nước, đúc ra những cái đinh ốc. Toàn thể quả chuông bị phân thành những chiếc đinh ốc con con, gởi đi tản mác khắp nơi. Bên ngoài đinh ốc người ta ta một lớp ni kên, vì thế nó như bị bịt mù con mắt không biết mình phiêu bạt đến đâu. Mãi về sau khi lớp ni kên bên ngoài bị cọ xát mòn đi, lộ ra một màu vàng vàng thì con ma như là được hé sáng mắt, mới thấy rằng chiếc đinh ốc của mình đang bị xiết vào cái yên xe đạp bằng da. Và ngày ngày nó bị hai bắp vế bịt kín nhân quan:

Đời con ma chuông đến đây kể là tàn. Nó không muốn cuộc đời nó được chép vào một tập "chỉ dụ" nào cả. Nhưng quý vị độc giả thấy ý nguyện cuối cùng của nó cũng không được tôn trọng. Nó thất bại hoàn toàn.

VÕ PHIÊN

CUNG CHÚC TÂN XUÂN

BÁN, SỬA MÁY CHỮ, MÁY TOÁN.
KHẮC DẤU ĐỒNG, CAO SU, BẢNG ĐỒNG, ĐÁ, PHỤ HIỆU. BÁN VIẾT MÁY CÓ KHẮC TẶNG TÊN HỌ.

TRAN-NGUYEN-CAT

91 LE-THANH-TON — SAIGON

NHÀ MAY

PHẠM-HIỆU

CUNG CHÚC TÂN XUÂN

Số 175C Lê-văn-Duyệt — Saigon

BÀN VỀ TRUYỆN THỦY-HỮ VÀ TÂM SỰ CỦA TỔNG-GIANG

(Tiếp theo trang 8)

ra những danh nghĩa cho thật kêu để làm bình phong, ra núp sau đó để mà thi hành những thủ đoạn gian manh tàn ác của mình một cách thần nhiên khôngthắc mắc. Họ tự xưng là kẻ "thể thiên hành đạo", lập lại công lý, giải phóng quần chúng, đem lại Hòa bình và Cơm áo cho nhân dân, họ đã khéo léo đem những danh từ Nhân, Nghĩa mà thoa lên trên những tội ác của họ. Hơn nữa, một phần đông tin tưởng thật tình như thế nên lương tâm thật của họ đã tắt hẳn, họ tin rằng họ giết người cũng là vì phận sự. Họ đã trở nên những chiến sĩ cuồng tín cực kỳ nguy hiểm cho nền Hòa bình thế giới.

Ngoài ra, từ cách tổ chức ở cách mạng đến các phương thuật dùng để tuyên truyền lừa bịp, khuyến dụ để được sự ủng hộ của dân chúng, để có thể cướp thành phá lũy, tiêu diệt quân binh của triều đình mà oai trấn một cõi trời, không ai làm gì nổi... Mỗi mỗi đều được miêu tả một cách khéo léo vớ vặt, thật là một quyển sách gối đầu giường cho các nhà cách mạng.

Chẳng những các nhà cách mạng, mà những kẻ nghiên cứu cách mạng và nhất là những nhà cầm quyền muốn ngừa các cuộc biến loạn dừng xảy ra, cần đọc và nghiên ngẫm pho truyện Thủy Hử này. Rất tiếc là tôi không thể nói qua một lần được hết trong khuôn khổ chật hẹp của một tờ báo hằng ngày. Ta nên biết rằng sự vật trên đời xảy ra bao giờ cũng lần lần mà đến, nguyên nhân gần hay xa cũng phải có, và phải tiên liệu để phòng ngừa nó ngay lúc ban đầu.

Trong Dịch kinh có nói: "Thần thí kỳ quân, tử thí kỳ phụ, phi nhất triều nhất tịch chi cố, do lai sơ tiện nĩ". Tôi mà thí vua, con mà giết cha, đâu phải nhân một buổi sớm buổi chiều mà đến. Nguyên do lần lần mà đến vậy. Cho nên phòng loạn dễ hơn là trị loạn. Từ ngày vua Huy Tông trọng dụng một tên du thủ là Cao-Cần, cái mầm loạn của Tống Giang đã bắt đầu nhen nhúm. Cuộc phản loạn của Tống Giang là con đẻ của chế độ hà khắc của bọn quan liêu hách dịch mà Huy-Tông đã nuôi nấng.

Con đường đi của nó phải tới đó, không sao tránh được. Cuộc phản loạn là lửa, bọn tham quan ô lại là củi? Muốn tắt lửa mà một đàng thêm củi, một đàng thổi cho tắt lửa, thì làm sao mà tắt được lửa, trái lại càng làm cho lửa cháy thêm lên, sao không biết rút củi ra, thì lửa lấy đâu mà tồn tại? Theo lịch sử thì cuộc cách mạng của Tống Giang sơ dĩ không thành công là vì thiếu sự đoàn kết chặt chẽ của quần nhân cách mạng với quần chúng sự sát phạt thái quá của bọn Lý Quí đủ là nguyên nhân làm cho dân chúng lạnh lùng với công cuộc cách mạng ấy. Nguyên nhân thất bại của bọn Tống Giang một phần rất lớn ở sự tàn bạo thái quá của các tay "anh hùng cách mạng" ấy, đã làm cho lòng dân khiếp sợ đến dâm ra oán ghét. Bởi vậy, cuộc cách mạng của bọn Tống Giang hưng lên rồi hạ xuống, không còn một tiếng vang gì trong lịch sử nữa, nếu không có nhà văn Thi Nại Am viết nó ra thành pho truyện.

T.G Nguyễn duy Cần

Kính chúc quý thân chủ năm mới đầy hạnh phúc

HỒI XUÂN được phòng

Đông Y-Sỹ Nguyễn Quang Tỷ

Trước ở Hà Nội nay mở phòng mạch tại 337 Nguyễn thiện Thuật gần vườn bà lớn Saigon. Xem mạch gọi số bệnh căn. Thuốc bào chế kỹ và tốt. Sẵn có sâm, nhung, cao tốt, để phục hồi sức khỏe của công tư chức đã lao tâm, mệt trí, thận suy tim yếu, các bà sinh nở nhiều yếu đuối một môi kém ăn ít ngủ, các cô kinh huyết không đều. Mới chế thuốc cam nước, trẻ con để uống giá 40% một chai.

CUNG CHÚC TÂN-XUÂN

TRƯỜNG NỮ CÔNG

VIỆT-HỒNG

216 Đ. Thám Sài Gòn (sau rạp hát Nguyễn văn Hào)

Các bạn muốn nghề MAY khéo THÊU đẹp, học lớp CẮT MAY VIỆT-HỒNG dạy bảo đảm thành nghề Âu - Việt phục đồ đầm trẻ em.

Xuân 60

TERGAL DE LUX thượng phẩm dệt may

Âu phục

Đủ các loại Dacron mới nhất.

Đủ các loại Popeline quốc tế.

Học sinh trừ 10%.

Chủ nhân kính mời

PHẠM - HIẾU

(Tiếp theo trang 6)

Rồi bà nắm bánh trước xe đạp mà kéo lê ra. Đều đặn nhìn, hai bàn tay vận vào với nhau. Đầu óc anh hoàn toàn không có một ý kiến gì. Lặng chiếc xe đạp của anh ra hè, bà Thím đạp thêm một cái nữa làm cho bánh sau quay tít, và bà lại chạy trở vào. Lấy chìa khóa mở ngăn kéo bàn, bà cầm ra một gói nhỏ ném vào ngực anh và nói :

— Tiền lương mười tháng của ông gửi con thì con trả ông đây kéo ông lại ra Thanh tra Lao động kiện con ăn quyết tiền lương của ông. Đếm xem, nghìn hai đây. Rồi xéo

Đến lúc ấy Đờ mới bắt ra được hai tiếng :

— Thưa Thím...

— Chà dăm, chà dăm. Tôi chả họ hàng làng nước gì với ông cả. Vì ông mà tôi phải năm lần bảy lượt bị gọi đến Công An. Nay đòi mai đòi lại hai lần Công An đến khám nhà, mất cả làm cả ăn, mất cả danh cả tiếng. Nhà tôi là nhà lương thiện không ngờ chứa chấp phải quân giặc, quân phản động, quân phá hoại, quân chống lại Nhà Nước.

Chỉ tay ra đường, bà rút lên :

— Đi cho mau ! Xéo cho mau ! Nếu không bà kêu âm lên cho Ban liên bảo đến bắt bây giờ.

Nghe nói bắt, Đờ như chợt tỉnh. Anh cúi nhặt gói tiền nằm dưới chân nhét vào túi quần. Một tay xách cái va li nhẹ tênh tênh, một tay dựng xe đạp, anh hối hả bước đi, quên cả chào bà Thím. Lên xe, một tay giữ lái một tay giữ va-li đặt ngang trên khung xe, anh đạp đi được chừng năm trăm thước đã thấy kiệt sức. Mồ hôi vã ra như tắm, chân tay bải hoải, anh thở từng hơi thật gấp và thật ngắn. Sau cùng chân đã cứng nhắc, anh đành thả cho xe trôi từ từ sát bên đường rồi lết một chân cho xe hãm lại và anh ra ra. Một bà già đang kéo một xe ba gác bên trên chỉ có một cái sọt thấy thế tưởng là anh bị cảm gió bên buồng xe chạy tới nâng anh ngồi dậy. Ngồi phệt dưới đất lưng dựa vào hai đầu gối khằng khu của bà già già tốt bụng, anh phều phào nói :

— Cảm ơn bà... Cháu cảm ơn bà.

— Ừ, bị trúng gió độc đây mà. Chịu khó nhích lại đây ngồi dựa vào gốc cây này để già chạy đi xin ai có dầu bạc hà già bôi cho. Tội nghiệp !

Nhưng sức già không nhắc nổi anh dậy, bà đành để anh ngồi dựa vào đôi chân run rẩy của bà. Anh nghe tiếng bà gọi mấy người đi đường :

— Này, này, các ông các bà làm phúc lại đỡ nhà bác này tí.

Người ta phải gió đây này.

Chỉ có vài đứa trẻ bâu lại. Một đứa hỏi :

— Chết chưa ? Hình như mắt còn chớp ấy mà.

— Chết rồi ! Tao với mày đánh cuộc nào. Tao bảo chết rồi,

Vẫn chưa cử động được nhưng Đờ nghe rõ tiếng bà lão than thở :

— Chà thấy bóng ông Công an nào. Hề cứ có việc là biến đâu mất cả, còn phạt sao mà mau tay nhanh mắt thế !

Hai chữ công an bà lão vừa thốt ra có tác dụng như một phát thuốc hồi sinh tiêm vào cơ thể anh. Các bắp thịt mềm dần ra rồi người anh nóng dần lại và sau cùng, anh co được hai đầu gối và chống hai tay xuống đất ngồi thẳng lên được. Bà lão kéo xe cúi xuống bên anh thăm hỏi :

— Bác về đâu già đưa bác về ?

Anh hờn hèn đáp :

— Cháu ở nhà quê lên... lên tìm người nhà ở... ở ngoại ô.

— Ừ, may già cũng ở ngoại ô. Để già đưa đỡ bác về.

Chính Đờ cũng ngạc nhiên không hiểu tại sao lúc này mà anh còn thốt ra được một lời nói dối nhanh và trơn đến như thế. Bà lão đỡ anh đứng dậy dẹp cái sọt cho anh ngồi vào một góc xe ba-gác, xếp va li vào một bên, và đặt ngang cái xe đạp lên thành xe rồi nâng càng lên lái kéo đi.

Ngồi tựa vai vào thành xe chân duỗi dài thò ra phía sau, Đờ nhắm mắt mặc cho bà lão kéo đi. Không biết bao lâu sau, anh vội mở choàng mắt ra nghe có tiếng bánh xe hăm gấp lết trên mặt đường và tiếng máy nổ ngay bên cạnh. Một chiếc xe hơi quân sự đỏ chen ngay bên xe ba gác của bà lão lúc ấy đã ngừng lại. Anh giật mình nhận ra dấu hiệu « Cảnh bị Cơ giới » vẽ bên thành xe hơi, trên xe chỉ một người ngồi. Anh vội nhắm mắt lại không muốn nhìn sự thật. Nhưng tại anh vẫn phải nghe :

— Sao bà lão này lại chở người như thế này ! Đi đâu ?

Bà lão dăm dăm đáp :

— Đi về ngoại ô. Người ta ở nhà quê lên đi đường bị trúng gió thì chở làm phúc.

Có tiếng gáy đình bước lạo xạo trên mặt đường rồi một bàn tay nắm lấy vai anh lay lay :

— Ai trông như cậu Đờ ấy phải không ? Đúng rồi, sao lại thế này ?

MẬT BẢO VIÊN

Đờ từ từ mở mắt ra. Nhìn người mặc quân phục, anh khẽ nói :

— À, Phúc ! Chào cậu. Tôi mệt quá.

— Cảm ơn bà lão, đây là người quen của tôi, để tôi đưa về khỏi phải phiền bà lão.

Nói rồi người ấy nhắc xe đạp xuống trước rồi bế bổng Đờ đặt lên xe hơi. Móc túi lấy ra năm hào đưa cho bà lão, người ấy nói :

— Biểu bà và xin cảm ơn bà.

— Tôi chả lấy. Thấy người ta hoạn nạn tôi chờ làm phúc.

Người kia nhét năm hào vào mảnh khăn trùm trên đầu bà lão rồi vỗ vỗ vào vai :

— Bà nhận giùm cho cháu vui lòng. Để bà ăn trâu mà.

Đoạn người ấy xách nốt cái va-li của Đờ quăng lên phía sau xe rồi nhảy lên ngồi vào tay lái, tay phải giữ cho anh khỏi ngã ra ngoài.

— Cậu về đâu bây giờ ?

— Không biết, tôi... tôi vừa ở tỉnh lên.

Phúc mở cho máy chạy và nói :

Lại mò lên đây kiếm việc làm ! Có đôi lần không ? Thôi được để tớ cho cậu chỗ ở dằng hoàng.

Hắn lái bằng một tay trái còn tay phải vẫn ôm giữ Đờ. Xe hơi chạy thẳng lên phía Bắc rẽ vào những đường ngoằn ngoèo của khu dân lao động. Sau cùng xe đỗ trước một căn nhà mái lợp tôn vách gỗ sơn đủ màu sắc sỡ với những hình thù quái gở. Tất máy xe, Phúc rút chìa khóa mở cửa căn nhà rồi đỡ Đờ vào đặt nằm trên một tấm phản. Trờ ra lấy xe đạp và va-li đem nốt vào, hắn quăng cho anh cái khóa cửa có cầm sẵn chìa và nói :

— Năm nghỉ đây. Tớ vội đi công tác, đến trưa tớ mới có thời giờ trở lại xem cậu ra làm sao. Đừng có chết vội nghe không.

★

Thế là Đờ nghiêm nhiên có một căn nhà anh muốn ở đến bao giờ tùy ý. Theo lời Phúc thì căn nhà này chẳng là của ai cả. Đất là đất của Nhà Nước, vật liệu gồm tôn và gỗ thải ra sau một cuộc triển lãm quân chính, còn công dựng lên thì chính thợ giới triển lãm cất giúp không lấy tiền. Đờ đặc gồm một phần một tử đứng, một bàn và bốn ghế thì Phúc và mấy bạn đồng đội của anh nhét nhạnh ở đầu về cũng chẳng ai nhớ nữa. Trong căn nhà ấy Đờ yên trí nghĩ ngơi tĩnh dưỡng. Gối tiền một nghìn hai anh chia làm hai gói lúc nào cũng giắt kỹ trong mình và nếu không có biến cố nào khác, anh thừa trả tiền cơm và tiêu vặt trong tám tháng nữa. Tuần đầu ngày nào Phúc cũng về thăm anh nhưng từ hôm qua, hắn đi công tác ở xa chưa biết bao giờ mới về.

Hàng xóm chung quanh, Đờ mới chỉ quen với chú Hai ở căn nhà lá phía sau lưng. Chú Hai tự đến làm quen với anh ngay hôm sau khi anh được đưa về đây. Chú mang cho anh nước trà nóng và cho anh mượn báo để đọc. Nét mặt chú hom hem, nước da xanh mướt, giọng nói khàn khàn nhưng anh thấy chú là người tốt bụng lắm. Chú lại có tài đoán trước được những thứ anh cần dùng và anh tìm ra rằng cái tài ấy của chú ẩn trong đôi mắt sâu và nhanh. Khi anh hỏi thăm về bà con láng giềng chú cho anh biết là xóm này thuần dân tứ chiếng làm đủ mọi nghề hạ tiện, phần đông đều ích kỷ và rất tài ăn cắp vặt. Chú thiết tha khuyên anh nên xa tránh họ, dù họ có định mời chào làm thân. Chính chú thu xếp cho nhà hàng ở gần Chợ cho người ngày hai bữa đem cơm đến tận nhà cho anh với một cái giá rất phải chăng là một trăm một tháng. Cơm một món thịt, một món cá, một món rau với một món canh, nếu anh ra hàng ăn cũng phải mất trăm hai là rẻ.

Đến hôm đã bắt đầu khỏe khoắn, Đờ nghĩ muốn sang chơi nhà chú Hai để đáp lễ thì chú đáp :

— Chẳng nói giầu gì ông anh, con vợ em tính nó hơi khùng, thấy người lạ nó hay làm hờn. Xin ông anh chước đi cho.

Nhìn ánh mắt chí tình của chú Hai, anh cũng đành thôi nhưng trong lòng thêm ái ngại cho hoàn cảnh người bạn nghèo. Anh còn cố tránh không muốn đi qua hoặc nhìn sang nhà bạn, e thím Hai bắt gặp thì có hại cho tình bằng hữu của chú ấy với anh. Vì thế, anh chỉ năng ra ngồi chơi phía trước nhà.

Thoạt đầu anh lấy làm thú vị là bà con hàng xóm mỗi khi đi qua cửa nhà anh đều có ý đi lảng về phía bên kia. Nhất là trẻ con, những đứa lớn đi qua bao giờ cũng ừ té chạy cho mau còn những đứa nhỏ bao giờ cũng bắt cha mẹ phải bế. Chung quanh nhà anh theo một đường bán kính khoảng trăm thước là vòng cấm địa của những tiếng cười đùa cũng như tiếng hò hờn khóc của đám trẻ ấy.

Tất cả đều như đồng lõa giữ yên tĩnh để giúp anh mau lấy lại sức khỏe như chú Hai cho anh biết

rằng chú đã có lời nói trước. Nhưng lâu dần sự yên tĩnh ấy đối với anh mỗi ngày trở nên nặng nề thêm và anh lại thấy bức mình khi nghĩ rằng hình như mọi người xa tránh anh.

Những cái nhìn trộm của người bước vội qua ngõ hẹp, những cặp môi đang mấp máy đột nhiên dừng dừng lại khi anh nhìn ra, những bàn tay bịt chặt miệng trẻ nhỏ bỗng trên cánh tay, tất cả những cử chỉ ấy làm cho đôi mày của anh nhiều lúc đã phải nhíu lại. Có bữa đi xe đạp xuống chơi la cà các đường trong thành phố trở về, anh đã mua một túi kẹo để thử làm thân với bọn trẻ. Nhưng túi kẹo của anh vừa giờ ra, đứa trẻ trông thấy trước nhất vội ôm đầu ừ té chạy biến theo tất cả những đứa cùng bọn. Sau một tháng anh có mặt trong xóm ấy, người ở ngõ trong ra vào qua cửa nhà anh đã vắng hẳn đi. Chú Hai cho biết rằng xóm trong đã mở được một lối đi khác sạch sẽ hơn và gần hơn. Rồi vài bữa sau, khi có bắt đầu mọc xanh um lối đi thì vợ chồng người bán rau ở căn nhà xé cửa anh dọn đi. Chú Hai cười xòa :

— Nhà thằng Ba Xà-lách chúng nó có cuốn xéo thì xóm này mới khá được. Bán xà-lách là hăm tài tệ nhất hạng.

Đờ chẳng hiểu tại sao bán xà-lách lại là hăm tài, nhưng chú Hai nói vậy thì anh cũng biết vậy. Đờ rồi xem anh Ba xà-lách đi rồi, xóm này có khá lên không mới biết chú nói đúng hay sai.

Ba hôm sau có nhà dọn đến ở nhà Ba Xà-lách. Chú Hai đi nghe ngóng lảng vảng rồi cho anh biết :

— Em nói đúng mà, ông anh cứ tin đi. Nhà mới dọn đến tên là bác Năm Giầu. Góa chồng có lương hưu trí, bốn cô con gái chưa chồng buôn bán dầm dề mà nhan sắc cũng « khờ ». Họ tính ở ít lâu rồi cất nhà lầu mái ngói.

Thấy nói có những bốn con gái chưa chồng, từ đây Đờ tránh ngồi chơi ở cửa trước. Những lúc đi chơi về, anh có ý không nhìn ngang và vào đến nhà anh đóng ập cửa lại, cả đến hai cái cửa sổ nhỏ xiêu anh cũng gài then kín. Bởi cần khí trời anh đành phải mở hé một cái cửa sổ phía sau trông sang hướng nhà chú Hai. Một bữa gần giờ cơm trưa, anh đi chơi về đã thấy chú Hai ngồi châu hầu ngoài cửa. Anh mở khóa vào, chú theo chân ra mở then. Anh ngạc nhiên thấy một người đàn bà mập mạp quần áo diêm dúa bước vào, theo sau là một người hầu gái bụng một mâm đồng có đặt lồng bàn. Chú Hai khúm núm giới thiệu với anh :

— Bầm Thầy như con đã trình với Thầy đây là bác Năm Giầu ở bên trước cửa. Hôm nay nhân ngày rằm, bác Năm sửa cái lễ trước là khấn Đức Mẫu Ngải sau nữa là đề ra mắt Thầy, xin Thầy châm chước cho.

Đờ càng ngạc nhiên hơn vì giọng lưỡi khác thường của Chú Hai thì người đàn bà cũng xuýt xoa nói lời :

— Bầm Thầy xin thầy trông xuống mà sinh phúc cho chúng em. Đến đây nương cửa Thầy đã gần mười ngày mà hôm nay chúng em mới có dịp nhờ chú Hai đây là người thân tín của Thầy đỡ lời cho chứ nếu không chúng em cũng chả dám đường đột. Chúng em là kẻ làm ăn biết phận, nếu có sự gì sai xuyến dám xin Thầy đánh chữ đại xá cho. Lạy Thầy vạn phúc bái mớ bái.

Nói rồi bà ta chấp hai tay khấu đầu lễ lịa lễ lịa về phía Đờ. Anh cuống quýt nói :

— Ấy, ấy, sao lại thế...

Chú Hai lùi lại một bước đứng sau bà Năm và cũng bắt chước lễ nhanh như chớp giật. Đờ kêu lên :

— Ô kia, lại còn cái chú Hai nữa. Làm cái gì thế ! Tôi không bằng lòng đâu.

— Dạ, dạ, bầm Thầy xin thế cho phải phép ạ.

Bà Năm đi giật lùi trở ra thì người hầu gái tiến lên đặt mâm đồng trên bàn. Chú Hai lẹ làng mở lồng bàn phân bua với Đờ :

— Bầm thưa bác Năm có dăm bày vẽ gì đâu, chỉ làm sơ con vịt cho các em áo hăm tiết canh biếu Thầy nếm thử, với lại làm thêm mấy món nháo nhào này để Thầy dùng cơm. Có dặn rồi nên hôm nay liệu nó không đem cơm đến đâu ạ.

Chú Hai dứt lời thì cả ba người đã lùi ra đến cửa và biến mất, bỏ mặc Đờ đứng dờ người trước mâm cơm thịnh soạn. Trông thấy bên cạnh đĩa tiết canh có chai rượu thuốc nhỏ và một cái chén tổng, anh tặc lưỡi rót ra nếm thử. Tuy những món ăn lạ miệng so với cơm hàng nhưng anh cũng chỉ ăn hết tiết canh, một bát miến, vài miếng thịt vịt luộc, một góc đĩa xôi cau với phần ba [chai] rượu thuốc.

(Xem tiếp trang 48)

(Tiếp theo trang 40)

muốn dưỡng con trống thì phải vớt sang bồn khác để nó trong nước có pha đất sét và cho ăn tằm bỏ lại. Cá con thì tự nó ăn bọt nước lớn dần đến khi nào liệu đủ sức sẽ lựa ao hồ kiên cố thả nuôi để khỏi bị hốt trộm hoặc bị làm mồi cho cá lớn, nhái ếch v.v... Đúc cá thia thia và đúc cá thia thia Tàu đều thế thức gần như nhau.

Đá cá cách nào? : Thế thường hay nói cò gian bạc lận, đầu kê đá cá toàn là thi nhau gian lận, dùng mảnh khoé xỏ trá mà gạt gẫm, lừa phỉnh người ít trí hơn mình. Cá cấp độ thường để trong dọi nhỏ nắp dọi, lớn cỡ cái tách uống cà-phê, trong Nam thường gọi là cái thố. Họ có gian ý, để cá trong nước khá nhiều cốt cho con cá ở sâu thì hình dáng thấy nhỏ. Họ lựa thố có hông phình ra để ánh sáng chiếu vào lưng cá cho có người ngộ nhận cá bé, chịu cấp độ đến khi thả vào keo thì cá họ lớn hơn cá mình thì sự đã rồi.

Phàm trong lúc cấp cá đá độ thì hai bên được phép dùng một lông gà quét nhẹ trên mình cá để xem kỹ đuôi, kỳ, mang, vây, v.v..., mình tình thật thì dùng lông gà thường. Họ cố ý cho nên đã tắm sẵn con cá của họ vào chất độc, như nước lá môn ngứa chẳng hạn, con cá của họ đã nuôi trong nước lá môn rồi nên quen đi, đến khi cá mình lạ, chưa quen, bị quét sơ ít lông gà đã ngứa ngứa sẵn mình, đến khi thả vào keo đá độ, họ lấy vớt xúc cá của họ, họ xúc luôn mớ nước ngứa pha vào keo nước trung gian thì tức nhiên cá họ quen nước gác phân thắng hơn cá mình không quen và lạ nước. Đây chỉ là một mảnh khoé nhỏ, còn ngón gian trong trường cá không sao tả hết, người thức thời và biết khôn thì đừng đá cá mới khỏi bị thua lận. Tuy nói thế mà ông Tô cá ghe phen cũng sửa lưng đồ đệ của người một cách bất ngờ. Năm nọ, tôi còn từng sự tại tỉnh nhà và vừa chấp chứng tập nuôi cá. Hôm ấy nhằm ngày chủ nhật, tôi xách một nà tre có đựng mười cái thố sành, mỗi thố là một con cá đá độ. Trường cá là nhà cậu N.T.T. Từ sớm đã đá xong vài độ, trường đang nóng tiết, kẻ ăn cười người thua, điện bắt đầu gần xẹt lửa. Chú Ba M. đem cá từ Bãi-xàu qua cấp độ, cá tôi gặp cá của chú: lúc còn trong thố, rõ ràng cá tôi lớn hơn cá chú một mười một tám. Đồi bên bằng lòng làm số đá độ ấy năm chục bạc, phần tôi phân nửa là hai mươi lăm đồng, còn phân nửa chia cho bạn thân ăn kẻ kẻ năm người ba cho vui. Bên cá chú Ba M thì chú bảo số, không cho bọn thua từ sớm đá hùn họa may vớt vát ít nhiều gọi là gỡ gạc. Cá thả vô keo, giao hai con có cần qua lại với nhau rồi mới bắt đầu kề cận thua. Cá của tôi phùng xoe trước, thấy cũng có gió đến. Chứng cá chú Ba M. khởi sự xoe đuôi phùng mang trợn trợn trợn trợn thì tôi nghe trường cá cười ồ một tiếng lớn, xem lại con cá chú M. lớn như cha, con cá của tôi bé như con con cá kia, khổ chưa?

Họ quen nghề họ khôn hơn mình. Lúc này, còn trong thố họ dùng lông gà nhận chìm con cá họ xuống đáy thố và lấy lông ấy quét tùm tùm vì con cá nên mình thấy nhỏ. Bầy giờ thả vào keo rộng, con cá nờ nang bành trướng đúng sức thì to gấp hai ba lần này — cái thua về phần tôi cầm chắc trong tay rồi. Chú Ba M. nhếch mép hân hoan nhưng còn sợ tôi đồ quạu không chung tiền nên chưa dám cười ra mặt. Kẻ bàn quan thấy cá chú chắc thắng nên phóng bắt om xôm: ban đầu họ cần thận phóng mười đồng ăn bảy, tức như thua họ chung đủ mười đồng, bằng cá họ thắng họ ược lấy bảy đồng thôi. Kẻ đó có người báo thắng phóng mười ăn năm rồi đến ăn bốn, ăn ba. Phần tôi thì vừa mới học chơi vừa mắc cỡ thẹn nên cần rắng mà chịu. Duy có những người chung số bên tôi, họ nóng ruột vì sắp mất tiền oan uổng nên chưởi thề liên miết, nào là « đá cá không ngay thật » « ăn gian rồi sẽ thua mặt » v.v... Trong keo, hai con cá đã cần nhau mỗi con một miếng cần, thế

CÁ THIA - THIA

là bắt đầu ăn thua thực sự.

Cá của tôi vẫn phùng xoe và lợi lơn hơn để tìm chỗ nhược mà cần. Ngờ đâu trong khi ấy, con cá của chú Ba M. lại liên thoảng, đảo bên này rồi đảo bên kia, lợi theo cá của tôi rồi bực ra trước mặt rồi phùng xoe khoe mã, giáp. Bỗng lẹ như chớp nhoáng, con cá của tôi thừa lúc cá chú M. giương vì khoe vậy, nó phóng tới cắn ngay vào bụng bờ, mạnh cho đến nỗi bọt nước văng tung tóe nghe rõ ràng một tiếng « bốp » kinh người.

Rồi một sự bất ngờ diễn ra mau như điện chớp. Cá chú M. bị cắn đau quá, giựt mình thua khan, xếp đuôi cuộn giáp chạy có cờ rồi hất bài tàu mã luôn không gan dạ nào trở đầu đương địch. Mà có gì lạ đâu: chẳng qua từ khi thả chung vào keo, cá chú M. thấy cá tôi sặt râu bé bỏng, mừng rỡ ngỡ gặp được mồi to nên toan trở ngón ba mươi lăm. Bất thần bị cắn mạnh quá, kinh tâm tán đờm rồi hoảng hốt ừ chạy không tưởng đến sự đấu chiến.

Từ bại thấy trước mắt nay chuyển ra thắng bất ngờ, tôi thò vớt hốt cá, chia tay lãnh bạc ngon lành trong khi chú M. lâm bầm: « Đồng tiền của ông lớn quá! Thôi tự hậu tôi không dám đương đầu với ông nữa. Tính coi cá lớn mười đầu với cá nhỏ bảy. Tiền đã bỏ vào túi mà tôi gì cá lớn trở tạt, trửng má: để thua vô cớ vô căn. Hoặc là hết thời nên Tô trác, hoặc tiền của ông có Thần Tài ủng hộ cũng chưa biết chừng! »

M. từ ấy không cấp cá với tôi mà tôi cũng giải nghệ vì biết rõ trong trường đầu kê đá cá ngu ngơ như vậy mà không rút lui sớm thì chỉ đưa gỏi cho chúng đột!

Có mấy thứ cá để nuôi chơi

1) Cá thia thia đồng, tùy tên địa phương đặt cá đồng Lộ nghệ, đồng Hàng Trâm, Linh Kía (long từ)...

3) cá nước (cá Rạch giá, rừng U Minh). Cá này hay lắm, mình dài, ốm giống hệt cá ta, nhưng tài hay đến cá xiêm lai cũng không cự nổi. Đi hốt cam go vì lợi rừng suốt mấy đêm ngày, cá ở trong bụng dứa nước, chung với dĩa, rắn, cạp, sấu... châu xua nếu cá đồng bán hai cắc, năm cắc mỗi con thì cá nước giá đến một, hai đồng bạc tùy tốt xấu lớn nhỏ. Cá này hay lắm vì quen chịu đựng, ăn ít ở kham khổ thêm sống chung đụng với rắn với dĩa nên gan lì bền nước vô cùng.

3) Cá xiêm thiết, chia ra có cá đỏ (bền nhưng răng ít bén); xanh (bền nhưng dờ dòn) đen (đẹp, vừa bền vừa cần hay) cá sập vì mình trắng như sập (tốt mà nhưng kém tài hơn giống xanh, giống đỏ).

4) Cá xiêm lai một đời.

5) Cá xiêm lai biệt dạng.

Năm thứ trên đây là cá đá độ. Đặc biệt nhất là giống cá xiêm của trong hoàng thành Thái lan. Nhưng nghe đồn chó chưa thấy trở tài. Nước Xiêm, nước Cao miên là hai nước tu theo đạo Phật, cấm sát sanh. Thế mà dân Xiêm và cơ me thích xem đá cá hơn ai hết. Có người phân nân: các ông sao lại ưa xem sát phạt làm vậy e trái với sự từ bi của đạo Phật chăng?

Trả lời: « Tôi tu hành là giữ việc tu hành. Hai con cá cần nhau thì tôi coi. Tôi có xúi dục nó bao giờ mà có tội! »

Ngoài các giống biết trửng má, biết tranh đấu giết hại nhau để làm trò chơi cho thế gian, thì lại có thứ cá nuôi trong hồ, trong bể cạn hay trong bồn thủy tinh để làm cảnh. Như:

1) Cá phươn (poisson de paradis) (gần giống thia thia nhưng đuôi kỳ lạ lướt thướt như các chàng văn sĩ xưa hơn là võ sĩ tân thời).

2) Cá bút chì (poissons de crayons) (Nannostomes cá này lợi dụng đứng đầu trên đuôi dưới nên đặt tên là bút chì).

3) Cá giống chiếc lá khô (Monochire) cá này kỳ giữa và đuôi trong khe, giáp mình có đốm rằn trắng hoặc đỏ sậm đen, ánh ưa ăn cá nhỏ tí và chất dơ, ngày thường nằm ở dưới đáy, thường lăm với lá khô, đá đóng rêu.

4) Cá xanh dương màu bleu de Prusse, có lân đồ dài theo mình rất đẹp. Trong sách tả sáu bảy phân bề dài, nhưng tại Saigon chỉ thấy giống ba, bốn phân bề dài. Danh gọi Macropode, còn tại hải học viện Muséum de Berlin lại đặt tên Tel Matherina Ladiges.

5) Cá Toxotes Jaculatores của xứ Bornéo.

6) Cá Scalaires, tức cá sọc dưa, mình giống cá chim, có sọc đen trắng rất đẹp. Người Tàu tùy màu sắc đặt tên Hắc thần tiên (Hắc xanh xính) Mỹ châu Bạch thần tiên (Pạc xanh xính) v.v...

7) Cá Barbus de Sumatra, đồ vàng đen

8) Cá Tricogaster, có hai giải dưới dài giáp đuôi

9) Cá Rasbora, xanh đỏ đen

10) Cá Danio Rerio, sọc dưa sặt rằn theo chiều dài như áo pyjama xanh vàng.

11) Cá Tétrá Déon giống như một thứ với cá Macropode tả nơi số 4.

12) Cá Mollinésie toàn đen.

13) Cá Girardinus Guppy có đuôi đủ màu như móng trời.

14) Cá Hemi Grammus mình xám con mắt và cạnh đuôi diềm đỏ.

15) Cá mình trong ngần dờm thấu xương v.v...

Trong Cholon, đường Đồng Khánh, vừa qua khỏi cao lâu Thoại quỳnh Lâm, có một nhà chuyên bán cá ngoại quốc có nhiều tên tàu ngộ nghĩnh:

Quán ấy tên tên: Thủy tộc quán « Nhã Lạc ».

Cá đặt tên:

Xanh xương

(Ấu Châu)

Cùn

(Ba Tư)

Bổ Lô

(Amazon)

Hùng liên tán

(Amazon)

Tin cón cùn

(Nam Âu Châu)

Cá thứ lớn bằng bàn tay, giống hình cá chim, có sọc ngũ sắc như kẹp hát bội — giá năm ngàn đồng mỗi con quá sức tưởng tượng.

Nhưng lại cá cảnh xưa nay và các nước đều biết danh là cá thia thia tàu danh gọi kim ngư tây gọi Telescope de chine, — chia ra nhiều giống:

1) Giống mình vàng, không có kỳ trên, đuôi đẹp gọi cá ông Thọ. Khi lớn đúng sức thì mọc một chòm đồ trước mũi như lông hất bội.

2) Cá vàng có kỳ trên, tha thướt lướt lướt như công tử hát bội. Thứ có mắt thoi lồi là quí danh gọi « đồn nhân » (xem hình).

3) Cá vàng mắt lồi lật ngửa lên trên, danh gọi « long nhân ngưỡng thiên ».

4) cá vàng con mắt có bọc nước là cá thủy bao nhân

5) cá tuyến đen là hắc mẫu đơn

6) cá bạc, tuyến trắng, lớn lên vây chớp như bạc kỳ, đuôi trắng phều phật là lễ thể, đẹp như văn sĩ hoặc như bạch ty công tử trên sân khấu hát Tàu;

7) cá nửa vàng nửa trắng là cá đỉnh dương

8) cá kim ngư già, đầu mọc chớp mao, khi lội đớp nước phung ra bọt tròn, người Tàu đặt: Sư tử hý cầu?

★

Loài cá ăn lăng quăng, nhưng cũng thích ruột bánh mì, lăng quăng nhơn tạo hay bột cho cá ăn và rau muống: các món này, từ rau muống, đều có bán khắp chỗ bán cá tại chợ Saigon và trong Chợ lớn (đường nhỏ trở ra đường Đồng Khánh). Riêng đường Nguyễn Duy (Dã tượng) có vựa trữ, đúc và bán rỗng cá kim ngư đủ loại, có nhiều thứ rất đẹp và rất đắt tiền.

V.H.SÈN

NGUYỄN-DU XUẤT-BẢN

86, Đường Nguyễn-Du, Sài-gòn. Giày nói: 20.881

Nhân dịp tân xuân, Nhà Xuất-bản Nguyễn-Du xin trân trọng chúc mừng các vị tác-giả, các nhà Phát-hành cùng Đại-lý, quý-vị Giáo-sư cùng anh em học sinh dùng sách và các vị Chủ-nhiệm báo-chí đã phê bình hoặc thông tin các loại sách đã xuất bản sau đây:

✱ Bộ Công-dân giáo-dục

của Thạc-sĩ Vũ-Quốc-Thức và Giáo-sư Hồ-Sĩ-Khuê

✱ Bộ Việt-sử và Thế-giới sử

của Giáo-sư Trần-Hữu-Quảng và Luật-sư Trần-văn-Tuyên

✱ Bộ Địa-lý

của S.H. Jérôme Nguyễn-Văn-Ba và Giáo-sư Trần-Hữu-Quảng

✱ Bộ Pháp-văn

của các Giáo-sư Nguyễn-quang-Lâm, Huỳnh-Tân, Lê-Hữu-Ấn, Lê-Huân, và Deaffler

✱ Bộ Anh-văn

của Giáo-sư Hoàng-Châu và Giáo-sư Quốc-Mỹ

Hầu hết các bộ sách trên đây đã hoàn thành từ Đệ-Thất đến Đệ-Nhị, nhiều cuốn đã tái-bản lần thứ 4, 5. Nhà Xuất-bản Nguyễn-Du luôn luôn cố gắng đề cụng-tác với các tác-giả đứng đắn. Sách ấn-lát mỹ-thuật, hợp giáo-khoa, sát chương trình của Bộ Q.G.G.D., giá bán phò-thông.



Liều Trai Chi Di

HƯƠNG NGỌC

Nguyên tác của BỒ TÙNG LINH
NGUYỄN HOẠT dịch

Nàng xin vâng. Từ đó sớm tối đều đến. Có lần Sinh bảo mời Giáng Tuyết đến nhưng nàng không tới, Sinh lấy thế làm hận.

Nàng nói :

— Chị Giáng tính rất phóng khoáng chứ không quá si tình như em. Phải để em thông thả khuyến mãi, việc gì mà vội vã thế.

Một đêm, nàng đi vào buồng rầu rầu nói :

— Đắt Lũng anh đã không mong giữ được còn định ngó đất Thực ư ? Ngày nay đến vĩnh biệt nhau đây.

Hỏi tại sao. Nàng lấy tay áo chùi nước mắt mà rằng :

— Đây cũng là định số. không thể nói cho anh rõ được. Câu thơ anh để ngày trước bây giờ đã thành câu sấm rồi đó.

Giai nhân đã thuộc tay Phên tương

Nghĩa sĩ tìm đầu Cờ Ấp Nha

Anh có thể vì em mà ngâm hai câu đó.

Sinh hỏi vặn thì nàng im bặt, chỉ nghe tiếng thốn thớt. Như thế cả đêm không ngủ sáng tinh mơ ra đi. Sinh lấy làm quái lạ. Hôm sau có họ Lam ở, Tức Mặc và Đền Hạ vắng cảnh, thấy cây mầu đơn trắng thích lắm, đào lên đem đi. Lúc đó Sinh mới tỉnh ngộ rằng Hương Ngọc chính là thần hoa, nhưng chỉ biết ngâm ngùi không thôi. Được vài ngày nghe tin họ Lam đánh cây hoa về nhà, hoa ngày một tàn úa, tiêu tụy. Hận lắm, Sinh bèn làm năm mươi bài thơ khóc hoa, ngày ngày đến chỗ gốc trồng này khóc rống.

Một hôm vừa ra mộ hoa khóc về từ xa trông lại thấy một người mặc áo hồng cũng đang đứng gạt lệ bên mộ. Bèn thung dung đến gần. Cô gái áo hồng cũng không tránh, Sinh liền nắm lấy áo hai người trầm ngâm nhìn nhau. Một lát Sinh kéo mời vào nhà, nàng cũng theo và than rằng :

— Chị em có nhau từ ngày còn non dại mà một sớm xa lìa. Nghe anh đau xót mà từ xa thiếp cũng động lòng, mấy hàng lệ rỏ xuống cửa tuyến may ra cảm đến lòng thành mà được sống lại được chăng. Nhưng kẻ chết thần khí đã tan làm sao có thể cùng với hai ta nói cười như người sống được ?

Sinh đáp :

— Tiểu sinh phạm mộng làm phương hại đến người tình, đáng ra vô phúc có thể mất cả hai người ngọc. Trước đây đã tần phiến Hương Ngọc, đạo đạt tâm lòng thành mà sao không thấy nàng đến chơi ?

Nàng nói :

— Thiếp cho rằng trong đám thư sinh trẻ tuổi mười người thì có đến chín kẻ bạc hạnh, không ngờ chàng là người chí tình đến như thế. Tuy nhiên thiếp cùng chàng chỉ nên lấy tình mà chơi với nhau, không nên nghĩ đến điều dâm. Vì bằng ngày đêm chót nhà thân gần thì đó là điều thiếp không kham được !

Nói xong cáo biệt. Sinh nói :

— Hương Ngọc từ đây đời đời xa cách, khiến cho ai bỏ ngủ quên ăn. Dám xin nàng nán lại một chút để an ủi nỗi lòng mong nhớ, sao lại quyết tuyệt như vậy.

Nàng bèn ở lại, qua đêm rồi đi. Vài ngày sau, cũng không thấy đến. Bèn song vãng nghe mưa dầm dề, Sinh khoắc khoải nhớ Hương Ngọc, trần trọc góc giường, lệ dầm chân gối. Khoác áo trở dậy kêu đèn, lấy bút ra làm thơ nỗi theo vần ngày trước :

Mưa chiều vắng lạnh đèn hoang

Trước rèm ngồi lặng biết nàng ở đâu

Tương tư chiều nặng mái đầu

Đêm đêm nuốt lệ ngâm sâu đêm đêm.

Thơ làm xong tự ngâm lên. Bỗng ngoài song có tiếng người nói :

— Đã có người làm thơ thì phải có người họa.

Nghe tiếng trông ra thì là Giáng Tuyết, Sinh mở cửa mời vào.

Nàng nhìn bài thơ rồi làm tiếp dưới mấy câu :

Cổ nhân đâu biết mà tìm

Đền từ một ngọn im lìm bên sông

Một mình trông núi vắng không

Nhờ đèn chiếu bóng chập chùng thành hạt

Sinh xọc xong nước mắt rờn rờn. Nhân đó oán nàng sao thừa thớt trong dịp gặp mặt. Nàng nói :

— Thiếp không có nhiệt tình dâm thâm như Hương Ngọc được, tuy nhiên có thể làm dịu bớt cái khổ tịch mịch của anh.

Sinh định lời là, nàng nói :

— Cái vui tương kiến hà tất phải là ở việc đó ?

Từ đó, bất chợt, thỉnh thoảng nàng mới đến một lần. Mà đã đến thì chỉ có yến ăm, xướng họa. Có khi không ở lại đòi ra về nửa đêm, Sinh cũng vui lòng và bảo :

— Hương Ngọc là vợ yêu của tôi còn Giáng Tuyết là bạn tốt của tôi vậy. Những muốn hỏi xem nàng là cây thứ mấy trong vườn đền, cho tôi biết sớm để đánh vào trồng trong nhà, tránh khỏi như Hương Ngọc bị kẻ ác đoạt mất, di hận hàng đời.

Nàng nói :

— Đắt cũ khó rời, dù nói với anh cũng vô ích. Vợ còn không giữ được xuất đời nói chi bạn ?

Sinh không nghe, nắm tay kéo ra, cứ đến gốc mầu đơn nào cũng hỏi : “ đây có phải là nàng không ? ” Nàng không đáp chỉ che miệng cười.

Đến buổi tất niên, Sinh phải về quê ăn Tết, chừng hai tháng. Bỗng một hôm mộng thấy Giáng Tuyết đến, buồn rầu mà rằng :

— Thiếp sắp có nạn lớn, anh nên trở lại mau thì may ra còn được gặp nhau, nếu chậm sợ không kịp.

Tỉnh ra lấy làm lạ, vội vã sắm sanh ngựa, tó thầy ra đi. Rong ruổi ngày đêm chẳng bao lâu đến núi Lao. Thì ra vị đạo sĩ đang cất nhà, có một cây nải dồng làm chướng chỗ xây cất, thợ mộc đang định lấy búa dẫn đi. Sinh biết giấc mộng ứng vào việc đó, vội vã ra xin ngăn lại kịp. Đêm đó, Giáng Tuyết đến tạ ơn, Sinh cười mà rằng :

— Tại trước đây nàng không chịu nói thực thì cho gặp tai ách như thế là đáng kiếp. Từ giờ trở đi ta đã biết rõ nàng rồi. Nếu như nàng không đến với ta, tất phải lấy ngải cứu làm mối mà dứt !

Nàng nói :

— Chính vì biết chàng như thế nên trước đây em không dám nói đó.

Ngồi với nhau được một lát Sinh nói :

— Bây giờ đổi mặt bạn tốt lại càng thêm nhớ đến vợ đẹp. Đã lâu không viếng Hương Ngọc, nàng có thể cùng ta đến khóc người đã khuất một lát chăng ?

Hai người bèn đi, đến huyết mà khóc lóc. Canh một gần hết Giáng Tuyết lau nước mắt khuyên Sinh thôi. Rồi về. Lại vài đêm sau, Sinh đang ngồi buồn một mình, Giáng Tuyết tươi cười bước vào mà rằng :

— Đến báo cho anh biết một tin mừng : thần hoa cảm lòng chí thành của anh nên lại cho Hương Ngọc giáng sinh vào đền này.

Sinh mừng hỏi bao giờ. Cười đáp :

— Không biết nhưng chắc không xa đâu.

Rạng sáng nàng vừa xuống giường, Sinh nói :

— Tôi vì nàng mà trở lại đây thì đừng có để cho người ta phải có tịch.

Nàng mỉm cười xin vâng nhưng hai đêm liền không tới. Sinh đến ôm lấy cây nải dồng mà lay mà vỗ, luôn miệng gọi Giáng Tuyết. Lâu lắm không thấy tiếng đáp. Bèn trở về trước đền kết ngải khô thành mối định đem ra hơ vào cây. Nàng vội vã đi vào, giật lấy mối ngải vút đi mà rằng :

— Anh hay chơi ác, như thế chỉ tổ làm cho người ta đau đớn. Đã thế em tuyệt giao với anh đó.

Sinh cười kéo nàng ngồi. Vừa ngồi xuống đã thấy Hương Ngọc mon mồn bước vào. Sinh vừa thoáng thấy đã lụy tỏ hai hàng, vội đứng lên ôm chặt lấy.

Hương Ngọc một tay nắm Giáng Tuyết, nhìn nhau mà thốn thớt. Đoạn cùng ngồi kể lại cái khổ chia ly. Sinh cảm thấy tay quàng lấy nàng mà như ôm khoảng không, chính mình nắm tay mình. Lấy làm lạ là sao nàng lại không như xưa, Hương Ngọc ứa nước mắt đáp :

— Xưa kia em là thần hoa cho nên hình sắc ngưng đọng. Còn bây giờ em là quý hoa cho nên hình sắc tan ra. Giờ đây tuy đã gặp nhau xin anh chớ cho em là có thực, chỉ có thể thân gần nhau như trong mộng mà thôi.

Giáng Tuyết nói :

— Có tới đây được là tốt lắm rồi ! Tôi bị anh đàn ông của cô cứ xoắn lấy làm người ta muốn chết. (Xem tiếp trang 48)

Ở ĐỀN HẠ dưới núi Lao có thứ cây gọi là cây nải dồng “cây chịu rét” cao hai trượng, to hàng chục người ôm. Lại có thứ mầu đơn cao hơn một trượng, lúc nở hoa, màu chói lọi như gấm vóc. Hoàng Sinh người Giao Châu bèn cất nhà trong rừng cây để đọc sách. Một hôm qua song cửa từ xa thấy bóng một nữ lang mặc áo lụa thấp thoáng dưới hoa. Bụng phân vân sao trong đền lại có cửa này vội chạy ra. Vừa ra đã thấy mất. Từ đó, thường thấy luôn. Bèn nấp trong rừng cây để đợi. Không bao lâu, nữ lang tới lại giắt thêm một cô gái quần hồng. Sinh ngấm từ xa thấy nàng đẹp tuyệt. Đi gần đến nơi, cô gái quần hồng thụt lại nói :

— Chỗ này có người !

Sinh đứng phắt dậy, hai cô sợ hãi phá chạy, áo quần bay phấp phới, hương thơm ngát tỏa một vùng. Đuối đến bức tường thấp thấy biến mất chàng bâng khuâng tưởng nhớ rồi để lên thân cây một bài thơ rằng :

Tương tư khổ lắm ai ơi !

Nỗi lòng canh cánh ngóng người ngoài song.

Chương Đồi liễu ấy còn không,

Mà tìm đây thấy quang dung tuyết vờ ?

Trở về phòng học dầm dùi mơ tưởng. Bỗng nữ lang đi vào. Sinh vừa mừng vừa sợ đứng dậy đón. Nàng cười mà rằng :

— Trông anh hùng hồ như mặt giặc khiến cho người ta chết khiếp đi ấy ; thế mà không ngờ lại là học trò tao nhà, ngại gì mà không thân ?

Sinh liền hỏi qua lai lịch nàng nói :

— Em tiểu tự là Hương Ngọc vốn xưa ở xóm Bình Khang, bị một đạo sĩ đem đây vào trong núi, đó thực không phải là điều em mong muốn.

Sinh hỏi :

— Đạo sĩ tên là gì để ta xin vì nàng mà rửa cái nhục ấy cho.

Nàng nói :

— Chà cần ! Kẻ kia cũng chưa dám bức bách gì em. Và nhờ có thế em mới được gặp bậc nho sĩ phong lưu như anh chứ, âu cũng là sự may mắn.

Lại hỏi người mặc quần hồng là ai. Đáp :

— Người ấy tên là Giáng Tuyết cũng là chị em kết nghĩa với em.

Nói đoạn cùng nhau gần gũi. Tỉnh ra mặt trời đã sáng lóe, nàng vội trở dậy nói :

— Đam mê nhau quên cả sáng !

Mặc áo, đi giày xong nàng nói với Sinh :

— Em xin ứng khẩu làm mấy câu thơ để tặng anh xin đừng cười nhé.

Rồi bèn lên đọc rằng :

Đêm vui sao chóng tàn canh,

Tỉnh ra đã thấy qua màn bóng dương

Ước gì như yến trên tường

Đậu đậu cũng được thường thường có đôi.

Sinh nắm cánh tay nàng khen rằng :

— Em ngoài thì đẹp, trong dạ thì sáng làm cho người ta yêu đến quên chết. Một ngày xa nhau như ngoài ngàn dặm, em nên thừa những lúc rảnh rỗi đến đây với anh, không phải chờ đến tối.



Liêu Trai Chí Di

(Tiếp theo trang 47)

Nói đoạn từ biệt. Hương Ngọc vẫn chịu yêu như xưa nhưng trong lúc âu yếm nàng chỉ phảng phất như ảo ảnh. Sinh vì thế không vui. Nàng thấy thế cúi đầu e ấp tự hận dặn chàng rằng :

— Anh hãy lấy cớ bạch liễu khô tán nhỏ ra trộn với một ít lưu hoàng pha với một chén nước ngày ngày tưới cho em thì đến ngày này sang năm em xin đến.

Nói đoạn từ biệt ra đi. Ngày hôm sau, Sinh đến gốc mầu đơn cũ thấy một mầm non đã nhú ra. Theo lời nàng ngày ngày tưới bón. Lại đóng cọc chung quanh để che. Hương Ngọc tới cảm kích đến điều. Sinh bèn đem đánh trống vào nhà, nàng can :
« Không thể được ! Thiếp bàn chất yếu đuối không kham được việc chết đi sống lại như thế. Phàm mỗi vật sinh ra đều sống một chỗ nhất định. Từ đầu thiếp vốn không sinh ra trong nhà anh nay làm trái đi tỏ tồn thọ. Vì bằng có lòng yêu thương nhau thì cái ngày vui vậy sắp đến rồi đó ».

Sinh hận rằng Giang Tuyết không năng đến, Hương Ngọc nói :

— Nếu anh muốn cưỡng ép chị ấy phải tới thì em cũng xin làm được cho anh.

Rồi cùng Sinh khêu đèn ra đi. Đến gốc cây nai đồng nàng lấy một ngọn cỏ, xoắn thử vào quần để làm độ rồi do từ gốc cây lên trên, tới chừng bốn thước sáu tấc, nàng vạch lấy chỗ đó, bảo Sinh lấy hai móng tay mà gãi. Chớp mắt, Giáng Tuyết từ sau lưng hiện ra mừng rằng :

— Con ranh đã tới đây hả ? Lại cả gan giúp vua Kiệt làm tang thế ư ?

Sinh níu lấy đất cùng vào nhà. Hương Ngọc nói :

— Xin chị đừng lấy làm lạ ! Em xin chị tạm bồi tiếp lang quân em. Một năm nữa xin khỏi phiền nhiều chị nữa !

Từ đó Giáng Tuyết bèn đi lại như thường. Sinh ngắm nghía mầm hoa thấy ngày càng bầm. Hết xuân đã được gần hai thước. Khi về thăm quê, chàng đưa tiền cho đạo sĩ nhờ sớm chiều bồi dưỡng cho cây.

Sang tháng tư năm sau lại đến Đền Hạ thì đã thấy trở một đóa hoa hây còn phong nư chưa nở hẳn. Trong lúc chàng đi đi lại lại bên hoa, bỗng hoa là lướt như muốn gãy. Thoát chốc đã nở, bông to như mâm ngọc, trong nhị hoa nghiêm nhiên có một mỹ nhân bé chừng ba bốn ngón tay ngồi gọn thon lòn. Lại trong chớp mắt, lẳng đặng bước xuống. Thì ra Hương Ngọc mỉm cười nói rằng :

— Em cam chịu mưa dầm dãi chờ anh, sao anh đến chậm thế.

Cùng vào trong nhà thấy Giáng Tuyết đã ở đó, cười mà rằng :

— Gớm, ngày làm vợ thay người, khổ chết đi bây giờ phải rút về làm bạn mới được.

Bên cùng chuyện vui xum họp, họa diệu đề thơ. Đến nửa đêm Giáng Tuyết ra về, tay đôi chung giường, hoan hợp như hội mới gặp.

Về sau vợ Sinh ở quê qua đời, chàng bèn vào ở hẳn trong núi không về nữa. Hồi đó cây mầu đơn đã to bằng cổ tay, mỗi lần Sinh chỉ vào mà rằng :

— Ngày sau có chết ta gửi hồn vào đây để sống bên cạnh em phía trái này !

Hai nàng đều cười dẫn :

— Anh đừng quên đấy nhé.

Hơn mười năm sau, bỗng một hôm Sinh bị bệnh. Con trai đến thăm, nhìn cha mà khóc. Sinh cười mà rằng :

— Đây chính là lúc ta sắp sinh ra chứ không

MẬT BẢO VIÊN

(Tiếp theo trang 45)

Chiều đến, lúc tỉnh rượu, Đồ thấy mâm cỗ anh ăn giờ đã biến mất, trên mặt bàn có một đĩa năm quả cam Triều Châu vàng óng. Đã chót thì phải chết, lại đang khát khô cả họng, anh vội liền hết hai quả. Đầy cánh cửa sổ trông sang nhà chú Hai cho nắng chiếu ủa vào bỗng anh ngửi thấy mùi thơm béo ngậy của khói thuốc phiện. Chẳng lẽ bên nhà chú Hai hút thuốc phiện ? Điều ấy có lẽ nào tin được ! Nhưng rồi anh cũng bắt buộc phải tin. Trong yên tĩnh của buổi chiều, anh nghe rõ tiếng kêu vo vo của nhựa chảy trên nhĩ tẩu rút theo hơi hít khói. Sự nhớ lại cứ chỉ và lời lẽ kỳ dị của chú Hai hồi trưa, anh thấy chú càng kỳ dị hơn. Hình dung ra nét mặt của chú, cặp môi thâm xỉ, đôi tai bẹp dí, nước da ám khói, với những móng tay, nhất là những móng tay, nâu bóng như sừng anh thấy rằng đến mai lúc này anh mới nhận ra chú Hai là dân nghiện thì anh quả là ngu muội. Rồi anh mang máng nhận ra rằng hình như chú Hai đang định chơi xỏ anh một vở gì đó. Nấn lại hai gói tiền giấu ở lằn áo trong, anh mừng rơn khi thấy nó còn nguyên.

— Những dân nghiện chúa là lắm mưu cơ thủ đoạn.

Anh tự nhủ như vậy không phải là để trách gì chú Hai mà chính là để tự chữa thẹn. Dầu sao anh cũng ngờ ngợ đoán rằng mùi khói thuốc phiện chiều nay dường như là đầu mối cho một chuỗi bí mật mà anh sẽ khám phá. Việc trước tiên là anh thò đầu nhìn qua cửa sổ. Lòng tò mò khiến anh không còn e nề thím Hai khắt khùng kia làm hồn khi thấy mặt người lạ nữa. Trên thềm nhà chú Hai có ba cái xe đạp. Tê ra chú tiếp khách, mà lại có cả khách đàn bà nữa. Anh nghe hai giọng cười khúc khích của những người đàn bà còn trẻ lắm.

Thật ra Đồ cũng chẳng phải chờ đợi lâu. Anh vừa quay lại thì cánh cửa giữa mở ra. Bà Năm đơn đã bước vào, miệng cười xoạc ra đến tận hai mang tai :

— Bầm Thầy đã dậy. Thầy có cần nước nôi gì xin Thầy cứ sai bảo cho chúng em được nhờ.

Không những không đáp mà anh còn cau mặt lại. Tính anh rất ghét những người vào nhà người khác mà không báo trước. Bất giác anh so sánh bác Năm Giàu với chú Hai và anh ngờ rằng nếu bên này là mật cửa thì bên kia phải là mướp đắng.

Bà Năm vẫn tàng lờ như không biết đến những nét vừa chìm sâu trên mặt anh. Bà nói :

— Bầm Thầy, chúng em xin sang trình với Thầy, ngày mai mười sáu là ngày giỗ hết nhà em. Chúng em thành tâm sang thỉnh Thầy chiều mai quá bộ rờng đến nhà tẩm cho chúng em được nhờ oai Thầy mà tiếng thơm lây...

Linh tính báo cho Đồ biết rằng anh rất không nên từ chối bữa giỗ này nếu anh muốn vén tấm màn bí mật nó hằng che mắt anh bấy lâu nay, nó hằng ngăn cách anh với bà con các hàng xóm khác.

Chiều hôm sau, quần áo chỉnh tề Đồ ngồi đợi bà Năm Giàu cho con sang mời. Anh ngồi rung đùi hút thuốc lá, chai rượu « Cảnh ki na con mèo » bọc giấy nhật trình thủ sẵn trong lòng làm đồ lễ. Không cần mở cửa, anh cũng biết nhà trước cửa có hàng chục người đến mà hình như toàn thể là đàn ông.

phải là ta sắp chết tại sao khóc ?

Rồi bảo nhà sư :

— Mai kia dưới gốc mầu đơn nếu có một mầm đồ này ra, nở một lúc năm cái lá thì đó chính là tôi vậy.

Rồi không nói nữa. Người con khiêng Sinh lên xe đem về. Đến nhà thì chết. Năm sau quả nhiên có một mầm thật bầm tự nhiên này ra, có đúng năm lá. Nhà sư cho là lạ, càng gia công tưới bón. Ba năm sau cao mấy thước to bằng chét tay nhưng không trổ bông. Nhà sư già chết đi, đệ tử không biết mền tiếc cây cảnh, nhân thấy không hoa liền chặt đi. Cây bạch mầu đơn cũng tiêu tụy từ đó rồi chết. Không bao lâu cây nai đồng cũng chết nốt.

Di sử thị bản rằng :

Cái tình mà ngưng kết lại thì quỷ thần cũng có thể cảm thông được. Hoa lấy cái thiêng của ma mà theo người, người đem cái hồn của mình mà gửi vào hoa, đó chẳng phải là sự ngưng kết của cái tình sâu xa ru ! Một kẻ mất đi, hai kẻ chết theo, nếu không là kiên trinh thì cũng là vì tình mà dám chết vậy. Người ta mà không giữ được kiên trinh, chẳng qua là vì cái tình không thuần hậu đó mà thôi. Thảo nào Trọng Ni dạy thơ Đường Lê mà phải nói : « chưa cần nghĩ đã tin rồi » kẻ cũng đúng vậy.

N.H. (dịch)

Cuối cùng, anh nghe rõ tiếng the the của bà Năm :
— Đông đủ cả rồi đấy. Chú Hai sang mời hộ chị ông « Xếp » sang đi.

Một phút sau, chú Hai nhanh nhẹn bước vào. Không đợi hẳn phải mời, anh đứng dậy ngay, tay xách chai rượu đưa cho chú. Đón lấy, chú Hai kéo áo anh nói nhỏ :

— Xin thưa đề ông anh rõ hôm nay bác Năm cũng có mời cả mấy « xếp » ở các xóm chung quanh đây đến uống rượu. Chúng nó tuy em phải gọi là « xếp » nhưng đối với ông anh đây thì chúng nó là đồ tép riu cả. Em xin ông anh trộm một keo cho chúng biết tay. Hay là, hay là ông anh giắt « tôi gà » sang là chúng nó hết hồn ngay. Như thế là bao nhiêu tiền hoa hồng ông anh lấy một nửa còn một nửa cho bọn tép riu chúng nó chia nhau.

Tuy chẳng hiểu gì cả, Đồ cứ gạt phắt đi :

— Chú cứ đề mặc tôi. Rồi đâu sẽ có đó.



Đồ vừa chui qua tấm màn, chân đặt chân tới ngưỡng cửa nhà bà Năm Giàu, hai cô con gái rượu của bà đã ọ ọ chạy ra đón, mỗi cô khoác một bên tay anh, ép má và vai anh. Chưa từng trải về cái khoản đó lần nào, Đồ ngượng cứng cả chân tay. Toàn thân anh bốc nóng rùng rục như vừa tu hết cả một chai bố. Trên chiếu rượu, bày tám người đàn ông lực lưỡng mây rậm mắt sâu cắm to vai nở nhin anh như muốn ăn sống nuốt tươi. Một người nhỏ nước bọt xuống đất rồi nói :

— Tao trông thì dèch phải.

Một giọng khác nói đồng :

— Xếp xung dèch gì cái mặt ấy. Tồ bịp rồi, Mẹ tiền sư cha kiếp, cái mặt ấy thì đến mặt bảo viên là nhất hạng chứ ra cái thá gì !

Một người mặt đỏ gay ném mạnh cái chén uống rượu vào góc nhà làm những mảnh sứ bắn tung toé. Rồi hẳn đứng thẳng dậy khuỳnh khuỳnh hai tay đầu lắc lư mắt nhìn Đồ gườm gườm, miệng nói :

— Đây « mật báo » thì đây cũng « báo mật » chứ hơn kém gì nhau mà định ăn chặn tiền nước của nhau. Mẹ kiếp không biến ngay ông xía một lá thì lời mớ thấy ông vài bây giờ.

Nói rồi hẳn vung tay áo vô dít rút ra một lưỡi dao găm sáng loáng và dứ một cái. Đồ nhẩy lùi lại xô hai người con gái bà Năm về phía trước rồi lùi nhanh ra cửa. Tiếng cười điên đại đuổi theo anh về đến tận nhà riêng. Gài cửa lại cẩn thận, anh vẫn thấy căn nhà gỗ mỏng manh quá. Tay run lập cập chân nọ đá phải chân kia, anh hấp tấp nhét quần áo đồ lễ vào va li khóa lại cẩn thận rồi nấp sau cửa nghe ngóng. Có tiếng chú Hai cười nói giọng khàn khàn :

— Đây, các « xếp », xem, vàng thau lẫn lộn thế nào được. Có em Hai đây thì các « xếp » cứ yên chí lớn mà. Hề ! Hề !

Giữa lúc những tiếng cười phá lên lớn nhất thì Đồ ném cái xe đạp qua cửa sổ phía sau, rồi đến cái va-li và sau cùng là anh trèo ra nhẩy bừa xuống. Đồ chợt nhớ ra rằng anh đã quên không hỏi địa chỉ công tác của Phúc hiện nay. Nếu biết, anh sẽ viết thư cho anh ta ngay tối nay, kể lại những điều bí mật mà anh vừa khám phá được.

LÝ-THẮNG

1-1-1960

MƯỜI NĂM HẢI NGOẠI

qua mười bài thơ

VÕ-THÀNH-MINH

(Tiếp theo trang 4)

ngộ chính là những lực lượng ngầm ngầm nhưng hữu hiệu sẽ dần dần thay đổi cái tình trạng khốn đốn hiện nay. Chúng ta, những người đã nhiều đau khổ vì chiến tranh cứ luôn luôn nghĩ như thế, tin như thế đi đầu hoàn cảnh trực tiếp có khi không cho phép chúng ta làm như thế. Vì rằng : một ý nghĩ, một lời nói, một việc làm rất nhỏ mọn của đứa thất phu cũng vẫn có ảnh hưởng xấu hay tốt đối với thời cuộc, tùy theo con đường ác hay thiện của đứa thất phu kia. Gia đình chúng ta đang chia đôi, Tổ Quốc chúng ta đang chia đôi, sự cắt xẻ đau xót ấy lại càng bắt chúng ta luôn luôn theo con đường Thiện.

Nhưng con Đường Thiện vừa nói trên có giống nhau giữa chúng ta không, khi mà anh chị em chúng ta người thì ở Bắc, người thì ở Nam, người thì đang bôn ba hải ngoại ? Nó giống nhau là một việc rất may mắn cho chúng ta, nó đại đồng tiểu dị cũng không đến nỗi gì, nhưng phỏng nó hoàn toàn trái ngược nhau thì chúng ta có cách nào sửa lại để dung hòa với nhau không ? Đó là câu chuyện khá quan trọng, rất quan trọng mà anh muốn thảo luận với các em trong nhiều thư sau. Ít hôm nữa đây, Đông Kỳ Hội qua, Xuân Canh Tý đến, đồng thời với các em ở phía Bắc hay phía Nam bờ sông Bến Hải, anh ở bên bờ Hồ Lẽ Mãn này sẽ thấp thỏm cảm với các em, trông về cố lý, mặc niệm và thông cảm với các em. Đã mười lần rồi, anh phải gặp cái Tết sâu thẳm cô đơn, và mỗi lần gặp Tết như thế, anh lại không khỏi nhớ đến bài thơ "Tha hương Trừ tịch" của Đái Thúc Luân đời Đường và họa vài chuyết vắn gửi kèm sau đây, để các em đọc và cùng anh thông cảm. Nguyên văn chữ Hán, lâu ngày không đọc sách, nên chữ còn chữ mất, lời vẫn không khỏi sượng sùng non nớt, nếu các em có nhíp tình các vị Túc Nho xem, thì nhờ các Vị phủ chính lại cho.

Anh chắt giắt bức thư cuối năm Kỷ ty này với lời cầu chúc thiết tha cho Hòa bình trở lại với Quê hương yêu dấu của chúng ta và với tất cả nhân quần trên thế giới. Ra xuân Canh Tý, anh sẽ lên đường Đông độ, với tất cả cố gắng để giúp vào cuộc xây dựng Hòa bình. Đến Xuân nào anh mới về đến Quê hương, để ít ra được một lần được cùng thân nhân vui xuân trên non sông thống nhất của Tổ quốc chúng ta ? Đó là câu hỏi mà một mình anh không thể nào trả lời được.

Thân ái,



Tha hương trừ-tịch — Tết xa quê

CANH DẦN.— Ở nhà thờ Phan Sào Nam

Cưu xa hàn đấng chiếu
Cổ-sư tiêu-tượng thân
Nhất niên tương-tận dạ
Vạn lý viễn-hành nhân
Nguyệt đạt bình-sinh chí
Hà ưu cảm-tử thân
Tam canh sầu bất thụy
Sổ cú cưỡng nghinh Xuân

Ngon đèn leo-lét nhà xưa
Chân-dung kẻ khuất ngàn ngơ ngắm hoài
Caoi năm Tết đã đến rồi
Mà người muôn dặm phương trời ra đi
Bình-sinh mong trọn lời thề
Chiếc thân cảm tử đầu nề gian lao
Bâng-khuâng thức mãi canh thâu
Chào Xuân gượng-gạo mấy câu gọi là

TÂN MÃO.— Bên hồ Leman

Lẽ-mãn hồ thêm hắc
Cổ-tùng thụ mặc thân
Lưỡng niên tương-tận dạ
Vạn lý vị quy nhân
Ái quốc vô nan lộ
Hoài gia khiếm thủ thân
Khứ Xuân giai thị liễu
Hoàn hữu vọng kim-Xuân

Bên hồ Lẽ-mãn đêm khuya
Gốc tùng lạnh lẽo vẫn sa-đa ngồi
Hai năm Tết đã đến rồi
Mà người muôn dặm xa-xôi chưa về
Tơ sầu như thắt lòng quê
Tình nhà nợ nước trăm bề oán-vương
Xuân qua chỉ thấy hoang-mang
Xuân này biết có rõ đường hơn không

NHÂM-THÌN.— Ở rừng Hoạt-thủy

Hoạt-thủy trùng ngâm tuyết
Cổ-lâu ngã niệm thân
Tam niên tương tận dạ
Vạn lý vị quy nhân
Bạch-thủ bỏ thiên sự
Hồng-trần mãn địa thân
Suy-nhan dư tặc-phục
Minh-nhật sỹ Tân Xuân

Bốn bề mưa tuyết tiếng trùng
Giữa rừng Hoạt-thủy nhớ-nhung bắt-hồi
Ba năm Tết đã đến rồi
Mà người muôn dặm xa-xôi chưa về
Và trời lấp biển nặng-nề
Tám thân mao-hiêm đã lý phong-sương
Dung-nhan y-phục tang-thương
Sáng ngày sao khỏi Xuân-Nương thẹn thắm

QUÝ-TY.— Ở vườn Liễu-viện

Liêu-viện hôn-chung tuyết
Trầm-hương cổ-thụ thân
Tứ niên tương tận dạ
Vạn lý vị quy nhân
Thế-giới hòa-bình mộng
Gia-hương thác-vọng thân
Bôn-ba vọng tuế-nguyệt
Kỷ độ dĩ phùng Xuân

Gốc sồi quặng khói hương trầm
Bên rừng Liễu-viện chuông hôm giát hồi
Bốn năm Tết đã đến rồi
Mà người muôn dặm xa-xôi chưa về
Hoà bình giấc mộng ẽ chề
Tìm đâu giải pháp cứu nguy nước nhà
Phương trời mãi miết bốn ba
Chùa Xuân tỉnh đã gặp ta bao lần

GIÁP-NGỌ.— Ở Phúc-Lợi Bào

Trú-xá phùng tân-hữu
Thâm-tâm tường viễn-thân
Ngũ niên tương tận dạ
Vạn lý vị quy-nhân
Dục cứu nan-y bệnh
Khả tâm thiếu lực thân
Khan đầu đa bạch-phát
Hà nhật kiến chân-Xuân

Đêm nay bạn mới quây quần
Nhưng lòng ta vẫn bần-thần nhớ ai
Năm năm Tết đã đến rồi
Mà người muôn dặm xa-xôi chưa về
Bệnh đời trăm trọng nan y
Tài tiền sức mọn khó bề lo-loan
Đầu chen tóc bạc lan man
Bao giờ lại được thấy Xuân quê nhà

ẤT-VI.— Ở Tu-viện Phúc-lợi-Bào

Tu-viện Đông-tiêu tịch
Kiêu-bào khách-địa thân
Lục niên tương tận dạ
Vạn lý vị quy-nhân
Khẩn-khẩn tư-quy ý
Ưu-ưu thất-dụng thân
Tạm vong tang-hải cuộc
Kỷ-cuộc đãi lại Xuân

Chiều Đông đất khách mịt-mờ
Kiêu-bào Tu-viện năm ba chúc mồi
Sáu năm Tết đã đến rồi
Mà người muôn dặm xa-xôi chưa về
Bôn-chồn tắc dạ tư quy
Tâm thân khả-dụng ích gì bấy nay
Cuộc đời ta hãy tạm khuây
Chờ Xuân ta thử chuyển xoay cuộc cờ

BÍNH-THÂN.— Ở hang Cao-ngạn

Lãnh-động thương-tâm nhiệt
Thổ-sàng tiêu-diêu thân
Thất niên tương tận dạ
Vạn lý vị quy nhân
Cửu nhật phân-ly quốc
Trường-kỷ khổ-hạnh thân
Kiên-trì trung-lập chí
Ấn Thụy vọng hồi Xuân

Nằm trong hang đá tiêu-sơ
Cùng chim tri-kỷ thân-thơ canh dài
Bảy năm Tết đã đến rồi
Mà người muôn dặm xa-xôi chưa về
Càng sâu nước Tở phân li
Càng cam khổ hạnh đến khi xum vầy
Bên gan trung lập không lay
Nơi gương Ấn Thụy có ngày hồi Xuân

ĐINH-DẬU.— Ở thôn Mã-trấn

Mã-trấn xa liên não
Lâm-đỉnh thủ cật thân
Bát niên tương tận dạ
Vạn lý vị quy nhân
Hầu hỷ vô thi ước
Kê minh hữu động thân
Tượng-tri tương-trợ hội
Khẩn lập vạn-niên Xuân

Hòa xa rầm-rập dưới chân
Trên đầu chuột núi bần-khoăn lăm mồi
Tám năm Tết đã đến rồi
Mà người muôn dặm xa-xôi chưa về
Vườn dưa Hiệp-ước bỏ bê
Rời đây Gà gáy phải đi một vòng
Tượng-tri tương-trợ lập xong
Muôn năm Xuân ấy mới mong Hòa-bình

MẬU-TUẤT.— Ở Trại-sở Liên-Hiệp-Quốc

Liên-Quốc trường-đăng chiếu
Sầu-tiêu độc-trắc thân
Cửu niên tương tận dạ
Vạn lý vị quy nhân
Kê khuyến tương giao hội
Đông-Tây tự-nhiệm thân
Tân-niên khai chuyết-bút
Kỷ-vọng vạn-bang Xuân

Giấy đèn Liên-quốc thâu canh
Tiếng viêu bên án chỉ mình nghe thôi
Chín năm Tết đã đến rồi
Mà người muôn dặm xa-xôi chưa về
Trong giờ Khuyến đến Kê đi
Đông-Tây liên-lạc ta thì sao đây
Mấy lời khai-bút Xuân nay
Chúc cầu muôn nước đến ngày Xuân chung

KỶ-HỢI.— Ở Vô-Môn

Trừ tịch thi sinh hận
Vô-Môn mộng giả thân
Thập niên tương tận dạ
Vạn lý vị quy nhân
Khuyến khứ nan thành sự
Trừ lại quyết hiến thân
Tung hoành chư Chiến quốc
Du thuyết cộng tồn Xuân

Vì thơ sinh chuyện mếch lòng
Vô-Môn vui với mộng trong đêm dài
Mười năm Tết đã đến rồi
Mà người muôn dặm xa-xôi chưa về
Xuân qua chưa kết-quả gì
Xuân này lại phải nhiều bề hy-sinh
Chư-du mấy nước cường binh
Hỗ-hào mở cuộc an-ninh cộng-tồn

ĐIỂM LẠI NHỮNG BIẾN CỐ TRONG NĂM VỪA QUA

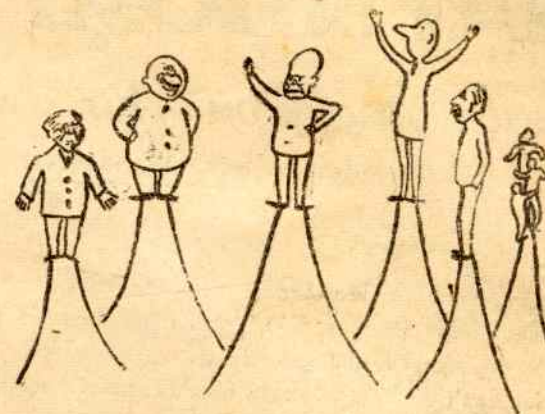
CỦA LÃ-KHẮC-TÂN



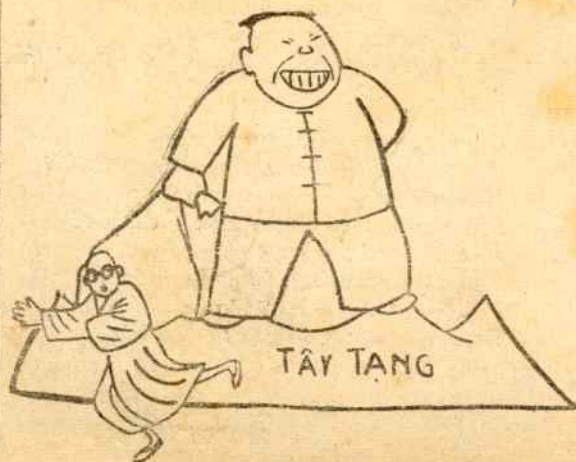
(1) Sôi nổi nhất là cuộc Nga-Mỹ thi đua thám hiểm không gian :
Nga đã dẫn đầu, chụp được 2 phần 3 phía kia chị Hằng.



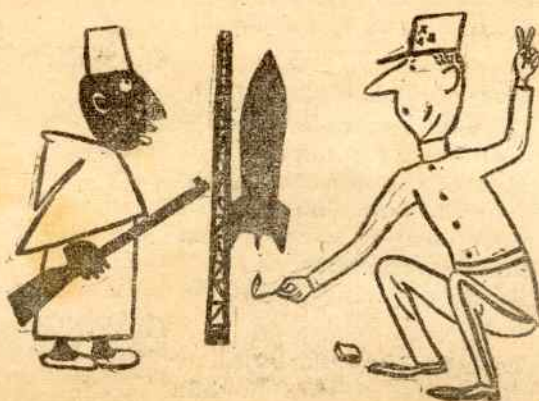
(2) Nàng Hòa Bình cũng được các lãnh tụ thế giới tự do và không tự do chú ý nhiều. Các cuộc chu du tìm hiểu nhau dập diu tấp nập...



(3) Mọi người đều tán thành một cuộc Hội Nghị Tối Cao, nhưng ai nấy đều cũng muốn « rảnh » cái tối ấy về phần mình.



(4) Trung Cộng chẳng hợp với ai, riêng mình lên chiếm cứ Tây Tạng, một xứ thường được gọi là « Nóc gia Thế Giới », khiến cho người ta lo quá xá. Ông Nê Ru giận lắm vì như vậy phần nguyên tắc Sống Chung.



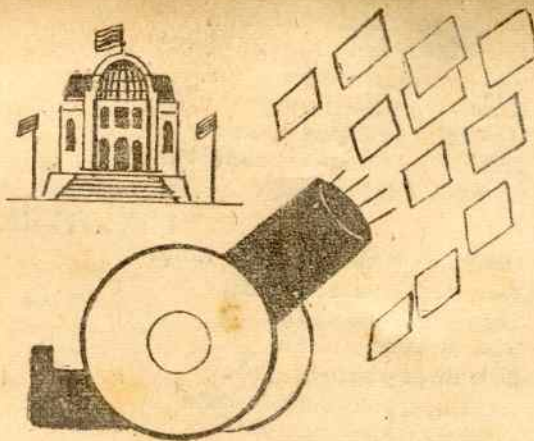
(5) Chiến tranh Pháp-An Giê Ri vẫn kéo dài. Vì bom Nguyên Tử của Pháp vẫn chưa nổ. Vì vậy dân An Giê Ri vẫn chưa tự quyết được.



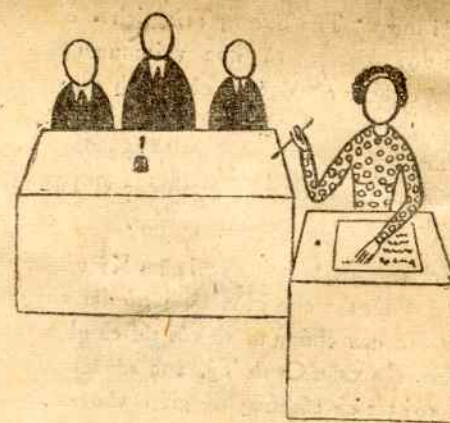
(6) May quá, Việt Nam độc lập từ lâu rồi ! Pháp còn phát minh ra đồng phật làng nạng, sẽ cho ta vay, nhẹ lãi thôi, không cần trả nợ chỉ hết. Ông Pinay được phong chức Bộ Trưởng tài chánh của Pháp vì cái tài « tránh nợ » đó.



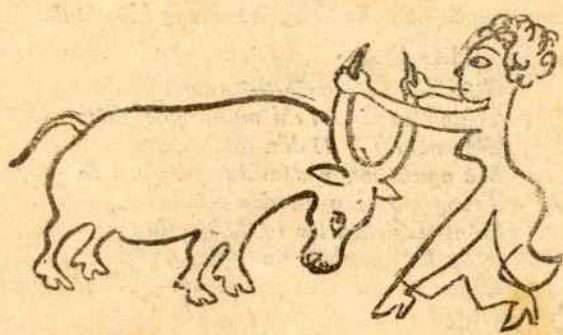
(7) Nước Lào bị Việt Cộng lên đánh, nhưng khi thấy ông « Giám Đốc » Liên Hiệp Quốc đến coi xét thì chúng chuẩn liền. Ông Bà Vua Cao Miên bị ám sát hụt, vì Cộng muốn trừ họa Thái tử Si Hô Núc theo Mỹ (?)



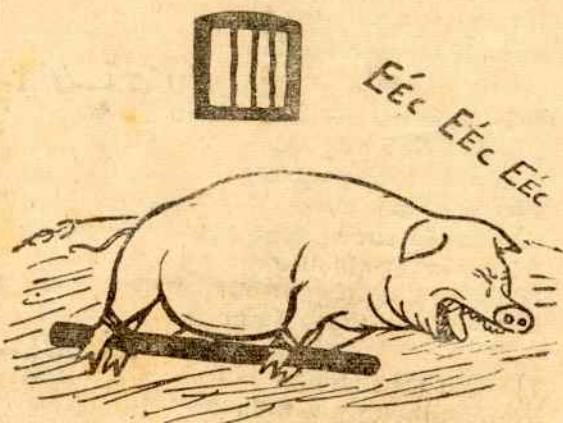
(8) Riêng Việt Nam Cộng Hòa được an ninh thịnh vượng. Súng đồng hỏa chủng chỉ nổ tượng trưng bán những lá phiếu diệt Cộng, bầu Quốc Hội thứ hai.



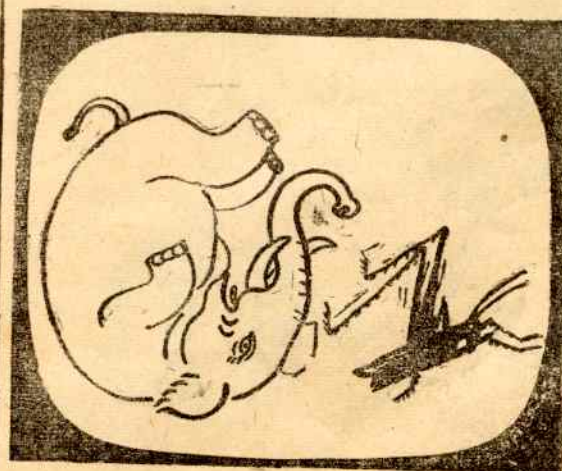
(9) Nền dân chủ tiến mạnh. Phụ nữ thường dân cũng làm nên chức Thư ký Quốc Hội. Bà này kẻ ra làm đến Chủ Tịch hay phó Chủ Tịch Quốc Hội cũng thừa sức nhưng chỉ vì muốn tránh tỵ hiềm, nam nữ thụ thụ bất thân, nên thích làm Tổng thư ký hơn, khỏi phải sánh vai với ai.



(10) Phụ Nữ Việt Nam nhờ luật mới dành quyền bình đẳng với nam nhi, cả đến các môn thể thao. Xưa ta có câu : Con gái 17 bẻ gãy sừng... « trâu ». Nay đàn bà nọ đồng công làm mạnh mới nên chuyện.



(11) Đáng thương cho những hạm heo. Năm rồi chẳng qua là năm hạn. Nếu qua ngày ba mươi mà không bị cạo thì còn hi vọng... bị cạo trong năm mới.



(12) Báo Tự Do được vô can trong vụ kiện « châu châu đá voi » vì trọng (Sư) báo rằng cả châu lẫn voi đều không có trong số mười hai... can.

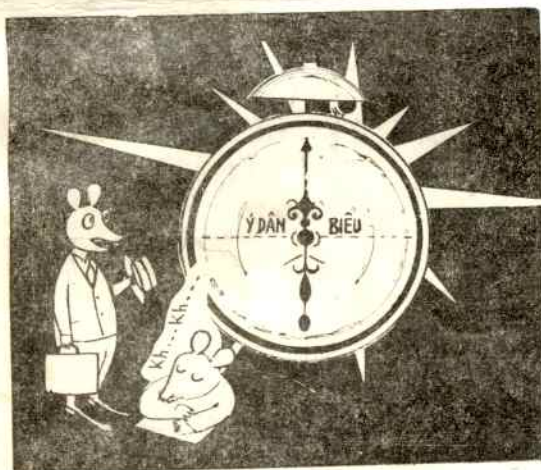
Tư Do CƯỜI...

Tổng cựu nghênh tân



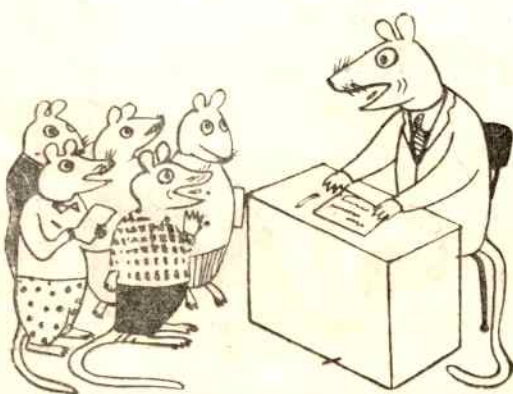
Kỷ Hội nói với Canh Tý: Thế là tôi hi sinh xương máu bây giờ để anh hưởng nhè! Cu xong!

Phát Minh



Dân-y-biểu giúp các ông nghị biết dân ý, lại thêm chuông báo hiệu giờ ra về hoặc đánh thức ông nào « quá giấc ».

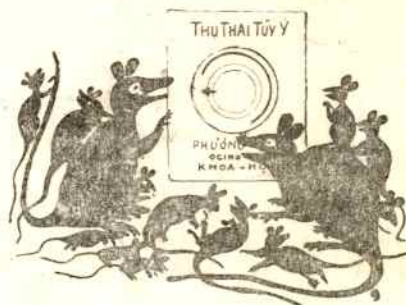
Ngôn luận



- Cái gì độc nhứt của loài người?
- Nhân ngôn.

NĂM CANH TÝ SẼ ĐEM LẠI CHO CHÚNG TA NHỮNG GÌ ?

LÃ-KHẮC-TÂN



Sản xuất tăng gia. Chính phủ chưa ra luật nào có hiệu quả về mặt này.

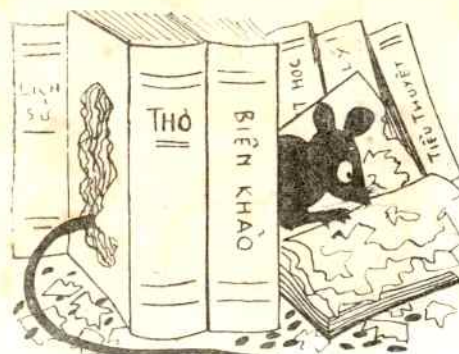
THỊ TRƯỞNG TRÚNG KHOẢN

BẢNG CHUYÊN VIÊN NGUYỄN TỬ CỤC	200	O
CỦ NHÂN ĐẠO ĐỨC PHỔ THÔNG	100	T
THẠC SĨ VĂN KHOA NGOẠI NGỮ	10000	Q
NHÂN SĨ	87	B
DANH DỰ BỘI TÌNH	8501	G
HÀM ĐỐC PHỦ	9000	Đ
THẠC NÔNG SƠN	60	N

Thị trường « trúng » khoản. Những giá trị tinh thần dân tộc được trả giá rất cao.



Tiêu thụ: Sáng dầu như nước, thịt chất lên như núi. Nhờ đó Ngôn sách rồi rào.



Văn học phát triển mạnh. Môn khảo cứu thịnh hành nhứt.

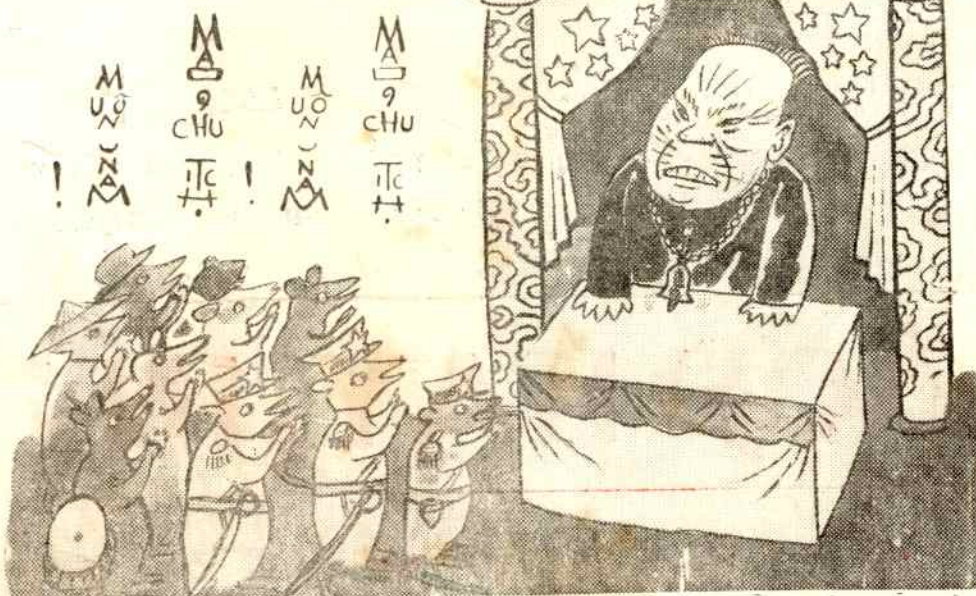


Khẩu hiệu « tiết kiệm » càng làm tôn vẻ đẹp của những đường... Canh tý.



Và suốt năm dù muốn hay không, bà con vẫn tý toe tý toét cười vì lý do dân dị là: năm nay... năm Canh Tý.

Tiếp theo Thơ ngụ ngôn « Hội Đồng Chuột » của La Fontaine



« Hội Đồng Chuột » bế mạc với quyết định: bầu Mao đồng chí làm chủ tịch, như vậy vấn đề ai « đem chuông buộc cổ mèo » được giải quyết thỏa mãn.

CƠ SỞ BẢO CHÍ VÀ XUẤT BẢN TỰ DO

1959

(MỖI THÁNG XUẤT BẢN 1 CUỐN)

1) Biểu nhất lãm Văn học cận đại
Biên khảo của THANH-LĂNG **Giá 40\$**

2) Mưa đêm cuối năm
Truyện dài của VÕ-PHIẾN **Giá 22\$**

3) Quan điểm về mấy vấn đề văn hóa
Tiểu luận của PHẠM-VIỆT-TUYÊN **Giá 30\$**

4) Hoàng Lê nhất thống chí
Nguyên văn của Ngô Thì Chí
Bản dịch của NGÔ-TẤT-TỐ **Giá 55\$**

5) Dì Mơ
Truyện dài của ĐỖ-THỨC-VỊNH **Giá 40\$**

6) Trước vành móng ngựa
Phóng sự của HOÀNG-ĐẠO (in lần thứ hai) **Giá 30\$**

7) Liêu trai chí dị
Nguyên tác của Bồ Tùng Linh
NGUYỄN HOẠT dịch **Giá 40\$**

8) Luân lý chức nghiệp
Biên khảo của cụ NGUYỄN-GIA-TƯỜNG **Giá 20\$**

9) Dòng sông định mệnh
Truyện dài của DOÃN-QUỐC-SỸ **Giá 22\$**

10) Người Xưa
(Giải thưởng văn chương 1957)
của TRẦN-ĐÌNH-KHẢI **Giá 40\$**

11) Mười điều tâm niệm
Tiểu luận của HOÀNG-ĐẠO **Giá 12\$**

12) Kim tiền
Kịch của VI-HUYỀN-ĐẮC **Giá 20\$**

1960

(MỖI THÁNG SẼ XUẤT BẢN 2 CUỐN)

1) Anh Hoa
Thơ của PHẠM-MẠNH-VIỆN

2) Giai nhân và Chân lý
Tiểu thuyết của LA-VĂN-THU

3) Từ Tinh vân đến Con Người
Biên khảo của NGUYỄN-TUÂN

4) Nhạc sỹ danh tiếng hiện đại
Phê bình của LÊ-HOÀNG-LONG

5) Phương Đình Di Địa chí
Nguyên tác của Nguyễn Siêu,
bản dịch của cụ NGÔ-MẠNH-NGHINH

**6) Một người đàn ông,
Một người đàn bà**
Truyện dài của NGUYỄN-HOẠT

7) Tội tự học
Biên khảo của NGUYỄN-DUY-CÀN

8) Saigon Xưa và Nay
Biên khảo của VƯƠNG-HỒNG-SẼN

9) Nhập Đô thành
Kịch thơ lịch sử của HOÀNG-LY TRƯỞNG-LINH-TỬ

10) Một lời hứa
Truyện dài của cô TUYẾT-HƯƠNG

11) Ác Mộng
Truyện dài của NGÔ-XUÂN-PHỤNG

12) Một tâm hồn trong trắng
Nguyên tác của CHARLES DICKENS
CAO-VĂN-THÁI dịch

Và nhiều tác phẩm khác của các nhà văn nghệ, khảo cứu,
cùng kỹ thuật giàu kinh nghiệm hoặc đầy hứa hẹn.

SÁCH HAY, IN ĐẸP, GIÁ RẺ

IN TẠI NHÀ IN RIÊNG TỰ DO 25 — 27 — 29 VÕ TÁNH SAIGON

Chủ nhiệm kiêm Chủ bút : PHẠM - VIỆT - TUYÊN, Quản lý : KIỀU - VĂN - LÂN

Hộp thư số : 653 — Điện thoại : 25.521

DẤU CỎ-ĐỎNG

GIÁ 32\$

PHỤ BẢN KÈM THEO